NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 619 /HĐQT-NHCT-VPHĐQT1	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v: Công bố thông tin phát hành trái phiếu ra công chúng Đợt 1 (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 91/GCN-UBCKNN ngày 29/5/2023)	*Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2023*

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Mã chứng khoán: CTG
- Địa chỉ : 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 39421030
- Email: investor@vietinbank.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) công bố thông tin phát hành trái phiếu ra công chúng Đợt 1 như sau:

1. Thông báo phát hành trái phiếu ra công chúng Đợt 1 *(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 91/GCN-UBCKNN ngày 29/5/2023);*
2. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, kèm theo các phụ lục, bao gồm:
   - **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VietinBank số 0100111948 được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp lần đầu ngày 3/7/2009, được đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 8/9/2021;
   - **Phụ lục II:** Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank số 13/GP-NHNN được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/6/2022;
   - **Phụ lục III:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank, bản sửa đổi tháng 11/2021 *(tham khảo tại đường link: https://investor.vietinbank.vn, Mục "Quản trị doanh nghiệp" -> "Tài liệu quản trị" -> "Điều lệ ngân hàng");*
   - **Phụ lục IV:** Nghị quyết số 293/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/8/2022; Nghị quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/11/2022; Nghị quyết số 057/NQ-HĐQT-NHCT- VPHĐQT1 ngày 24/2/2023;

- **Phụ lục V:** Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021, 2022 *(đã kiểm toán)* và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý I/2023 tự lập của VietinBank *(tham khảo tại đường link: https://investor.vietinbank.vn, Mục "Tài liệu dành cho Nhà đầu tư" -> "Báo cáo tài chính");*
- **Phụ lục VI:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của VietinBank đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác theo quy định pháp luật;
- **Phụ lục VII:** Hợp đồng dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu cho đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 giữa VietinBank và Công ty CP Chứng khoán Vndirect.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank vào ngày 5/6/2023 tại đường dẫn https://investor.vietinbank.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Minh Bình

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP, VPHĐQT1.

Tài liệu đính kèm:
- Thông báo phát hành trái phiếu ra công chúng Đợt 1;
- Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng và các phụ lục đính kèm.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 992/TB-TGĐ-NHCT-KDVTT2	*Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2023*

THÔNG BÁO

Chào bán trái phiếu ra công chúng (Đợt 1)

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 91/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/05/2023)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
2. Tên viết tắt: VietinBank hoặc VIETINBANK
3. Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
4. Số điện thoại: 024 3941 8868 Số fax: 024 3942 1032 Website: www.vietinbank.vn
5. Vốn điều lệ: 48.057.506.090.000 đồng (*Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*).
6. Mã cổ phiếu: CTG, được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

   Số hiệu tài khoản: 224450200.
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021.

- Ngành nghề kinh doanh chính: "*Hoạt động trung gian tiền tệ*" - Mã ngành 6419, với hoạt động động kinh doanh chính là kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của VietinBank, phù hợp với các quy định của pháp luật, bao gồm:

  + Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
  + Cấp tín dụng dưới các hình thức: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và GTCG khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước.
  + Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
  + Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
  + Mở tài khoản: mở tài khoản tại NHNN; mở tài khoản tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

+ Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

+ Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

+ Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

+ Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các GTCG khác trên thị trường tiền tệ.

+ Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

+ Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các TCTD, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN.

+ Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN và hướng dẫn của NHNN.

+ Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.

+ Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.

+ Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.

+ Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

+ Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.

+ Lưu ký chứng khoán.

+ Kinh doanh vàng miếng.

+ Ví điện tử.

+ Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

+ Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

- Sản phẩm, dịch vụ chính:

+ Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng cá nhân: *tiền gửi; cho vay; thanh toán; dịch vụ thẻ; dịch vụ ngân hàng số; dịch vụ kiều hối; mua bán ngoại tệ, bảo hiểm...*;

+ Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp: *tiền gửi; cho vay; thanh toán, quản lý dòng tiền; bảo lãnh, chiết khấu, tài trợ chuỗi cung ứng và bao thanh toán ngược, thanh toán và quản lý dòng tiền; thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn; dịch vụ ngân hàng điện tử; dịch vụ thẻ; các dịch vụ về bảo hiểm...*

9. Giấy phép thành lập và hoạt động: số 13/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/06/2022.

II. Mục đích chào bán

Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu ra công chúng của VietinBank là để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu).

III. Phương án chào bán

A. Thông tin chung về các đợt chào bán

VietinBank đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái phiếu ra công chúng số 91/GCN-UBCK ngày 29/05/2023 với các thông tin cụ thể như sau:

1. Loại chứng khoán: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định của pháp luật hiện hành
2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (Một trăm nghìn đồng/trái phiếu)
3. Tổng số lượng trái phiếu chào bán ra công chúng: 90.000.000 trái phiếu (Chín mươi triệu trái phiếu) được chia thành 02 Đợt:

- Đợt 1: 20.000.000 Trái Phiếu CTG2230T2/01 và 30.000.000 Trái Phiếu CTG2232T2/01;
- Đợt 2: 15.000.000 Trái Phiếu CTG2230T2/02 và 25.000.000 Trái Phiếu CTG2232T2/02.

B. Thông tin về Trái phiếu chào bán ra công chúng Đợt 1

1. Tên trái phiếu:

- Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm
- Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm

2. Loại trái phiếu: là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Mã trái phiếu Đợt 1:

- Mã Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm: CTG2230T2/01
- Mã Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm: CTG2232T2/01

(Khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Trái Phiếu sẽ được VSDC cấp mã Trái Phiếu khác theo quy định của pháp luật hiện hành)

4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (một) Trái Phiếu.
5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán Đợt 1: 50.000.000 (năm mươi triệu) Trái Phiếu, cụ thể như sau:

STT	Mã trái phiếu	Tổng số lượng trái phiếu chào bán (Trái phiếu)
1	CTG2230T2/01	20.000.000
2	CTG2232T2/01	30.000.000
	Tổng cộng	**50.000.000**

Trường hợp Đợt 1 chưa phát hành hết khối lượng chào bán như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua chào bán trong Đợt 2 tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu.

6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá Đợt 1: 5.000.000.000.000 (Năm nghìn tỷ) đồng, cụ thể như sau:

STT	Mã trái phiếu	Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá (Tỷ đồng)
1	CTG2230T2/01	2.000
2	CTG2232T2/01	3.000
	Tổng cộng	**5.000**

7. Kỳ hạn trái phiếu:

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn
1	CTG2230T2/01	08 (tám) năm
2	CTG2232T2/01	10 (mười) năm

8. Lãi suất:

Lãi suất của các Trái Phiếu (**"Lãi Suất Trái Phiếu"**) là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ), áp dụng cho toàn bộ thời hạn của Trái Phiếu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo công thức như sau:

- **Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm (CTG2230T2/01) = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,2%/năm.**
- **Lãi Suất Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm (CTG2232T2/01) = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,3%/năm**.

Trong đó:

"Lãi Suất Tham Chiếu": là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân

"Ngày Xác Định Lãi Suất" là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

9. Kỳ trả lãi: Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi Trái Phiếu, là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu trong suốt thời hạn Trái Phiếu.

10. Giá chào bán: **100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (một) Trái Phiếu.**

11. Phương thức phân phối: VietinBank phân phối và bán Trái Phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư thông qua hệ thống các Chi nhánh và Phòng giao dịch của VietinBank trên toàn quốc.

12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu của nhà đầu tư: là **100 (một trăm) Trái Phiếu**, tương đương **10.000.000 (mười triệu) đồng** theo mệnh giá Trái Phiếu. *Để tránh hiểu lầm*, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu tối thiểu là 100 (một trăm) Trái Phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái Phiếu.

13. Thời gian nhận đăng ký mua: **từ ngày 08/06/2023 đến ngày 20/07/2023**

14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:

Tại các Chi nhánh, Phòng giao dịch của VietinBank trên toàn quốc. Chi tiết thông tin địa điểm của các Chi nhánh, Phòng giao dịch của VietinBank được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của VietinBank theo đường dẫn: https://www.vietinbank.vn/vn/lien-he/mang-luoi-chi-nhanh/.

15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: **từ ngày 08/06/2023 đến ngày 20/07/2023**

16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu:

- Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Số tài khoản: 12211000003125
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

17. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:

Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank và các tài liệu khác có liên quan được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của VietinBank theo đường dẫn: https://investor.vietinbank.vn/Filings.aspx và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam: https://www.cts.vn

IV. Các tổ chức liên quan

1. Tổ chức tư vấn phát hành:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

2. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính:

➢ ***Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2021:***

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3831 5100 Fax: 024. 3831 5090 Website: www.ey.com/vi_vn

➢ ***Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022:***

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024. 7105 0000 Fax: 024. 6288 5678 Website: www.deloitte.com/vn

3. Đại diện người sở hữu trái phiếu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect

Trụ sở chính: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 39724568 Fax: 024. 39724600

Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2023

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Lê Duy Hải

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...91.../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29. tháng 5... năm 2023

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ...../...../2023 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

Website: www.vietinbank.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

Website: www.cts.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: **Ông Trần Minh Bình**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Điện thoại: 1900 558868 / 024. 3941 8868 Fax: 024. 3942 1032

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Dưới đây là các thông tin tóm tắt về một số điều khoản và điều kiện chính của Trái Phiếu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chào bán ra công chúng theo Bản Cáo Bạch này

Tên trái phiếu:	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm
Loại trái phiếu:	Là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định pháp luật hiện hành.
Mệnh giá:	100.000 (Một trăm nghìn) Đồng/01 (một) Trái Phiếu.
Tổng số lượng trái phiếu chào bán:	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm: 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) Trái phiếu ○ Đợt 1: 20.000.000 (hai mươi triệu) Trái Phiếu; ○ Đợt 2: 15.000.000 (mười lăm triệu) Trái Phiếu. Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm: 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) Trái Phiếu ○ Đợt 1: 30.000.000 (ba mươi triệu) Trái Phiếu; ○ Đợt 2: 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) Trái Phiếu.
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá:	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm: 3.500 (Ba nghìn năm trăm) tỷ đồng. ○ Đợt 1: 2.000 (hai nghìn) tỷ đồng; ○ Đợt 2: 1.500 (một nghìn năm trăm) tỷ đồng. Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm: 5.500 (Năm nghìn năm trăm) tỷ đồng. ○ Đợt 1: 3.000 (ba nghìn) tỷ đồng; ○ Đợt 2: 2.500 (hai nghìn năm trăm) tỷ đồng.
Kỳ hạn trái phiếu:	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm: có kỳ hạn 8 (tám) năm kể từ Ngày Phát Hành. Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm: có kỳ hạn 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành.
Lãi suất	▪ Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm = Lãi Suất Tham Chiếu + **1,2%/năm**. ▪ Lãi Suất Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm = Lãi Suất Tham Chiếu + **1,3%/năm**. Trong đó: "*Lãi Suất Tham Chiếu*": là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 04 ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân "*Ngày Xác Định Lãi Suất*" là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

*Để nắm rõ đầy đủ và biết thêm các thông tin chi tiết liên quan tới Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Quý nhà đầu tư vui lòng xem nội dung tại **Mục VI** có tiêu đề **"Thông tin về đợt chào bán"** và các nội dung khác liên quan có trong Bản Cáo Bạch này.*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- ***Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2021:***

  Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

  Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

  Điện thoại: 024. 3831 5100 Fax: 024. 3831 5090 Website: www.ey.com/vi_vn

- ***Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022:***

  Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

  Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

  Điện thoại: 024. 7105 0000 Fax: 024. 6288 5678 Website: www.deloitte.com/vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760 Website: www.cts.vn

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3972 4568 Fax: 024. 3972 4600 Website: www.vndirect.com.vn

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 6

1. Tổ Chức Phát Hành 6
2. Tổ Chức Tư Vấn 6

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 7

1. Rủi ro về kinh tế 7
2. Rủi ro về luật pháp 8
3. Rủi ro đặc thù 9
4. Rủi ro về đợt chào bán 14
5. Rủi ro quản trị công ty 15
6. Các rủi ro khác 15

III. CÁC KHÁI NIỆM 16

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 18

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành 18
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành 19
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành 24
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành 26
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 31
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành 34
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành 36
8. Hoạt động kinh doanh 40
9. Thông tin về cổ đông lớn 70
10. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng 72
11. Chính sách trả cổ tức 96
12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại 96
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành 96
14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 97
15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 97

V. KẾT QUẢ HĐKD, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 98

1. Kết quả HĐKD 98
2. Tình hình tài chính 106
3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành 113
4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm 113
5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận 114
6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo 115

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN 116

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN 116

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI 117
3. TÊN GỌI VÀ MÃ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN 119
4. LOẠI TRÁI PHIẾU VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ CỦA TRÁI PHIẾU 119
5. MỆNH GIÁ 119
6. TỔNG SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN THEO MỆNH GIÁ 120
7. KỲ HẠN (THỜI HẠN) TRÁI PHIẾU 120
8. LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU 120
9. KỲ HẠN TRẢ LÃI, TRẢ GỐC TRÁI PHIẾU 121
10. GIÁ CHÀO BÁN 123
11. THỨ TỰ ƯU TIÊN THANH TOÁN TRÁI PHIẾU TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC PHÁT HÀNH MẤT KHẢ NĂNG TRẢ NỢ HOẶC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG 123
12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU 123
13. ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU 125
14. CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM 126
15. ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ 126
16. ĐẠI LÝ THANH TOÁN VÀ VIỆC THANH TOÁN LÃI TRÁI PHIẾU 126
17. VIỆC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU 127
18. VIỆC MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN 128
19. SỰ KIỆN VI PHẠM 128
20. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI 129
21. ĐĂNG KÝ MUA TRÁI PHIẾU 130
22. THỜI GIAN CHÀO BÁN VÀ LỊCH TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI TRÁI PHIẾU .130
23. TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA TRÁI PHIẾU 133
24. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 133
25. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN 134
26. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC 135
27. THÔNG TIN VỀ CÁC CAM KẾT 137
28. LUẬT ĐIỀU CHỈNH 139
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 139
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 139
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN 141
X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 142
XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN 143
XII. PHỤ LỤC 145

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Phát Hành

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ông **Trần Minh Bình** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông **Nguyễn Hoàng Dũng** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành**

(theo Quyết định số 688/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 ngày 07/09/2021 của HĐQT VietinBank v/v giao nhiệm vụ phụ trách Ban Điều hành VietinBank, Ông Nguyễn Hoàng Dũng thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ tổ chức hoạt động của VietinBank và hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của VietinBank, kể từ ngày 07/09/2021 cho đến khi có quyết định khác thay thế).

Ông **Nguyễn Hải Hưng** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Tư Vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ông **Phạm Ngọc Hiệp** Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

(Theo ủy quyền tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 186/2022/NQ-HĐQT-CKCT ngày 22/12/2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và Giấy ủy quyền số 34/2022/UQ-CKCT ngày 22/12/2022 của Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ số 02/2023/TVTP/VIETINBANK SECURITIES-VIETINBANK ngày 21/02/2023 ký kết với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả, liệt kê dưới đây, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. HĐKD, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả, liệt kê dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách tại Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả HĐKD và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành

Môi trường kinh doanh và sự tăng trưởng của nền kinh tế được coi là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế: khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong những năm qua đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận và đánh giá cao. Những cải cách kinh tế và chính trị từ giai đoạn đổi mới bắt đầu từ năm 1986 đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, giúp Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo trên thế giới đã trở thành một quốc gia có thu nhập trung bình. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam trong 10 năm gần đây (giai đoạn 2012-2021) đạt 5,6%/năm, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Mặc dù vậy, Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả HĐKD và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Theo Tổng cục Thống kê, ước tính GDP năm 2022 tăng 8,02% (quý I tăng 5,05%; quý II tăng 7,83%; quý III tăng 13,71%; quý IV tăng 5,92%) so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%, đóng góp 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24%; khu vực dịch vụ tăng 9,99%, đóng góp 56,65%.

Báo cáo "Kinh tế Việt Nam năm 2022, triển vọng năm 2023" của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương công bố mới đây đã đưa ra 2 kịch bản tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2023. Cụ thể, kịch bản thứ nhất, tăng trưởng GDP đạt 6,47%; lạm phát bình quân 4,08%; tăng trưởng xuất khẩu 7,21% và cán cân thương mại là 5,64 tỷ USD. Kịch bản thứ hai tích cực hơn khi tăng trưởng GDP tăng 6,83%; lạm phát 3,69%; tăng trưởng xuất khẩu 8,43% và cán cân thương mại là 8,15 tỷ USD.

Hết quý I/2023, GDP cả nước ước tính tăng 3,32% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 3,21% của quý I/2020 trong giai đoạn 2011-2023. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,52%, đóng góp 8,85% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 0,4%, làm giảm 4,76%; khu vực dịch vụ tăng 6,79%, đóng góp 95,91%. Cũng theo Tổng cục thống kê, về hoạt động ngân hàng tính đến thời điểm 20/03/2023, tổng phương tiện thanh toán tăng 0,57% so với cuối năm 2022, huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 0,77%, tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 1,61%. Về thị trường chứng khoán, tính chung quý I/2023, giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 11.437 tỷ đồng/phiên, giảm 43,3% so với bình quân năm 2022; giá trị giao dịch bình quân trên thị trường trái phiếu đạt 4.740 tỷ đồng/phiên, giảm 38,3%.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của Tổ Chức Phát Hành

Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế

lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 05 năm gần nhất (giai đoạn 2017-2021) tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân các năm so với năm trước có xu hướng giảm và duy trì ở mức dưới 4% từ mức 3,53% năm 2017 xuống còn 1,84% năm 2021.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt khi nền kinh tế được dự báo có thể tăng trưởng nhanh trở lại. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành gia tăng. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách kiểm chế lạm phát một cách quyết liệt và mạnh mẽ, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá của một số mặt hàng và sản phẩm do Chính phủ quản lý, kiểm soát.

Năm 2021, CPI bình quân tăng 1,84% so với năm 2020. Bình quân năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,81% so với năm 2020 và là mức thấp nhất kể từ năm 2011. Tuy nhiên, trong năm 2022, khi các hoạt động kinh tế trở lại bình thường, áp lực về lạm phát của Việt Nam đang có xu hướng gia tăng do những ảnh hưởng đến từ lạm phát chuỗi cung ứng, giá nguyên, nhiên vật liệu thế giới tăng cao, đặc biệt là tình trạng bất ổn của giá dầu toàn cầu do cuộc chiến Nga – Ukraine và tổng cầu trong nước tăng đột biến.

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng.

Quý I/2023, CPI tăng 4,18% so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng quý I/2023 tăng 7,17% do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào và giá thuê nhà ở tăng cao. Giá các mặt hàng thực phẩm tăng 4,41% chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng trong dịp Tết Nguyên đán tăng. Học phí giáo dục tăng 10,13% do một số địa phương đã tăng học phí trở lại sau khi đã miễn, giảm học phí trong năm học 2021-2022 để chia sẻ khó khăn với người dân trong đại dịch.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về pháp luật là các rủi ro xảy ra khi mà các quy định pháp luật hiện hành và/hoặc các quy định pháp luật mới được ban hành không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đáp ứng đòi hỏi với tình hình thực tiễn, xu thế của thị trường và gây ra các khó khăn, trở ngại, vướng mắc cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp và làm doanh nghiệp phải đối mặt với các chi phí và thiệt hại phát sinh do các tranh chấp pháp lý. Hiện nay, Việt Nam vẫn đang trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tổ chức và hoạt động của TCTD tại Việt Nam, trong đó có VietinBank. Trong thời gian vừa qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới đã được ban hành nhằm hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung, thay thế các luật cũ đã không còn phù hợp như (Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Dân sự, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư...). Đồng thời, Chính phủ và các bộ, ngành (trong đó có NHNN) cũng ban hành nhiều Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành các văn bản pháp luật liên quan. Tuy nhiên, với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể thấy hệ thống pháp luật về TCTD tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để đảm đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Tại VietinBank, công tác QLRR pháp lý/luật pháp luôn được ưu tiên hàng đầu nhằm nhận diện, đánh giá, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất, ảnh hưởng bất lợi đến HĐKD và quản trị nội bộ của VietinBank, cụ thể như sau:

- VietinBank đã xây dựng hệ thống văn bản chính sách nội bộ quy định về các nguyên tắc, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, bộ mẫu biểu hợp đồng phải tuân thủ trong quá trình thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống; hệ thống văn bản chính sách được rà soát đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật trước khi ban hành và hệ thống hóa, pháp điển hóa định kỳ để đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp trong quá trình triển khai văn bản.

- Bộ phận Pháp chế tại VietinBank chịu trách nhiệm tư vấn toàn diện các vấn đề pháp lý theo quy định pháp luật Việt Nam đối với hoạt động tổ chức, quản lý và HĐKD, phù hợp với quy định pháp luật; tối đa hóa quyền và lợi ích hợp pháp của VietinBank; cử đại diện tố tụng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của VietinBank trong các hoạt động tố tụng mà VietinBank là một bên tham gia.

- Bộ phận Tuân thủ tại VietinBank có trách nhiệm quản lý thay đổi văn bản chính sách nội bộ trong hệ thống VietinBank; phòng chống rửa tiền/tài trợ khủng bố/cấm vận; phòng chống gian lận, tuân thủ Đạo luật tuân thủ thuế đối với các tài khoản ở nước ngoài của Mỹ (*Foreign Account Tax Compliance Act – FATCA*) và quản lý tuân thủ các cam kết quốc tế khác, cam kết với cổ đông chiến lược, đối tác; quản lý xung đột lợi ích; bảo vệ quyền lợi khách hàng; bảo mật thông tin khách hàng; phòng chống tham nhũng và các vấn đề tuân thủ khác theo quy định của VietinBank đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật, xây dựng kế hoạch, chương trình triển khai công tác giám sát, quản lý tuân thủ trên toàn hàng định kỳ hoặc đột xuất nhằm giảm thiểu, ngăn chặn rủi ro phát sinh.

- VietinBank luôn chủ động nghiên cứu, tham gia góp ý dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng để nắm bắt các thay đổi của chính sách pháp luật và định hướng HĐKD cho phù hợp; đồng thời kiến nghị với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để quy định chi tiết, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động ngân hàng.

- Công tác đào tạo, phổ biến, tuyên truyền quy định pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng luôn được chú trọng để nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật của từng cán bộ trong toàn hệ thống.

- Đối với các giao dịch có giá trị lớn, phức tạp hoặc có liên quan đến yếu tố nước ngoài, VietinBank thường chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo tính pháp lý của giao dịch phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng.

Trong năm 2021, những diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 đã tác động tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế. HĐKD của rất nhiều khách hàng vay vốn tại VietinBank gặp khó khăn, tiềm ẩn rủi ro phát sinh nợ xấu cho Ngân hàng. Trước tình hình đó, VietinBank đã chủ động tăng cường kiểm soát chất lượng nợ, nhận diện sớm các ngành/lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro để kịp thời triển khai các biện pháp phân luồng thu hồi xử lý nợ, giảm thiểu tổn thất cho Ngân hàng đồng thời triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua đại dịch như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, giải ngân mới, ưu đãi lãi suất...

Năm 2022, trong bối cảnh dịch COVID-19 được kiểm soát nhưng nền kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều diễn biến khó lường, để đảm bảo sự phục hồi và phát triển an toàn, hiệu quả, bền vững cho khách hàng, Ngân hàng cũng như nền kinh tế, VietinBank tăng cường kiện toàn, chuẩn hóa văn bản chính sách hướng tới thông lệ quốc tế và tiếp tục tận dụng các thành tựu của việc chuyển đổi số trong công tác QTRR tín dụng từ cấp độ tổng thể đến cấp độ giao dịch. VietinBank cũng đồng thời triển khai mạnh mẽ các biện pháp hạn chế nợ xấu mới phát sinh, tăng cường cải thiện chất lượng danh mục và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Ngoài ra, VietinBank tiếp tục ưu tiên đầu tư cải tiến hệ thống CNTT hỗ trợ công tác quản lý danh mục

tín dụng, cảnh báo sớm khách hàng tiềm ẩn rủi ro, phân luồng thu hồi xử lý nợ.

b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- *Rủi ro lãi suất* là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng;
- *Rủi ro ngoại hối* là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng;
- *Rủi ro giá cổ phiếu* là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của Ngân hàng;
- *Rủi ro giá hàng hóa* là rủi ro do biến động bất lợi của giá hàng hóa trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hóa, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hóa của Ngân hàng.

Trước những diễn biến khó lường của thị trường tài chính trong nước và quốc tế do tác động của đại dịch COVID-19, VietinBank tiếp tục chú trọng giám sát chặt chẽ và kiểm soát kịp thời rủi ro thị trường trong quá trình kinh doanh.

Chiến lược QLRR thị trường được thiết lập gồm mục tiêu và các biện pháp kiểm soát phù hợp gắn liền với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank, đảm bảo HĐKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Mô hình 3 tuyến bảo vệ trong QLRR thị trường tiếp tục phát huy tốt với sự tham gia của Phòng Kinh doanh vốn, Phòng QLRR thị trường và Phòng Kiểm toán nội bộ. Hệ thống chính sách, quy định và phương pháp luận về QLRR thị trường, QLRR tập trung trong giao dịch tự doanh được rà soát cập nhật kịp thời phù hợp với thực tiễn thị trường và HĐKD của VietinBank, đáp ứng thông lệ Basel II và các yêu cầu của cơ quan quản lý. Nhằm kiểm soát rủi ro thị trường, VietinBank thiết lập khẩu vị và hạn mức rủi ro thị trường gồm các chỉ số như: lãi/lỗ theo giá thị trường, trạng thái, hạn mức giá trị chịu rủi ro (Value at Risk - VaR), Hạn mức độ nhạy đối với sự thay đổi của lãi suất (PV01), hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung. Các chỉ số được đo lường giám sát, báo cáo hàng ngày, kịp thời cảnh báo nguy cơ rủi ro phát sinh vượt ngưỡng chấp nhận của VietinBank và có biện pháp xử lý giảm thiểu rủi ro. Bên cạnh đó, định kỳ phân tích mức tổn thất trong điều kiện căng thẳng, mức vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường và backtest các mô hình đo lường rủi ro thị trường để đảm bảo đánh giá chính xác mức độ rủi ro tiềm ẩn.

Từ năm 2013, VietinBank đã triển khai hệ thống Treasury Murex nhằm thực hiện nhập, phê duyệt và quản lý giao dịch kinh doanh vốn và thị trường thông suốt cả 03 cấu phần Front Office, Middle Office, Back Office. Năm 2021, VietinBank đã chủ động xây dựng và cải tiến các hệ thống như RWA – tính toán vốn yêu cầu cho các rủi ro trọng yếu, hệ thống Treasury Transaction Monitoring - hỗ trợ giám sát sau giao dịch kinh doanh vốn, hệ thống Vision Commodity - quản lý giao dịch phái sinh hàng hóa của VietinBank.

VietinBank quy định toàn bộ trạng thái ngoại tệ phát sinh được tập trung về quản lý tại Trụ sở chính thông qua phòng đầu mối là Phòng Kinh doanh vốn thuộc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường. Ngân hàng thiết lập các hạn mức về trạng thái tiền tệ với từng đồng tiền, các hạn mức dừng lỗ, hạn mức giá trị chịu rủi ro VaR... nhằm kiểm soát rủi ro phù hợp với mức độ chấp nhận của Ngân hàng và tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý. Hệ thống Treasury Murex 3 đã được triển khai ứng dụng thành công, cho phép thống tin giao dịch và trạng thái rủi ro được ghi nhận đầy đủ, minh bạch, cập nhật thường xuyên lợi nhuận theo giá trị thị trường và tình hình sử dụng hạn mức rủi ro, hỗ trợ ra quyết định nhằm đảm bảo HĐKD của Vietinbank an toàn, hiệu quả.

Trong hoạt động huy động vốn và cho vay bằng ngoại tệ, VietinBank thực hiện đo lường, phân tích và dự báo các luồng tiền ngoại tệ vào/ra trong hệ thống làm cơ sở thiết lập kế hoạch vốn kinh doanh theo từng loại tiền tệ, theo đó dư nợ cho vay ngoại tệ của Ngân hàng được tài trợ tối đa bởi nguồn vốn huy động ngoại tệ cùng đồng tiền. Lượng nguồn ngoại tệ dư thừa/thiếu hụt tạm thời (nếu phát sinh) được đầu tư hoặc hoán đổi ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng để tăng hiệu quả sử dụng vốn đồng thời giảm thiểu rủi ro ngoại hối.

c) Rủi ro lãi suất trên Sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất (RRLS) trên Sổ ngân hàng, phát sinh do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Ngân hàng. VietinBank có thể gặp bất lợi về thu nhập lãi thuần (NII) và giá trị kinh tế VCSH (*Economic Value of Equity - EVE là giá trị hiện tại ròng giữa dòng tiền vào của tài sản tài chính và dòng tiền ra của nợ phải trả trên cả nội bảng và ngoại bảng thuộc Sổ Ngân hàng*) khi lãi suất tăng tại các thang kỳ hạn đến 1 tháng và 6 tháng-12 tháng (*số dư nợ phải trả chịu lãi suất tăng lớn hơn số dư tài sản có lãi suất tăng*) và/hoặc lãi suất giảm tại các thang kỳ hạn còn lại.

Nhằm kiểm soát chênh lệch kỳ hạn định giá lại, kiểm soát mức độ tác động của thay đổi lãi suất tới NII và EVE của VietinBank trong phạm vi cho phép, VietinBank đã áp dụng chính sách quản lý tập trung tại Trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Cụ thể, VietinBank đã thiết lập quy định, quy trình quản lý RRLS trên Sổ ngân hàng; quản lý chênh lệch kỳ hạn định giá lại lãi suất, thiết lập hạn mức đối với chênh lệch kỳ hạn định giá lại, thay đổi NII và EVE; đồng thời sử dụng các sản phẩm phái sinh phù hợp nhằm kiểm soát rủi ro ở cấp độ danh mục. Hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ (FTP) cho phép VietinBank quản lý tập trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính, cung cấp tự động các báo cáo chênh lệch kỳ hạn định giá lại, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất…

Mức độ RRLS và tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức RRLS được phân tích báo cáo Ban lãnh đạo tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO hàng tháng nhằm kịp thời nhận diện xu hướng thay đổi cơ cấu chênh lệch kỳ hạn định giá lại, mức độ tác động tới NII/EVE và kịp thời có những điều chỉnh để đảm bảo thực hiện mục tiêu lợi nhuận của Ngân hàng.

Ở cấp độ giao dịch, VietinBank áp dụng các điều khoản phòng ngừa RRLS trong các hợp đồng tín dụng nhằm đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động bất thường của thị trường; xác định lãi suất cho vay phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng, điều hành lãi suất thông qua công cụ giá mua bán vốn nội bộ (FTP) tùy theo định hướng hoạt động của Ngân hàng và diễn biến thị trường.

d) Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động (RRHĐ) là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng (bao gồm cả rủi ro pháp lý). RRHĐ không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng.

Đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trên cả nước, gây ra nhiều khó khăn thách thức trong công tác quản trị RRHĐ tại VietinBank. Với định hướng vừa đảm bảo sức khỏe cho cán bộ nhân viên, vừa duy trì - phát triển kinh doanh bền vững, VietinBank luôn bám sát tình hình dịch bệnh trên cả nước và chủ động chỉ đạo các đơn vị kích hoạt các kế hoạch ứng phó: (i) Phân tách; (ii) làm việc theo ca; (iii) nghỉ phép bắt buộc và (iv) "3 tại chỗ". Đặc biệt, ngay khi Chính phủ Việt Nam chuyển hướng chiến lược phòng chống dịch sang "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19", VietinBank đã nhanh chóng thiết lập và ứng dụng kịch bản theo từng cấp độ, đảm bảo phù hợp với định hướng phòng, chống dịch theo chiến lược mới, phát huy tối đa hiệu quả, duy trì HĐKD ổn định trong toàn hệ thống.

Thực tế cho thấy COVID-19 đã tác động mạnh mẽ và là tác nhân đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số - hiện đại hóa ở hầu hết các lĩnh vực. Tại mảng quản lý RRHĐ, VietinBank đã thực hiện triển khai nâng cấp hệ thống "Hồ sơ rủi ro (Risk Profile) mảng RRHĐ lên phiên bản 2.0" nhằm tối ưu khả năng

hỗ trợ người dùng, tính thực thi nhanh và hiệu quả công việc, cung cấp thông tin đa chiều về thực trạng quản lý rủi ro, phục vụ công tác chỉ đạo và định hướng kinh doanh.

Ngoài ra, xu hướng phát triển mạnh mẽ SPDV có hàm lượng công nghệ cao cũng như tăng cường hợp tác/thuê ngoài các bên thứ ba hiện nay có thể làm gia tăng các RRHD liên quan ứng dụng công nghệ, hợp tác bên thứ ba. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, VietinBank ngày càng tập trung đẩy mạnh công tác rà soát, đánh giá rủi ro xuyên suốt các giai đoạn và chủ động đề xuất các biện pháp ứng xử phù hợp, đồng thời liên tục cải tiến nâng cấp hệ thống, tăng cường khả năng bảo mật của các giải pháp số nhằm giám sát, phát hiện sớm rủi ro gian lận cũng như ngăn chặn tội phạm an ninh mạng tấn công.

e) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

VietinBank thực hiện chiến lược QLRR thanh khoản với các mục tiêu chính như: duy trì đủ tài sản có tính thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và có diễn biến bất lợi về thanh khoản; chiến lược nguồn vốn đảm bảo đa dạng hoá về kênh huy động và cấu trúc kỳ hạn, phù hợp với cơ cấu kỳ hạn sử dụng nguồn; tăng cường các nguồn vốn có chi phí hợp lý như tiền gửi không kỳ hạn (*Current Account Savings Account – CASA*), nguồn tiền gửi Kho bạc Nhà nước; kết hợp linh hoạt khai thác nguồn vốn từ thị trường liên ngân hàng; thiết lập, mở rộng giới hạn và quan hệ giao dịch với các TCTD khác để tăng cường kênh huy động và sử dụng nguồn; định kỳ kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản nhằm đánh giá khả năng thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và xây dựng kế hoạch dự phòng thanh khoản.

Mô hình 3 tuyến bảo vệ được tiếp tục phát huy với Phòng Quản lý cân đối vốn đóng vai trò đầu mối phối hợp với Phòng Kinh doanh vốn và các đơn vị liên quan thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất; Phòng QLRR thị trường đóng vai trò tuyến bảo vệ thứ hai theo dõi giám sát độc lập, và Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba. Tình hình cân đối vốn và các chỉ tiêu an toàn thanh khoản, hạn mức rủi ro thanh khoản được theo dõi hàng ngày, giám sát chặt chẽ đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định của NHNN. Định kỳ hàng tháng, tại cuộc họp Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, tình hình cân đối vốn và thanh khoản, tình hình tuân thủ các chỉ số hạn mức rủi ro được rà soát, báo cáo và đề xuất định hướng điều hành cân đối vốn đảm bảo thanh khoản an toàn và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn.

Hệ thống quản lý tài sản Nợ - Có (ALM) được xây dựng theo thông lệ quốc tế, tiếp tục cung cấp tự động các báo cáo cân đối vốn và báo cáo dòng tiền để tính toán trạng thái thanh khoản hằng ngày của Ngân hàng, đồng thời phân tích, dự báo về tình hình thanh khoản trong tương lai. Qua đó, rủi ro thanh khoản của Ngân hàng được quản lý chặt chẽ theo từng đồng tiền chính (VND, USD, EUR) trên cơ sở phân tích nhu cầu thanh khoản, nguồn thanh khoản của từng HĐKD; cơ cấu Tài sản/Nợ phải trả và dòng tiền của các khoản mục nội bảng và ngoại bảng; khả năng tiếp cận thanh khoản trên thị trường.

f) Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do Ngân hàng có HĐKD tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro của Ngân hàng.

Kết thúc năm 2022, tổng dư nợ cho vay khách hàng (riêng) của VietinBank là 1.264 nghìn tỷ đồng và được phân bổ cho vay theo đa dạng, nhiều ngành nghề, lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: *Bán buôn, bán lẻ (chiếm 34,4% tổng dư nợ); Công nghiệp chế biến chế tạo (chiếm 21,1%); Thương mại, dịch vụ (chiếm 18,5%); Xây dựng (chiếm 6,8%); Sản xuất, phân phối điện, khí đốt và nước (chiếm 5,1%); Nông, lâm, thủy sản (chiếm 3,7%); Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc (chiếm 1,8%); Khai khoáng (chiếm 0,8%) và các ngành, lĩnh vực khác.*

Để phòng ngừa rủi ro tập trung, VietinBank xây dựng chiến lược QLRR tập trung dựa trên nguyên tắc đa dạng hóa danh mục tín dụng nhằm phân tán rủi ro, tránh tập trung danh mục vào một khách

hàng khách hàng và người có liên quan/ngành/lĩnh vực kinh tế. Định kỳ hàng năm, VietinBank thiết lập hạn mức rủi ro tập trung tín dụng theo khách hàng; khách hàng và người có liên quan/ngành/lĩnh vực kinh tế phù hợp các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quy định nội bộ; đồng thời, thường xuyên theo dõi cơ cấu danh mục tín dụng đa chiều, tình hình thực hiện hạn mức để có biện pháp xử lý kịp thời đối với các trường hợp vượt quá hạn mức rủi ro tập trung.

g) Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình HĐKD, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các chỉ tiêu ngoại bảng trong BCTC của Ngân hàng là các cam kết giao dịch hối đoái và các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn. Các công cụ tài chính này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Đó là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến các công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Các cam kết giao dịch hối đoái chủ yếu là các giao dịch/hợp đồng phái sinh (mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn hoặc giao dịch hoán đổi) nên có mức độ rủi ro thấp. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn bao gồm các cam kết bảo lãnh vay vốn; cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) và các cam kết trong bảo lãnh khác.

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng theo số liệu hợp nhất của VietinBank là 471 nghìn tỷ đồng, trong đó: các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn (*gồm bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ L/C và bảo lãnh khác*) là 160 nghìn tỷ đồng (chiếm 34%) và các cam kết đưa ra (*gồm cam kết giao dịch hối đoái và cam kết khác*) là 311 nghìn tỷ đồng (chiếm 66%).

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (như mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh...). Khi đó, VietinBank sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay cho khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, VietinBank đã ban hành các quy trình thẩm định, cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại khách hàng; các quy định về tỷ lệ tài sản bảo đảm, ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng và mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- *Đối với các cam kết bảo lãnh:* VietinBank thực hiện phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần theo thứ tự lần lượt: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn... Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh và mức độ tín nhiệm của khác hàng, VietinBank sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản bảo đảm/ký quỹ phù hợp để có biện pháp hạn chế, giảm thiểu rủi ro.
- *Đối với các cam kết thanh toán L/C:* VietinBank quản lý rủi ro xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, yêu cầu tỷ lệ ký quỹ và tài sản bảo đảm tương đương với mức độ tin cậy và tín nhiệm của từng nhóm khách hàng do VietinBank đánh giá.

h) Rủi ro đặc thù khác (Rủi ro hệ thống CNTT)

Hệ thống CNTT của VietinBank thuộc quy mô lớn, triển khai nhiều SPDV mới trên nhiều nền tảng CNTT. Quá trình số hóa hệ thống CNTT của VietinBank đang được triển khai mạnh mẽ với thay đổi cấu hình thường xuyên hơn, kết nối với nhiều hệ thống đối tác hơn. Vì vậy, công tác đảm bảo an toàn bảo mật giao dịch, dữ liệu của Ngân hàng luôn được coi là then chốt khi triển khai các hệ thống CNTT nhằm đem lại sự tin cậy cho khách hàng. VietinBank luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn trên toàn hệ thống, đồng thời triển khai nhiều biện pháp kiểm soát rủi ro như:

- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Bộ Thông tin và Truyền thông hay các đối tác tổ chức;
- Tăng cường phối hợp, trao đổi với các cơ quan quản lý Nhà nước chuyên trách về an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao cũng như các công ty bảo mật tại Việt Nam và trên thế giới;
- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên thế giới, trong nước để có

các hành động kịp thời;

- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật (SIEM); triển khai trung tâm giám sát An toàn thông tin (SOC) trong hệ thống CNTT của VietinBank để có thể giám sát tập trung các hệ thống bảo mật đơn lẻ, phát hiện sớm các nguy cơ để có hành động xử lý kịp thời;
- Thực hiện đánh giá, nhận diện rủi ro bảo mật thông tin, vận hành khai thác đối với các SPDV trước khi xây dựng để triển khai biện pháp kiểm soát phù hợp;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của các hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống sang trung tâm dữ liệu dự phòng thảm họa để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi xảy ra thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, áp dụng tiêu chuẩn Chương trình An ninh Khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT, ISO27001:2013 cho hệ thống Internet Banking (ngân hàng điện tử), Bộ Tiêu chuẩn Bảo mật Dữ liệu Thẻ Thanh Toán (PCI-DSS) cho hệ thống thẻ;
- Văn bản hóa, triển khai các quy trình, chính sách bảo mật: đánh giá bảo mật, xử lý sự kiện bảo mật...;
- Triển khai hệ thống truy cập Internet tập trung với công nghệ tiên tiến hơn; tăng cường bảo mật và triển khai các giải pháp cho làm việc từ xa;
- Kiểm soát chặt chẽ kết nối giữa VietinBank với các công ty con, đơn vị thành viên cũng như với các đối tác của VietinBank phải đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn về bảo mật;
- Nghiên cứu, triển khai, áp dụng giải pháp xác thực sinh trắc học trong các giao dịch tại quầy và thiết bị di động; Thực hiện bảo mật ở mức cao nhất đối với các dữ liệu sinh trắc học của khách hàng, tuân thủ các quy định của Chính phủ, NHNN về quản lý dữ liệu sinh trắc học;
- Triển khai nhiều hệ thống bảo mật để phát hiện và ngăn chặn việc rò quét tấn công vào hệ thống, ngăn chặn gửi email đính kèm mã độc vào hệ thống;
- Nghiên cứu, thử nghiệm các hệ thống, giải pháp phòng thủ thụ động, chủ động phát hiện các dấu hiệu gian lận, thất thoát tài sản thông tin;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho cán bộ ngân hàng;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật thông tin trong các dịch vụ của Ngân hàng.

4. Rủi ro về đợt chào bán

a) Rủi ro của việc chào bán

Đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của VietinBank không có đơn vị bảo lãnh phát hành nên đợt chào bán có thể không huy động được đủ số vốn dự kiến. Ngoài ra, trường hợp có nhiều TCTD khác phát hành trái phiếu với cùng đặc điểm, cùng loại trái phiếu, cùng kỳ hạn và trong cùng khoảng thời gian chào bán với trái phiếu của VietinBank sẽ làm gia tăng tính cạnh tranh giữa các sản phẩm trái phiếu; do đó có thể dẫn tới những rủi ro, bất lợi về khả năng hấp thụ thành công khối lượng trái phiếu đã đăng ký chào bán của VietinBank. Trong trường hợp không chào bán hết số lượng trái phiếu đã đăng ký, VietinBank có thể huy động vốn qua các kênh khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác... phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Rủi ro của việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Nguồn vốn huy động được từ việc phát hành trái phiếu được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu) đối với các ngành nghề, lĩnh vực như: *Sản xuất và phân phối điện, khí đốt; Công nghiệp, Chế biến chế tạo; Khai khoáng và khác*.. Do đó, việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với hoạt động ngân hàng như rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất... đã

đề cập ở trên.

5. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là các rủi ro phát sinh có thể xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động, thủ tục phối hợp giữa các bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức và kiểm soát của doanh nghiệp hoặc các rủi ro xảy ra do các xung đột lợi ích của các bên liên quan và sự thiếu minh bạch, đối xử chưa công bằng, thỏa đáng và các mâu thuẫn chưa được giải quyết trong việc bảo đảm tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan cũng như cổ đông công ty.

VietinBank đã ban hành Quy chế Quản trị nội bộ do ĐHĐCĐ phê duyệt và thông qua nhằm mục đích đưa ra các nguyên tắc cơ bản về quản trị Ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; xác định rõ vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ và quy trình, phương thức hoạt động của các cán bộ trong cơ cấu quản trị của VietinBank; xây dựng các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành VietinBank. Quy chế quản trị này được xây dựng căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị ngân hàng, phù hợp với điều kiện của Việt Nam để thực thi các chính sách rõ ràng về Quản trị nội bộ và đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của VietinBank.

Quy chế Quản trị nội bộ của VietinBank được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc quản trị cơ bản như sau: tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ VietinBank; đảm bảo một cơ cấu quản trị, điều hành hiệu quả, hướng tới chuẩn mực quốc tế; tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông; đối xử công bằng giữa các cổ đông; đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến VietinBank; ngăn ngừa xung đột lợi ích, minh bạch trong hoạt động của VietinBank.

Cùng với việc bảo đảm tuân thủ thực hiện các quy định về công tác quản trị theo Quy chế Quản trị nội bộ, VietinBank luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công ty đại chúng lớn và có uy tín trong việc công khai, minh bạch và thường xuyên cung cấp các báo cáo và công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật bao gồm: các hoạt động của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành; các cuộc họp của HĐQT; hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành, hoạt động của các ủy ban thuộc HĐQT, thông tin về các nghị quyết do HĐQT ban hành; hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông; công bố công khai danh sách về người có liên quan của VietinBank theo quy định của pháp luật và các giao dịch của người có liên quan của VietinBank với chính VietinBank, hoặc giữa VietinBank với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ; các giao dịch giữa người nội bộ của VietinBank, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do VietinBank nắm quyền kiểm soát; các giao dịch giữa VietinBank với các đối tượng khác; các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ và các vấn đề liên quan khác.

6. Các rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng: như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra (*tùy thuộc vào mức độ và phạm vi ảnh hưởng*) cũng sẽ có thể tác động và ảnh hưởng đến HĐKD của VietinBank.

Minh chứng rõ nhất cho thấy sự ảnh hưởng của những rủi ro này đối với HĐKD của Tổ Chức Phát Hành là sự bùng phát của dịch bệnh COVID-19 diễn ra trên phạm vi toàn thế giới kể từ năm 2020 đến nay. Đại dịch COVID-19 là cú sốc về y tế, gây tác động mạnh mẽ và tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, cụ thể: tăng trưởng kinh tế của toàn cầu và nhiều quốc gia, khu vực ở mức âm; đầu tư thương mại toàn cầu suy giảm; các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy; quan hệ giao thương bị đình trệ; hoạt động SXKD của các doanh nghiệp liên tục bị gián đoạn; người lao động bị mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao; người dân bị hạn chế đi lại và tiếp xúc...

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ Chức Phát Hành *hoặc* VietinBank *hoặc* Ngân hàng	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam
Tổ Chức Tư Vấn/ Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
TMCP	Thương mại cổ phần
NHTM	Ngân hàng thương mại
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
TGĐ	Tổng Giám đốc
CP	Cổ phần
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSD	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam *hoặc* Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
HSX / HOSE	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
UPCOM	Thị trường các công ty đại chúng chưa niêm yết (Unlisted Public Company Market). Sàn chứng khoán UPCOM thuộc SGDCK Hà Nội (HNX) – là nơi giao dịch chứng khoán của các doanh nghiệp chưa được niêm yết và các loại chứng khoán phải đăng ký lưu ký tại VSD.
VAMC	Công ty TNHH MTV Quản lý Tài sản của các TCTD Việt Nam
BCTC	Báo cáo tài chính
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
NSLĐ	Năng suất lao động
CNTT	Công nghệ thông tin
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu

VĐL	Vốn điều lệ
CASA	Tiền gửi không kỳ hạn (Current Account Savings Account)
GTCG	Giấy tờ có giá
FTP	Hệ thống điều chuyển vốn nội bộ
VaR	Giá trị chịu rủi ro (Value at Risk)
RWA	Tài sản chịu rủi ro trọng yếu (Risk Weighted Assets)
ATM	Máy rút tiền tự động (Automated Teller Machine)
VND / VNĐ	Đồng Việt Nam (đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam)
TSC	Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
SPDV	Sản phẩm dịch vụ
BHXH, BHYT, BHTN	Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp
NSNN	Ngân sách Nhà nước
DNNVV / SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and Medium Enterprise)
KHCN	Khách hàng cá nhân
KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment).
DPRR	Dự phòng rủi ro
QLRR	Quản lý rủi ro
QTRR	Quản trị rủi ro
ROAE (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / VCSH bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAE (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / (VCSH – Lợi ích cổ đông không kiểm soát) bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Công ty mẹ)	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
ROAA (Hợp nhất)	Tỷ suất Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / Tổng tài sản bình quân (đầu kỳ/cuối kỳ)
EPS	LNST trên một cổ phiếu (Earnings Per Share)
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp.
Thuế TNCN	Thuế thu nhập cá nhân
TP	Trái phiếu

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

1.1. Giới thiệu Tổ Chức Phát Hành

- Tên đầy đủ tiếng Việt	:	**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài	:	**VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**
- Tên viết tắt	:	**VietinBank** hoặc **VIETINBANK**
- Logo	:	VietinBank
- GCNĐKDN	:	Số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính	:	Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại	:	1900 558868 hoặc (84-24) 3941 8868
- Fax	:	(84-24) 3942 1032
- Website	:	www.vietinbank.vn
- Vốn điều lệ (thời điểm hiện tại)	:	**48.057.506.090.000 đồng** (*Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*)
- Giấy phép thành lập và hoạt động	:	Số 13/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 17/06/2022
- Người đại diện theo pháp luật	:	Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT
- Mã cổ phiếu	:	CTG
- Sàn niêm yết cổ phiếu	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

VietinBank là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng, với ngành nghề kinh doanh chính thuộc mã ngành 6419 là *"Hoạt động trung gian tiền tệ khác"*. VietinBank được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của NHNN. Các hoạt động được cấp phép bởi NHNN theo Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank bao gồm:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
- Cấp tín dụng dưới các hình thức: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và GTCG khác; bao lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước.
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
- Mở tài khoản: mở tài khoản tại NHNN; mở tài khoản tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản,

cho thuê tủ, két an toàn.

- Tư vấn tài chính doanh nghiệp; tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các GTCG khác trên thị trường tiền tệ.
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các TCTD, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN.
- Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN và hướng dẫn của NHNN.
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.
- Lưu ký chứng khoán.
- Kinh doanh vàng miếng.
- Ví điện tử.
- Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Phát Hành

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Sự kiện quan trọng
1988	• Tiền thân là **Ngân hàng chuyên doanh Công thương Việt Nam** theo Nghị định số 53/HĐBT ngày 26/03/1988 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về tổ chức bộ máy NHNN.
1990	• Chính thức được đổi tên thành **Ngân hàng Công Thương Việt Nam** theo Quyết định số 402/CT ngày 14/11/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). • Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tham gia với ngân hàng nước ngoài thành lập Ngân hàng Liên doanh Indovina vào ngày 21/11/1990.
1993 - 1996	• Thống đốc NHNN ký Quyết định số 67/QĐ-NH5 ngày 27/03/1993 về việc thành lập Ngân hàng Công Thương Việt Nam thuộc NHNN. • Được sự ủy quyền của Thủ tướng Chính Phủ, Thống đốc NHNN ký Quyết định 285/QĐ-NH5 ngày 21/09/1996 về việc thành lập lại Ngân hàng Công Thương Việt Nam theo mô hình Tổng công ty Nhà nước.
2008	• Ra mắt thương hiệu mới **VietinBank** vào tháng 4/2008. • Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 23/09/2008 phê duyệt Phương án cổ phần hóa Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Ngày 02/11/2008, NHNN ký Quyết định số 2604/QĐ-NHNN về việc công bố giá trị doanh nghiệp Ngân hàng

Thời gian	Sự kiện quan trọng
	Công Thương Việt Nam. • Ngày 25/12/2008, Ngân hàng Công Thương Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) để cổ phần hóa thành công.
2009	• Ngày 03/07/2009, Ngân hàng được cổ phần hóa và đổi tên thành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03/07/2009 của NHNN và theo GCNĐKKD lần đầu số 0103038874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/07/2009; • Chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên SGDCK Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là "CTG" vào ngày 16/7/2009 với giá đóng cửa phiên giao dịch đầu tiên là 40.100 đồng/cổ phiếu.
2011	• Là NHTMCP Nhà nước đầu tiên có đối tác chiến lược nước ngoài khi thực hiện bán 10% vốn điều lệ cho IFC. • Khai trương chi nhánh tại Frankfurt, Đức.
2012	• Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thành công 250 triệu USD trái phiếu ra thị trường quốc tế và niêm yết tại SGDCK Singapore (SGX). Trái phiếu được phát hành ngày 17/5/2012, có kỳ hạn 5 năm và lãi suất cố định 8%/năm. • Mở chi nhánh tại Thủ đô Vientian, Lào.
2013	• Tiếp tục bán 19,73% cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là MUFG Bank (Nhật Bản) và trở thành NHTMCP Nhà nước có cơ cấu cổ đông mạnh nhất Việt Nam tại thời điểm này.
2014	• Xây dựng chiến lược bán lẻ, lấy khách hàng làm trung tâm, mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam.
2015	• Nâng cấp từ Chi nhánh trở thành Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (ngân hàng con); • Định hướng chuyển dịch cơ cấu khách hàng sang bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thu ngoài lãi
2017	• Chuyển đổi thành công hệ thống Core Banking (SunShine), đưa VietinBank trở thành ngân hàng sở hữu nền tảng công nghệ hiện đại bậc nhất trong Ngành Ngân hàng Việt Nam.
2018	• Tăng cường hợp tác khu vực và hội nhập quốc tế, giá trị thương hiệu VietinBank được nâng cao và tăng trưởng liên tục.
2020	• Hoàn thành tốt Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 tại VietinBank và Kế hoạch Kinh doanh trung hạn 2018-2020. • Xây dựng Chiến lược phát triển VietinBank giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2045, Kế hoạch Kinh doanh trung hạn giai đoạn 2021-2023.
2021	• VietinBank tăng vốn điều lệ từ 37.234.045.560.000 đồng lên 48.057.506.090.000 đồng thông qua đợt phát hành cổ phiếu (để trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại của các năm 2017, 2018 và 2019) với tỷ lệ 29,0695%.

2.2. Các giải thưởng và danh hiệu tiêu biểu năm 2021, 2022 của VietinBank

- **Top 10 Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa Kinh doanh Việt Nam 2021** do Hiệp hội Phát triển Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam (VNABC) tổ chức nhằm tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp có thành tích xuất sắc hưởng ứng cuộc vận động "Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp Việt Nam" do Thủ tướng Chính phủ phát động, góp phần hiện thực hóa các Nghị quyết

của Đảng và Chính phủ về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

- **Top 100 Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 2021 (CSI 100) ở lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ**: Giải thưởng này do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ Lao động Thương binh & Xã hội tổ chức.
- **Top 300 Thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới**: Năm 2021, VietinBank lần thứ 3 liên tiếp lọt vào Top 300 Thương hiệu Ngân hàng giá trị nhất thế giới xác lập có thăng hạng ngoạn mục nhất trong số 9 ngân hàng Việt Nam trong danh sách, xác lập vị trí 216, tăng 61 bậc so với năm 2020. Về Giá trị Thương hiệu, VietinBank cũng là ngân hàng xếp thứ 8 trong Top 20 Ngân hàng thế giới có Giá trị Thương hiệu tăng cao nhất và là ngân hàng tăng trưởng mạnh nhất về Giá trị Thương hiệu tại Việt Nam (tăng 56%).
- **Giải thưởng Sao Khuê 2021 và Giải thưởng Doanh nghiệp Chuyển đổi số Xuất sắc 2021:** Năm 2021 chứng kiến những thành công liên tiếp của VietinBank trong lĩnh vực ngân hàng số và chuyển đổi số. 3 SPDV Ngân hàng của VietinBank gồm: Ứng dụng Ngân hàng số VietinBank iPay Mobile (iPay Mobile), Dịch vụ Ngân hàng điện tử dành cho KHDN - VietinBank eFAST và Dịch vụ kết nối ERP dành cho KHDN - VietinBank ERP-Connect đã đạt Giải thưởng Sao Khuê 2021. Trong đó, VietinBank iPay Mobile tiếp tục lọt vào Top 10 Sao Khuê 2 năm liên tiếp. VietinBank cũng vinh dự được bình chọn là đơn vị đạt Giải thưởng Chuyển đổi số Xuất sắc Việt Nam 2021 - giải thưởng uy tín nhất tại Việt Nam hiện nay về chuyển đổi số - ở hạng mục Doanh nghiệp Chuyển đổi số Xuất sắc do Hội Truyền thông số Việt Nam (VDCA) tổ chức.
- **Sản phẩm Tiền gửi Tốt nhất Việt Nam 2021 (The Asian Banker), Dịch vụ Ngân hàng trên điện thoại di động tốt nhất Việt Nam 2021 (The Asian Banker) và Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2021 (International Finance Magazine)**: Liên tiếp trong nhiều năm qua, VietinBank đã vinh dự được các tổ chức đánh giá, xếp hạng trao các giải thưởng, danh hiệu xuất sắc trong các mảng kinh doanh Bán lẻ. Năm 2021, VietinBank tiếp tục được Tạp chí International Finance Magazine trao giải thưởng "Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam" và nhiều giải thưởng uy tín khác như giải thưởng Sản phẩm Tiền gửi Tốt nhất Việt Nam 2021 và giải thưởng Dịch vụ Ngân hàng trên điện thoại di động tốt nhất Việt Nam 2021 đều do tạp chí nổi tiếng The Asian Banker trao tặng.
- **Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam 2021 (The Asian Banker và Global Banking and Finance Review) và Giải pháp tài chính đổi mới sáng tạo nhất dành cho doanh nghiệp 2021 (Global Banking and Finance Review):** Năm 2021, VietinBank đã xuất sắc giành Giải thưởng "Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam 2021" do The Asian Banker và Global Banking & Finance Review trao tặng, qua đó khẳng định định hướng phát triển đúng đắn, khả năng cung ứng cũng như chất lượng và lợi ích vượt trội của các SPDV dành cho khách hàng SME. Đồng thời, trong năm 2021, Global Banking and Finance Review cũng đã vinh danh VietinBank là ngân hàng có "Giải pháp tài chính đổi mới sáng tạo nhất dành cho doanh nghiệp 2021".
- **Ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2021 (Global Finance):** VietinBank được Tạp chí Global Finance vinh danh giải thưởng "Đơn vị cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam" năm thứ tư liên tiếp, khẳng định thành công của VietinBank trong đổi mới, cải tiến không ngừng hoạt động ngoại hối, nâng cao vị thế của VietinBank trên thị trường.
- **VietinBank nằm trong Top 500 Thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất thế giới; Top 10 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam theo Bảng xếp hạng của Brand Finance:** Theo đó, VietinBank có Giá trị thương hiệu đạt 1.064 tỷ USD và Sức mạnh thương hiệu (BSI) là 83.7, xếp loại AAA-.
- **Top 2000 Doanh nghiệp lớn nhất thế giới theo Bảng xếp hạng của Forbes.**

- **"Thương hiệu Quốc gia" năm 2022 do Bộ Công Thương xét chọn:** Đây là lần thứ 7 liên tiếp VietinBank được lựa chọn và vinh danh.
- **Top 10 Doanh nghiệp bền vững năm 2022 trong lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ do Hội đồng Doanh nghiệp Phát triển Bền vững Việt Nam và VCCI xét chọn:** Đây là giải thưởng uy tín hàng đầu hiện nay tại Việt Nam trong lĩnh vực phát triển bền vững. VietinBank vinh dự 2 lần hiện diện trong TOP10 của Chương trình này.
- **VietinBank thắng lớn tại các hạng mục giải thưởng của The Asian Banker.** VietinBank được vinh danh và trao tặng tới 4 giải thưởng gồm: Giải thưởng Ngân hàng số sáng tạo nhất Châu Á - Thái Bình Dương; Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam; Giải thưởng Ngân hàng Tài trợ Thương mại tốt nhất Việt Nam và Giải thưởng Ngân hàng mở tốt nhất Việt Nam. 4 giải thưởng danh giá do The Asian Banker trao tặng đã ghi nhận và khẳng định uy tín, chất lượng của các sản phẩm, dịch vụ xuất sắc do VietinBank cung cấp trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.
- **Giải thưởng Sao Khuê:** Cụ thể: Ứng dụng "all in one" - VietinBank iPay Mobile dành cho khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng số (VietinBank eFAST) và Dịch vụ Kết nối ERP (VietinBank ERP-Connect) dành cho khách hàng doanh nghiệp đã chiến thắng vang dội tại Giải thưởng Sao Khuê. Đặc biệt, VietinBank eFAST vinh dự góp mặt vào Top 10 Sao Khuê năm 2022.
- **Giải thưởng "Ngân hàng cung cấp Dịch vụ Ngoại hối Tốt nhất Việt Nam 2022" do tạp chí uy tín thế giới Global Finance công bố thường niên:** Giải thưởng được thực hiện khảo sát, đánh giá tại 113 quốc gia và vùng lãnh thổ dựa trên các tiêu chí về khối lượng giao dịch, thị phần, phạm vi phủ sóng toàn cầu, dịch vụ khách hàng, giá cả cạnh tranh, công nghệ tiên tiến và tham khảo ý kiến chuyên gia từ các nhà phân tích trong ngành, các giám đốc điều hành, chuyên gia công nghệ... Đặc biệt năm qua, Global Finance đánh giá cao tầm quan trọng của các đối tác đã có những giải pháp về ngoại hối trong hoàn cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt đoạn. Sự công nhận và trao giải của tạp chí uy tín Global Finance là minh chứng cho thành công của VietinBank trong mảng Dịch vụ Ngoại hối.
- **Giải thưởng Ngân hàng cung cấp dịch vụ Tài trợ Thương mại (TTTM) tốt nhất Việt Nam 2022 (Best Services for Trade Finance in Vietnam 2022 do tạp chí Asiamoney trao tặng:** Giải thưởng được xây dựng và trao tặng sau khi khảo sát 10.714 ngân hàng, định chế tài chính, tổ chức, doanh nghiệp và độc giả trên toàn cầu. Giải thưởng là sự ghi nhận khách quan, có ý nghĩa và giá trị trong giới tài chính quốc tế đối với những thành tích nổi trội, uy tín và chất lượng sản phẩm, dịch vụ đa dạng, hướng tới khách hàng của VietinBank.
- **Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2022 và Top 50 Doanh nghiệp Việt có Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn năm 2022 theo xếp hạng của Alphabe:** Đây là sự ghi nhận thành quả của việc đầu tư trọng điểm vào yếu tố con người, nhằm duy trì môi trường phát triển nghề nghiệp tốt nhất tại VietinBank.
- **Top 10 Báo cáo Thường niên (BCTN) tốt nhất tại Lễ trao giải Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết lần thứ 15, năm 2022 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) tổ chức:** Đây là năm thứ 3 liên tiếp, VietinBank được bình chọn Top 10 Doanh nghiệp niêm yết có BCTN tốt nhất nhóm vốn hóa lớn. VietinBank cũng là ngân hàng TMCP có vốn Nhà nước duy nhất được vinh danh nhờ sự đầu tư kỹ lưỡng và liên tục cải tiến cả về hình thức và nội dung cho BCTN 2021.
- **Top 500 thương hiệu ngân hàng có giá trị nhất thế giới:** Theo bảng xếp hạng của Brand Finance – hãng đánh giá và xếp hạng thương hiệu hàng đầu thế giới - với vị trí 171, tăng 13 bậc so với xếp hạng năm 2022.
- **Giải thưởng Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam năm 2023:** Tại Lễ trao giải Sản phẩm, dịch vụ tài chính xuất sắc toàn cầu năm 2023 do The Asian Banker tổ chức, VietinBank đã được vinh danh Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam. Đây là năm thứ 3 liên tiếp VietinBank dành được giải thưởng danh giá này (2021 – 2023). VietinBank cũng đã lọt Top 10 Ngân hàng SME tốt

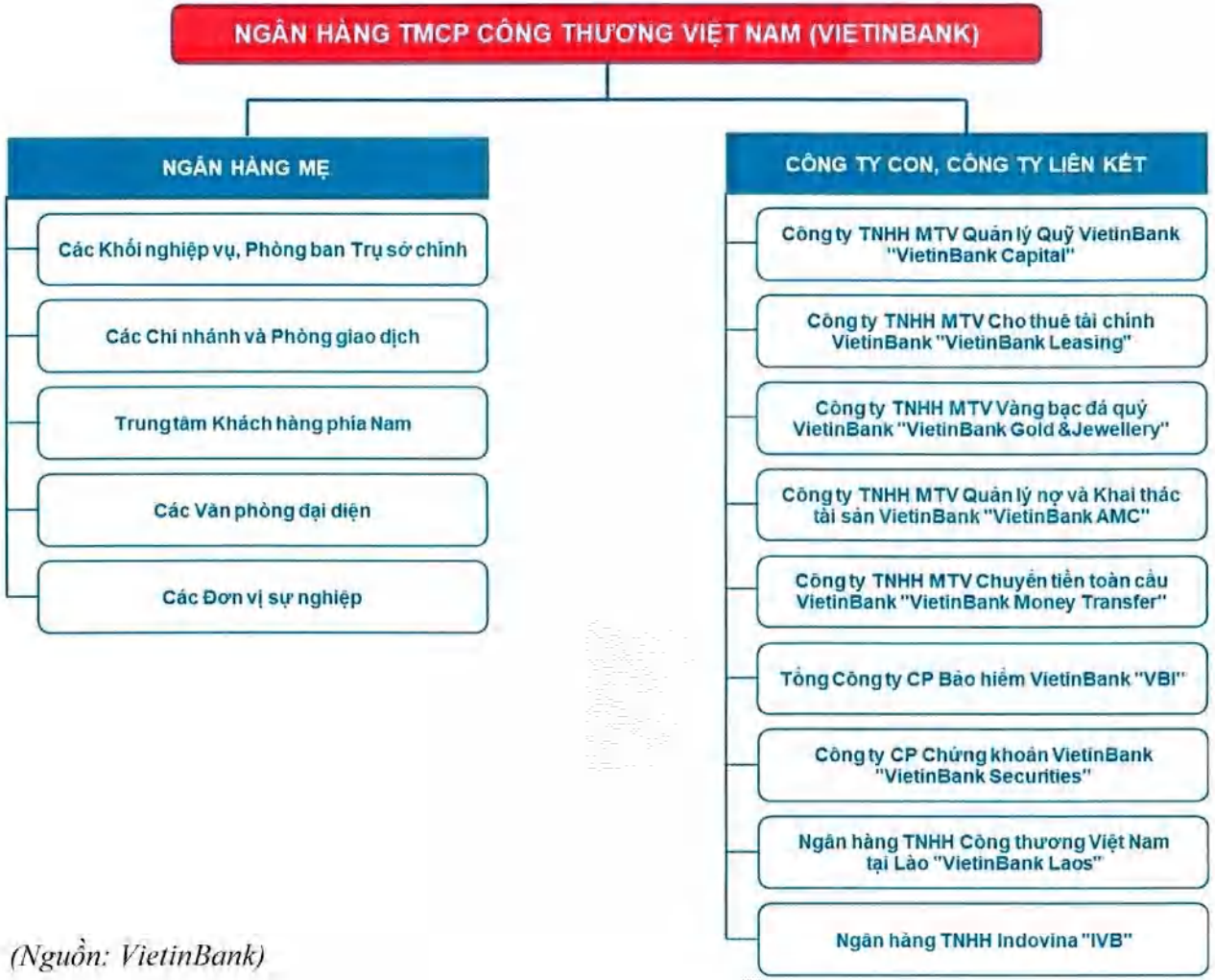
nhất Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, tăng 2 bậc so với năm 2022, theo bình chọn của Hội đồng Giám khảo The Banker Asian.

- **Giải thưởng Ngân hàng xử lý giao dịch Thanh toán Quốc tế (TTQT) xuất sắc 2021 – 2022:** Ngày 29/03/2023 tại Hà Nội, Wells Fargo (Ngân hàng lớn thứ 4 tại Mỹ) đã trao tặng VietinBank giải thưởng "Ngân hàng xử lý giao dịch Thanh toán Quốc tế (TTQT) xuất sắc 2021 – 2022 (Wells Fargo Operational Excellence Award 2021 – 2022). Giải thưởng này do Ủy ban độc lập của Wells Fargo tại Mỹ trao tặng cho ngân hàng điển hình về chất lượng dịch vụ trong hoạt động thanh toán toàn cầu, thể hiện chất lượng xử lý giao dịch vượt trội, đem lại hiệu quả cao, tiết giảm chi phí ngày càng tốt hơn và tôn trọng cam kết đối với khách hàng. Chất lượng giao dịch TTQT giữa VietinBank và Wells Fargo được khẳng định qua các con số ấn tượng trong năm 2021 - 2022: Tỷ lệ điện đạt chuẩn trên 97% và tỷ lệ tra soát dưới 1%.
- **Giải thưởng Ngân hàng có chất lượng Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT và TTTM) xuất sắc năm 2022 - 2022 Elite Quality Recognition Award:** Trong khuôn khổ Diễn đàn Thanh toán ASEAN (Diễn đàn) lần thứ 13 do J.P.Morgan tổ chức tại Jakarta, Indonesia trong các ngày 21, 22/02/2023, VietinBank đã được trao tặng giải thưởng này. Giải thưởng 2022 Elite Quality Recognition Award được bộ phận độc lập tại Mỹ của J.P.Morgan đánh giá hằng năm dựa trên tỷ lệ điện TTQT (MT103) và TTTM (MT202) đạt chuẩn (Straight Through Processing - STP). Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng TTQT và TTTM của các ngân hàng.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

3.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của VietinBank



(Nguồn: VietinBank)

3.2. Diễn giải cơ cấu tổ chức của VietinBank

Tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, cơ cấu tổ chức của VietinBank bao gồm:

a. Ngân hàng mẹ gồm có:

- 01 Trụ sở chính đặt tại số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Ngoài các cơ quan quản trị, giám sát và điều hành Ngân hàng (gồm HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành), trụ sở chính của VietinBank bao gồm 13 Khối nghiệp vụ tương đương và các phòng ban, đơn vị chức năng;
- 155 Chi nhánh trong nước và 02 Chi nhánh nước ngoài tại Cộng hòa Liên bang Đức; 958 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành của cả nước;

b. Công ty con/Ngân hàng con

VietinBank có 07 công ty con và 01 ngân hàng con sở hữu trực tiếp, cụ thể như sau:

TT	Tên công ty con/ngân hàng con	Vốn điều lệ (tại 31/12/2022)	Tỷ lệ sở hữu của VietinBank
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Capital)	300 tỷ đồng	100%
2	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính VietinBank (VietinBank Leasing)	1.000 tỷ đồng	100%
3	Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Gold & Jewellery)	200 tỷ đồng	100%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank AMC)	120 tỷ đồng	100%
5	Công ty TNHH MTV Chuyển tiền toàn cầu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank Money Transfer)	50 tỷ đồng	100%
6	Tổng công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI hoặc VietinBank Insurance)	666,67 tỷ đồng	73,37%
7	Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank Securities)	1.487,38 tỷ đồng	75,64%
8	Ngân hàng TNHH Công thương Việt Nam tại Lào (VietinBank Laos)	50 triệu USD	100%

Nguồn: VietinBank

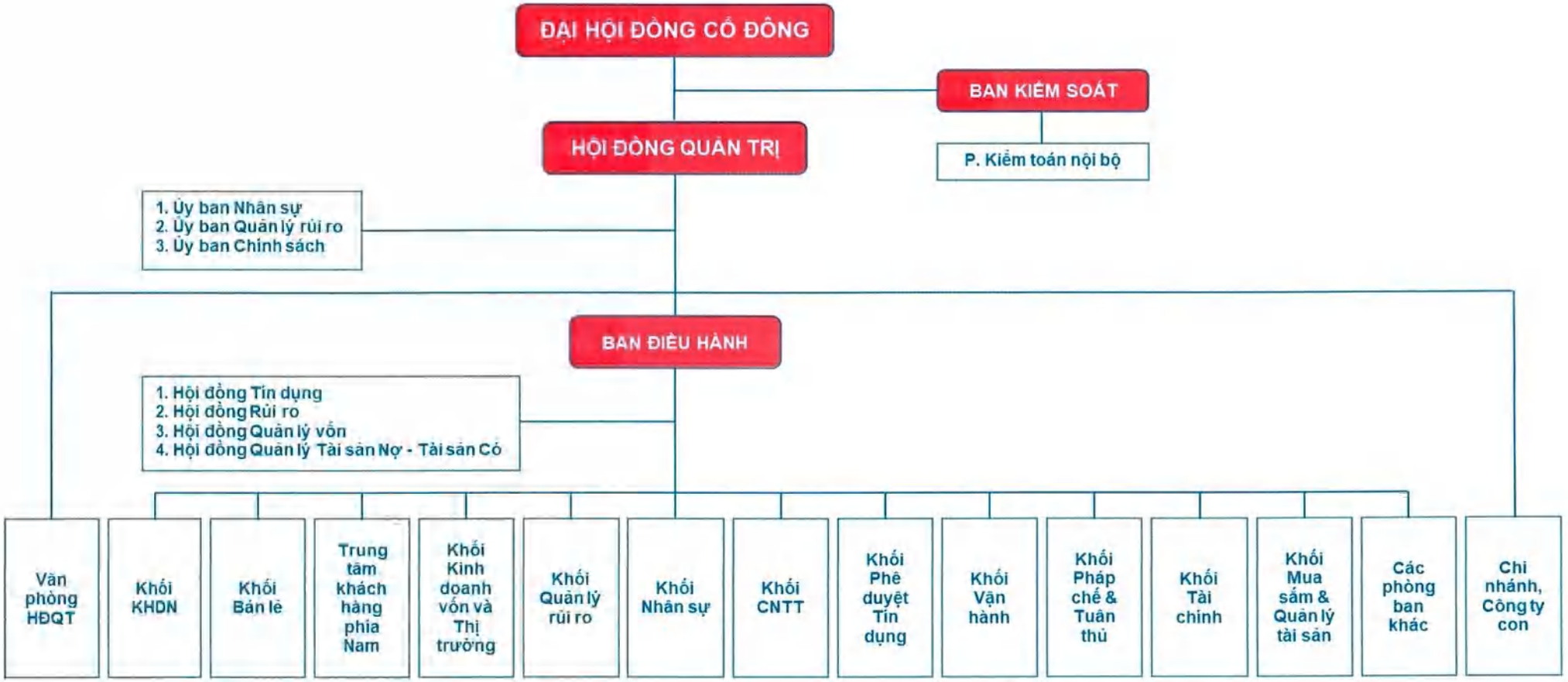
c. Khối Liên doanh

VietinBank có 01 công ty liên doanh là Ngân hàng TNHH Indovina (IVB), có vốn điều lệ là 193 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại IVB là 50% vốn điều lệ.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Phát Hành

4.1. Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VietinBank



(Nguồn: VietinBank)

4.2. Diễn giải cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của VietinBank

a. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VietinBank, bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có tên trong danh sách đăng ký cổ đông. ĐHĐCĐ có thể được tổ chức thông qua cuộc họp ĐHĐCD thường niên, ĐHĐCD bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. ĐHĐCĐ quyết định tổ chức lại và giải thể Ngân hàng, quyết định định hướng hoạt động và phát triển của Ngân hàng, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ; quyết định các công việc khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VietinBank.

b. Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VietinBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm trong việc xây dựng chiến lược của VietinBank và xác định các ưu tiên trong HĐKD của VietinBank, định hướng và kiểm soát công tác quản lý, đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

Cơ cấu HĐQT tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch như sau:

1.	Ông	**Trần Minh Bình**	- Chủ tịch HĐQT
2.	Ông	**Lê Thanh Tùng**	- Thành viên HĐQT
3.	Ông	**Trần Văn Tần**	- Thành viên HĐQT
4.	Bà	**Trần Thu Huyền**	- Thành viên HĐQT
5.	Ông	**Masahiko Oki** (*)	- Thành viên HĐQT
6.	Ông	**Masashige Nakazono**	- Thành viên HĐQT
7.	Bà	**Phạm Thị Thanh Hoài**	- Thành viên HĐQT
8.	Ông	**Nguyễn Thế Huân**	- Thành viên HĐQT
9.	Ông	**Nguyễn Đức Thành**	- Thành viên HĐQT
10.	Bà	**Nguyễn Thị Bắc**	- Thành viên độc lập HĐQT

(*). Ông Masahiko Oki được miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 – 2024 theo đề nghị của MUFG Bank kể từ ngày 02/06/2023. Ông Koji Iriguchi – Đồng Trưởng phòng Kế hoạch & Quản trị Tài chính, Khối Tài chính kiêm Đồng Trưởng ban Chiến lược & Quản trị thay đổi, Văn phòng HĐQT VietinBank được bầu làm thành viên HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 – 2024 kể từ ngày 02/06/2023.

Các Ủy ban trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT, bao gồm: ***Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý rủi ro; Ủy ban Chính sách***. Việc thành lập các Ủy ban này đảm bảo tuân thủ theo quy định của NHNN và các quy định của pháp luật.

- **Ủy ban Nhân sự (UBNS)**: tham mưu, giúp việc HĐQT đối với các nội dung thuộc thẩm quyền HĐQT trong việc xây dựng chính sách nhân sự, tuyển chọn và bố trí nhân sự đối với các chức danh thuộc thẩm quyền HĐQT; giúp HĐQT thực hiện giám sát việc thực hiện cơ chế, chính sách nhân sự và các hoạt động quản lý nhân sự của VietinBank. Về thành phần, UBNS có tối thiểu 3 thành viên, Chủ tịch HĐQT VietinBank đồng thời là Chủ nhiệm UBNS, các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm đảm bảo có ít nhất ½ số thành viên có quyền biểu quyết không phải là người điều hành theo quy định của pháp luật.
- **Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR)**: tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT trong công tác xây dựng chính sách QLRR và các hoạt động

QLRR của NHCT. Về thành phần, UBQLRR có tối thiểu 3 thành viên, bao gồm 1 thành viên HĐQT là Chủ nhiệm Ủy ban và các thành viên trong Ủy ban do HĐQT bổ nhiệm đảm bảo có ít nhất ½ số thành viên có quyền biểu quyết không phải là người điều hành của NHCT và có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập HĐQT.

- **Ủy ban Chính sách (UBCS)**: tham mưu, giúp việc HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến hệ thống văn bản chính sách của VietinBank; đề xuất HĐQT kịp thời điều chỉnh hệ thống văn bản chính sách, đưa ra định hướng cụ thể đối với việc ban hành mới/hủy bỏ/sửa đổi, bổ sung/thay thế văn bản chính sách trên cơ sở đánh giá về tính cần thiết, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống văn bản chính sách. Về thành phần, 1 thành viên HĐQT là Chủ nhiệm UBCS, các thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan thay mặt các cổ đông để giám sát hoạt động và việc tuân thủ quy định Pháp luật và Điều lệ VietinBank trong việc quản trị và điều hành VietinBank; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát được sử dụng các quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ VietinBank. Ban Kiểm soát có vai trò thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của Pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Cơ cấu Ban kiểm soát tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch như sau:

1.	Bà	**Lê Anh Hà**	- Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà	**Nguyễn Thị Anh Thư**	- Thành viên
3.	Bà	**Phạm Thị Thơm**	- Thành viên

d. Ban Điều hành

Ban Điều hành bao gồm Tổng Giám đốc (TGĐ) và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm và có sự thông qua của NHNN. TGĐ là người điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Cơ cấu Ban Điều hành hiện tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch như sau:

1.	Ông	**Nguyễn Hoàng Dũng**	- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành
2.	Ông	**Masahiko Oki**	- Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông	**Trần Công Quỳnh Lân**	- Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông	**Nguyễn Đình Vinh**	- Phó Tổng Giám đốc
5.	Bà	**Lê Như Hoa**	- Phó Tổng Giám đốc
6.	Ông	**Lê Duy Hải**	- Phó Tổng Giám đốc
7.	Ông	**Nguyễn Trần Mạnh Trung**	- Phó Tổng Giám đốc
8.	Ông	**Hoàng Ngọc Phương**	- Phó Tổng Giám đốc
9.	Ông	**Đỗ Thanh Sơn**	- Phó Tổng Giám đốc
10.	Ông	**Nguyễn Hải Hưng**	- Kế toán trưởng

e. Các Hội đồng

- **Hội đồng Tín dụng (HĐTD):** Là bộ phận trực thuộc TGĐ, do TGĐ thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của TGĐ liên quan đến công tác phê duyệt cấp tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ một cách an toàn hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của NHNN; quy định nội bộ của VietinBank.
- **Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có:** Tham mưu, giúp việc cho TGĐ nhằm đảm bảo cơ cấu Tài sản nợ - Tài sản có của VietinBank phù hợp với định hướng phát triển, khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT; Tối đa hóa lợi nhuận theo định hướng phát triển của

VietinBank; Kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng, rủi ro thị trường của VietinBank ở mức hợp lý; Đảm bảo chính sách lãi suất, chính sách giá, chính sách điều chuyển vốn nội bộ của VietinBank hiệu quả, linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường và kế hoạch kinh doanh của VietinBank.

- **Hội đồng rủi ro:** Tham mưu, giúp việc cho TGĐ nhằm đánh giá các chính sách QLRR để trình HĐQT; Xây dựng và thực thi các văn bản chính sách QLRR thuộc thẩm quyền TGĐ; Tham mưu cho TGĐ trình HĐQT xem xét, phê duyệt Hạn mức kiểm soát rủi ro thông qua Ủy ban QLRR; Tham mưu cho TGĐ phê duyệt Hạn mức rủi ro toàn hàng và Hạn mức rủi ro cấp khối và giám sát việc thực hiện; Giám sát trạng thái rủi ro của VietinBank; Đánh giá, nhận diện rủi ro trọng yếu đối với các SPDV có ảnh hưởng lớn đến trạng thái rủi ro, có nguy cơ dẫn đến vi phạm Hạn mức rủi ro toàn hàng; Đánh giá tác động của kịch bản căng thẳng lên Tổng tài sản tính theo các rủi ro trọng yếu và kết quả kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, kế hoạch dự phòng thanh khoản; Tổ chức thực hiện, tham mưu cho TGĐ về giám sát việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về QLRR theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập các cơ quan chức năng khác, Ban kiểm soát và phòng Kiểm toán nội bộ.
- **Hội đồng Quản lý vốn:** Tham mưu, giúp việc cho TGĐ trong công tác quản lý vốn, nhằm đảm bảo: VietinBank tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của NHNN, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập và cam kết với các đối tác liên quan; VietinBank duy trì tỷ lệ an toàn vốn mục tiêu trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi; Mức vốn phù hợp với khẩu vị rủi ro và các quy định khác của HĐQT trên cơ sở diễn biến của các rủi ro trọng yếu.

f. Các Khối nghiệp vụ

- **Khối Khách hàng doanh nghiệp (KHDN):** Trực tiếp bán hàng với các khách hàng là Tập đoàn, Tổng công ty, KHDN quan trọng, phát triển hoàn thiện các sản phẩm phục vụ phân khúc KHDN đồng thời triển khai các chương trình khuyến mãi, chăm sóc khách hàng, thúc đẩy bán hàng, phối hợp với các khối kinh doanh khác thúc đẩy bán chéo SPDV.
- **Khối Bán lẻ:** Đầu mối xây dựng thị trường mục tiêu, khách hàng tiềm năng liên quan đến mảng bán lẻ trong chiến lược kinh doanh tổng thể; Hỗ trợ chi nhánh trong công tác bán hàng, chịu trách nhiệm quản lý hoạt động bán hàng liên quan đến khách hàng bán lẻ.
- **Khối Kinh doanh vốn và thị trường:** Là đơn vị tạo ra lợi nhuận, thực hiện quản lý, điều hành và tổ chức kinh doanh Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng; Thực hiện các nghiệp vụ bán hàng, giao dịch kinh doanh, tư vấn, môi giới, huy động vốn và đầu tư trên thị trường tiền tệ hoặc thị trường vốn trong và ngoài nước nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng; đầu mối quản lý các đơn vị nhận vốn góp của VietinBank.
- **Khối Phê duyệt tín dụng:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành trong việc kiểm soát thẩm định tín dụng đối với hồ sơ tín dụng của khách hàng trong hệ thống VietinBank, thực hiện phê duyệt tín dụng theo phân cấp thẩm quyền.
- **Khối Quản lý rủi ro (QLRR):** Đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ hai, có nhiệm vụ xây dựng chính sách QLRR, các quy định nội bộ về QTRR; Theo dõi, giám sát và báo cáo độc lập đối với quá trình nhận diện, đo lường, quản lý, kiểm soát, ngăn ngừa toàn diện các loại rủi ro phát sinh trong HĐKD của hệ thống VietinBank đảm bảo phù hợp với khẩu vị rủi ro của VietinBank, tuân thủ quy định của pháp luật, VietinBank và phù hợp thông lệ quốc tế; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định nội bộ VietinBank.
- **Khối Pháp chế và Tuân thủ:** Tư vấn các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và HĐKD của ngân hàng; Xây dựng các chính sách quản lý tuân thủ, giám sát và quản lý việc tuân thủ các quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế của VietinBank bao gồm công tác Phòng chống rửa tiền, FATCA; Hỗ trợ hoặc xử lý các khoản nợ có vấn đề.
- **Khối Nhân sự:** Có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban điều hành trong công tác hoàn thiện bộ máy mô hình tổ chức mạng lưới, xây dựng các quy chế quản trị nội bộ, chính sách quản trị nhân sự, tiền lương đãi ngộ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong hệ thống

VietinBank; cung cấp các dịch vụ nhân sự, đào tạo cho cán bộ, người lao động.

- **Khối CNTT:** Có nhiệm vụ xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển CNTT phục vụ cho chiến lược phát triển kinh doanh SPDV và công tác quản trị, điều hành của VietinBank; đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động thông suốt, ổn định và an toàn.
- **Khối Vận hành:** Có nhiệm vụ tổ chức, triển khai, quản lý và/hoặc xử lý tập trung các giao dịch thuộc các nghiệp vụ của ngân hàng; vận hành về nghiệp vụ các hệ thống công nghệ xử lý giao dịch nhằm đảm bảo thực thi chính xác, hiệu quả các quy trình nghiệp vụ, giao dịch của VietinBank; hỗ trợ khách hàng và thúc đẩy bán hàng thông qua các kênh điện tử và tổng đài Contact Center; xây dựng tiêu chuẩn quản lý chất lượng dịch vụ và giám sát công tác quản lý chất lượng của VietinBank.
- **Khối Tài chính:** Thực hiện tập trung hóa công tác quản trị tài chính, đồng thời tổ chức chuyên môn hóa giữa các nhóm chức năng: (i) Quản lý hiệu quả hoạt động toàn hàng, (ii) Đối tác chiến lược tài chính, (iii) Quản lý cân đối vốn, (iv) Thuế, (v) Chính sách kế toán, (vi) Hạch toán kế toán, (vii) Báo cáo quản trị toàn hàng.
- **Khối Mua sắm và Quản lý tài sản:** Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Điều hành trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc, vật kiến trúc, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ và quản lý, khai thác tài sản, đảm bảo: (i) công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ đáp ứng kịp thời về tiến độ, chất lượng theo nhu cầu của các đơn vị, tối ưu hóa về chi phí, (ii) công tác quản lý tài sản được theo dõi chính xác và khai thác, sử dụng tối ưu đối với tài sản hiện hữu của VietinBank, (iii) tuân thủ các quy định, quy trình của pháp luật và VietinBank trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ và quản lý tài sản.
- **Trung tâm khách hàng phía Nam:** Tham mưu, giúp việc cho Ban lãnh đạo trong công tác phát triển khách hàng, quản lý và triển khai HĐKD đối với các Chi nhánh được phân công phụ trách thuộc khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và Đông Nam Bộ.
- **Văn phòng HĐQT:** Tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong: (i) Xây dựng Chiến lược toàn hàng của VietinBank trong từng thời kỳ và cụ thể hóa chiến lược toàn hàng thành kế hoạch trung hạn trong từng giai đoạn và hỗ trợ HĐQT giám sát triển khai Chiến lược; (ii) Quản trị thương hiệu VietinBank, định vị thương hiệu và phát triển nâng giá trị thương hiệu của VietinBank; quản trị công tác an sinh xã hội, trách nhiệm cộng đồng của VietinBank; hợp tác phát triển thương hiệu VietinBank; quan hệ báo chí và xử lý khủng hoảng thương hiệu; (iii) Thư ký HĐQT và quản lý quan hệ cổ đông.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành:

VietinBank hiện có duy nhất 01 cơ quan nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với VietinBank là **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)**, cụ thể như sau:

- NHNN đóng vai trò là Cổ đông Nhà nước và là Cơ quan đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại VietinBank.
- Trụ sở chính của NHNN đặt tại số 49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- NHNN tiền thân là Ngân hàng Quốc gia Việt Nam, được thành lập vào ngày 06/05/1951 theo Sắc lệnh số 15/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 26/10/1961, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chính:
  - NHNN là cơ quan ngang bộ của Chính phủ và là Ngân hàng trung ương của Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng Ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các TCTD và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.
  - Hoạt động của NHNN là nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm sự an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các TCTD; bảo đảm sự an toàn, hiệu quả của hệ thống thanh toán quốc gia; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của NHNN tại VietinBank (tại 31/12/2022): là 64,46% vốn điều lệ.

5.2. Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và cho đến ngày ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank có 07 công ty con, 01 ngân hàng con sở hữu trực tiếp và 01 ngân hàng góp vốn liên doanh, cụ thể:

1	**Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("VietinBank Capital"):**	
	- Trụ sở chính:	Tầng 6, Trung tâm thương mại Chợ Cửa Nam, 34 phố Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	26/10/2010.
	- Giấy phép hoạt động:	Số 50/UBCK-GP ngày 26/10/2010 của UBCKNN và sửa đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 102/GPĐC-UBCK ngày 09/11/2021 của UBCKNN.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	300 tỷ đồng.
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	300 tỷ đồng.
	- HĐKD chính:	Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục ủy thác đầu tư; tư vấn đầu tư chứng khoán và một số nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
2	**Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam "VietinBank Insurance hoặc VBI":**	

	- Trụ sở chính:	Tầng 10-11, Tòa nhà 126 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	17/12/2008.
	- Giấy phép hoạt động:	Số 21GP/KDBH ngày 12/12/2002 và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC33/KDBH ngày 03/03/2022 của Bộ Tài chính.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	666.666.670.000 đồng.
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	489.150.000.000 đồng.
	- HĐKD chính:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	73,37%.
3	**Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam "VietinBank Leasing":**	
	- Trụ sở chính:	16 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	26/01/1998 (theo Quyết định số 53/1998/QĐ-NHNN5 của NHNN)
	- GCNĐKKD:	Số 0101047075 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/8/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/11/2020
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	1.000 tỷ đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	1.000 tỷ đồng.
	- HĐKD chính:	Cho thuê tài chính đối với các doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức khác thuộc đối tượng cho vay vốn của TCTD theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
4	**Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam "VietinBank Securities":**	
	- Trụ sở chính:	306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	01/09/2000 (theo Quyết định số 126/QĐ-HĐQT-NHCT1 của HĐQT VietinBank)
	- Giấy phép hoạt động:	Số 107/UBCK-GP ngày 01/7/2009 của UBCKNN, Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 15/02/2022 và Giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 10/10/2022 của UBCKNN.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	1.487.383.110.000 đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	1.124.988.330.000 đồng
	- HĐKD chính:	Môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, lưu ký chứng khoán và các nghiệp vụ khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	75,64%.
5	**Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ("VietinBank Gold & Jewellery"):**	
	- Trụ sở chính:	Tầng 2 Tòa nhà Hoàng Thành, 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	15/09/2010 (theo Quyết định số 1521/QĐ-HĐQT-NHCT1 của HĐQT VietinBank)

	- GCNĐKKD:	Số 0105011873 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/11/2010, thay đổi lần 7 ngày 22/07/2019.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	200 tỷ đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	200 tỷ đồng
	- HĐKD chính:	Kinh doanh vàng, bạc, đá quý và các kim loại quý khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
6	**Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam "VietinBank AMC":**	
	- Trụ sở chính:	76 Nguyễn Văn Cừ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
	- Ngày thành lập:	10/07/2000.
	- GCNĐKKD:	Số 0302077030 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/07/2010, thay đổi lần 6 ngày 12/01/2021.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	120 tỷ đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	120 tỷ đồng
	- HĐKD chính:	Quản lý nợ và khai thác tài sản; định giá tài sản; tiếp nhận và xử lý nợ, tài sản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh; cho thuê tài sản; mua bán nợ theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%
7	**Công ty TNHH MTV Chuyển tiền Toàn cầu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam "VietinBank Money Transfer":**	
	- Trụ sở chính:	Tầng 3, Tòa nhà VietinBank, 126 Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội.
	- Ngày thành lập:	03/01/2012.
	- GCNĐKKD:	Số 0105757686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố. Hà Nội cấp ngày 03/01/2012, thay đổi lần 1 ngày 13/3/2015.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	50 tỷ đồng
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	50 tỷ đồng
	- HĐKD chính:	Kinh doanh dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ thu đổi ngoại tệ và các dịch vụ kiều hối khác theo quy định của pháp luật.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%.
8	**Ngân hàng TNHH Công Thương Việt Nam tại Lào ("VietinBank Laos"):**	
	- Trụ sở chính:	Số 268 đường Langxang, phường Hatsady, quận Chanthabouly, Thủ đô Vientian, CHDCND Lào.
	- Ngày thành lập:	03/02/2012.
	- Giấy phép đầu tư:	Số 4116/ERO ngày 10/11/2011 và Giấy phép đầu tư sửa đổi số 512/BLA ngày 13/07/2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cấp.
	- Giấy phép hoạt động:	Giấy phép thành lập Chi nhánh ngân hàng nước ngoài số 068/BOL ngày 27/01/2012 và Giấy phép chuyển đổi thành ngân

		hàng con số 068/BOL ngày 08/07/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lào.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	50 triệu USD
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	50 triệu USD (giá gốc quy đổi là 1.083.650 triệu đồng)
	- HĐKD chính:	Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành đăng ký kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo Giấy phép hoạt động do NHNN Lào cấp.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	100%
9	**Ngân hàng TNHH Indovina "IVB":**	
	- Trụ sở chính:	97A Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Thành phố. Hồ Chí Minh.
	- Ngày thành lập:	21/11/1990 (theo Giấy phép Đầu tư số 135/GP của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác)
	- GCNĐKKD hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 101/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 11/11/2019, thay thế cho Giấy phép hoạt động ngân hàng liên doanh số 08/NH-GP do NHNN cấp ngày 29/10/1992.
	- Lĩnh vực hoạt động:	Kinh doanh ngân hàng.
	- Vốn điều lệ đăng ký của Công ty:	193 triệu USD
	- Vốn thực góp của VietinBank tại Công ty:	96,5 triệu USD (giá gốc quy đổi là 1.688.788 triệu đồng)
	- HĐKD chính:	Kinh doanh ngân hàng và các hoạt động, nghiệp vụ được phép tiến hành kinh doanh theo quy định của pháp luật và theo Giấy phép hoạt động do NHNN cấp.
	- Tỷ lệ sở hữu của VietinBank tại Công ty:	50%.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Kể từ khi thành lập cho đến nay, VietinBank đã thực hiện 07 lần tăng vốn và chưa có lần giảm vốn điều lệ nào. Các lần tăng vốn của VietinBank như sau:

Thứ tự các lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Nội dung
	Ngày 03/07/2009	Vốn điều lệ của VietinBank theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 142/GP-NHNN ngày 03/07/2009 của NHNN và theo GCNĐKDN số 0103038874 ngày 03/07/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu là 11.252.972.800.000 đồng.
Lần 1	**Ngày 18/10/2010**	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 11.252.972.800.000 đồng. - Giá trị vốn tăng thêm: 3.919.318.410.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 15.172.291.210.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu (tỷ lệ 6,83%) và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 28%). - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ. - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành

Thứ tự các lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Nội dung
		phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 2	**Ngày 10/03/2011**	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 15.172.291.210.000 đồng - Giá trị vốn tăng thêm: 1.685.810.130.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 16.858.101.340.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho IFC và Quỹ đầu tư cấp vốn IFC; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 3	**Ngày 28/12/2011**	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 16.858.101.340.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 3.371.620.270.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 20.229.721.610.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 4	**Ngày 09/04/2012**	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 20.229.721.610.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 5.987.823.760.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 26.217.545.370.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 (tỷ lệ 20%) và phát hành cổ phiếu thường (tỷ lệ 9,6%) cho cổ đông hiện hữu; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 5	**Ngày 14/05/2013**	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 26.217.545.370.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 6.443.898.110.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 32.661.443.480.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd và hiện đã đổi tên thành MUFG Bank Ltd., - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).

Thứ tự các lần tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Nội dung
Lần 6	**Ngày 14/10/2013**	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 32.661.443.480.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 4.572.602.080.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 37.234.045.560.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (do pháp luật về chào bán chứng khoán tại thời điểm này không quy định Tổ chức phát hành phải kiểm toán Báo cáo tiến độ sử dụng vốn).
Lần 7	**Ngày 08/07/2021**	- Vốn điều lệ trước khi tăng: 37.234.045.560.000 đồng; - Giá trị vốn tăng thêm: 10.823.460.530.000 đồng; - Vốn điều lệ sau khi tăng: 48.057.506.090.000 đồng; - Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017, 2018 và 2019 (tỷ lệ 29,0695%) cho cổ đông hiện hữu; - Đơn vị cấp phép/chấp thuận tăng vốn: Thủ tướng Chính phủ, NHNN, UBCKNN và ĐHĐCĐ; - Ý kiến của đơn vị kiểm toán: Không có (vì lần tăng vốn này thực hiện thông qua hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế, trích quỹ các năm 2017, 2018 và phần lợi nhuận còn lại sau thuế, trích quỹ và chia cổ tức bằng tiền mặt của năm 2019, không phải chào bán/phát hành cổ phiếu để thực hiện dự án nên không phải kiểm toán Báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán theo quy định của pháp luật hiện hành).

(Nguồn: VietinBank)

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành của Tổ Chức Phát Hành

7.1. Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi

Thông tin chi tiết về cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi đang lưu hành của VietinBank tại thời điểm 31/03/2023 như sau:

STT	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết
1	**Cổ phiếu phổ thông**	**4.805.750.609**	**100%**
I	***Cổ phiếu phổ thông do tổ chức nắm giữ:***	***4.615.867.205***	**96,05%**
1.1	Tổ chức trong nước, trong đó:	3.269.965.658	68,04%
	- NHNN (Cổ đông Nhà nước)	*3.097.932.535*	*64,46%*
	- Công đoàn của VietinBank	*55.157.526*	*1,15%*
	- Tổ chức trong nước khác	*116.875.597*	*2,43%*
	- Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	*65.446.971*	*1,36%*
	+ Các tổ chức khác	*51.428.626*	*1,07%*
1.2	Tổ chức nước ngoài, trong đó:	1.345.901.547	28,01%
	- MUFG Bank Ltd., (Cổ đông Chiến lược)	*948.150.205*	*19,73%*

STT	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết
	- Các tổ chức khác	*397.751.342*	*8,28%*
2	***Cổ phiếu phổ thông do cá nhân nắm giữ:***	***189.883.404***	**3,95%**
2.1	Cá nhân trong nước	186.445.942	*3,88%*
2.2	Cá nhân nước ngoài	3.437.462	*0,07%*
II	**Cổ phiếu ưu đãi**	**0**	**0,00%**
	Tổng cộng	**4.805.750.609**	**100%**

(Nguồn: theo Danh sách cổ đông chốt ngày 31/03/2023 do VSD cung cấp)

7.2. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank đã phát hành và đang lưu hành 36.326,23 tỷ đồng trái phiếu theo mệnh giá, bao gồm cả trái phiếu phát hành riêng lẻ và ra công chúng. Toàn bộ các trái phiếu đang lưu hành của VietinBank đều là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (trái phiếu tăng vốn).

Thông tin chi tiết về các trái phiếu đang lưu hành của VietinBank tại ngày ký Bản Cáo Bạch này như sau:

STT	Tên trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá	Số lượng trái phiếu (TP)	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Lãi suất TP
I	**Trái phiếu phát hành ra công chúng**				**160.214.810**	**20.907,23**		
1	Năm 2018	29/6/2018	10 năm	10.000.000 *(Mười triệu)* đồng/TP	243.510	2.435,10		LSTC+0,8%
2	Năm 2019	27/9/2019	10 năm		200.000	2.000,00		LSTC+1,2%
		29/10/2019			50.000	500		LSTC+1,2%
3	Năm 2020	30/7/2020	8 năm	100.000 *(Một trăm nghìn)* đồng/TP	35.000.000	3.500,00		LSTC+0,9%
			10 năm		35.000.000	3.500,00		LSTC+1%
		24/9/2020	8 năm		11.767.700	1.176,77		LSTC+0,9%
			10 năm		12.824.500	1.282,45		LSTC+1%
4	Năm 2021	18/11/2021	8 năm		30.207.100	3.020,71		LSTC+0,9%
			10 năm		34.922.000	3.492,20		LSTC+1%
II	**Trái phiếu phát hành riêng lẻ**				**15.419**	**15.419**		
1	Năm 2015	26/6/2015	10 năm 1 ngày	01 tỷ đồng/TP	450	450	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	7,4% cho 5 năm đầu và 7,9% cho các năm còn lại
2	Năm 2018	13/6/2018	10 năm		800	800		LSTC+0,8%
		21/6/2018	15 năm		180	180		LSTC+0,8%
		1/11/2018	15 năm		100	100		LSTC+1,1%
3	Năm 2019	30/7/2019	15 năm		50	50		LSCĐ 8,2%
		15/8/2019	10 năm		100	100		LSTC+1,2%
4	Năm 2020	22/5/2020	15 năm		50	50		LSTC+1,2%
		29/6/2020	8 năm		500	500		LSTC+1,1%
		8/7/2020	15 năm		500	500		LSCĐ 7,85%
		4/8/2020	15 năm		100	100		LSCĐ 7,85%

5	Năm 2021	10/5/2021	8 năm	01 tỷ đồng/TP	1.500	1.500	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 0,9%
			15 năm		85	85		LSCĐ 6,7%
		1/7/2021	8 năm		100	100		LSTC + 0,8%
		28/7/2021	15 năm		700	700		LSCĐ 6,75%
			15 năm		50	50		LSCĐ 6,7%
		29/7/2021	15 năm		100	100		LSCĐ 6,7%
			10 năm		1.000	1.000		LSTC + 1%
		16/8/2021	8 năm		720	720		LSTC + 0,9%
		25/8/2021	7 năm		34	34		LSTC + 0,6%
		8/9/2021	8 năm		700	700		LSTC + 0,9%
		10/9/2021	8 năm		700	700		LSTC + 0,9%
		13/9/2021	8 năm		600	600		LSTC + 0,9%
		17/9/2021	15 năm		50	50		LSCĐ 6,7%
		24/9/2021	8 năm		50	50		LSTC + 0,9%
		14/10/2021	15 năm		50	50		LSCĐ 6,7%
		25/10/2021	7 năm		400	400		LSTC + 0,6%
		29/11/2021	15 năm		140	140		LSCĐ 6,5%
6	Năm 2022	3/6/2022	15 năm	01 tỷ đồng/TP	100	100	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
		24/6/2022	15 năm		200	200		LSCĐ 6,8%
		29/6/2022	8 năm		1.200	1.200		LSTC +0,9%
		7/7/2022	8 năm		195	195		LSTC +0,9%
		19/7/2022	8 năm		50	50		LSTC +0,9%
		21/7/2022	15 năm		185	185		LSCĐ 6,8%
		26/7/2022	8 năm		70	70		LSTC +0,9%
		28/7/2022	15 năm		40	40		LSCĐ 6,8%
		2/8/2022	8 năm		50	50		LSTC +0,9%
		19/8/2022	15 năm		100	100		LSCĐ 6,9%
		23/8/2022	8 năm		230	230		LSTC +0,9%
		30/8/2022	15 năm		100	100		LSTC +1,2%
		8/9/2022	10 năm		90	90		LSCĐ 6,8%
		15/9/2022	8 năm		3.000	3.000		LSTC +1,1%
Tổng cộng (= I + II)					**160.230.229**	**36.326,23**		

(Nguồn: VietinBank)

*Ghi chú: "**LSTC**" là lãi suất tham chiếu, là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) của 4 ngân hàng tại Việt Nam: VietinBank, Vietcombank, BIDV và AgriBank; "**LSCĐ**" là lãi suất cố định, áp dụng trong suốt thời hạn trái phiếu.*

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Đặc điểm HĐKD

8.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ (SPDV)

SPDV CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN (KHCN)

(a) Ngân hàng số: Dịch vụ ngân hàng số của VietinBank hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất cứ nơi đâu với một thiết bị kết nối Internet.

- *VietinBank iPay*: Là dịch vụ Ngân hàng số cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng trên máy tính hay thiết bị di động có kết nối Internet, hỗ trợ khách hàng chủ động quản lý thông tin tài khoản và thực hiện giao dịch an toàn với nhiều hình thức bảo mật và xác thực với các chức năng chính: Quản lý tài chính cá nhân, Chuyển khoản, Gửi và tất toán tiết kiệm trực tuyến, Thanh toán hóa đơn trực tuyến, Trả nợ vay trực tuyến...
- *VietinBank iPay Mobile*: Là ứng dụng Ngân hàng số trên điện thoại di động thông minh, cho phép khách hàng thực hiện nhiều giao dịch với hạn mức giao dịch cao phù hợp với nhu cầu của từng khách hàng. Bên cạnh việc sử dụng tất cả các chức năng của VietinBank iPay, VietinBank iPay Moblie còn có các tính năng vượt trội như: Mở tài khoản trực tuyến, Thanh toán QRPay, Thanh toán hóa đơn các loại, Gửi tiền và vay trực tuyến với nhiều hình thức, Mua sắm trực tuyến, Đặt mua và thanh toán bằng thẻ tín dụng, ...
- *Bank Plus*: Là dịch vụ Ngân hàng số của VietinBank đối với khách hàng sử dụng sim điện thoại Viettel, hỗ trợ các chức năng: Chuyển khoản trong hệ thống VietinBank, Thanh toán hóa đơn Viettel và Truy vấn số dư tài khoản.
- *SMS Banking*: Là dịch vụ Ngân hàng qua tin nhắn trên điện thoại di động, giúp khách hàng cập nhật tức thì các thông tin biến động số dư, biến động thông tin tài khoản hoặc thông báo đến hạn khoản vay.

(b) Tiền gửi

- Tiền gửi không kỳ hạn:
  - Tiền gửi thanh toán: Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR,... cho khách hàng cá nhân với các tiện ích như: được gửi và rút tiền tại bất kỳ thời điểm và địa điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được sử dụng các dịch vụ tiện ích gia tăng: SMS Banking, Mobile Banking, Internet banking, thẻ ghi nợ nội địa (ATM)/thẻ ghi nợ quốc tế (Visa Debit), ... được phát hành séc; được hưởng bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
  - Tiết kiệm không kỳ hạn thông thường: Là sản phẩm tiền gửi VND, USD, EUR cho KHCN với các tiện ích như: được gửi thêm hoặc rút tiền vào bất kỳ thời điểm và tại bất kỳ điểm giao dịch nào trong giờ giao dịch của ngân hàng; được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được cầm cố sổ/thẻ tiết kiệm để vay vốn; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; được lựa chọn phương thức thanh toán; được xác nhận số dư; được sử dụng các tiện ích gia tăng khác; được bảo mật tuyệt đối; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND.
- Tiết kiệm có kỳ hạn/tiền gửi có kỳ hạn:
  - Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường/tiền gửi có kỳ hạn thông thường: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn cho KHCN với tiền VND, USD, EUR với các tiện ích như: gửi/tất toán tại bất kỳ điểm giao dịch của VietinBank, được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; có thể ủy quyền cho người khác lĩnh lãi và rút tiền gửi; được sử dụng để cầm cố vay vốn tại ngân hàng; được xác nhận số dư tiền gửi cho các mục đích hợp pháp; được lựa chọn phương thức thanh toán lãi/gốc.
  - Tiền gửi tiết kiệm ưu đãi tỷ giá: Là sản phẩm tiền gửi dành cho khách hàng bán ngoại tệ tại VietinBank để gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam với số tiền gửi tối thiểu bằng số tiền ngoại

tệ quy đổi ra VNĐ. Ngoại tệ của khách hàng được mua với tỷ giá ưu đãi so với tỷ giá niêm yết, đồng thời khoản tiền gửi tiết kiệm VND được hưởng lãi suất ưu đãi so với lãi suất tiền gửi tiết kiệm thông thường, được bảo hiểm tiền gửi bằng VND.

- Tiền gửi tiết kiệm tích lũy: là hình thức gửi góp theo định kỳ hàng tháng, phục vụ KHCN có thu nhập ổn định, có kế hoạch tích lũy một khoản tiền lớn trong tương lai cho bản thân hoặc gia đình, Khách hàng được gửi thêm hoặc rút tiền vào bất kỳ thời điểm nào và tại bất kỳ điểm giao dịch VietinBank trong giờ giao dịch của ngân hàng; được nhận các khoản lãi đến hạn tự động; được bảo hiểm tiền gửi bằng VND; được mở tài khoản đồng chủ sở hữu hoặc chuyển quyền sở hữu; có thể ủy quyền cho người khác lĩnh lãi và rút tiền tiết kiệm; được sử dụng để cầm cố vay vốn tại ngân hàng; được xác nhận số dư tiền gửi cho các mục đích hợp pháp;

- Tiết kiệm trực tuyến: Là sản phẩm tiết kiệm VND cho KHCN với kỳ hạn từ 1 đến 36 tháng, lãi suất hấp dẫn, được gửi và tất toán mọi lúc mọi nơi, an toàn và bảo mật.
- GTCG gồm: Kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu được VietinBank phát hành trong từng thời kỳ với mức lãi suất hấp dẫn và cạnh tranh, được chuyển nhượng và cầm cố GTCG để vay vốn hoặc bảo lãnh cho người thứ 3 vay vốn tại VietinBank hoặc các TCTD khác.

(c) Thẻ

VietinBank cung cấp đa dạng các loại thẻ và dịch vụ thẻ cho KHCN và cả KHDN. Ngoài việc cung cấp dịch vụ thanh toán truyền thống như Rút tiền, chuyển khoản liên ngân hàng tại ATM, Thanh toán mua bán hàng hóa dịch vụ qua máy cà thẻ POS/mPOS, VietinBank hỗ trợ nhiều dịch vụ tiện ích như: Dịch Vụ Thanh Toán Trực Tuyến; Dịch Vụ Nộp Tiền Vào Tài Khoản Tại ATM Deposit; Dịch Vụ SMS Banking; Dịch Vụ Gửi Tiết Kiệm Tại ATM; Dịch Vụ Rút Tiền Không Dùng Thẻ; Dịch vụ Thanh toán hóa đơn, Dịch vụ Tự động thu nợ khoản vay, Tự động thu nợ thẻ tín dụng, Dịch vụ Trả lương qua thẻ, Dịch vụ thu học phí, Thu viện phí, Dịch Vụ Nhận Tiền Kiều Hối Qua Thẻ ATM, Dịch Vụ nạp tiền vào điện thoại VNTOP UP. Các sản phẩm thẻ hiện nay của VietinBank cung cấp cho KHCN bao gồm:

- Thẻ ghi nợ nội địa: đa dạng theo từng đối tượng khách hàng: thẻ dành cho KH cao cấp VietinBank E-Partner Chip Contactless Premium, VietinBank E-Partner Chip Contactless, VietinBank E-Partner Vpay.
- Thẻ tín dụng nội địa: VietinBank iZero, Thẻ Tài chính cá nhân.
- Thẻ ghi nợ quốc tế: VietinBank Visa Debit Vpay, VietinBank Visa Debit Sống khỏe, Thẻ ghi nợ Quốc Tế Premium Banking, Visa Debit EMV USD, Visa Debit Sakura.
- Thẻ tín dụng quốc tế: VietinBank Mastercard Cashback, VietinBank Visa/ Mastercar/ JCB Platinum, Thẻ Visa Signature, Thẻ Tín Dụng Quốc Tế Premium Banking; Thẻ tín dụng đồng thương hiệu như Thẻ VietinBank JCB Platinum Vietnam Airlines; Thẻ Tín Dụng Quốc Tế VietinBank JCB Ultimate Vietnam Airlines; Thẻ Tín Dụng Visa Paywave SaigonCoop.
- Thẻ Quà tặng nội địa và Thẻ quà tặng quốc tế.

(d) Cho vay

Các sản phẩm cho vay do VietinBank cung cấp rất đa dạng, phong phú đặc biệt đối với các KHCN.

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: Vietinbank cung cấp đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng: Cho vay mua, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; Cho vay mua nhà dự án ; Cho vay mua nhà ở xã hội; Cho vay mua ô tô; Gói sản phẩm cho vay du học; Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống cán bộ nhân viên; Cho vay phát hành thẻ tài chính cá nhân; Cho vay thấu chi phục vụ nhu cầu đời sống; Cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao...

- Cho vay SXKD: là giải pháp tài chính đối với các KHCN phục vụ HĐKD với các nhu cầu đa dạng như: Cho vay phục vụ phát triển Nông nghiệp Nông thôn; Cho vay phát triển thủy sản; Cho vay phục vụ hoạt động đầu tư/kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Cho vay đầu tư, xây dựng địa điểm kinh doanh; Cho vay nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, xây dựng, sửa chữa nhà để ở và kinh doanh một phần; Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Hợp tác kinh doanh thuốc; Cho vay kinh doanh tại chợ; Cho vay Sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ: Cho vay SXKD siêu nhỏ; Cho vay mua ô tô; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng số dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD; Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán…

(e) Bảo hiểm

- Bảo hiểm Nhân thọ: VietinBank hợp tác với Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Manulife Việt Nam (MVL) cung cấp các giải pháp Tài chính - Bảo hiểm toàn diện, ưu việt cho Khách hàng. Danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng như: các sản phẩm bảo hiểm liên kết Đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các SP Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe nhóm sản phẩm bảo hiểm bổ trợ với các quyền lợi hỗ trợ y tế, bệnh lý… giúp bảo vệ cho cả gia đình của Khách hàng. Vietinbank hợp tác chặt chẽ với đối tác MVL để liên tục đưa ra các chính sách sản phẩm/cơ chế khuyến mại hấp dẫn nhằm giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận với Sản phẩm Bảo hiểm nhân thọ
- Bảo hiểm Phi nhân thọ: VietinBank liên kết chặt chẽ cùng Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VBI) cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của KHCN như: Bảo hiểm Sức khoẻ, Bảo hiểm Người vay vốn, Bảo hiểm Tai nạn cá nhân, Bảo hiểm Ô tô, Bảo hiểm Xe máy, Bảo hiểm Nhà tư nhân, Bảo hiểm Du lịch (trong nước và quốc tế), Bảo hiểm thẻ, Bảo hiểm Ung thư, Bảo hiểm trễ chuyến bay... Khách hàng có thể dễ dàng lựa chọn và tham gia sản phẩm tại tất cả các Chi nhánh VietinBank trên toàn quốc, cũng như có thể mua trực tuyến và được hỗ trợ giải pháp khai báo bồi thường online qua ứng dụng My VBI. VietinBank và VBI tự hào là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng CNTT nhằm mang đến những trải nghiệm tuyệt vời cho Khách hàng trong quá trình tham gia sản phẩm.

SPDV CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (KHDN)

Là ngân hàng lớn, giữ vai trò chủ đạo, trụ cột trong hệ thống NHTM tại Việt Nam, VietinBank cung cấp SPDV tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích, tiêu chuẩn quốc tế. VietinBank luôn song hành với sự đổi mới của nền kinh tế, góp phần nâng cao năng lực SXKD và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, trở thành địa chỉ tin cậy cung ứng vốn cho các dự án trọng điểm quốc gia, các ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

VietinBank luôn nỗ lực mang đến những giải pháp tài chính toàn diện cùng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của các KHDN.

(a) Tiền gửi

VietinBank cung cấp đa dạng các sản phẩm tiền gửi và dịch vụ quản lý tài khoản, cho phép doanh nghiệp quản lý dòng tiền một cách chính xác, hiệu quả, qua đó tối ưu khả năng sinh lời của nguồn vốn nhàn rỗi cũng như đáp ứng nhanh chóng nhu cầu thanh toán, chi tiêu phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

- *Tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán*: Cho phép doanh nghiệp thực hiện gửi/rút tiền mặt, thực hiện các giao dịch thanh toán chuyển khoản tới các đối tác trong/ngoài nước thuận tiện, nhanh chóng.
- *Tiền gửi có kỳ hạn*: Doanh nghiệp chủ động lựa chọn kỳ hạn gửi tiền và hình thức lĩnh lãi đa dạng, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- *Tiền gửi ký quỹ*: Doanh nghiệp vừa được xác nhận về khoản tiền đã ký quỹ tại VietinBank để chứng minh năng lực tài chính trong các lĩnh vực/ngành nghề/dịch vụ mà pháp luật Việt Nam

quy định phải ký quỹ, đồng thời vẫn được hưởng lãi tiền gửi có kỳ hạn hoặc không kỳ hạn.

- *Đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động*: Doanh nghiệp được tối ưu hóa việc sử dụng dòng tiền nhàn rỗi, định kỳ theo tần suất đã thỏa thuận, VietinBank tự động chuyển số dư vượt ngưỡng trên tài khoản thanh toán của doanh nghiệp để gửi tiền gửi có kỳ hạn và ngược lại.

(b) Cho vay

Là một trong những ngân hàng có quy mô VCSH lớn nhất Việt Nam, sở hữu hệ thống chi nhánh, điểm giao dịch rộng khắp trên toàn quốc cùng đội ngũ nhân viên tận tình, chuyên nghiệp, VietinBank cam kết cung cấp các giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn cũng như vốn trung dài hạn của doanh nghiệp. VietinBank tự hào là đối tác tin cậy giúp hiện thực hóa các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cho vay ngắn hạn: VietinBank đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu vay vốn lưu động trên cơ sở dòng tiền và kế hoạch SXKD của doanh nghiệp;
  - Cho vay vốn lưu động: Đáp ứng mọi nhu cầu vốn lưu động thường xuyên, hợp pháp cho hoạt động SXKD của doanh nghiệp.
  - Cho vay thấu chi: Cho phép doanh nghiệp chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của khách hàng để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp.
  - Các sản phẩm tài trợ theo hệ sinh thái dành cho doanh nghiệp chính và các nhà cung cấp/nhà phân phối: VietinBank luôn đi đầu trong việc chuyên biệt hóa sản phẩm phục vụ cho từng đối tượng khách hàng và các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, trong đó từ mối quan hệ hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp chính, Vietinbank cung cấp các giải pháp hỗ trợ tài chính cho các nhà phân phối/nhà cung cấp của doanh nghiệp chính với quy trình cấp và quản lý tín dụng phù hợp với đặc thù kinh doanh của hệ sinh thái, cung cấp trên đa dạng các kênh phân phối (kênh quầy, kênh điện tử) với chi phí tài chính cạnh tranh.
- Cho vay trung và dài hạn: VietinBank đồng hành và tài trợ nguồn vốn trung dài hạn dành cho doanh nghiệp để đầu tư dự án hay mở rộng hoạt động SXKD
  - Cho vay đầu tư dự án: Đáp ứng nhu cầu vốn trung và dài hạn dành cho doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư mới hoặc dự án nâng cấp, mở rộng hoạt động SXKD.
  - Cho vay hợp vốn: VietinBank cùng một hoặc một số TCTD khác thực hiện cho vay đối với một dự án vay vốn hoặc phương án vay vốn của doanh nghiệp.
  - Cho vay chuyên biệt: VietinBank cung cấp đa dạng giải pháp, đáp ứng linh hoạt nhu cầu vay vốn chuyên biệt của doanh nghiệp như cho vay mua xe ô tô, cho vay đại lý kinh doanh ô tô, cho vay đầu tư tài sản cố định...

(c) Dịch vụ thanh toán và Quản lý dòng tiền

VietinBank cung cấp đa dạng dịch vụ thanh toán và quản lý dòng tiền cho khách hàng doanh nghiệp, tổ chức, bao gồm:

- Thanh toán, chuyển tiền: Với việc tham gia triển khai các thỏa thuận song phương, đa phương trong việc xây dựng đa dạng các hệ thống kết nối thanh toán điện tử, VietinBank có khả năng cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế một cách nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại (internet banking, mobile banking...) của VietinBank.
- Quản lý khoản phải thu: Với hệ thống các kênh giao dịch hiện đại, mạng lưới quầy giao dịch của VietinBank và các điểm giao dịch/kênh giao dịch của các đối tác liên kết rộng khắp trên cả nước, VietinBank cung cấp đa dạng các giải pháp thu hộ cho doanh nghiệp nhằm đưa dòng tiền của doanh nghiệp về tài khoản mở tại VietinBank một cách nhanh chóng, thuận tiện và chính xác nhất, hỗ trợ doanh nghiệp đối trừ công nợ thông qua báo cáo quản lý khoản phải thu hoặc

tích hợp trực tiếp với Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) của doanh nghiệp. Dịch vụ quản lý khoản phải thu bao gồm dịch vụ thu hộ qua tài khoản ảo, thanh toán hóa đơn, thu hộ theo lô, ủy nhiệm thu, thu hộ tiền mặt tại điểm chỉ định,...

- Quản lý khoản phải trả: Với công nghệ hiện đại tiên tiến, mạng lưới rộng khắp cùng mối quan hệ gắn kết lâu năm, VietinBank đã kết nối hệ thống với các nhà cung cấp dịch vụ, kho bạc nhà nước, thuế, hải quan, cơ quan bảo hiểm xã hội, liên đoàn lao động,... để cung cấp các dịch vụ đáp ứng toàn bộ nhu cầu thanh toán khoản phải trả của doanh nghiệp như chi lương, thanh toán thuế, bảo hiểm, thanh toán hóa đơn, thanh toán kinh phí công đoàn, phải trả các nhà cung cấp đầu vào,...Các dịch vụ được thực hiện đơn giản qua các kênh giao dịch của VietinBank hoặc tích hợp thực hiện trực tiếp trên Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) của doanh nghiệp.
- Quản lý dòng tiền tập trung: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp quản lý và điều tiết dòng tiền một cách tự động, linh hoạt giữa tài khoản thanh toán của doanh nghiệp và các đơn vị thành viên mở tại VietinBank, đảm bảo khả năng thanh khoản trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tần suất điều chuyển, số tiền điều chuyển được cài đặt linh hoạt, hệ thống VietinBank xử lý điều tiết dòng tiền hoàn toàn tự động, đáp ứng các nhu cầu đa dạng của doanh nghiệp.
- Nộp Ngân sách Nhà nước: Với hệ thống kết nối trực tiếp với Tổng Cục Thuế và Tổng Cục Hải Quan, VietinBank có thể hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế nội địa và thuế xuất nhập khẩu, các khoản phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính một cách nhanh chóng, thuận tiện thông qua các hình thức đa dạng và tiện ích như tại các quầy giao dịch của VietinBank, qua Internet Banking/Mobile Banking, qua cổng thông tin của Tổng Cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trong những năm qua, VietinBank đã tích cực phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan ứng dụng công nghệ triển khai nhiều giải pháp nộp thuế tiện ích cho khách hàng như Nộp thuế điện tử, Nộp thuế hải quan điện tử và thông quan 24/7, Hải quan điện tử nhờ thu...đáp ứng xử lý tự động các yêu cầu nộp thuế của cá nhân, doanh nghiệp, mọi lúc, mọi nơi.
- Thu phí, lệ phí cho các Sở/ban/ngành kết nối với Cổng một cửa quốc gia: Với mong muốn đẩy nhanh tiến độ thông quan hàng hóa, tiết kiệm chi phí lưu kho, lưu bãi cho các doanh nghiệp, VietinBank đã tiên phong phối hợp với Tổng cục Hải quan xây dựng giải pháp và triển khai dịch vụ thu phí, lệ phí cho các cơ quan quản lý có kết nối trao đổi thông tin điện tử với Cổng một cửa quốc gia và kết nối trực tiếp với hệ thống thu phí của cơ quan ban ngành địa phương. Giải pháp đã được triển khai thành công cho việc thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng cửa khẩu, cảng biển tại Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh là cơ sở để tiếp tục phối hợp triển khai cho các Sở/ban/ngành.
- Thu phí, lệ phí dịch vụ hành chính công và nộp thuế trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng Dịch vụ công trực tuyến các tỉnh/TP: Triển khai chỉ đạo của Chính phủ trong việc đẩy mạnh thanh toán điện tử trong lĩnh vực hành chính công, thực hiện cải cách hành chính, xây dựng nền tảng cho Chính phủ điện tử và thành phố thông minh, VietinBank đã tiên phong xây dựng giải pháp tích hợp thanh toán đáp ứng cho người dân và doanh nghiệp thực hiện nộp phí, lệ phí cho các Sở/ban/ngành trên Cổng thông tin điện tử của các Tỉnh/Thành phố. Với việc triển khai thành công các giải pháp thanh toán tiện lợi cho người dân, doanh nghiệp, VietinBank đã vinh dự được Văn Phòng Chính Phủ lựa chọn là Ngân hàng phối hợp triển khai các giải pháp thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tích hợp toàn bộ các dịch vụ hành chính công của các Sở/ban/ngành/địa phương. VietinBank đã và đang phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các đơn vị liên quan triển khai cung ứng dịch vụ thanh toán trên Cổng Dịch vụ công quốc gia như: Thu phí, lệ phí, Thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông, Nộp BHXH tự nguyện, gia hạn thẻ BHYT, Nộp thuế cá nhân, thuế đất đai, lệ phí trước bạ, thanh toán viện phí và các dịch vụ thanh toán khác theo lộ trình triển khai của Văn phòng Chính phủ.
- Thu kinh phí công đoàn: VietinBank được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam lựa chọn là Ngân hàng phối hợp triển khai thu kinh phí công đoàn qua một tài khoản của Công đoàn Việt Nam tại VietinBank. Giải pháp đáp ứng việc quản lý tập trung nguồn thu kinh phí công đoàn

và tự động phân bổ kinh phí công đoàn về cho các cấp theo cấu trúc và tỷ lệ quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Thông qua giải pháp này, các giao dịch thu nộp kinh phí công đoàn của doanh nghiệp được thực hiện nhanh chóng, tự động; dữ liệu được công khai, minh bạch, tập trung; hỗ trợ cho công tác chỉ đạo, giám sát, đôn đốc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thu kinh phí công đoàn.

- Nộp BHXH, BHYT, BHTN bằng phương thức điện tử: Phối hợp với BHXH Việt Nam triển khai ứng dụng công nghệ nhằm cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, VietinBank đã xây dựng giải pháp thu nộp tiền BHXH, BHYT, BHTN, đáp ứng cho khách hàng thực hiện nộp tiền bảo hiểm tại các kênh giao dịch của VietinBank, thông tin nộp bảo hiểm sau đó sẽ được gửi đến cơ quan bảo hiểm để ghi nhận nhanh chóng cho Người được bảo hiểm, nhờ đó quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn nguồn thu và lợi ích cho người lao động.
- Chứng khoán phái sinh: Với uy tín trong việc phối hợp với các cơ quan quản lý ứng dụng hiệu quả công nghệ và triển khai các giải pháp thanh toán hiện đại, VietinBank đã được UBCKNN lựa chọn là Ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán phái sinh. Theo đó VietinBank thực hiện toàn bộ các giao dịch thanh toán, bù trừ chứng khoán phái sinh, đáp ứng yêu cầu rất khắt khe của thị trường về tốc độ xử lý và an toàn, bảo mật tuyệt đối. Đồng thời VietinBank cũng phối hợp hiệu quả với UBCKNN, VSD, SGDCK và 23 công ty chứng khoán triển khai thành công sản phẩm Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ 10 năm, góp phần đa dạng hóa sản phẩm giao dịch trên thị trường. Giải pháp của VietinBank đã đóng góp tích cực vào việc củng cố lòng tin của nhà đầu tư và sự phát triển của thị trường tài chính mới mẻ này tại Việt Nam.

(d) Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam xử lý tập trung nghiệp vụ TTQT & TTTM, bên cạnh các sản phẩm truyền thống đang được VietinBank cung cấp rất hiệu quả cho khách hàng như: Thư tín dụng xuất nhập khẩu, nhờ thu xuất nhập khẩu, chuyển tiền ngoại tệ, bảo lãnh, tái bảo lãnh..., VietinBank luôn tiên phong phát triển các sản phẩm TTQT & TTTM mới, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu như một số sản phẩm đặc thù sau:

- **UPAS LC (Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán trả ngay):** VietinBank triển khai ngay từ năm 2013 và không ngừng cải tiến nhằm tăng thêm lựa chọn cho khách hàng. Là ngân hàng uy tín hàng đầu Việt Nam có quan hệ ngân hàng đại lý khắp các châu lục, VietinBank luôn được cấp hạn mức lớn nhất, lãi suất tốt nhất trên thị trường, từ đó chuyển hóa thành mức phí dịch vụ hấp dẫn cho khách hàng.
- **Thư tín dụng nội địa:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc thanh toán thư tín dụng bằng VND cho các hợp đồng mua bán trong nước, VietinBank đang tích cực triển khai sản phẩm Thư tín dụng nội địa. Ngoài ưu thế về nguồn vốn VND mạnh nhất thị trường, VietinBank tự tin thực hiện các giao dịch LC nội địa nhanh nhất, hiệu quả nhất cho khách hàng và đối tác thông qua mạng lưới 155 chi nhánh, hơn 1.000 điểm giao dịch tại các tỉnh, thành và xử lý tập trung cho cả bên bán và bên mua tại Trung tâm TTTM.
- **Hợp tác Ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm:** Với khách hàng xuất khẩu hàng hóa theo LC trả chậm, VietinBank cung cấp sản phẩm "Hợp tác ngân hàng đại lý chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC trả chậm". Khách hàng được bổ sung vốn lưu động kịp thời, được đảm bảo rủi ro thanh toán trong trường hợp Ngân hàng phát hành LC mất khả năng thanh toán và hưởng mức lãi suất chiết khấu cạnh tranh.
- **Bao thanh toán:** VietinBank hiện là thành viên chủ chốt của Hiệp hội Bao thanh toán quốc tế FCI. VietinBank luôn được các đại lý bao thanh toán nhập khẩu/bên mua xếp hạng cao. Với tiềm lực vốn mạnh, không chỉ chào được lãi suất chiết khấu cạnh tranh, cùng uy tín và danh tiếng của mình, VietinBank luôn có các đối tác để đảm bảo rủi ro thanh toán bên nhập

khẩu/bên mua với mức phí thấp nhất giúp mang lại giải pháp tài chính hiệu quả nhất cho khách hàng. Bên cạnh các sản phẩm Bao thanh toán truyền thống, VietinBank còn cung cấp sản phẩm Bao thanh toán hiện đại là Bao thanh toán trong Tài trợ chuỗi cung ứng, mang lại nhiều giải pháp tiện ích hơn nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhiều đối tượng khách hàng.

- **Chuyển tiền ngoại tệ đặc thù:** Chuyển tiền ngoại tệ cũng là một thế mạnh của VietinBank với danh mục sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hiệu quả. Ngoài sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ truyền thống, VietinBank cung cấp cho khách hàng sản phẩm chuyển tiền ngoại tệ đặc thù, mang tính cạnh tranh như: chuyển tiền đa tệ ghi có cho người hưởng bằng các loại ngoại tệ khác nhau ngay cả đồng tiền bản tệ, đồng tiền không tự do chuyển đổi với tỷ giá cạnh tranh; Ngoài ra, VietinBank có thể đảm bảo các khoản chuyển tiền ngoại tệ của khách hàng trước giờ cut-off time tới thị trường châu Á được ghi có cho ngân hàng hưởng nhanh nhất trong ngày giao dịch; VietinBank cũng cung cấp dịch vụ thanh toán biên mậu đồng Nhân dân tệ, Việt Nam đồng tại khu vực cửa khẩu Việt Nam – Trung Quốc.
- **Kênh giao dịch TTTM qua Internet Banking (VietinBank Trade Portal):** VietinBank là NHTM Việt Nam đầu tiên phát triển thành công kênh TTTM qua Internet Banking. Khách hàng có thể gửi đề nghị thực hiện giao dịch TTTM, nhận kết quả giao dịch 24/7 trên hệ thống kết nối Internet.

Ngoài ra, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, VietinBank tiếp tục phát triển và triển khai đa dạng các sản phẩm khác, tích cực hợp tác với các ngân hàng quốc tế mang đến những giải pháp tốt nhất với chi phí hợp lý nhất cho khách hàng như tài trợ xuất khẩu, thư tín dụng theo chương trình hỗ trợ xuất khẩu nông sản Mỹ, tài trợ nhập khẩu theo các chương trình bảo lãnh tín dụng xuất khẩu (ECA), tài trợ chuỗi cung ứng, tài trợ nhà phân phối…

(e) Sản phẩm bảo lãnh

Vietinbank là ngân hàng hàng đầu trong việc cung cấp các sản phẩm bảo lãnh đến khách hàng như bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh thanh toán, SBLC… Trong hành trình phát triển Vietinbank luôn chú trọng vào nâng cao trải nghiệm khách hàng, không ngừng đổi mới sáng tạo tư vấn và cung cấp cho khách hàng các cấu trúc bảo lãnh phù hợp với đặc thù của từng khách hàng.

(f) Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn

VietinBank cung cấp các SPDV đáp ứng nhanh chóng, kịp thời các nhu cầu giao dịch ngoại tệ đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro tỷ giá. Đồng thời, VietinBank đã triển khai hệ thống hỗ trợ mua bán ngoại tệ online (FX Online 24/7) trên kênh eFAST áp dụng cho đối tượng KHDN (bên cạnh các dịch vụ mua, bán, chuyển tiền ngoại tệ Online trên kênh VietinBank iPay dành cho đối tượng khách hàng cá nhân)- trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam triển khai dịch vụ hiện đại này, đáp ứng nhu cầu giao dịch hiệu quả, an toàn đi đầu trong xu hướng làm việc online mọi lúc (bao gồm cả nhu cầu giao dịch trong phiên, ngoài phiên, ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ…), tại nhà hoặc bất kỳ đâu mà không phụ thuộc vào vị trí, khoảng cách địa lý:

- Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: Với thế mạnh về nguồn vốn ngoại tệ cùng mạng lưới rộng trên toàn quốc, VietinBank sẵn sàng đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cả cạnh tranh đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá, qua đó tối ưu hóa lợi nhuận của doanh nghiệp.
  - Giao dịch ngoại tệ giao ngay: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Mua bán ngoại tệ để phục vụ cho thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Góp vốn liên doanh với nước ngoài; Đóng hội phí cho các tổ chức quốc tế, các giao dịch mua, chuyển, mang ngoại tệ ra nước ngoài cho các mục đích được phép điển hình như du học, chữa bệnh, du lịch, công tác,…
  - Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng bao gồm: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng

xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.

- Giao dịch ngoại tệ hoán đổi: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay được nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- Giao dịch ngoại tệ quyền chọn: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Xác định mức chi phí tối đa (quyền chọn mua) hay mức lãi tối thiểu (quyền chọn bán)...; Lựa chọn mức tỷ giá giúp tối đa hóa lợi ích; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ các biến động có lợi của tỷ giá.
- Hoán đổi lãi suất: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Tái cơ cấu dòng tiền và cân đối nguồn tài sản nợ; Xác định trước chi phí phải sử dụng từ đó xây dựng kế hoạch tài chính và chủ động trong kinh doanh; Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất cho từng khoản nợ.
- Hoán đổi tiền tệ chéo: Đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Phòng ngừa rủi ro biến động lãi suất và tỷ giá, đặc biệt trong trung và dài hạn; Kiểm soát hiệu quả các dòng lưu chuyển tiền tệ của mình; Giảm thiểu chi phí vốn hoặc chi phí cơ hội về lãi trên cơ sở nhận định tốt xu hướng thị trường.

- Dịch vụ ngân hàng đầu tư: VietinBank và thông qua các công ty con (công ty chứng khoán...) cung cấp đa dạng các dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm giúp khách hàng đa dạng hóa kênh huy động vốn, tái cơ cấu tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh... phục vụ mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững.
  - Tư vấn phát hành trái phiếu: Giúp doanh nghiệp huy động nguồn vốn trung và dài hạn phục vụ việc mở rộng hoạt động SXKD, đầu tư dự án mới, cơ cấu tình hình tài chính.
  - Tư vấn phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng: Là dịch vụ tư vấn giúp tăng quy mô vốn hoạt động cho doanh nghiệp thông qua việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng, đưa giá trị doanh nghiệp đến tiếp cận với giá trị thị trường.
  - Tư vấn cổ phần hóa: Giúp khách hàng chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần, tận dụng các lợi thế của loại hình công ty cổ phần trong việc huy động vốn.
  - Tư vấn niêm yết chứng khoán: Giúp khách hàng niêm yết cổ phiếu trên SGDCK tập trung, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của doanh nghiệp.
  - Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp: Tư vấn cho khách hàng trong quá trình xác định giá trị của doanh nghiệp dựa trên các phương pháp định giá như chiết khấu dòng tiền, chỉ số so sánh giá và phương pháp tài sản ròng.
  - Tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp: Tư vấn tìm kiếm và thực hiện giao dịch với đối tác tài chính/ đối tác chiến lược cung cấp vốn lẫn năng lực điều hành quản trị nhằm nâng cao hiệu quả HĐKD và năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

(g) Dịch vụ ngân hàng điện tử - VietinBank eFAST

VietinBank eFAST là dịch vụ ngân hàng điện tử do VietinBank cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet. Các tiện ích dịch vụ bao gồm: Quản lý tài khoản, Dịch vụ chuyển tiền, Dịch vụ thanh toán; Dịch vụ tiền gửi và tín dụng; Dịch vụ nộp NSNN; Báo cáo; Dịch vụ hỗ trợ và trợ giúp. Khách hàng còn có thể thực hiện được giao dịch với ngân hàng trên phần mềm kế toán hoặc Hệ thống hoạch định nguồn lực (ERP) của khách hàng thông qua kết nối trực tiếp giữa hệ thống Khách hàng với ngân hàng.

(h) Dịch vụ thẻ

Với những ưu đãi hấp dẫn và tiện ích đa dạng, VietinBank mang tới những giải pháp thanh toán qua thẻ tối ưu nhất dành cho doanh nghiệp như thẻ tín dụng nội địa SME Business card, Thẻ tín dụng

quốc tế Diner Club...

(i) Bảo hiểm nhân thọ

VietinBank đem đến những giải pháp bảo hiểm phù hợp và tối ưu nhất dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.

(j) Bảo hiểm phi nhân thọ

VietinBank liên kết cùng Tổng Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cung cấp nhiều sản phẩm bảo hiểm đa dạng dành cho doanh nghiệp với chi phí hợp lý và nhiều giá trị gia tăng bao gồm: Bảo hiểm tài sản; Bảo hiểm ô tô; Bảo hiểm hàng hóa; Bảo hiểm kỹ thuật; Bảo hiểm tàu thuyền; Bảo hiểm sức khỏe; Bảo hiểm trách nhiệm; Bảo hiểm hỗn hợp, Bảo an doanh nghiệp...

TỶ LỆ TỪNG LOẠI SPDV TRONG DOANH THU, LỢI NHUẬN TRONG 02 NĂM LIÊN TỤC LIỀN TRƯỚC NĂM ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN VÀ ĐẾN THỜI ĐIỂM HIỆN TẠI

Các SPDV cốt lõi và truyền thống của Ngân hàng như: *cho vay khách hàng, hoạt động dịch vụ (bao gồm dịch vụ thanh toán, tư vấn, ủy thác, đại lý, ngân quỹ, bảo hiểm và khác); kinh doanh ngoại hối; mua bán chứng khoán kinh doanh; mua bán chứng khoán đầu tư...* là các SPDV đóng góp chủ yếu trong cơ cấu tổng doanh thu và thu nhập thuần của VietinBank.

Chi tiết tỷ lệ từng loại SPDV trong tổng doanh thu và tổng thu nhập thuần của VietinBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, cụ thể như sau:

Tỷ lệ các SPDV trong Tổng doanh thu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	83.677	*73,65%*	84.628	*80,80%*	104.665	*78,74%*	32.760	*82,40%*
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.359	*7,36%*	9.573	*9,14%*	11.549	*8,69%*	3.341	*8,40%*
Thu nhập từ HĐKD ngoại hối	17.808	*15,67%*	5.069	*4,84%*	8.541	*6,43%*	2.291	*5,76%*
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	527	*0,46%*	479	*0,46%*	123	*0,09%*	42	*0,11%*
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	9	*0,01%*	0	*0,00%*	29	*0,02%*	0	*0,00%*

Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Thu nhập từ hoạt động khác	2.715	*2,39%*	4.516	*4,31%*	7.507	*5,65%*	1.206	*3,03%*
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	524	*0,46%*	477	*0,46%*	512	*0,39%*	116	*0,29%*
Tổng cộng	**113.617**	***100%***	**104.743**	***100%***	**132.926**	***100%***	**39.756**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2023 tự lập của VietinBank)

Tỷ lệ các SPDV trong Tổng doanh thu (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	82.735	*87,10%*	83.606	*84,44%*	103.386	*81,51%*	32.378	*85,23%*
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.011	*6,33%*	6.981	*7,05%*	8.382	*6,61%*	2.521	*6,64%*
Thu nhập từ HDKD ngoại hối	2.719	*2,86%*	3.272	*3,30%*	7.176	*5,66%*	1.912	*5,03%*
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	481	*0,51%*	237	*0,24%*	9	*0,01%*	0	*0,00%*
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	9	*0,01%*	0	*0,00%*	20	*0,02%*	0	*0,00%*

Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Thu nhập từ hoạt động khác	2.502	*2,63%*	4.164	*4,21%*	7.320	*5,77%*	1.149	*3,02%*
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	532	*0,56%*	750	*0,76%*	540	*0,43%*	30	*0,08%*
Tổng cộng	**94.990**	***100%***	**99.011**	***100%***	**126.833**	***100%***	**37.990**	***100%***

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	35.580	*78,4%*	41.788	*78,6%*	47.792	*74,5%*	12.666	*74,4%*
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.362	*9,6%*	4.961	*9,3%*	5.862	*9,1%*	2.001	*11,8%*
Lãi thuần từ HDKD ngoại hối	2.000	*4,4%*	1.812	*3,4%*	3.556	*5,5%*	1.173	*6,9%*
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	601	*1,3%*	496	*0,9%*	-112	*-0,2%*	28	*0,2%*
Lãi thuần/Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	361	*0,8%*	224	*0,4%*	-30	*0,0%*	15	*0,1%*
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.929	*4,3%*	3.398	*6,4%*	6.537	*10,2%*	1.020	*6,0%*
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	524	*1,2%*	477	*0,9%*	512	*0,8%*	116	*0,7%*
Tổng cộng	**45.357**	***100%***	**53.157**	***100%***	**64.117**	***100%***	**17.019**	***100%***

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Tỷ lệ các SPDV trong Thu nhập thuần (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	34.851	*79,9%*	41.020	*79,5%*	46.850	*75,2%*	12.412	*76,0%*
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.777	*8,7%*	4.369	*8,5%*	5.022	*8,1%*	1.713	*10,5%*
Lãi thuần từ HĐKD ngoại hối	1.887	*4,3%*	1.886	*3,7%*	3.581	*5,7%*	1.179	*7,2%*
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	460	*1,1%*	187	*0,4%*	-40	*-0,1%*	0	*0,0%*
Lãi thuần/Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	364	*0,8%*	220	*0,4%*	-38	*-0,1%*	6	*0,0%*
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.765	*4,0%*	3.139	*6,1%*	6.422	*10,3%*	999	*6,1%*
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	532	*1,2%*	750	*1,5%*	540	*0,9%*	30	*0,2%*
Tổng cộng	**43.637**	***100%***	**51.571**	***100%***	**62.337**	***100%***	**16.339**	***100%***

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu năm 2020 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 được kiểm toán của VietinBank

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

8.1.2. Huy động vốn

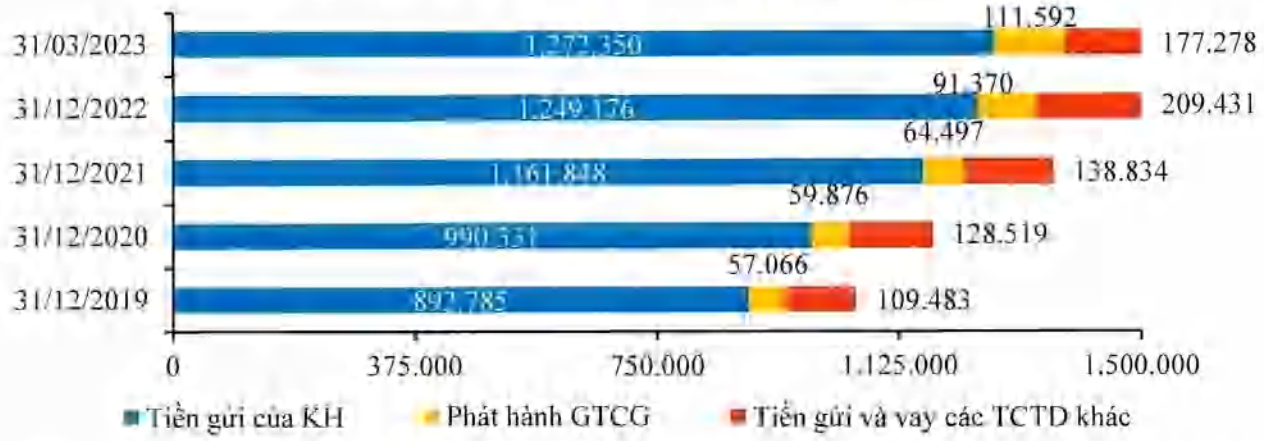
➢ ***Tình hình huy động vốn:***

Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, tổng giá trị huy động vốn của VietinBank tại 31/12/2021, đạt xấp xỉ 1.365,18 nghìn tỷ đồng, tăng 15,82% so với cùng kỳ năm 2020. *Trong đó*: Tiền gửi của khách hàng tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng, đạt gần 1.161,85 nghìn tỷ đồng, tăng 17,32% so với năm 2020; Tiền gửi và vay các TCTD khác đạt 138,83 nghìn tỷ đồng, tăng 8,03% so với đầu năm; Số dư phát hành GTCG là 64,5 nghìn tỷ đồng, tăng 7,72% so với 2020.

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng giá trị huy động vốn (hợp nhất) của VietinBank đạt gần 1.550 nghìn tỷ đồng, tăng 13,54% so với thời điểm đầu năm 2022.

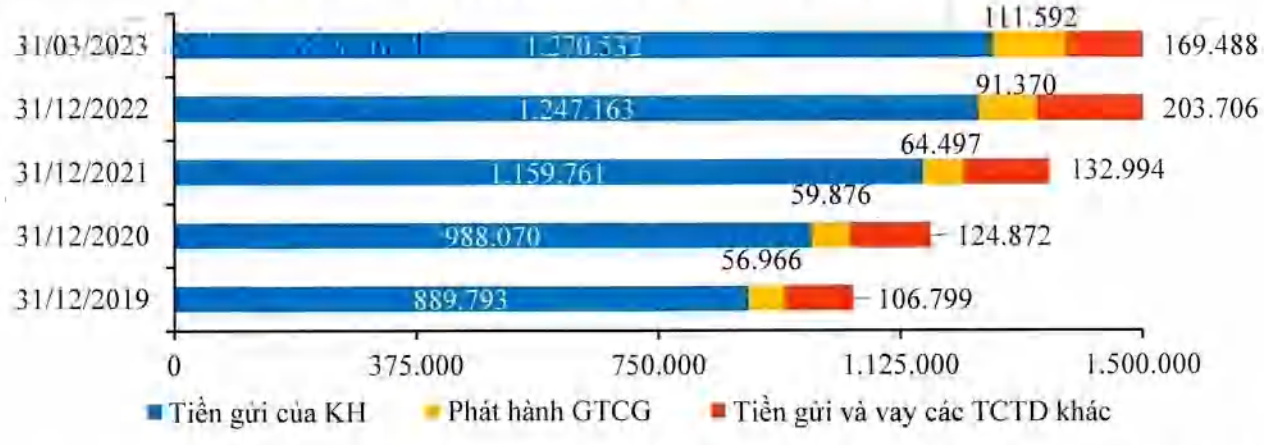
Tại thời điểm 31/03/2023, tổng giá trị huy động vốn (hợp nhất) của VietinBank đạt hơn 1.561 nghìn tỷ đồng

Tình hình huy động vốn của VietinBank (Hợp nhất) (*Đơn vị: Tỷ đồng*)



(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Tình hình huy động vốn của VietinBank (Công ty mẹ) (*Đơn vị: Tỷ đồng*)

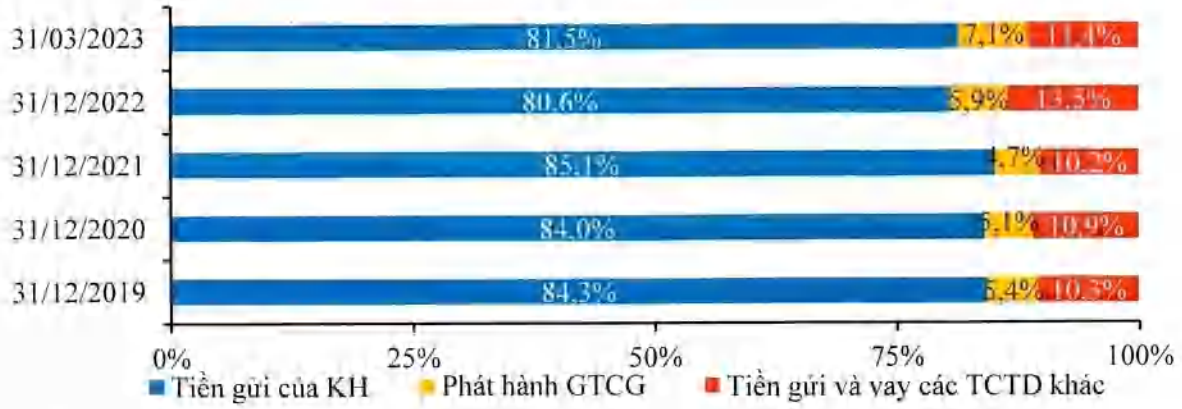


(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

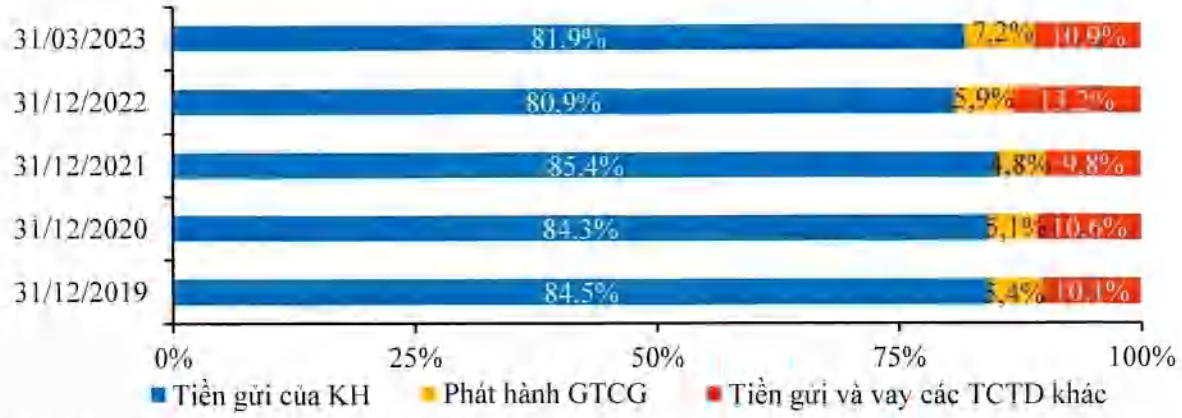
➢ ***Cơ cấu nguồn vốn huy động:***

Cơ cấu huy động vốn của VietinBank (Hợp nhất)



(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

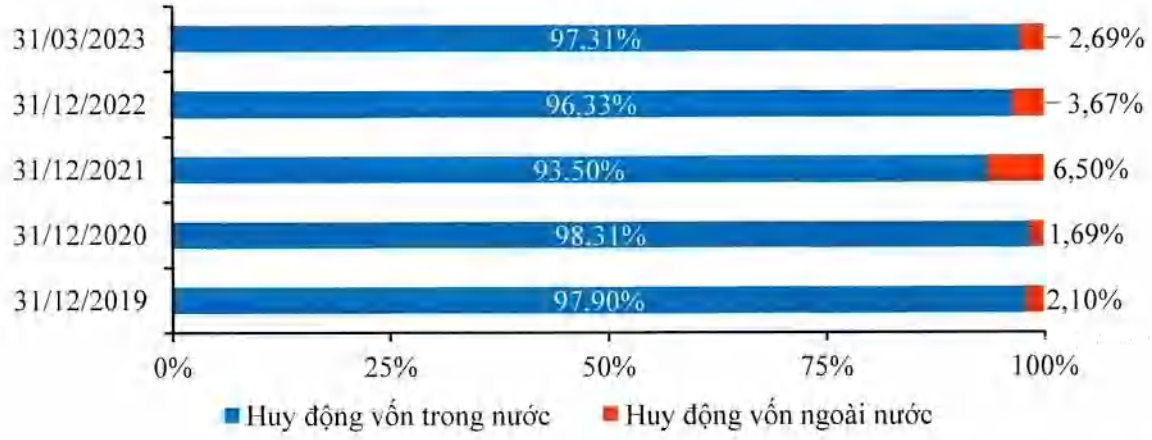
Cơ cấu huy động vốn của VietinBank (Công ty mẹ)



(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

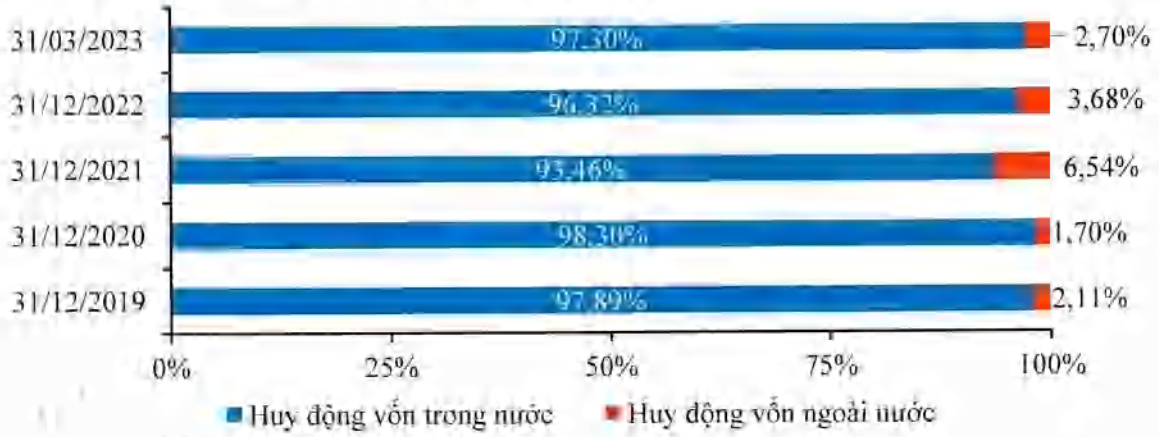
➢ ***Cơ cấu nguồn vốn huy động trong nước và ngoài nước***

Cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Hợp nhất)



(Nguồn: VietinBank)

Cơ cấu huy động vốn trong nước và ngoài nước của VietinBank (Công ty mẹ)



(Nguồn: VietinBank)

8.1.3. Hoạt động tín dụng

➢ ***Tổng dư nợ cho vay***

Theo số liệu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2022, tổng dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank đạt 1.275 nghìn tỷ đồng, tăng 12,7% so với thời điểm cuối năm 2021. Đến thời điểm hết quý I/2023, tổng dư nợ cho vay khách hàng của VietinBank đạt 1.333 tỷ đồng.

Hoạt động tín dụng của VietinBank tiếp tục tăng trưởng bền vững, phù hợp với diễn biến chung toàn ngành ngân hàng trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều biến động khó lường, hoạt động SXKD đang dần hồi phục nên nhu cầu tín dụng của nền kinh tế tăng cao. Cơ cấu danh mục cho vay tiếp tục có sự chuyển dịch tích cực theo hướng cải thiện tỷ trọng dư nợ phân khúc Bán lẻ và KHDN vừa và nhỏ.

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Hợp nhất)

Phân theo kỳ hạn	Tại 31/12/2020		Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		Tại 31/03/2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	593.991	58,5%	683.530	60,5%	772.204	60,6%	831.587	62,4%
Nợ trung hạn	61.855	6,1%	66.215	5,9%	83.413	6,5%	82.211	6,2%
Nợ dài hạn	359.487	35,4%	380.923	33,7%	419.205	32,9%	419.311	31,5%
Tổng dư nợ cho vay	**1.015.333**	**100%**	**1.130.668**	**100%**	**1.274.822**	**100%**	**1.333.109**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Dư nợ cho vay theo kỳ hạn vay của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân theo kỳ hạn	Tại 31/12/2020		Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		Tại 31/03/2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	590.293	58,7%	680.023	60,7%	768.842	60,8%	828.170	62,6%
Nợ trung hạn	58.165	5,8%	62.825	5,6%	78.960	6,2%	77.517	5,9%
Nợ dài hạn	356.517	35,5%	377.215	33,7%	416.375	32,9%	416.504	31,5%
Tổng dư nợ cho vay	**1.004.976**	**100%**	**1.120.063**	**100%**	**1.264.177**	**100%**	**1.322.191**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

➢ ***Chất lượng tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)***

Chất lượng tín dụng luôn được VietinBank ưu tiên và kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật và các giới hạn an toàn theo quy định của NHNN bằng những giải pháp quyết liệt và đồng bộ. Nhờ quy mô tăng trưởng tốt, cơ cấu chuyển dịch tích cực đi cùng với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, hiệu quả từ hoạt động tín dụng tiếp tục được nâng cao đóng góp quan trọng cho kết quả kinh doanh chung của Ngân hàng.

Tỷ lệ nợ xấu theo số liệu hợp nhất tại 31/12/2021 là 1,26% (tăng 0,32% so với cùng kỳ năm 2020); tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 180,4%, cao hơn nhiều so với năm 2020 (là 132,2%). Tại 31/12/2022, tỷ lệ nợ xấu là 1,24%; tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 188,0%, tăng 7,6% so với cuối năm 2021. Tại 31/03/2023, tỷ lệ nợ xấu là 1,28%; tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 173,0%, giảm 15% so với cuối năm 2022. VietinBank luôn chủ động nhận diện sớm các khoản nợ tiềm ẩn rủi ro và có biện pháp ứng xử tín dụng phù hợp để kiểm soát chất lượng nợ.

Trong năm 2023, nền kinh tế có nhiều biến động khó lường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các khách hàng vay vốn ngân hàng. Do đó, VietinBank tiếp tục tăng cường các biện pháp kiểm soát chất lượng tín dụng, đặt mục tiêu kiểm soát tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 1,8%. Hết quý I/2023, VietinBank vẫn tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp nhằm kiểm soát chất lượng tín dụng, tỷ lệ nợ xấu (hợp nhất) là 1,28%, đảm bảo mục tiêu kiểm soát nợ xấu trong năm 2023 của VietinBank.

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Hợp nhất)

Phân loại nợ	Tại 31/12/2020 (*)		Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		Tại 31/03/2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.003.015	98,8%	1.104.465	97,7%	1.229.062	96,4%	1.280.455	96,1%
Nợ cần chú ý	2.799	0,3%	11.902	1,1%	29.958	2,3%	35.619	2,7%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.857	0,2%	7.096	0,6%	7.305	0,6%	8.164	0,6%
Nợ nghi ngờ	1.612	0,2%	2.003	0,2%	2.261	0,2%	4.565	0,3%
Nợ có khả năng mất vốn	6.050	0,6%	5.202	0,5%	6.235	0,5%	4.306	0,3%
Tổng dư nợ cho vay	**1.015.333**	**100%**	**1.130.668**	**100%**	**1.274.821**	**100%**	**1.333.109**	**100%**
Tỷ lệ nợ xấu	0,94%		1,26%		1,24%		1,28%	

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Chất lượng tín dụng và Tỷ lệ nợ xấu của VietinBank (Công ty mẹ)

Phân loại nợ	Tại 31/12/2020 (*)		Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		Tại 31/03/2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	992.644	98,8%	1.093.966	97,7%	1.218.720	96,4%	1.269.910	96,0%
Nợ cần chú ý	2.936	0,3%	11.846	1,1%	29.748	2,4%	35.373	2,7%
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.834	0,2%	7.094	0,6%	7.292	0,6%	8.132	0,6%
Nợ nghi ngờ	1.523	0,2%	1.995	0,2%	2.209	0,2%	4.528	0,3%
Nợ có khả năng mất vốn	6.038	0,6%	5.163	0,5%	6.209	0,5%	4.247	0,3%
Tổng dư nợ cho vay	**1.004.976**	**100%**	**1.120.063**	**100%**	**1.264.178**	**100%**	**1.322.190**	**100%**
Tỷ lệ nợ xấu	0,93%		1,27%		1,24%		1,28%	

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2020 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 được kiểm toán của VietinBank.

➢ ***Tỷ lệ an toàn vốn (CAR):***

VietinBank luôn bảo đảm và đáp ứng các nguyên tắc về QTRR, cũng như tuân thủ đúng các quy định của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và tỷ lệ an toàn vốn.

Tỷ lệ an toàn vốn của VietinBank (*)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2020	Tại 31/12/2021	Tại 31/12/2022	Tại 31/03/2023
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Hợp nhất	10,79%	9,14%	8,99%	9,05%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) – Công ty mẹ	10,51%	8,98%	8,91%	8,95%

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú: (*) Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%). Trước năm 2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (tối thiểu là 9%).

➢ ***Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập DPRR tín dụng***

Rủi ro lãi suất được VietinBank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi đối với các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động của thị trường...

Đối với việc phân loại nợ và trích lập DPRR tín dụng:

VietinBank tuân thủ và thực hiện theo quy định của Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập DPRR và việc sử dụng dự phòng để xử lý

rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, VietinBank chủ động sàng lọc khách hàng để phản ánh chất lượng nợ phù hợp với năng lực tài chính thực tế của khách hàng. Với các biện pháp quản lý các khoản nợ sát sao, đa dạng các ứng xử tín dụng, chất lượng nợ của VietinBank luôn được duy trì ở mức tốt trong các năm qua.

Việc trích lập DPRR tín dụng (bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể) được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng của VietinBank

Khoản mục *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2020 (*)	*31/12/2021*	*31/12/2022*	*31/03/2023*	*31/12/2020 (*)*	*31/12/2021*	*31/12/2022*	*31/03/2023*
Dự phòng chung	7.365	8.423	9.488	9.943	7.228	8.343	9.411	9.861
Dự phòng cụ thể	5.217	17.372	20.276	19.528	5.139	17.259	20.131	19.373
Tổng cộng	**12.582**	**25.795**	**29.764**	**29.471**	**12.367**	**25.602**	**29.542**	**29.234**

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2020 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 được kiểm toán của VietinBank.

8.1.4. HĐKD ngoại tệ và thanh toán

a) HĐKD ngoại tệ

HĐKD ngoại tệ của VietinBank tập trung mạnh với trọng tâm là công tác phát triển khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm và các loại ngoại tệ giao dịch với khách hàng nhằm khai thác tối đa tệp khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới trên tất cả các phân khúc. Bên cạnh đó, VietinBank đặc biệt chú trọng đến phân khúc khách hàng FDI, SME cũng như các giao dịch mua bán sáp nhập (M&A), các giao dịch thoái vốn, bán vốn cho nhà đầu tư nước ngoài.

Năm 2021, lãi thuần từ kinh doanh ngoại tệ theo số liệu hợp nhất năm 2021 đạt 1.812 tỷ đồng, giảm 9,36% so với năm 2020. Năm 2022, lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ theo kết quả hợp nhất đạt 3.556 tỷ đồng, tăng 96,25% so với cùng kỳ năm 2021.

Kết quả HĐKD ngoại tệ

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2019	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với 2020	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2021	Giá trị (Tỷ đồng)	% tăng/giảm so với cùng kỳ
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ *(Hợp nhất)*	2.000	*27,83%*	1.812	*-9,36%*	3.556	*96,25%*	1.173	*49,62%*
Lãi thuần từ HĐKD ngoại tệ *(Công ty mẹ)*	1.887	*24,26%*	1.886	*-0,08%*	3.581	*89,87%*	1.179	*51,93%*

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất và riêng Quý I năm

2023 tự lập của VietinBank)

b) Hoạt động thanh toán

(i) Hoạt động thanh toán trong nước

Năm 2021, số lượng giao dịch thanh toán trong nước của VietinBank đạt 723,86 triệu giao dịch tăng 58,4% so với năm 2020; doanh số thanh toán đạt 43.031 nghìn tỷ đồng, tăng 46,6% so với năm 2020. Năm 2022, số lượng giao dịch thanh toán trong nước đạt 1.331,38 triệu giao dịch, tăng 83,93% so với năm 2021; doanh số thanh toán đạt 49.458 nghìn tỷ đồng, tăng 14,94% so với năm 2021.

Số lượng giao dịch thanh toán 03 tháng năm 2023 đạt 425,35 triệu giao dịch tăng 69% so với cùng kỳ 2022; doanh số thanh toán đạt 12.611,09 nghìn tỷ đồng tăng 6,81% so với cùng kỳ.

Kết quả hoạt động thanh toán trong nước

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2019	Giá trị	% tăng/giảm so với 2020	Giá trị	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ
Số lượng giao dịch (triệu giao dịch)	457,02	47,0%	723,86	58,4%	1.331,38	83,93%	425,35	69,0%
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	29.343	24,5%	43.031	46,6%	49.458	14,94%	12.611,09	6,81%

(Nguồn: VietinBank)

VietinBank đẩy mạnh triển khai SPDV thanh toán cho tất cả các phân khúc khách hàng, trong đó chú trọng đến các giải pháp thanh toán điện tử cung ứng cho khách hàng sử dụng dịch vụ như thanh toán qua Mobile App, QR code..., triển khai kết nối hệ thống thanh toán với các NHTM, các trung gian thanh toán, các công ty công nghệ, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán bằng các phương thức hiện đại như Giao diện lập trình ứng dụng (API), áp dụng chuẩn quốc tế ISO 20022 trong trao đổi dữ liệu điện tử.

(ii) Hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

VietinBank luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển sản phẩm mới về TTQT, TTTM thông qua thiết kế, cải tiến, cung cấp các sản phẩm chuyên biệt cho từng ngành hàng/đối tượng khách hàng và nâng cấp hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

❖ **Về hoạt động Tài trợ thương mại**

VietinBank luôn nỗ lực thúc đẩy phát triển sản phẩm về TTTM thông qua thiết kế, cải tiến, cung cấp các sản phẩm chuyên biệt cho từng ngành hàng/đối tượng khách hàng và nâng cấp hệ thống kỹ thuật phục vụ xử lý nghiệp vụ nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Năm 2021 doanh số thanh toán TTTM của VietinBank đạt 16.613,44 triệu USD, tăng 39,7% so với năm 2020; số lượng giao dịch là 62.424 giao dịch, tăng 6,7% so với năm 2020.

Năm 2022, doanh số thanh toán TTTM đạt 21.288,66 triệu USD, tăng 28,1% so với năm 2021; số lượng giao dịch là 66.221 giao dịch, tăng 6,1% so với năm 2021.

Hết quý I/2023, doanh số thanh toán TTTM đạt 5.391 triệu USD, tăng 26,6% so với cùng kỳ năm 2022, số lượng giao dịch là 15.985 giao dịch, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Kết quả hoạt động tài trợ thương mại

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2019	Giá trị	% tăng/giảm so với 2020	Giá trị	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ
Số lượng giao dịch	58.517	-5,2%	62.424	6,7%	66.221	6,1%	15.985	4,9%
Doanh số thanh toán TTTM (triệu USD)	11.889,14	-6,4%	16.613,44	39,7%	21.288,66	28,1%	5.391	26,6%

(Nguồn: VietinBank)

❖ **Về hoạt động Thanh toán quốc tế:**

Năm 2021, doanh số thanh toán quốc tế của VietinBank đạt 61.627,18 triệu USD, tăng 31,98% so với năm 2020; số lượng giao dịch là 464.041 giao dịch, tăng 4,7% so với năm 2020.

Năm 2022, doanh số thanh toán quốc tế đạt 72.180,60 triệu USD, tăng 17,12% so với năm 2021; số lượng giao dịch thanh toán đạt 507.877 giao dịch, tăng 9,45% so với năm 2021.

03 tháng đầu năm 2023, doanh số thanh toán quốc tế đạt 19.459,46 triệu USD, tăng 21,66% so với cùng kỳ năm 2022; số lượng giao dịch thanh toán đạt 131.692 giao dịch, tăng 11,34% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	% tăng/giảm so với 2019	Giá trị	% tăng/giảm so với 2020	Giá trị	% tăng/giảm so với 2021	Giá trị	% tăng/giảm so với cùng kỳ
Số lượng giao dịch	443.217	-0,33%	464.041	4,70%	507.877	9,45%	131.692	11,34%
Doanh số thanh toán (triệu USD)	46.694,30	-1.48%	61.627,18	31,98%	72.180,60	17,12%	19.459,46	21,66%

(Nguồn: VietinBank)

8.1.5. Hoạt động đầu tư

Bên cạnh hoạt động tín dụng và nguồn vốn, VietinBank chú trọng đa dạng hóa SPDV, phát triển sản phẩm đầu tư hiện đại, giữ vững vai trò là ngân hàng tạo lập thị trường. VietinBank không ngừng đa

đạng hóa HĐKD, đầu tư và đẩy mạnh cung cấp các sản phẩm phái sinh lãi suất, tiền tệ. Danh mục đầu tư liên tục được điều chỉnh theo hướng tăng khả năng sinh lời, đảm bảo dự trữ thanh khoản cho toàn hệ thống và nâng cao vai trò, vị thế của VietinBank trên thị trường.

Theo BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, danh mục đầu tư của VietinBank tại thời điểm 31/12/2021, duy trì với quy mô bằng 21,7% tổng tài sản, tương ứng với giá trị là 332,63 nghìn tỷ đồng. Đến 31/12/2022, tỷ lệ danh mục đầu tư trên tổng tài sản hợp nhất là 23,6%, tương ứng với giá trị là khoảng 428 nghìn tỷ đồng; tăng 28,57% so với thời điểm cuối năm 2021.

Tại thời điểm 31/03/2023, tổng danh mục đầu tư (hợp nhất) của VietinBank là gần 413 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 22,6% tổng tài sản.

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Hợp nhất)

Danh mục đầu tư *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	Tại 31/12/2020		Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		Tại 31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	**102.533**	**45,3%**	**149.317**	**44,9%**	**242.432**	**56,7%**	**207.791**	**50,3%**
Tiền gửi tại các TCTD khác	92.628		129.799		222.455		189.864	
Cho vay các TCTD khác	9.905		19.517		19.977		17.927	
2. Chứng khoán kinh doanh	**5.602**	**2,5%**	**2.475**	**0,7%**	**1.406**	**0,3%**	**1.146**	**0,3%**
Chứng khoán kinh doanh	5.723		2.523		1.623		1.369	
DPRR chứng khoán kinh doanh	-121		-47		-217		-223	
3. Chứng khoán đầu tư	**114.942**	**50,8%**	**177.545**	**53,4%**	**180.313**	**42,2%**	**200.465**	**48,5%**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	112.678		174.973		178.685		198.828	
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.617		2.697		1.697		1.697	
DPRR chứng khoán đầu tư	-353		-126		-69		-60	
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	**3.336**	**1,5%**	**3.290**	**1,0%**	**3.519**	**0,8%**	**3.547**	**0,9%**
Góp vốn liên doanh	3.118		3.073		3.303		3.331	
Đầu tư dài hạn khác	241		241		234		234	
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-23		-24		-18		-18	
Tổng cộng	**226.412**	**100%**	**332.627**	**100%**	**427.670**	**100%**	**412.949**	**100%**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Cơ cấu danh mục đầu tư của VietinBank (Công ty mẹ)

Danh mục đầu tư *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	Tại 31/12/2020		Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		Tại 31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	**102.713**	**45,5%**	**147.331**	**44,7%**	**241.389**	**56,8%**	**204.796**	**50,2%**
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	93.651		130.826		223.982		190.683	
Cho vay các TCTD khác	9.062		16.505		17.407		14.113	
2. Chứng khoán kinh doanh	**4.253**	**1,9%**	**1.085**	**0,3%**	**0**	**0,0%**	**0**	**0,0%**
Chứng khoán kinh doanh	4.253		1.093		0		0	
DPRR chứng khoán kinh doanh	0		-8		0		0	
3. Chứng khoán đầu tư	**113.302**	**50,2%**	**175.660**	**53,3%**	**177.796**	**41,9%**	**197.817**	**48,5%**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	111.057		173.192		176.271		196.284	

Danh mục đầu tư *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	Tại 31/12/2020		Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		Tại 31/03/2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.587		2.587		1.587		1.587	
DPRR chứng khoán đầu tư	-343		-119		-62		-54	
4. Góp vốn, đầu tư dài hạn	**5.552**	**2,5%**	**5.552**	**1,7%**	**5.552**	**1,3%**	**5.552**	**1,4%**
Đầu tư vào công ty con	3.840		3.840		3.840		3.840	
Vốn góp liên doanh	1.689		1.689		1.689		1.689	
Đầu tư dài hạn khác	23		23		23		23	
Tổng cộng	**225.819**	**100%**	**329.628**	**100%**	**424.737**	**100%**	**408.165**	**100%**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

8.1.6. Hoạt động ngân hàng đại lý

VietinBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng mọi nhu cầu giao dịch ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn và hiệu quả. Hiện tại VietinBank có quan hệ đại lý với trên 1.000 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Tại mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ, VietinBank luôn đặt quan hệ đại lý với các ngân hàng hàng đầu và có uy tín tốt.

Trong thời gian tới, chiến lược của Vietinbank đối với hoạt động ngân hàng đại lý là tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng cường huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán SPDV của VietinBank để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

8.2. Tài sản

Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của VietinBank (Hợp nhất)

TT	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2020 (*)		Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		Tại 31/03/2023	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**TSCĐ hữu hình**	**15.457**	**6.423**	**15.773**	**6.193**	**16.191**	**6.047**	**16.275**	**5.967**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.937	5.415	8.069	5.272	8.192	5.119	8.192	5.039
2	Máy móc thiết bị	5.541	511	5.582	419	5.777	428	5.802	417
3	Phương tiện vận tải	1.627	447	1.747	455	1.817	444	1.863	457
4	TSCĐ hữu hình khác	352	51	375	47	405	56	418	54
II	**TSCĐ vô hình**	**6.387**	**4.402**	**6.628**	**4.303**	**6.779**	**4.155**	**6.781**	**4.091**
1	Quyền sử dụng đất	4.043	3.669	4.119	3.700	4.114	3.654	4.114	3.636
2	TSCĐ vô hình khác	2.344	732	2.509	604	2.665	501	2.667	455
	Tổng cộng	**21.845**	**10.825**	**22.401**	**10.496**	**22.970**	**10.202**	**23.056**	**10.058**

(Nguồn VietinBank)

Tình hình các tài sản lớn thuộc sở hữu của VietinBank (Công ty mẹ)

TT	Tên tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)	Tại 31/12/2020 (*)		Tại 31/12/2021		Tại 31/12/2022		Tại 31/03/2023	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	**TSCĐ hữu hình**	**15.101**	**6.201**	**15.438**	**6.018**	**15.880**	**5.902**	**15.962**	**5.825**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	7.773	5.257	7.927	5.150	8.078	5.027	8.079	4.948
2	Máy móc thiết bị	5.441	484	5.487	399	5.692	416	5.728	409
3	Phương tiện vận tải	1.538	412	1.653	422	1.708	403	1.753	417
4	TSCĐ hữu hình khác	349	48	372	47	402	56	402	51
II	**TSCĐ vô hình**	**6.259**	**4.314**	**6.479**	**4.205**	**6.643**	**4.076**	**6.644**	**4.014**
1	Quyền sử dụng đất	3.959	3.592	4.040	3.628	4.042	3.591	4.042	3.582
2	TSCĐ vô hình khác	2.300	722	2.439	576	2.601	485	2.602	432
	Tổng cộng	**21.361**	**10.516**	**21.917**	**10.223**	**22.523**	**9.978**	**22.606**	**9.839**

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2020 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 được kiểm toán của VietinBank.

8.3. Quản lý rủi ro (QLRR) và bảo toàn vốn

8.3.1. Các chính sách QLRR đang áp dụng

a. Chính sách QLRR tín dụng:

VietinBank định hướng nâng cao năng lực tài chính, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nợ đảm bảo mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả. Để đạt được mục tiêu trên, VietinBank sẽ tiếp tục nỗ lực chủ động rà soát, kiểm soát chất lượng tín dụng, **triển khai đồng bộ công tác quản lý rủi ro tín dụng trên cả cấp độ danh mục và cấp độ giao dịch**. Theo đó:

- **Tại cấp độ danh mục**: bên cạnh việc thiết lập hạn mức rủi ro và định hướng tín dụng hàng năm, VietinBank thường xuyên thực hiện giám sát danh mục tín dụng, cảnh báo sớm các khách hàng có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro (thông qua Hệ thống cảnh báo sớm, công tác giám sát từ xa và kiểm tra trực tiếp), tăng cường cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản.
- **Tại cấp độ giao dịch:** VietinBank chú trọng công tác thẩm định, sàng lọc kỹ khách hàng, tăng cường quản lý giám sát, kiểm soát dòng tiền, chất lượng tài sản và theo sát diễn biến hoạt động của khách hàng để triển khai các biện pháp ứng xử phù hợp, kịp thời, hạn chế tối đa tác động lên chất lượng nợ của Ngân hàng.

b. Chính sách QLRR hoạt động:

VietinBank thực hiện việc áp dụng các thông lệ quốc tế về QTRR hoạt động thông qua một số công cụ như (i) tự đánh giá rủi ro và biện pháp kiểm soát (RCSA); (ii) chỉ số rủi ro chính (KRI); (iii) thu thập và quản lý sự kiện rủi ro hoạt động (LDC) và (iv) sử dụng các phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập.

VietinBank xây dựng chính sách và hướng dẫn cho công tác QLRR hoạt động nhằm đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 của NHNN như hạn mức rủi ro hoạt động (bao gồm hạn mức về tổn thất tài chính và phi tài chính); QLRR trong ứng dụng công nghệ, hoạt động thuê ngoài, đảm bảo kinh doanh liên tục (BCP). VietinBank liên tục đẩy mạnh và nâng cao nhận thức, văn hóa QLRR hoạt động trên toàn hệ thống thông qua việc chủ động tổ chức các lớp đào tạo chuyên

sâu rủi ro hoạt động, cũng như các cuộc thi nội bộ để tạo ra những làn sóng đổi mới, khơi gợi ý tưởng, sáng kiến cải tiến, QTRR. Đồng thời, VietinBank tiếp tục chú trọng đào tạo, xây dựng và tuyển dụng một đội ngũ cán bộ triển khai QLRR hoạt động chủ chốt có kinh nghiệm, có năng lực.

Việc QLRR hoạt động tại VietinBank được vận hành theo mô hình 03 tuyến bảo vệ, quy định rõ ràng vai trò cũng như trách nhiệm của từng đơn vị thuộc mỗi tuyến bảo vệ. Trên thực tế, các đơn vị thuộc các tuyến bảo vệ phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm thực hiện công tác QLRR hoạt động một cách xuyên suốt từ Trụ sở chính tới Chi nhánh và toàn diện ở tất cả các HĐKD, nghiệp vụ, phát huy tốt hiệu quả mô hình 3 tuyến bao vệ, đảm bảo HĐKD đúng định hướng, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật.

c. *Chính sách QLRR thị trường*

VietinBank xây dựng chiến lược QLRR thị trường nhằm thiết lập mục tiêu kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động phát sinh rủi ro thị trường , các biện pháp kiểm soát phù hợp năng lực QLRR thị trường gắn với chiến lược kinh doanh trung và dài hạn của VietinBank, đảm bao HĐKD phát triển an toàn, bền vững, tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý, cam kết với đối tác chiến lược.

Tất cả các rủi ro thị trường phát sinh được quản lý tập trung tại Trụ sở chính VietinBank theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Phòng Kinh doanh vốn đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ nhất, chủ động nhận dạng, kiểm soát trạng thái rủi ro thị trường, thiết lập các chốt kiểm soát và giám sát tại đơn vị mình, đảm bảo tuân thủ các hạn mức, khẩu vị rủi ro thị trường. Phòng QLRR thị trường đóng vai trò là tuyến bảo vệ thứ 2, thực hiện chức năng kiểm soát rủi ro thị trường một cách độc lập thông qua thiết lập các văn bản chính sách và xây dựng mô hình đo lường rủi ro, đồng thời báo cáo trực tiếp cho Phó TGĐ phụ trách/Giám đốc Khối QLRR và độc lập với đơn vị Kinh doanh vốn & Thị trường. Phòng Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng tuyến bảo vệ thứ ba, kiểm toán tại các đơn vị thuộc tuyến bảo vệ thứ nhất và thứ hai, đảm bảo kiểm tra, giám sát rủi ro thị trường một cách độc lập, hiệu quả.

VietinBank đã xây dựng hệ thống chính sách, quy định về QLRR thị trường, trong đó QLRR tập trung trong giao dịch tự doanh đầy đủ, đồng bộ các bước nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro, định kỳ được rà soát, cập nhật kịp thời nhằm đáp ứng nhu cầu HĐKD thực tế, phù hợp với thông lệ quốc tế (Basel II, Basel III) và các yêu cầu của cơ quan quản lý.

Mục tiêu của việc kiểm soát rủi ro thị trường là quản lý mức độ tổn thất của VietinBank trước các biến động có thể xảy ra của các yếu tố rủi ro thị trường (tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa, giá cổ phiếu, mức độ tập trung giao dịch tự doanh). VietinBank thực hiện kiểm soát rủi ro thị trường thông qua việc thiết lập, cập nhật, duy trì và quản lý, giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro thị trường và hạn mức rủi ro thị trường thông qua các chỉ số đo lường như: lãi/lỗ, trạng thái, giá trị chịu rủi ro (VaR), chỉ số đo lường độ nhạy với lãi suất (PV01), hạn mức trạng thái/số dư đối với các sản phẩm giao dịch, loại tiền tệ, đối tác giao dịch thuộc danh mục tự doanh có rủi ro tập trung; mức tổn thất trong điều kiện căng thẳng (Stress loss); tính vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường; thực hiện kiểm định mô hình (test hệ thống, xác thực giá độc lập, backtesting).

d. *Chính sách QLRR lãi suất trên Sổ Ngân hàng*

VietinBank đã thiết lập hệ thống quy định, quy trình và hạn mức kiểm soát rủi ro lãi suất (RRLS) trên Sổ Ngân hàng đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và theo thông lệ Basel II. Công tác quản lý RRLS trên Sổ Ngân hàng được triển khai thông qua mô hình 3 tuyến bảo vệ nhằm đảm bảo sự chuyên sâu, toàn diện, mang tính hệ thống và phù hợp với thông lệ thị trường. VietinBank áp dụng bộ công cụ quản lý RRLS theo các chỉ số về (i) trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (repricing gap), (ii) tác động thay đổi lãi suất đến thu nhập lãi thuần (Delta NII) và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (Delta EVE). VietinBank đã triển khai hệ thống phần mềm Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALM) và hệ thống điều chuyển vốn nội bộ (FTP) cho phép quản lý tập trung trạng thái RRLS tại Trụ sở chính Vietinbank, cung cấp tự động các báo cáo đo lường chỉ số, báo cáo phân tích kịch bản tăng/giảm lãi suất... nhằm kiểm soát RRLS trong phạm vi cho phép, đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xây dựng các chính sách lãi suất phù hợp. Ở cấp độ giao dịch, tất cả các hợp đồng tín dụng của VietinBank đều phải có các điều khoản phòng ngừa RRLS để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến

động bất thường của thị trường; lãi suất cho vay phải được xây dựng dựa trên cơ sở phản ánh đúng chi phí huy động vốn thực tế của Ngân hàng.

e. Chính sách quản lý, bảo đảm hệ số an toàn vốn:

VietinBank đã ban hành quy định và quy trình quản lý vốn tự có và đánh giá nội bộ về mức đủ vốn trong hệ thống VietinBank bao gồm (i) các nguyên tắc, chính sách quản lý vốn tự có, (ii) quy trình cụ thể nhằm xác định vốn mục tiêu và lập kế hoạch vốn; (iii) giám sát và báo cáo về vốn và tỷ lệ CAR, (iv) trách nhiệm và quyền hạn các bên liên quan; đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, cam kết với các đối tác và phù hợp với thông lệ quốc tế.

Hàng năm, kế hoạch vốn được xây dựng trên cơ sở dự kiến về các biện pháp tăng vốn tự có và kiểm soát tài sản có rủi ro, từ đó làm cơ sở xây dựng chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong từng giai đoạn. Định kỳ, kế hoạch vốn được rà soát, cập nhật nhằm phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tuân thủ, đồng thời tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh.

Về hệ thống, VietinBank đã xây dựng hệ thống tính toán tỷ lệ an toàn vốn tự động trên nền tảng các dữ liệu nguồn của Ngân hàng. Dữ liệu tính toán thường xuyên được kiểm tra, đối chiếu nhằm đảm bảo tính chính xác. Vốn và tỷ lệ an toàn vốn được định kỳ giám sát, dự báo và báo cáo Ban Điều hành, các Hội đồng nhằm kiểm soát, đảm bảo tuân thủ theo quy định.

8.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế

Trong năm 2022, trước diễn biến phức tạp của dịch COVID-19 cũng như ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine đã tác động tiêu cực đến đời sống và hoạt động SXKD của người dân và doanh nghiệp trên cả nước, VietinBank đã triển khai rất quyết liệt nhiều biện pháp kiểm soát chất lượng nợ, chủ động nhận diện sớm các ngành/lĩnh vực/khách hàng tiềm ẩn rủi ro để phân luồng giải pháp thu hồi xử lý nợ kịp thời, giảm tổn thất cho ngân hàng. Bên cạnh đó, VietinBank tích cực triển khai các biện pháp hỗ trợ khách hàng phù hợp, thiết thực, kịp thời như cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữ nguyên nhóm nợ theo các văn bản hướng dẫn của NHNN, chủ động cắt giảm lợi nhuận từ giảm lãi suất cho vay và phí dịch vụ, đưa ra các gói giải pháp hỗ trợ giúp khách hàng khắc phục khó khăn, phục hồi và phát triển HĐKD. Công tác trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được triển khai tuân thủ quy định của pháp luật và NHNN. Nhờ vậy, tỷ lệ nợ xấu cuối năm 2022 đã được kiểm soát ở mức 1,24%, tuân thủ hạn mức NHNN và ĐHĐCĐ giao. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu được cải thiện tích cực ở mức 188%, tiếp tục được cải thiện so với cuối năm 2021 (180,4%).

Ngay từ đầu năm 2022, VietinBank đã liên tục nâng cấp và hoàn thiện, gia tăng tiện ích và tăng cường các giải pháp ngân hàng trên kênh điện tử để cung cấp một cách nhanh chóng, thuận tiện, đa tiện ích và bảo đảm an toàn, bảo mật cho các khách hàng, tăng mức độ tiếp cận và bao phủ về dịch vụ tài chính ngân hàng cho doanh nghiệp và người dân. VietinBank tiếp tục phát triển mạnh các giải pháp ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, bảo mật, đẩy mạnh chuyển dịch kênh thông qua đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng từ quản lý tài khoản, mở thẻ trực tuyến, cho vay thấu chi online, thanh toán với hệ sinh thái đa dạng cho tới các dịch vụ tiện ích như tài khoản số đẹp, biệt danh tài khoản (Alias)... Triển khai nền tảng ngân hàng số eFAST mới cho gần 70% khách hàng tổ chức của VietinBank, tích hợp toàn bộ các sản phẩm ngân hàng giao dịch như thanh toán, quản lý khoản phải thu/phải trả, quản lý thanh khoản, tài trợ thương mại, tài trợ chuỗi cung ứng... Mở rộng hệ sinh thái, tiến tới Ngân hàng mở, cung cấp dịch vụ kết nối ERP doanh nghiệp, mở tài khoản, mở thẻ của VietinBank trên ứng dụng của Grab, Shopee, Sendo...VietinBank triển khai phân tích dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo, học máy trong phân tích và xử lý dữ liệu, giúp ích cho công tác quản trị điều hành và hoạch định kinh doanh. Trong năm, VietinBank triển khai hệ thống hóa đơn điện tử (e-Invoice) và ứng dụng các giải pháp số hóa trong công tác vận hành như Chatbox 4.0 – Trợ lý ảo thông minh LUNA, Sổ điện tử, Chữ ký số, tự động hóa quy trình... giúp tiết giảm chi phí hoạt động và nâng cao năng lực thực thi nhanh.

Bên cạnh đó, việc hoàn tất việc tăng VDL từ 37.234 tỷ đồng lên 48.058 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ lợi nhuận còn lại sau thuế, trích quỹ và chia cổ tức tiền mặt các năm 2017 – 2019 với tỷ lệ 29,0695% vào tháng 07/2021 đã tạo nền để để VietinBank nâng cao

năng lực tài chính, tiếp tục mở rộng HĐKD, tăng cường khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế; đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn, nâng cao năng lực QTRR, tạo đà tăng trưởng bền vững của VietinBank. Đồng thời, với dòng vốn được khơi thông, VietinBank có thể chủ động phát huy tối đa vị thế, tiềm năng, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ hiện đại, phát triển dịch vụ, kiện toàn mạng lưới, góp phần gia tăng lợi ích cho khách hàng, thúc đẩy kinh tế - xã hội đất nước cũng như nâng cao giá trị cho cổ đông.

8.4. Thị trường hoạt động

8.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện:

- ***Mạng lưới trong nước:*** Tính đến ngày ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank có 155 Chi nhánh trong nước; 958 phòng giao dịch trải khắp trên 63 tỉnh thành. Ngoài ra, VietinBank còn có 02 văn phòng đại diện đặt tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.
- ***Mạng lưới quốc tế:*** Tính đến ký Bản Cáo Bạch này, VietinBank có 02 Chi nhánh hoạt động tại Đức, 01 ngân hàng con hoạt động tại Lào và 01 Văn phòng đại diện đặt tại Myanmar.

8.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

- ***Mạng lưới khách hàng:*** Tính đến thời điểm 31/03/2023, mạng lưới khách hàng của VietinBank phân loại theo từng đối tượng khách hàng gồm có:
  - ✓ *KHDN lớn*: bao gồm 8.223 khách hàng, chiếm 2,8% tổng số KHDN và tăng 9,6% so với đầu năm 2023. Theo địa bàn hoạt động, số lượng khách hàng tại miền Bắc là 3.614 (chiếm 44%), miền Trung là 1.438 (chiếm 17%) và miền Nam là 3.171 (chiếm 39%).
  - ✓ *KHDN nhỏ và vừa*: gồm có 280.879 khách hàng, chiếm 95,7% tổng số KHDN và tăng 3,9% so với đầu năm 2023. Phân theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 130.649 khách hàng (chiếm 47%), miền Trung có 57.347 khách hàng (chiếm 20%) và miền Nam có 92.883 khách hàng (chiếm 33%).
  - ✓ *KHDN FDI*: bao gồm 4.368 khách hàng, chiếm 1,5% tổng số KHDN và tăng 5,7% so với đầu năm 2023. Theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 2.200 khách hàng (chiếm 50%), miền Trung có 376 khách hàng (chiếm 9%) và miền Nam có 1.792 khách hàng (chiếm 41%).
  - ✓ *Khách hàng Định chế tài chính ("ĐCTC")*: VietinBank thiết lập và mở rộng quan hệ với 262 khách hàng ĐCTC, bao gồm:
    - 149 khách hàng ĐCTC là TCTD; trong đó: có 53 TCTD trong nước (*gồm 46 NHTM, 5 công ty tài chính và 2 tổ chức tài chính vi mô*) và 91 NHTM nước ngoài và 05 công ty tài chính nước ngoài.
    - 111 khách hàng ĐCTC phi TCTD; trong đó: có 45 công ty bảo hiểm (*gồm 25 công ty trong nước và 20 công ty nước ngoài*) và 66 công ty chứng khoán (*53 công ty trong nước và 13 công ty nước ngoài*);
    - 02 khách hàng ĐCTC là tổ chức đa phương, gồm Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Công ty Tài chính Quốc tế (IFC).
  - ✓ *KHCN*: Quy mô KHCN của VietinBank đến 31/12/2022 đạt gần 14,8 triệu khách hàng[1], tăng 17% so với đầu năm 2022. Quy mô KHCN của VietinBank cập nhật tới ngày 31/03/2023 là 15,3 triệu khách hàng. Với tốc độ tăng trưởng hiện tại, dự kiến đến cuối 2023, quy mô KHCN của VietinBank sẽ đạt mức 17 triệu khách hàng.
- ***Các SPDV cho khách hàng:***
  - ✓ *Các SPDV dành cho cá nhân*: bao gồm:
    - *Ngân hàng số*: bao gồm các dịch vụ như VietinBank iPay, iPay Mobile, SMS Banking và

[1] Khách hàng đang hoạt động tại thời điểm báo cáo

Bank Plus;

- *Tiền gửi*: gồm các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm; tiền gửi tài khoản thanh toán và sản phẩm GTCG khác như kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu…
- *Thẻ*: bao gồm các sản phẩm thẻ, dịch vụ thanh toán thẻ và các dịch vụ khác dành cho thẻ;
- *Cho vay*: gồm các sản phẩm cho vay tiêu dùng và cho vay phục vụ SXKD;
- *Bảo hiểm*: gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho nhu cầu cá nhân.

✓ *Các SPDV dành cho doanh nghiệp*: bao gồm:

- *Tiền gửi*: gồm tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán; tiền gửi có kỳ hạn; tiền gửi ký quỹ; đầu tư tiền gửi có kỳ hạn tự động;
- *Cho vay*: bao gồm các sản phẩm cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; cho vay chuyên biệt; các chương trình tín dụng quốc tế;
- *Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại*: gồm các sản phẩm dành cho doanh nghiệp xuất/nhập khẩu: chuyển tiền ngoại tệ; bảo lãnh; tài trợ thương mại nội địa; VietinBank Trade Portal…;
- *Thanh toán và quản lý dòng tiền*: các dịch vụ quản lý khoản phải chi/phải thu; quản lý dòng tiền; chuyển tiền và quản lý tài khoản;
- *Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn*: gồm các dịch vụ ngân hàng đầu tư; kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh lãi suất; ngân hàng lưu ký giám sát và các sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
- *Ngân hàng điện tử*: dịch vụ VietinBank eFast cung cấp và hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet.
- *Bảo hiểm*: gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp.

8.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

❖ **Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành:**

Top 10 NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có tổng tài sản lớn nhất tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị: tỷ đồng



(Nguồn: tổng hợp BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của các ngân hàng)

VietinBank là một trong số ngân hàng dẫn đầu ngành về quy mô tổng tài sản và lợi nhuận. Tính tới thời điểm 31/12/2022, tổng tài sản của VietinBank lớn thứ 3 trong số các NHTM hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, với giá trị là 1.808 nghìn tỷ đồng. Xét về lợi nhuận, VietinBank đứng

thứ 6 trên thị trường, với giá trị LNST hợp nhất năm 2022 đạt 16.835 tỷ đồng.

Top 10 NHTM niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam có LNST lớn nhất tại thời điểm 31/12/2022

Đơn vị: Tỷ đồng



(Nguồn: tổng hợp BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của các ngân hàng)

❖ **So sánh một số chỉ tiêu tài chính của VietinBank với các ngân hàng trong cùng ngành (thời điểm 31/12/2022):**

Tiêu chí *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	**CTG**	**BID**	**VCB**	**MBB**	**TCB**	**VPB**
Vốn điều lệ	**48.058**	50.585	47.325	45.340	35.172	67.434
VCSH	**108.168**	104.190	135.646	79.613	113.425	103.502
Tiền gửi khách hàng	**1.249.176**	1.473.598	1.243.468	443.606	358.404	303.151
Cho vay khách hàng	**1.245.058**	1.483.996	1.120.287	448.599	415.752	424.662
Tổng thu nhập hoạt động	**64.117**	69.582	68.083	45.593	40.902	57.797
LNST	**16.835**	18.420	29.919	18.155	20.436	16.909

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của các ngân hàng)

Trong số các ngân hàng trên thị trường Việt Nam, VietinBank luôn nằm trong top đầu các ngân hàng có quy mô vốn, tài sản, tiền gửi/cho vay khách hàng và lợi nhuận cao.

❖ **Thị phần và khả năng cạnh tranh**

Chỉ tiêu hợp nhất (tại 31/12/2022)	**Tổng tài sản**	**Dư nợ cho vay**	**Tiền gửi của khách hàng**
VietinBank (tỷ đồng)	**1.808.430**	**1.274.822**	**1.249.176**
Thị phần của VietinBank (*)	14,16%	14,95%	15,07%

Ghi chú: (*) Số liệu thị phần được xác định dựa trên số liệu tổng hợp BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của 27 NHTM đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên 3 sàn giao dịch chứng khoán tại Việt Nam là HOSE, HNX và UPCOM tính đến thời điểm 31/12/2022.

8.5. Các dự án phát triển HĐKD

Thông tin về các dự án lớn trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, đánh giá ảnh hưởng tới tình hình HĐKD của Tổ Chức Phát Hành như sau:

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới HĐKD của VietinBank
Quản lý rủi ro (QLRR)	Dự án Khung QLRR tích hợp và Khẩu vị Rủi ro.	Giúp cho VietinBank xây dựng Khung QLRR tích hợp và nguyên tắc xây dựng KVRR phù hợp với thông lệ quốc tế, đồng thời quản lý và ngăn ngừa các loại rủi ro trọng yếu mà VietinBank có thể gặp phải.
	Dự án hệ thống phòng chống rửa tiền – Giai đoạn 2.	Giúp cho VietinBank phát hiện và ngăn chặn rủi ro giao dịch cấm vận và khách hàng đen của tổ chức quốc tế cũng như NHNN.
CNTT	Triển khai phân tích dữ liệu lớn-big data, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, máy học vào các bài toán kinh doanh	Việc ứng dụng công nghệ mới nhằm giúp cho VietinBank đáp ứng nhanh và kịp thời các yêu cầu về QTRR, thúc đẩy bán.
	Triển khai sản phẩm sinh trắc học và kiosk thông minh tại các Chi nhánh, phòng giao dịch	Nhằm hiện đại hoá kênh quầy giao dịch với các tính năng tự nhận diện khách hàng, xử lý thông tin trước giao dịch và tăng cường trải nghiệm khách hàng
	Triển khai dự án tự động hoá quy trình Robostic	Tự động hoá quy trình vận hành tác nghiệp nhằm tăng NSLĐ, giảm thiểu rủi ro tác nghiệp vận hành
	Triển khai dự án hoá đơn điện tử	Cung cấp dịch vụ hoá đơn điện tử đáp ứng yêu cầu của cơ quan nhà nước
	Dự án Thay đổi giao diện và nâng cao trải nghiệm người dùng dịch vụ NHĐT cho KHDN	Tăng cường tính năng tiện ích Ngân hàng điện tử phục vụ KHDN
	Triển khai cập nhật liên tục ứng dụng VietinBank iPay Mobile	Giúp nâng cao trải nghiệm KHCN và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng
	Nghiên cứu triển khai hạ tầng điện toán đám mây cho các ứng dụng của VietinBank	Tăng cường khả năng vận hành sẵn sàng cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư, website, phân tích dữ liệu lớn...
	Nâng cấp tái cấu trúc hệ thống quản trị người dùng Active Directory	Nâng cao hiệu năng, tăng cường quản trị vận hành hạ tầng CNTT
	Triển khai hệ thống quản lý bảo mật theo chuẩn ISO 27001:2013	Nhằm xây dựng hệ thống, ban hành bộ chính sách quy trình về quản lý tài sản, QLRR và an toàn thông tin, triển khai áp dụng cho hệ thống ngân hàng điện tử và một số hoạt động phát triển, bảo trì và vận hành phần mềm nghiệp vụ tại VietinBank đáp ứng theo chuẩn ISO 27001:2013
Quản trị nguồn nhân lực	Dự án xây dựng cơ chế tiền lương thúc đẩy bán (Sale Incentive) nhằm chi trả theo kết quả bán và tạo động lực cho cán bộ.	Xây dựng cơ chế tiền lương chi trả chính xác, kịp thời theo hiệu quả bán hàng của từng cán bộ bán hàng.
Phát triển sản phẩm mới, lĩnh vực kinh doanh mới	Dự án xây dựng và triển khai hệ thống chăm sóc khách hàng Loyalty (Dự án Loyalty).	Hệ thống Quản lý Loyalty là hệ thống xây dựng và quản lý các chương trình ưu đãi/chăm sóc tập trung dành cho KHCN của VietinBank; nâng cao giá trị gia tăng dành cho khách hàng, tăng cường các mối quan hệ bền vững giữa ngân hàng với khách hàng, trên cơ sở đó thúc đẩy hiệu quả kinh doanh các SPDV bán lẻ

Lĩnh vực	Dự án/Chương trình	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới HĐKD của VietinBank
		nói riêng và của ngân hàng nói chung.

8.6. Chiến lược kinh doanh

- **Tầm nhìn:** trở thành Ngân hàng đa năng, hiện đại, hiệu quả hàng đầu tại Việt Nam, đến năm 2030 thuộc Top 20 ngân hàng mạnh nhất Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương; Đến năm 2045 là ngân hàng mạnh nhất và uy tín nhất Việt Nam, hàng đầu Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và uy tín cao trên thế giới.
- **Sứ mệnh:** Là ngân hàng tiên phong trong phát triển đất nước trên cơ sở mang lại giá trị tối ưu cho khách hàng, cổ đông và người lao động.
- **Giá trị cốt lõi**

  (i) ***Khách hàng là trung tâm:*** Lấy nhu cầu của khách hàng là mục tiêu phục vụ của Ngân hàng. Lắng nghe tiếng nói của khách hàng và chia sẻ với các bên liên quan để đưa ra giải pháp/ tư vấn, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đồng thời, đảm bảo an toàn cho khách hàng nội bộ, khách hàng bên ngoài.

  (ii) ***Đổi mới sáng tạo:*** Luôn thể hiện sự sáng tạo trong mọi hoạt động; liên tục đổi mới có sự kế thừa để tạo ra những giá trị tốt nhất cho hệ thống, khách hàng và đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

  (iii) ***Chính trực:*** VietinBank luôn nhất quán trong suy nghĩ và hành động đảm bảo sự tuân thủ, kỷ luật, kỷ cương, trung thực, minh bạch và giữ vững đạo đức nghề nghiệp.

  (iv) ***Tôn trọng:*** Thể hiện thái độ và hành động lắng nghe, chia sẻ, quan tâm, ghi nhận đối với khách hàng, đối tác, cổ đông, lãnh đạo, đồng nghiệp và tôn trọng bản thân.

  (v) ***Trách nhiệm:*** Thể hiện tinh thần, thái độ và hành động của toàn hệ thống, của từng bộ phận, từng cán bộ VietinBank có trách nhiệm cao đối với khách hàng, đối tác, cổ đông, lãnh đạo, đồng nghiệp và cho chính thương hiệu của VietinBank. Thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng, xã hội là trách nhiệm, vai trò, vinh dự, và tự hào của VietinBank.

- **Triết lý kinh doanh**
  - An toàn, hiệu quả và bền vững;
  - Trung thành, tận tụy, đoàn kết, đổi mới, trí tuệ, kỷ cương;
  - Sự thành công của khách hàng là sự thành công của VietinBank.
- **Nguồn vốn và nguồn lực**

  Để thực hiện chiến lược đặt ra, VietinBank tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để tăng cường năng lực nguồn vốn và các nguồn lực khác bao gồm nguồn nhân lực, năng lực vận hành và năng lực CNTT. Cụ thể:

  - ***Đối với năng lực nguồn vốn***, VietinBank thực hiện tăng vốn cấp 1 thông qua việc trình các cơ quan có thẩm quyền cho phép VietinBank (1) Giữ lại lợi nhuận/Chia cổ tức bằng cổ phiếu (2) Tăng vốn điều lệ từ vốn góp bổ sung. Ngoài ra VietinBank tiếp tục triển khai các giải pháp khác để tăng cường năng lực vốn, bao gồm: (i) Phát hành trái phiếu thứ cấp; (ii) Thoái vốn công ty con, công ty liên kết (iii) Tái cơ cấu trái phiếu thứ cấp của TCTD khác thuộc danh mục đầu tư và (iv) Quản lý kiểm soát Tài sản có rủi ro (RWA) chủ động thông qua giao chỉ tiêu hạn mức RWA, điều hành lãi suất theo rủi ro (RBP), triển khai định hướng tín dụng và thúc đẩy kinh doanh theo hướng giảm thiểu chi phí vốn tự có. Trong giai đoạn tới, VietinBank đặt trọng tâm phấn đấu nâng cao năng lực vốn thông qua

xây dựng và triển khai kế hoạch vốn theo chuẩn mực Basel II, trong đó duy trì tỷ lệ an toàn vốn (CAR) mục tiêu theo quy định hiện hành.

- ***Đối với nguồn lực nhân sự***: VietinBank xây dựng chiến lược nhân sự và hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng để thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của VietinBank, đảm bảo hiệu quả hoạt động, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế.
- ***Đối với nguồn lực CNTT***: VietinBank thực hiện số hóa toàn diện hoạt động ngân hàng và ứng dụng tự động hóa, hợp tác cùng các công ty Fintech và công nghệ để cung cấp các sản phẩm tài chính công nghệ, nâng cao trải nghiệm khách hàng, phân tích dữ liệu lớn để tự động hóa các hoạt động giao dịch, vận hành, lưu trữ hồ sơ, kiểm kê, lập báo cáo phân tích/quản trị... qua đó tiết giảm chi phí, tăng tốc độ xử lý giao dịch/giải quyết vấn đề, nâng cao NSLĐ.

9. Thông tin về cổ đông lớn

Danh sách và thông tin về cổ đông lớn của VietinBank tại thời điểm ngày ký Bản Cáo Bạch này:

Tên cổ đông lớn	**Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cổ đông Nhà nước)**	**MUFG Bank, Ltd. (Cổ đông chiến lược)**
Năm thành lập	1951	1919
Số GCNĐKKD hoặc mã số giao dịch	15/SL	CA6217
Quốc tịch	Việt Nam	Nhật Bản
Địa chỉ trụ sở chính	49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	7-1, Marunouchi 2-Chome, Chiyoda-ku, Tokyo, 100-8388, Japan.
Vốn điều lệ/Vốn cổ phần	Không có (vì NHNN là cơ quan quản lý Nhà nước)	1.711.958 triệu Yên Nhật (tại 31/12/2022)
Người đại diện theo pháp luật hoặc tương đương	Bà **Nguyễn Thị Hồng** Thống đốc NHNN Việt Nam	Ông **Junichi Hanzawa** President & CEO
Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ và có quyền biểu quyết của Cổ đông lớn tại VietinBank	3.097.932.535 cổ phần, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 64,46% vốn điều lệ	948.150.205 cổ phần, tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 19,73% vốn điều lệ
Người đại diện phần vốn hoặc Người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông lớn tại Vietinbank và Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ và có quyền biểu quyết của những người có liên quan tới Cổ đông lớn tại VietinBank	- Ông **Trần Minh Bình**, Chủ tịch HĐQT, đại diện 40% vốn Nhà nước tại VietinBank (tương đương với số lượng là 1.239.173.013 cổ phần), tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 25,78%; - Ông **Trần Văn Tần**, Thành viên HĐQT VietinBank, đại diện 30% vốn Nhà nước tại VietinBank (tương đương với số lượng là 929.379.761 cổ phần), tỷ lệ đại diện	- Ông Koji Iriguchi, Đồng Trưởng Phòng Kế hoạch và Quản trị Tài chính kiêm Đồng Trưởng Ban Chiến lược và Quản trị Thay đổi tại VietinBank, hoặc - Ông Kenki Nishikawa, Đồng Trưởng Phòng Quản lý Rủi ro Tín dụng, Đầu tư tại VietinBank kiêm Đồng Trưởng Văn phòng Quản lý Dự án triển khai Basel II tại VietinBank.

Tên cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cổ đông Nhà nước)	MUFG Bank, Ltd. (Cổ đông chiến lược)
	sở hữu và biểu quyết là 19,34%. - Ông **Lê Thanh Tùng**, Thành viên HĐQT VietinBank, đại diện 30% vốn Nhà nước tại VietinBank (tương đương với số lượng là 929.379.761 cổ phần), tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 19,34%.	Một trong hai người này đại diện cho toàn bộ vốn của MUFG Bank Ltd tại VietinBank để đảm bảo rằng nếu người này vắng mặt thì người kia sẽ có quyền bỏ phiếu hoặc nêu ý kiến biểu quyết với tư cách cổ đông. Số lượng cổ phần đại diện là 948.150.205 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ đại diện sở hữu và biểu quyết là 19,73%.
Lợi ích liên quan đối với VietinBank	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

(Nguồn: VietinBank)

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

10. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Kế toán trưởng

Tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, thông tin về HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng của VietinBank cụ thể như sau:

10.1. Hội đồng quản trị

STT		Họ và tên	Chức danh
1.	Ông	**Trần Minh Bình**	- Chủ tịch HĐQT
2	Ông	**Lê Thanh Tùng**	- Thành viên HĐQT
3.	Ông	**Trần Văn Tần**	- Thành viên HĐQT
4.	Bà	**Trần Thu Huyền**	- Thành viên HĐQT
5.	Ông	**Masahiko Oki** (*)	- Thành viên HĐQT
6.	Ông	**Masashige Nakazono**	- Thành viên HĐQT
7.	Bà	**Phạm Thị Thanh Hoài**	- Thành viên HĐQT
8.	Ông	**Nguyễn Thế Huân**	- Thành viên HĐQT
9.	Ông	**Nguyễn Đức Thành**	- Thành viên HĐQT
10	Bà	**Nguyễn Thị Bắc**	- Thành viên độc lập HĐQT

(*): Ông Masahiko Oki được miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 – 2024 theo đề nghị của MUFG Bank kể từ ngày 02/06/2023. Ông Koji Iriguchi – Đồng Trưởng phòng Kế hoạch & Quản trị Tài chính Khối Tài chính kiêm Đồng Trưởng ban Chiến lược & Quản trị thay đổi. Văn phòng HĐQT VietinBank được bầu làm thành viên HĐQT VietinBank nhiệm kỳ 2019 – 2024 kể từ ngày 02/06/2023.

10.1.1. Ông Trần Minh Bình – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Trần Minh Bình**

Ngày sinh: 07/12/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011762154, Ngày cấp 04/01/2006, Nơi cấp Công an Hà Nội (theo danh sách chốt của VSD)
C3446628, Ngày cấp 08/06/2017, Nơi cấp Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 05/2005 đến 12/2007	Phó phòng Dịch vụ Thẻ	-
Từ 01/2008 đến 07/2010	Giám đốc Trung tâm Thẻ	-
Từ 08/2010 đến 12/2011	Trưởng Phòng Đầu tư	Thành viên HĐTV VietinBank Leasing
Từ 01/2012 đến 05/2012	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Nguyễn Trãi	-
Từ 05/2012 đến 09/2012	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
Từ 09/2012 đến 12/2013	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 12/2013 đến 05/2014	Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường, kiêm Trưởng phòng Thị trường vốn	Chủ tịch VietinBank Capital; Chủ tịch HĐTV VietinBank Lào và Chủ tịch HĐTV Ngân hàng TNHH Indovina
Từ 05/2014 đến 01/2015	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch VietinBank Capital; Chủ tịch HĐTV VietinBank Lào; Chủ tịch HĐTV Ngân hàng TNHH Indovina
Từ 01/2015 đến 06/2016	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch VietinBank Capital; Chủ tịch HĐTV VietinBank Lào
Từ 06/2016 đến 01/2017	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch HĐTV VietinBank Lào
Từ 01/2017 đến 08/2018	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn và thị trường, kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng	Chủ tịch HĐTV VietinBank Lào
Từ 08/2018 đến 10/2018	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng	Chủ tịch HĐTV VietinBank Lào
Từ 10/2018 đến 12/2018	Thành viên HĐQT, kiêm Quyền Tổng Giám đốc	-
Từ 12/2018 đến 06/09/2021	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc	-
Từ 07/09/2021 đến nay	Chủ tịch HĐQT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 3.104 cổ phiếu, chiếm 0,000065% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu cho NHNN: 1.239.173.013 cổ phiếu, chiếm 25,78% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
2,370,32 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Tổng Giám đốc cho giai đoạn từ 01/01/2021 – 06/09/2021 và Chủ tịch HĐQT từ 07/09/2021 – 31/12/2021)	2,461,19 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.2. Ông Lê Thanh Tùng

Họ và tên: **Lê Thanh Tùng**

Ngày sinh: 08/09/1978

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001078040200, Ngày cấp 29/11/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Đại học Paris Dauphine CFVG

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 08/2001 đến 06/2002	-	Trợ lý kiểm toán viên tại Công ty Kiểm toán Arthur Andersen
Từ 07/2002 đến 09/2002	-	Trợ lý kiểm toán viên tại Công ty Kiểm toán KPMG
Từ 02/2003 đến 09/2006	Cán bộ Phòng Dịch vụ thẻ và Ngân hàng điện tử	-
Tháng 10/2006	Cán bộ Phòng Dịch vụ thẻ	-
Từ 11/2006 đến 10/2007	Thư ký TGĐ	-
Từ 11/2007 đến 09/2008	Thư ký HĐQT	-
Từ 10/2008 đến 01/2010	Phó phòng Tổ chức cán bộ và đào tạo	-
Từ 02/2010 đến 09/2010	Phó phụ trách Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO	-
Từ 09/2010 đến 08/2011	Trưởng Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO	-
Từ 08/2011 đến 01/2013	Trưởng Phòng Kế hoạch và Hỗ trợ ALCO	Thành viên HĐTV VietinBank Leasing
Từ 01/2013 đến 08/2013	Giám đốc Khối QLRR	Thành viên HĐTV VietinBank Leasing
Từ 08/2013 đến 10/2013	Giám đốc Khối QLRR	Chủ tịch HĐTV VietinBank Leasing
Từ 10/2013 đến 05/2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối QLRR	Chủ tịch HĐTV VietinBank Leasing
Từ 05/2014 đến 04/2016	-	Chánh Văn phòng, NHNN
Từ 04/2016 đến 06/2016	-	Vụ trưởng, Trợ lý Thống đốc NHNN
Từ 06/2016 đến 11/2017	-	Vụ trưởng, Thư ký Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
Từ 11/2017 đến 02/2021	-	Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
Từ 02/2021 đến 10/2021	-	Trợ lý nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Kinh tế Trung ương
Từ 03/11/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có

- Đại diện sở hữu cho NHNN: 929.379.761 cổ phiếu, chiếm 19,34% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)	Lợi ích khác

Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
299,77 triệu đồng (cho giai đoạn từ 03/11/2021 – 31/12/2021)	1.592,98 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.3. Ông Trần Văn Tần – *Thành viên HĐQT*

Họ và tên: **Trần Văn Tần**

Ngày sinh: 02/11/1968

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 035068000005, Ngày cấp 08/02/2013, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 12/1998 đến 01/2001	-	Phó Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 02/2001 đến 04/2008	-	Trưởng Phòng Thị trường và bảo lãnh, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 05/2008 đến 10/2013	-	Trưởng Phòng Tín dụng, Vụ Tín dụng, NHNN
Từ 11/2013 đến 03/2017	-	Trưởng Phòng Tín dụng ngành nông nghiệp, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN
Từ 04/2017 đến 04/2019	-	Phó Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN
Từ 23/04/2019 đến 04/07/2021	Thành viên HĐQT	-
Từ 05/07/2021 đến 06/09/2021	Thành viên phụ trách HĐQT	-
Từ 07/09/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có

- Đại diện sở hữu cho NHNN: 929.379.761 cổ phiếu, chiếm 19,34% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức

1.497,14 triệu đồng	1.620,70 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.4. Bà Trần Thu Huyền – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Trần Thu Huyền**

Ngày sinh: 20/11/1977

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019177000052, Ngày cấp 3/11/2014, Nơi cấp Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 01/2010 đến 03/2012	Phó Phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo	-
Từ 03/2012 đến 07/2014	Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ và Đào tạo	-
Từ 07/2014 đến 4/2015	Thành viên HĐQT	-
Từ 01/4/2015 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Nhân sự	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 51.844 cổ phiếu, chiếm 0,00108% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu cho NHNN: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
2.028,77 triệu đồng	2.123,91 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.5. Ông Masahiko Oki – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Masahiko Oki**

Ngày sinh: 02/08/1971

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: TR5836522, Ngày cấp 11/03/2016, Nơi cấp Bộ Ngoại giao Nhật Bản

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kinh doanh và Thương mại, Đại học Keio, Tokyo, Nhật Bản

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 04/2001 đến 12/2001	-	Trưởng phòng, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, Ngân hàng The Sanwa Bank, Ltd., Nhật Bản
Từ 01/2002 đến 12/2005	-	Trưởng phòng, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, Ngân hàng UFJ Bank, Ltd., Nhật Bản
Từ 01/2006 đến 10/2006	-	Trưởng phòng, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Tokyo, Ngân hàng The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd. ("**BTMU**"), Nhật Bản.
Từ 10/2006 đến 04/2011	-	Giám đốc, Bộ phận Ngân hàng doanh nghiệp Nhật Bản, BTMU Chi nhánh New York, Mỹ
Từ 05/2011 đến 05/2012	-	Trưởng phòng cao cấp, Bộ phận Kế hoạch doanh nghiệp, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
Từ 05/2012 đến 03/2016	-	Trưởng phòng, Bộ phận Phát triển kinh doanh ngân hàng bán lẻ, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
Từ 03/2016 đến 03/2018	-	Cán bộ điều hành, Trưởng Văn phòng Chiến lược ngân hàng bán lẻ, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
Từ 04/2018 đến 06/2018	-	Cán bộ điều hành, Trưởng Văn phòng Chiến lược ngân hàng bán lẻ Châu Á, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản (*trước đây là BTMU*)
Từ 07/2018 đến 05/2020	-	Cán bộ điều hành & Phó trưởng Bộ phận Kế hoạch ngân hàng thương mại toàn cầu, MUFG Bank Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
Từ 23/05/2020 đến 25/5/2020	Thành viên HĐQT	
Từ 23/05/2020 đến nay	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng giám đốc	

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu cho MUFG: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức

Hưởng thù lao theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa VietinBank và MUFG Bank, Ltd., (*)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

Ghi chú: (*) Ông Masahiko Oki không nhận thù lao/thu nhập trực tiếp từ VietinBank. Bên chi trả thù lao/thu nhập cho ông Masahiko Oki là MUFG Bank, Ltd., căn cứ theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa MUFG Bank, Ltd., và VietinBank.

10.1.6. Ông Masashige Nakazono – Thành viên HĐQT

Họ và tên:	**Masashige Nakazono**
Ngày sinh:	07/05/1975
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:	TS2318688, Ngày cấp 19/12/2018, Nơi cấp Bộ Ngoại giao Nhật Bản.
Quốc tịch:	Nhật Bản
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn:	Cử nhân, chuyên ngành Luật, Trường Đại học Tokyo, Nhật Bản; Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Trường Wharton thuộc Trường Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 07/2005 đến 06/2006	-	Trưởng Phòng, Bộ phận Phát triển Sản phẩm Tài chính, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
Từ 07/2008 đến 01/2013	-	Phó Phòng, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư dành cho Châu Mỹ, Nhóm Chứng khoán hóa, BTMU, Chi nhánh New York, Mỹ.
Từ 02/2013 đến 06/2014	-	Giám đốc, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư dành cho Châu Mỹ, Nhóm Chứng khoán hóa, BTMU, Chi nhánh New York, Mỹ.
Từ 07/2014 đến 03/2018	-	Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, BTMU, Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
Từ 04/2018 đến 06/2018	-	Giám đốc, Bộ phận Kế hoạch Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản (*trước đây là BTMU – The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ, Ltd.*)
Từ 07/2018 đến 02/2019	-	Giám đốc Điều hành, Trưởng phòng Kế hoạch Toàn cầu, Bộ phận Kế hoạch Doanh nghiệp, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
Từ 02/2019 đến 03/2021	-	Giám đốc Điều hành, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Chi nhánh Singapore
Từ 03/2021 đến 04/2021	-	Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản
Từ 16/04/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	Giám đốc Điều hành, Phòng Kế hoạch Chiến lược, Bộ phận Kế hoạch Ngân hàng Thương mại Toàn cầu, MUFG Bank, Ltd., Trụ sở Tokyo, Nhật Bản

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- *Sở hữu cá nhân: Không có.*
- *Đại diện sở hữu cho MUFG: Không có.*
- *Sở hữu của người có liên quan: Không có.*

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản		Lợi ích khác
Năm 2021 (triệu đồng)	**Năm 2022 (triệu đồng)**	**Cổ tức**
Hưởng thù lao theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa VietinBank và MUFG Bank, Ltd., (*)		Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

Ghi chú: (*) Ông Masashige Nakazono không nhận thù lao/thu nhập trực tiếp từ VietinBank. Bên chi trả thù lao/thu nhập cho ông Masashige Nakazono là MUFG Bank, Ltd., căn cứ theo thỏa thuận hợp tác hỗ trợ điều hành giữa MUFG Bank, Ltd., và VietinBank.

10.1.7. Bà Phạm Thị Thanh Hoài – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Phạm Thị Thanh Hoài**

Ngày sinh: 29/10/1978

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019178000338, Ngày cấp 21/09/2017, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	**Tại các tổ chức khác**
Từ 11/2008 đến 10/2009	Phó Phòng Chế độ Tín dụng, Đầu tư	-
Từ 10/2009 đến 04/2010	Phó Phòng Đầu tư	-
Từ 04/2010 đến 08/2010	Phó phụ trách Phòng Đầu tư	-
Từ 08/2010 đến 01/2012	Phó Phòng Đầu tư	-
Từ 01/2012 đến 03/2013	Phó phụ trách Phòng Đầu tư	-
Từ 04/2013 đến 04/2014	Trưởng Phòng Kinh doanh vốn	-
Từ 05/2014 đến 05/2016	Trưởng Phòng Kinh doanh vốn – Khối Kinh doanh vốn và thị trường	Chủ tịch HĐTV VietinBank Leasing
Từ 05/2016 đến 04/2019	Trưởng Phòng KHDN FDI và Nguồn vốn quốc tế - Khối KHDN	Chủ tịch HĐTV VietinBank Leasing
Từ 04/2019 đến 10/2021	Thành viên HĐQT	-
Từ 06/10/2021 đến nay	Thành viên HĐQT	Chủ tịch HĐTV VietinBank Lào

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 118 cổ phiếu, chiếm 0,000002% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	**Năm 2022**	**Cổ tức**
1.466,90 triệu đồng	1.592,98 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.8. Ông Nguyễn Thế Huân - Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Thế Huân**

Ngày sinh: 19/12/1974

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 019074000322, Ngày cấp 25/12/2018, Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Luật, Ngôn ngữ, Kinh tế.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	**Tại các tổ chức khác**
Từ 09/2004 đến 02/2006	Phó Trưởng Phòng, Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Ba Đình	-
Từ 03/2006 đến 11/2008	Trưởng Phòng, Phòng KHDN vừa & nhỏ, VietinBank Chi nhánh Ba Đình	-
Từ 12/2008 đến 08/2009	Phó phòng, Phòng Xây dựng & Quản lý ISO	-
Từ 09/2009 đến 03/2010	Phó Phòng, Phòng KHCN	-
Từ 04/2010 đến 06/2011	Phó giám đốc, VietinBank Chi nhánh Bắc Giang	-
Từ 07/2011 đến 03/2012	Phó trưởng Ban Kiểm tra Kiểm soát nội bộ	-
Từ 04/2012 đến 03/2013	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán tuân thủ	-
Từ 04/2013 đến 03/2015	Phó Phòng, Phòng Kiểm toán nội bộ	-
Từ 04/2015 đến 04/2019	Trưởng Ban Kiểm soát	-
Từ 23/04/2019 đến nay	Thành viên HĐQT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Phạm Thị Minh Tú (Em dâu): 72 cổ phiếu, chiếm 0,0000001% vốn điều lệ

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	**Năm 2022**	**Cổ tức**
1.746,24 triệu đồng	1.825,81 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.9. Ông Nguyễn Đức Thành – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Đức Thành**

Ngày sinh: 08/09/1970

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 011070000015, Ngày cấp 24/4/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	**Tại các tổ chức khác**
Từ 08/2002 đến 04/2007	-	Phó Vụ trưởng – Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
Từ 04/2007 đến 08/2007	-	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh kiêm Thư ký Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương)
Từ 08/2007 đến 01/2010	-	Phó Cục trưởng Cục Quản lý Cạnh tranh – Bộ Công Thương
Từ 02/2010 đến 08/2012	Trưởng Phòng Định chế tài chính	-
Từ 08/2012 đến 03/2014	Phó Tổng giám đốc	(i) Chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh Bảo hiểm nhân thọ VietinBank – Aviva (ii) Chủ tịch HĐQT Công ty Chuyển tiền toàn cầu Ngân hàng Công thương Việt Nam
Từ 03/2014 đến 07/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm đồng Giám đốc Chi nhánh VietinBank tại Đức	-
Từ 07/2018 đến 08/2018	Phó Tổng Giám đốc	-
Từ 08/2018 đến 12/2018	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	-

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 12/2018 đến 10/2021	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	Kiêm Chủ tịch HĐTV VietinBank Lào
Từ 10/2021 đến 11/2022	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Kinh doanh vốn & Thị trường	-
Từ 11/2021 đến 04/2022	Phó Tổng Giám đốc	-
Từ 29/04/2022 đến nay	Thành viên HĐQT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Hoàng Việt Phương (Vợ): 7 cổ phiếu, chiếm 0,00000015% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.841,38 triệu đồng	1,987,11 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Phó Tổng Giám đốc cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 28/04/2022 và Thành viên HĐQT từ 29/04/2022)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.1.10. Bà Nguyễn Thị Bắc – Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bắc**

Ngày sinh: 12/10/1953

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001153025084, Ngày cấp 08/12/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Luật

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 1978 đến 1980	-	Giảng viên, Khoa Luật, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội
Từ 1980 đến 1984	-	Cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 1984 đến 1988	-	Kiểm sát viên trung cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
Từ 1989 đến 1992	-	Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Từ 1992 đến 1994	-	Phó vụ trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Từ 1994 đến 2002	-	Vụ trưởng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao
Từ 07/2002 đến 07/2007	-	Phó chủ nhiệm Ủy ban pháp luật, Đại biểu Quốc hội khóa XI
Từ 08/2007 đến 11/2008	-	Chuyên viên cao cấp Văn phòng Quốc hội
Từ 01/2009 đến 02/2012	-	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
Từ 02/2012 đến 07/2014	Thành viên HĐQT độc lập	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
Từ 06/2019 đến 05/2020	-	Giám đốc Khối QLRR, Ngân hàng TNHH Indovina; kiêm Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội
Từ 23/05/2020 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập	Luật sư Đoàn luật sư Hà Nội

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.464,40 triệu đồng	1.800,00 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hàng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.2. Ban Kiểm soát

STT		Họ và tên	Chức danh
1.	Bà	**Lê Anh Hà**	- Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà	**Nguyễn Thị Anh Thư**	- Thành viên
3.	Bà	**Phạm Thị Thơm**	- Thành viên

10.2.1. Bà Lê Anh Hà – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Lê Anh Hà**

Ngày sinh: 02/11/1973

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001173018920, Ngày cấp 21/01/2019, Nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 11/2003 đến 03/2005	Phó Phòng Quản lý tín dụng	-
Từ 03/2005 đến 02/2006	Trưởng Phòng Quản lý và khai thác nguồn vốn	-
Từ 03/2006 đến 10/2009	Trưởng Phòng QLRR tín dụng, đầu tư	-
Từ 10/2009 đến 12/2011	Trưởng Phòng KHCN	-
Từ 01/2012 đến 07/2013	Phó Giám đốc Trường Đào tạo & Phát triển nguồn nhân lực VietinBank	-
Từ 07/2013 đến 06/2014	Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ	-
Từ 07/2014 đến 04/2019	Phó Giám đốc Khối QLRR kiêm Trưởng Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ	-
Từ 23/04/2019 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 4.006 cổ phiếu, chiếm 0,000083% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.524,41 triệu đồng	1.588,50 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.2.2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Thị Anh Thư**

Ngày sinh: 24/05/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001176003755, Ngày cấp 03/03/2015, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành: Ngân hàng; Tiếng Anh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 01/2004 đến 05/2005	Phó Phòng Tổng hợp – Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
Từ 06/2005 đến 09/2006	Trưởng Phòng Tổng hợp – Tiếp thị, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
Từ 10/2006 đến 12/2006	Trưởng Phòng QLRR, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
Từ 01/2007 đến 05/2012	Trưởng Phòng KHDN lớn, VietinBank Chi nhánh Hoàn Kiếm	-
Từ 05/2012 đến 12/2012	Phó Phòng Kiểm toán tuân thủ	-
Từ 01/2013 đến 06/2014	Phó Phòng Kiểm soát giải ngân	-
Từ 07/2014 đến 01/2015	Phó Phòng Phê duyệt tín dụng	-
Từ 02/2015 đến 07/2015	Phó Phòng QLRR Tín dụng, Khối QLRR	-
Từ 08/2015 đến 04/2019	Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ	-
Từ 23/04/2019 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát	

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 1.337 cổ phiếu, chiếm 0,000028% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.082,12 triệu đồng	1.173,86 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.2.3. Bà Phạm Thị Thơm – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên: **Phạm Thị Thơm**

Ngày sinh: 05/02/1969

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 037169000304, Ngày cấp 05/05/2016, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 10/2001 đến 09/2003	-	Phó phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 10/2003 đến 12/2005	-	Trưởng phòng Kế toán, Ngân hàng Agribank Chi nhánh Hà Nội
Từ 01/2006 đến 10/2006	-	Chuyên viên phòng Chế độ, Vụ Kế toán – Tài chính, NHNN
Từ 11/2006 đến 12/2008	-	Phó phòng Chế độ, Vụ Kế toán – Tài chính, NHNN
Từ 01/2009 đến 06/2009	-	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính – Kế toán, NHNN
Từ 06/2009 đến 04/2019	Thành viên Ban Kiểm soát	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính – Kế toán, NHNN
Từ 04/2019 đến 04/2021	-	Trưởng phòng Chế độ, Vụ Tài chính – Kế toán, NHNN
Từ 16/04/2021 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Phạm Thứ Tâm (Anh trai): 12 cổ phiếu, chiếm 0,0000002% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
623,14 triệu đồng (cho giai đoạn từ 16/04/2021 – 31/12/2021)	914,63 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3. Ban Điều hành và Kế toán trưởng

STT		Họ và tên	Chức danh
1.	Ông	**Nguyễn Hoàng Dũng**	- Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành
2.	Ông	**Masahiko Oki**	- Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông	**Trần Công Quỳnh Lân**	- Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông	**Nguyễn Đình Vinh**	- Phó Tổng Giám đốc
5.	Bà	**Lê Như Hoa**	- Phó Tổng Giám đốc
6.	Ông	**Lê Duy Hải**	- Phó Tổng Giám đốc
7.	Ông	**Nguyễn Trần Mạnh Trung**	- Phó Tổng Giám đốc
8.	Ông	**Hoàng Ngọc Phương**	- Phó Tổng Giám đốc

STT		Họ và tên	Chức danh
9.	Ông	**Đỗ Thanh Sơn**	- Phó Tổng Giám đốc
10.	Ông	**Nguyễn Hải Hưng**	- Kế toán trưởng

10.3.1. Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng Dũng**

Ngày sinh: 10/11/1962

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 025261199, Ngày cấp 14/02/2014, Nơi cấp Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 10/1998 đến 02/1991	Tổ phó Tổ tín dụng, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	
Từ 03/1991 đến 09/1992	Phó trưởng phòng Kiểm soát, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	-
Từ 10/1992 đến 07/1993	Trợ lý Giám đốc, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	
Từ 08/1993 đến 12/1996	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, VietinBank Chi nhánh Tỉnh Minh Hải	-
Từ 01/1997 đến 10/1998	Trưởng phòng Kinh doanh, VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
Từ 11/1998 đến 12/2004	Trưởng Phòng Giao dịch Cà Mau, VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
Từ 01/2005 đến 10/2007	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
Từ 11/2007 đến 01/2010	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Cà Mau	-
Từ 02/2010 đến 03/2011	Cán bộ quản lý cấp cao VietinBank	-
Từ 03/2011 đến 09/2021	Phó Tổng Giám đốc	-
Từ 07/09/2021 đến nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 1.321 cổ phiếu, chiếm 0,000027% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Nguyễn Trần Hòa Bình (Em trai): 14 cổ phiếu, chiếm 0,0000003% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
2.167,15 triệu đồng	2.367,58 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng

		năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.2. Ông Masahiko Oki – Phó Tổng Giám đốc (đã được trình bày tại Mục 10.1.5 ở trên)

10.3.3. Ông Trần Công Quỳnh Lân – Phó Tổng Giám đốc

Trần Công Quỳnh Lân

Họ và tên:

Ngày sinh: 16/01/1979

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 290691924, Ngày cấp 02/12/2014, Nơi cấp Công an Tây Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành CNTT

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 04/2003 đến 04/2005	-	Trợ lý giám đốc, Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 04/2005 đến 04/2008	-	Trợ lý Phó Chủ tịch, Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 04/2008 đến 04/2012	-	Phó Chủ tịch (Vice President) CNTT, Ngân hàng bán lẻ (Quản lý kênh phân phối điện tử và đầu tư), Ngân hàng OCBC Singapore
Từ 05/2012 đến 03/2015	Giám đốc Trung tâm CNTT	-
Từ 03/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm CNTT	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
2.173,64 triệu đồng	2.262,02 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.4. Ông Nguyễn Đình Vinh – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	**Nguyễn Đình Vinh**
Ngày sinh:	30/09/1980
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:	040080000057, Ngày cấp 26/03/2014, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 12/2009 đến 06/2010	Phó phòng KHDN lớn	-
Từ 06/2010 đến 11/2011	Phó phụ trách Phòng KHDN lớn	-
Từ 11/2011 đến 07/2012	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Quang Trung	-
Từ 07/2012 đến 10/2013	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Hải Dương	-
Từ 10/2013 đến 06/2014	Trưởng phòng Quản lý Nợ có vấn đề, Khối QLRR	-
Từ 07/2014 đến 07/2015	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
Từ 07/2015 đến 11/2018	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối KHDN	Chủ tịch HĐTV Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank
Từ 11/2018 đến 09/2019	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối QLRR	Chủ tịch HĐTV Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank
Từ 03/09/2019 đến nay	Phó Tổng giám đốc, kiêm Giám đốc Khối QLRR và kiêm Trưởng Văn phòng Quản lý dự án triển khai Basel II (BMO)	Chủ tịch HĐTV Công ty chuyển tiền toàn cầu VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- *Sở hữu cá nhân: Không có.*
- *Đại diện sở hữu: Không có.*
- *Sở hữu của người có liên quan: Không có.*

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.837,87 triệu đồng	1.920,96 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.5. Bà Lê Như Hoa – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	**Lê Như Hoa**
Ngày sinh:	23/11/1969
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:	026169001195, Ngày cấp 08/12/2021, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính và Kinh doanh quốc tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 07/1995 đến 12/1996	Kiểm soát viên, VietinBank - Chi nhánh Phúc Yên	-
Từ 01/1997 đến 05/1997	Phó phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
Từ 06/1997 đến 09/2002	Phó phụ trách Phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
Từ 10/2002 đến 02/2005	Phó phòng Kinh doanh, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
Từ 03/2005 đến 03/2010	Trưởng phòng Kế toán, VietinBank Chi nhánh Phúc Yên	-
Từ 03/2010 đến 06/2011	Trưởng phòng Tổ chức hành chính, VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
Từ 06/2011 đến 07/2014	Phó Giám đốc VietinBank Thành phố Hà Nội	-
Từ 07/2014 đến 08/2016	Trưởng phòng Quản lý Kế toán tài chính	-
Từ 08/2016 đến 06/2019	Phó Tổng Giám đốc	-
Từ 07/2019 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vàng bạc Đá quý VietinBank

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 35.741 cổ phiếu, chiếm 0,000744% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: (i) Lê Xuân Sơn (Bố ruột): 365 cổ phiếu, chiếm 0,000008% vốn điều lệ, (ii) Lê Thanh Mai (Chị gái): 22.210 cổ phiếu, chiếm 0,000462% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.704,19 triệu đồng	1.767,94 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.6. Ông Lê Duy Hải – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Lê Duy Hải**

Ngày sinh: 06/01/1977

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 012975438, ngày cấp 21/1/2009 Nơi cấp: Công An Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Anh.

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 01/2007 đến 09/2008	Cán bộ Phòng Đầu tư	-
Từ 10/2008 đến 06/2010	Thư ký Ban thư ký HĐQT	-
Từ 07/2010 đến 02/2011	Phó phòng KHDN lớn	-
Từ 02/2011 đến 12/2011	Phó phụ trách Phòng KHDN lớn	-
Từ 01/2012 đến 06/2013	Trưởng phòng KHDN lớn	-
Từ 06/2013 đến 05/2014	Phó Giám đốc Khối KHDN	-
Từ 06/2014 đến 11/2018	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Ba Đình	-
Từ 11/2018 đến 05/2022	Giám đốc Khối KHDN	-
Từ 09/05/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,000416% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.811,48 triệu đồng (thù lao/thu nhập của Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp)	1.726,30 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 08/05/2022 và Phó Tổng Giám đốc từ 09/05/2022)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.7. Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Trần Mạnh Trung**

Ngày sinh: 21/09/1983

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 012174588, Ngày cấp 31/05/2005, Nơi cấp Công An TP Hà Nội (theo danh sách chốt của VSD).

001083005084, ngày cấp 22/11/2021, Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 05/2011 đến 06/2011	Phó phòng QLRR & Nợ có vấn đề, VietinBank Chi nhánh Đống Đa	-
Từ 07/2011 đến 11/2011	Thư ký TGD, Văn phòng VietinBank	-
Từ 12/2011 đến 05/2014	Thư ký TGĐ/HĐQT, Văn phòng VietinBank	-
Từ 06/2014 đến 10/2014	Quyền Trưởng Phòng Quản lý HĐKD	-
Từ 10/2014 đến 07/2015	Phó Giám đốc Khối KHDN kiêm Trưởng phòng Quản lý hoạt động kinh doanh Khối KHDN	-
Từ 07/2015 đến 05/2022	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
Từ 12/05/2022 đến 28/9/2022	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
Từ 29/9/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc VietinBank	

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu, chiếm 0,00000006% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
2.436,12 triệu đồng (thù lao/thu nhập của Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội)	1.958,14 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 11/05/2022 và Phó Tổng Giám đốc từ 12/05/2022)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.8. Ông Hoàng Ngọc Phương – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	**Hoàng Ngọc Phương**
Ngày sinh:	26/07/1984
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:	019084000488, Ngày cấp: 13/02/2020, Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư.
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 02/2012 đến 03/2012	Thư ký TGĐ/HĐQT cấp 1, Ban thư ký HĐQT	-
Từ 04/2012 đến 10/2013	Thư ký HĐQT, Ban thư ký HĐQT	-
Từ 10/2013 đến 10/2014	Phó phòng Quản lý HĐKD	-
Từ 10/2014 đến 07/2015	Phó phòng KHDN lớn	-
Từ 07/2015 đến 06/2016	Phó Giám đốc VietinBank Chi nhánh Thành phố Hà Nội	-
Từ 06/2016 đến 08/2020	Giám đốc VietinBank Chi nhánh Sông Nhuệ (nay là Chi nhánh Đô Thành)	-
Từ 08/2020 đến 11/2021	Phó Giám đốc Khối QLRR VietinBank	-
Từ 11/2021 đến 05/2022	Giám đốc Khối Vận hành VietinBank	-
Từ 12/05/2022 đến nay	Phó Tổng giám đốc VietinBank	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.411,78 triệu đồng (thù lao/thu nhập của Giám đốc Khối Vận hành và Khối Quản lý Rủi ro)	1.545,34 triệu đồng (bao gồm thù lao/thu nhập của Giám đốc Khối Vận hành và Khối Quản lý Rủi ro cho giai đoạn từ 01/01/2022 - 11/05/2022 và Phó Tổng Giám đốc từ 12/05/2022)	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.9. Ông Đỗ Thanh Sơn – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Đỗ Thanh Sơn**

Ngày sinh: 23/02/1976

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 285211999, Ngày cấp: 09/09/2009, Nơi cấp: Công An Tỉnh Bình Phước

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Đại học, chuyên ngành Kế toán kiểm toán; Tiến sĩ, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 01/07/1998 đến 30/06/1999		Cán bộ thanh tra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Bình Phước
Từ 01/07/1999 đến 31/07/2000	Nhân viên QHKH, Phòng KHDN, VietinBank – Chi nhánh Bình Phước;	-
Từ 01/08/2000 đến 31/10/2003	Phó phòng Khách hàng doanh nghiệp, VietinBank – Chi nhánh Bình Phước;	-
Từ 01/11/2003 đến 05/01/2010	Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp, VietinBank – Chi nhánh Bình Phước;	-
Từ 06/01/2010 đến 05/12/2010	Phó giám đốc VietinBank – Chi nhánh Bình Phước;	-
Từ 06/12/2010 đến 20/11/2011	Phó giám đốc VietinBank – Chi nhánh 11 TP Hồ Chí Minh;	-
Từ 21/11/2011 đến 02/04/2015	Giám đốc VietinBank – Chi nhánh 11 TP Hồ Chí Minh;	-
Từ 03/04/2015 đến 05/05/2015	-	Người đại diện Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương;
Từ 06/05/2015 đến 09/10/2022	-	Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương.
Từ 10/11/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc	

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: Không có.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Không có.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức

0 triệu đồng (về làm việc tại VietinBank từ năm 2022)	420,26 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

10.3.10. Ông Nguyễn Hải Hưng – Kế toán trưởng

Họ và tên: **Nguyễn Hải Hưng**

Ngày sinh: 13/12/1972

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 034072005082, Ngày cấp 24/05/2017, Nơi cấp Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Kinh nghiệm công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ đã và đang nắm giữ	
	Tại VietinBank	Tại các tổ chức khác
Từ 04/2007 đến 05/2008	Phó Phòng Kế toán Thanh toán VND	-
Từ 06/2008 đến 09/2009	Phó phụ trách Phòng Kế toán Thanh toán VND	-
Từ 10/2009 đến 05/2011	Trưởng Phòng Kế toán Thanh toán VND	-
Từ 06/2011 đến nay	Kế toán trưởng	-

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VietinBank của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến thời điểm 31/12/2022), cụ thể như sau:

- Sở hữu cá nhân: 24.894 cổ phiếu, chiếm 0,000518% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu: Không có.

- Sở hữu của người có liên quan: Trần Thanh Phương (Vợ): 3.697 cổ phiếu, chiếm 0,000077% vốn điều lệ.

Lợi ích có liên quan đối với VietinBank:

Thù lao/Thu nhập cơ bản (sau thuế TNCN)		Lợi ích khác
Năm 2021	Năm 2022	Cổ tức
1.792,74 triệu đồng	1.869,16 triệu đồng	Hưởng cổ tức theo tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng hằng năm tương ứng với số lượng cổ phiếu nắm giữ (nếu có)

Các khoản nợ đối với VietinBank: Không.

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với Ngân hàng hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Ngân hàng: Không có

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

11. Chính sách trả cổ tức

Theo Điều lệ của VietinBank, chính sách phân phối lợi nhuận và trả cổ tức như sau:

- Sau khi trích lập các quỹ, lợi nhuận giữ lại của VietinBank được sử dụng để trả cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT. VietinBank chỉ trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VietinBank và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VietinBank vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ khác đến hạn (nếu có).

Tình hình trả cổ tức của VietinBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

Hình thức trả cổ tức	Cổ tức năm 2022	Cổ tức năm 2021	Cổ tức năm 2020
Cổ tức bằng tiền mặt	Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2022 do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (VietinBank dự kiến chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền 11.521.154 triệu đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 21/04/2023).	Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2021 do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	8% vốn điều lệ, tương đương 3.844,6 tỷ đồng. Ngày thanh toán: 17/01/2022.
Cổ tức bằng cổ phiếu			Theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến là 11,8488% và sẽ được quyết định trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu do VietinBank phát hành trong 03 năm liên tục (từ năm 2020 đến năm 2022) và đến thời điểm hiện tại đều đã được VietinBank thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi trái phiếu, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các trái phiếu.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

13.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, tổng số dư trái phiếu do VietinBank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 36.326,23 tỷ đồng (tính theo mệnh giá). Trong đó:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng: 20.907,23 tỷ đồng, chiếm 57,5% tổng số dư trái phiếu đã phát hành;
- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: 15.419 tỷ đồng, chiếm 42,5% tổng số dư trái phiếu đã phát hành.

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, VietinBank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

13.2. Những cam kết nhưng chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết nhưng chưa thực hiện khác của VietinBank như sau:

Khoản mục (Đơn vị: Tỷ đồng)	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2020	*31/12/2021*	*31/12/2022*	*31/03/2023*	*31/12/2020*	*31/12/2021*	*31/12/2022*	*31/03/2023*
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	***106.298***	***110.002***	***159.604***	***145.010***	***106.298***	***109.950***	***159.576***	***144.982***
Cam kết bảo lãnh vay vốn	7.995	3.237	7.692	6.394	7.995	3.237	7.692	6.394
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	48.283	46.585	73.681	63.557	48.283	46.585	73.682	63.555
Cam kết bảo lãnh khác (thanh toán, thực hiện hợp đồng, dự thầu và khác)	50.019	60.180	78.231	75.059	50.019	60.128	78.202	75.033
Các cam kết đưa ra	***355.781***	***583.962***	***313.461***	***521.597***	***355.781***	***583.962***	***310.605***	***519.988***
Cam kết giao dịch hối đoái	303.102	479.385	260.356	456.916	303.102	479.385	258.305	455.545
Các cam kết khác	52.679	104.577	53.105	61.681	52.679	104.577	52.300	64.443
Tổng cộng	**462.079**	**693.964**	**473.065**	**666.607**	**462.079**	**693.912**	**470.181**	**664.970**

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng lẻ và hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Tổ Chức Phát Hành không có các cam kết khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành như các hợp đồng thuê sử dụng đất hay các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Ngoài các thông tin về nghĩa vụ tiềm ẩn đã nêu tại ***Mục IV.13.2*** ở trên, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự về quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

V. KẾT QUẢ HĐKD, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả HĐKD

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về HĐKD của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1.1. Các chỉ tiêu về kết quả HĐKD

Kết quả HĐKD Hợp nhất

Chỉ tiêu Hợp nhất *(Tỷ đồng)*	Năm 2020 (*)	Năm 2021	% tăng (giảm) 2021/2020	Năm 2022	% tăng (giảm) 2022/2021	3 tháng đầu năm 2023
Tổng giá trị tài sản	1.341.510	1.531.587	14,17%	1.808.430	18,1%	1.823.962
VCSH	85.439	93.650	9,61%	108.168	15,5%	112.945
Thu nhập lãi thuần	35.580	41.788	17,45%	47.792	14,4%	12.666
Tổng thu nhập hoạt động	45.357	53.167	17,22%	64.117	20,6%	17.019
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	29.288	35.971	22,82%	45.109	25,4%	12.704
LNTT	17.120	17.589	2,74%	20.946	19,1%	5.980
LNST	13.785	14.215	3,12%	16.835	18,4%	4.831
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức (**)	8%					

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Kết quả HĐKD Công ty mẹ

Chỉ tiêu riêng *(Tỷ đồng)*	Năm 2020 (*)	Năm 2021	% tăng (giảm) 2021/2020	Năm 2022	% tăng (giảm) 2022/2021	3 tháng đầu năm 2023
Tổng tài sản	1.327.991	1.515.618	14,13%	1.793.240	18,3%	1.806.350
VCSH	82.136	90.138	9,74%	104.477	15,9%	108.985
Thu nhập lãi thuần	34.851	41.020	17,70%	46.850	14,2%	12.412
Tổng thu nhập hoạt động	43.637	51.571	18,18%	62.337	20,9%	16.339
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	28.524	35.198	23,40%	44.449	26,3%	12.325
LNTT	16.477	16.860	2,33%	20.353	20,7%	5.614
LNST	13.279	13.622	2,59%	16.379	20,2%	4.500

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Ghi chú:

(*): Số liệu năm 2020 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 được kiểm toán của VietinBank

(**): Tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 là 8% vốn điều lệ, tương đương 3.844,6 tỷ đồng. Ngày thanh toán: 17/01/2022. Theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến là 11,8488% và sẽ được quyết định trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2022 do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Năm 2022, VietinBank đã tích cực triển khai đồng bộ các giải pháp kinh doanh, nỗ lực đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, tái cấu trúc toàn diện hoạt động theo hướng chuyển đổi mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, chuyển dịch nhanh cơ cấu thu nhập, triển khai chiến lược khách hàng là trung tâm, xác định phương thức cạnh tranh theo hướng chú trọng phát triển giải pháp ngân hàng tài chính hiện đại, nâng cao năng lực tư vấn, chất lượng dịch vụ, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng. Theo đó, VietinBank đã đạt được những kết quả kinh doanh tích cực trên mọi mặt hoạt động trong năm 2022, tạo tiền đề vững chắc cho HĐKD của Ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo. Cụ thể kết quả thực hiện một số chỉ tiêu hợp nhất năm 2022 như sau:

- Tổng tài sản của VietinBank đến ngày 31/12/2022 đạt 1,81 triệu tỷ đồng, tăng 18.1% so với cùng kỳ năm 2021;
- VCSH của Ngân hàng tăng 15,5% so với năm 2021 và đạt 108 nghìn tỷ đồng.
- Dư nợ tín dụng cuối kỳ đạt 1,28 triệu tỷ đồng tăng 12,1%. Cơ cấu dư nợ chuyển dịch tích cực theo hướng nâng cao hiệu quả sinh lời, tỷ trọng dư nợ bán lẻ và dư nợ KHDN vừa và nhỏ tiếp tục được cải thiện, ưu tiên cấp tín dụng cho khách hàng có dự án/phương án sản xuất kinh doanh khả thi, xếp hạng tín nhiệm tốt, hiệu quả sinh lời cao.
- Nguồn vốn được cân đối tối ưu phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng. Nguồn vốn huy động hợp nhất đạt hơn 1,34 triệu tỷ đồng, tăng 114 nghìn tỷ đồng (+9,3%) so với năm 2021. Trong đó, đến cuối năm 2022 tiền gửi không kỳ hạn (CASA) tăng 7,1% so với năm 2021. Tỷ trọng CASA đạt hơn 20%, góp phần tích cực trong việc kiểm soát chi phí vốn của ngân hàng
- Hiệu quả HĐKD ngày càng được cải thiện. **LNTT riêng lẻ** năm 2022 đạt 20.353 tỷ đồng, tăng 20,7% so với năm 2021, hoàn thành 105% kế hoạch năm. **LNTT hợp nhất** năm 2022 đạt 20.946 tỷ đồng, tăng 19,1% so với năm 2021.

Đến 31/3/2023, tổng tài sản hợp nhất của VietinBank đạt 1,82 triệu tỷ đồng, tăng 15,5 ngàn tỷ (+0,9%) so với thời điểm đầu năm 2023; VCSH đạt gần 113 nghìn tỷ đồng, tăng so với thời điểm đầu năm 2023 là 4,4%. Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng đạt 12,7 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, đến hết 31/3/2023, LNTT hợp nhất của VietinBank đạt 5.980 tỷ đồng, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm 2022.

1.1.2. Các chỉ tiêu khác

a) Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất *(Tỷ đồng)*	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	2.264	*2,7%*	1.456	*1,7%*	3.060	*2,9%*	1.242	*3,8%*
Thu nhập lãi cho vay KH	73.399	*87,7%*	74.974	*88,6%*	92.897	*88,8%*	29.034	*88,6%*

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.423	*7,7%*	6.423	*7,6%*	6.810	*6,5%*	1.908	*5,8%*
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	688	*0,8%*	853	*1,0%*	873	*0,8%*	313	*1,0%*
Thu nhập lãi cho thuê TC	293	*0,4%*	327	*0,4%*	373	*0,4%*	131	*0,4%*
Thu khác từ HĐ tín dụng	610	*0,7%*	596	*0,7%*	651	*0,6%*	132	*0,4%*
Tổng cộng	**83.677**	***100%***	**84.628**	***100%***	**104.664**	***100%***	**32.760**	***100%***

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng (Tỷ đồng)	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi tiền gửi	2.247	*2,7%*	1.439	*1,7%*	3.021	*2,9%*	1.234	*3,8%*
Thu nhập lãi cho vay KH	72.907	*88,1%*	74.500	*89,1%*	92.361	*89,3%*	28.883	*89,2%*
Thu lãi từ chứng khoán nợ	6.300	*7,6%*	6.243	*7,5%*	6.499	*6,3%*	1.824	*5,6%*
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	688	*0,8%*	853	*1,0%*	872	*0,8%*	312	*1,0%*
Thu khác từ HĐ tín dụng	593	*0,7%*	572	*0,7%*	633	*0,6%*	124	*0,4%*
Tổng cộng	**82.735**	***100%***	**83.606**	***100%***	**103.386**	***100%***	**32.377**	***100%***

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

b) Tổng thu nhập hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất (Tỷ đồng)	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	35.580	*78,4%*	41.788	*78,6%*	47.792	*74,5%*	12.666	*74,4%*
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.362	*9,6%*	4.961	*9,3%*	5.862	*9,1%*	2.001	*11,8%*
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.000	*4,4%*	1.812	*3,4%*	3.556	*5,5%*	1.173	*6,9%*

Chỉ tiêu Hợp nhất *(Tỷ đồng)*	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	601	*1,3%*	496	*0,9%*	-112	*-0,2%*	28	*0,2%*
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	361	*0,8%*	234	*0,4%*	-30	*0,0%*	15	*0,1%*
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.929	*4,3%*	3.398	*6,4%*	6.537	*10,2%*	1.020	*6,0%*
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	524	*1,2%*	477	*0,9%*	512	*0,8%*	116	*0,7%*
Tổng cộng	**45.357**	***100%***	**53.167**	***100%***	**64.117**	***100%***	**17.019**	***100%***

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Tổng thu nhập hoạt động (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng *(Tỷ đồng)*	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập lãi thuần	34.851	*79,9%*	41.020	*79,5%*	46.850	*75,2%*	12.412	*76,0%*
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.777	*8,7%*	4.369	*8,5%*	5.022	*8,1%*	1.713	*10,5%*
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.887	*4,3%*	1.886	*3,7%*	3.581	*5,7%*	1.179	*7,2%*
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	460	*1,1%*	187	*0,4%*	-40	*-0,1%*	0	*0,0%*
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	364	*0,8%*	220	*0,4%*	-38	*-0,1%*	6	*0,0%*
Lãi thuần từ hoạt động khác	1.765	*4,0%*	3.139	*6,1%*	6.422	*10,3%*	999	*6,1%*
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	532	*1,2%*	750	*1,5%*	540	*0,9%*	30	*0,2%*
Tổng cộng	**43.637**	***100%***	**51.571**	***100%***	**62.337**	***100%***	**16.339**	***100%***

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

c) Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	21	*0,1%*	22	*0,1%*	25	*0,1%*	6	*0,1%*

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Chi cho nhân viên	9.262	*57,6%*	10.013	*58,3%*	11.087	*58,3%*	2.763	*64,1%*
Chi về tài sản	2.531	*15,7%*	2.904	*16,9%*	2.693	*14,2%*	462	*10,7%*
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	3.252	*20,2%*	3.388	*19,7%*	4.234	*22,3%*	853	*19,8%*
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	722	*4,5%*	772	*4,5%*	880	*4,6%*	229	*5,3%*
Chi phí dự phòng	282	*1,8%*	87	*0,5%*	88	*0,5%*	0	*0,0%*
Tổng cộng	**16.069**	***100%***	**17.186**	***100%***	**19.007**	***100%***	**4.313**	***100%***

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Chi phí hoạt động (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	15	*0,1%*	14	*0,1%*	18	*0,1%*	5	*0,1%*
Chi cho nhân viên	8.783	*58,1%*	9.538	*58,3%*	10.382	*58,0%*	2.546	*63,4%*
Chi về tài sản	2.469	*16,3%*	2.834	*17,3%*	2.623	*14,7%*	442	*11,0%*
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	3.084	*20,4%*	3.217	*19,6%*	4.000	*22,4%*	795	*19,8%*
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	719	*4,8%*	770	*4,7%*	877	*4,9%*	229	*5,7%*
Chi phí dự phòng	41	*0,3%*	0	*0,0%*	-10	*-0,1%*	0	*0,0%*
Tổng cộng	**15.112**	***100%***	**16.373**	***100%***	**17.890**	***100%***	**4.017**	***100%***

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

d) Báo cáo thay đổi VCSH

Bảo cáo thay đổi VCSH (Hợp nhất)

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	46.725	*54,7%*	57.548	*61,5%*	57.869	*53,5%*	57.869	*51,2%*
+ Vốn điều lệ	*37.234*	*43,6%*	*48.058*	*51,3%*	*48.058*	*44,4%*	*48.058*	*42,5%*

Chỉ tiêu Hợp nhất	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
- Thặng dư Vốn cổ phần	*8.975*	*10,5%*	*8.975*	*9,6%*	*8.975*	*8,3%*	*8.975*	*7,9%*
- Vốn khác	*516*	*0,6%*	*516*	*0,6%*	*836*	*0,8%*	*836*	*0,7%*
Quỹ của TCTD	11.605	*13,6%*	13.673	*14,6%*	16.075	*14,9%*	16.075	*14,2%*
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	482	*0,6%*	245	*0,3%*	121	*0,1%*	75	*0,1%*
LNST chưa phân phối	26.027	*30,5%*	21.488	*22,9%*	33.364	*30,8%*	38.167	*33,8%*
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	600	*0,7%*	695	*0,7%*	739	*0,7%*	759	*0,7%*
Tổng cộng	**85.439**	***100%***	**93.650**	***100%***	**108.168**	***100%***	**112.945**	***100%***

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 1 năm 2023 tự lập của VietinBank)

Báo cáo thuy đổi VCSH (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu riêng	Năm 2020 (*)		Năm 2021		Năm 2022		3 tháng đầu năm 2023	
	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng	Giá trị *(Tỷ đồng)*	Tỷ trọng
Vốn của TCTD	46.204	*56,3%*	57.027	*63,3%*	57.028	*54,6%*	57.028	*52,3%*
- Vốn điều lệ	*37.234*	*45,3%*	*48.058*	*53,3%*	*48.058*	*46,0%*	*48.058*	*44,1%*
- Thặng dư Vốn cổ phần	*8.970*	*10,9%*	*8.970*	*10,0%*	*8.970*	*8,6%*	*8.970*	*8,2%*
Quỹ của TCTD	11.187	*13,6%*	13.230	*14,7%*	15.690	*15,0%*	15.690	*14,4%*
LNST chưa phân phối	24.745	*30,1%*	19.881	*22,1%*	31.759	*30,4%*	36.267	*33,3%*
Tổng cộng	**82.136**	***100%***	**90.138**	***100%***	**104.477**	***100%***	**108.985**	***100%***

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý 1 năm 2023 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu năm 2020 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 được kiểm toán của VietinBank.

1.1.3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập:

- ✓ Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam với tư cách đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2021 có ý kiến như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng/hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất của Ngân hàng (và các công ty con) vào ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng/hợp nhất.
- ✓ Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với tư cách đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2022 có ý kiến như sau: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng/hợp nhất đã phản ánh trung

thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động riêng/hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng/hợp nhất.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến HĐKD của Tổ Chức Phát Hành

✓ ***Những nhân tố chính tác động đến tình hình HĐKD của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:***

- Năm 2020 và 2021 kinh tế thế giới trải qua đợt suy thoái tồi tệ do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Các biện pháp phong tỏa và đóng cửa biên giới để ngăn chặn dịch bùng phát đã khiến thương mại toàn cầu đình trệ, chuỗi cung ứng đứt gãy, dẫn tới làn sóng phá sản của doanh nghiệp khắp thế giới... Các quốc gia đã liên tục tung ra các gói kích thích kinh tế hàng nghìn tỷ USD cùng nhiều biện pháp tiền tệ và cho vay khẩn cấp chưa từng có tiền lệ để hỗ trợ nền kinh tế.

- Trong bối cảnh nhiều quốc gia trên thế giới lâm vào suy thoái, Việt Nam đã trở thành điểm sáng khi thực hiện thành công "mục tiêu kép" trong phòng chống dịch bệnh và duy trì tăng trưởng kinh tế: Tăng trưởng GDP năm 2020 và 2021 của Việt Nam mặc dù tăng thấp hơn nhiều so với năm 2019 (7,02%) và trong thời gian gần đây song vẫn là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất khu vực và thế giới; Lạm phát tiếp tục được kiểm soát.

- Hệ thống tài chính ngân hàng tiếp tục được củng cố và phát triển, thanh khoản ổn định, chất lượng tài sản hệ thống ngân hàng cải thiện. NHNN đã điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ để ổn định thị trường và hỗ trợ tích cực thúc đẩy nền kinh tế; đồng thời ban hành Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN, Thông tư 14/2021/TT-NHNN để các TCTD thực hiện cơ cấu nợ, miễn giảm lãi/phí cho doanh nghiệp và người dân chịu ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19. Dư nợ tín dụng toàn hệ thống tăng trưởng tốt, thanh khoản hệ thống dồi dào, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát, tỷ giá được điều hành linh hoạt, dự trữ ngoại hối tăng mạnh, nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, kịp thời.

  Năm 2020, 2021 mặc dù bối cảnh kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, phức tạp như đã nêu trên, song toàn hệ thống VietinBank đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

- Xuyên suốt năm 2020, 2021 khi diễn biến dịch bệnh COVID-19 phức tạp, VietinBank đã tiếp tục chủ động tiết giảm chi phí và quản lý tốt chất lượng tài sản, tạo điều kiện tăng trưởng tín dụng và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại, triển khai các chương trình ưu đãi giảm lãi suất cho vay, duy trì mặt bằng lãi suất cho vay trong nhóm thấp nhất thị trường, giúp khách hàng được tiếp cận nguồn vốn tín dụng và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng với chi phí thấp nhất, đáp ứng tối ưu nhu cầu tài chính của nền kinh tế. VietinBank cũng chủ động điều hành tín dụng vào các ngành, lĩnh vực tiềm năng được Chính phủ, NHNN khuyến khích phát triển với quy mô chiếm tỷ trọng lớn trong tổng danh mục tín dụng của VietinBank; phân bổ nguồn lực dành cho các vùng kinh tế trọng điểm của đất nước, đồng hành cùng các vùng, các địa phương để thúc đẩy kinh tế vùng, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế quốc gia.

- Với việc tái cấu trúc toàn diện hoạt động theo hướng nâng cao tiêu chuẩn hoạt động, chuyển đổi mạnh mẽ mô hình, phương thức kinh doanh, kết quả hoạt động tiếp tục cải thiện rất lớn về hiệu quả, cơ cấu thu nhập chuyển dịch theo hướng bền vững. Triển khai mạnh mẽ Chiến lược "Khách hàng là trung tâm", thay đổi phương thức cạnh tranh theo hướng chú trọng phát triển giải pháp ngân hàng, tài chính hiện đại, toàn diện, tổng thể cho khách hàng, cung ứng theo chuỗi liên kết, ứng dụng số hóa rộng rãi như Blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI), đồng thời nâng cao năng lực tư vấn, đáp ứng tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng, giảm thời gian, chi phí giao dịch cho cả khách hàng và ngân hàng.

- Kết quả kinh doanh năm 2020 và 2021 của VietinBank đều đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra trên cơ sở cải thiện mạnh mẽ hiệu quả HĐKD, tiết giảm chi phí huy động vốn, quản lý chặt chẽ chi phí hoạt động và tăng cường các nguồn thu ngoài lãi, tạo nguồn lực để VietinBank tiếp tục phát huy tốt vai trò chủ lực, trụ cột, chủ động đáp ứng nhu cầu vốn và dịch vụ tài chính của nền kinh tế, tạo nền tảng để tăng năng lực tài chính của Ngân hàng, bảo đảm phát triển bền vững trong tương lai.

- Công tác quản lý chất lượng tăng trưởng, chất lượng tài sản của VietinBank được nâng cao. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng cho nền kinh tế của VietinBank được đảm bảo theo đúng hạn mức của NHNN, tỷ lệ bao phủ nợ xấu liên tục được nâng cao, gia tăng đệm dự phòng tài chính; VietinBank đã tất toán toàn bộ 13.000 tỷ đồng trái phiếu đặc biệt tại VAMC trong chưa đầy 2 năm (từ tháng 12/2018 đến tháng 10/2020) thay vì 5 năm như dự kiến, lành mạnh hóa danh mục tài sản, tạo tiền đề vững chắc cho HĐKD của ngân hàng trong giai đoạn tiếp theo.

- VietinBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, tập trung phát triển nguồn lao động chất lượng cao cho các nghiệp vụ cốt lõi; chủ động trong nhận diện và đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ nhân tài (VietinBank Top 500). Ứng dụng công nghệ gia tăng tự động hóa thúc đẩy năng suất lao động, thay đổi phương thức làm việc linh hoạt ứng dụng công nghệ, đặc biệt trong giai đoạn yêu cầu giãn cách do dịch bệnh. Hoạt động quản trị tài chính được nâng cao, phân bổ nguồn lực tài chính bài bản và hiệu quả. Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động được kiểm soát.

✓ ***Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả HĐKD của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất***

Năm 2023, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro do ảnh hưởng của lạm phát, chiến tranh có thể có gây tác động tiêu cực đến HĐKD của ngành ngân hàng nói chung và VietinBank nói riêng:

- Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới dự báo tăng trưởng chậm lại trong năm 2023 do chính sách tiền tệ thắt chặt tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, tình trạng lạm phát cao tiếp tục kéo dài ở nhiều quốc gia như Mỹ, Anh,... và khả năng suy thoái kinh tế thế giới gia tăng trong ngắn hạn, Việt Nam với nền kinh tế có độ mở cao dự kiến sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong năm 2023.

- Việc các Ngân hàng trung ương (NHTW) trên thế giới tiếp tục tăng nhanh và mạnh mức lãi suất điều hành (FED đã 5 lần tăng lãi suất trong năm 2022 từ mức 0,25% tháng 12/2021 lên mức 4% tháng 11/2022 và dự báo sẽ tiếp tục tăng lãi suất đầu năm 2023, đưa lãi suất cơ bản lên mức 4,6% năm 2023; NHTW Châu Âu – ECB đã tăng lãi suất cơ bản lên 2% sau 8 năm duy trì lãi suất âm liên tục) sẽ tạo áp lực lớn lên tỷ giá, ảnh hưởng tới xuất khẩu và dòng vốn FDI tới Việt Nam. Để đảm bảo mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền trong bối cảnh quỹ dự trữ ngoại hối có hạn, áp lực lên Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) trong việc tăng lãi suất VNĐ là rất lớn. Dự báo Việt Nam sẽ duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt kết hợp chính sách tài khóa mở rộng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

- Tăng trưởng tín dụng của toàn nền kinh tế đang gấp 2,5 lần tăng trưởng huy động tiền gửi. Chênh lệch tín dụng – huy động ngày càng lớn gây áp lực lên thanh khoản và chi phí vốn của hệ thống ngân hàng.

Mặc dù bối cảnh kinh tế vĩ mô trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, phức tạp như đã nêu trên, song toàn hệ thống VietinBank đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

- Tính đến 31/12/2022, tổng tài sản hợp nhất của VietinBank đạt 1,81 triệu tỷ đồng, tăng 18,1% so với đầu năm. Dư nợ tín dụng tăng trưởng tích cực đạt 1,27 triệu tỷ đồng, tăng trưởng 12,75% so với đầu năm, tuân thủ hạn mức tăng trưởng tín dụng của NHNN. Tiền gửi của khách hàng đạt 1,25 triệu tỷ đồng, tăng 7,52% so cuối năm 2021.

- Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tuân thủ hạn mức NHNN và ĐHĐCĐ giao, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 188%, tiếp tục được cải thiện so với cuối năm 2021 (180,4%), gia tăng đệm dự phòng tài chính cho hoạt động của ngân hàng trong thời gian tới.

- Các đầu thu nhập hoạt động (TNHĐ) của VietinBank trong năm 2022 có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2021: Thu nhập lãi thuần tiếp tục tăng trưởng so cùng kỳ 2021 nhờ việc cải thiện quy mô đi đôi với nâng cao hiệu quả sinh lời từ việc tái cấu trúc danh mục tín dụng; Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ có sự tăng trưởng bứt phá khi tăng 68,51% so với năm 2021. Trong các hoạt động dịch vụ, thu phí tài trợ thương mại, thu phí hoa hồng bảo hiểm đã tăng trưởng khá tốt từ việc triển khai thúc đẩy bán đi đôi với nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng đa dạng, toàn diện các nhu cầu dịch vụ tài chính của khách hàng.

- Hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động tiếp tục được nâng cao, ưu tiên chi phí phục vụ/ hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động kinh doanh, các hoạt động chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng nhân sự để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của ngân hàng. Tỷ lệ CIR năm 2022 ở mức 29,89%.

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2022 đạt 16,8 nghìn tỷ, tăng 18,4% so với năm 2021.

Trong thời gian tới, VietinBank cần tiếp tục chú trọng đẩy mạnh huy động vốn, đặc biệt là các nguồn vốn có chi phí thấp, nâng cao chất lượng danh mục tín dụng, cải thiện tỷ lệ tài sản đảm bảo, đồng thời thúc đẩy các đầu thu nhập ngoài lãi để đảm bảo mục tiêu hiệu quả lợi nhuận cả năm 2023 và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của ngân hàng cho giai đoạn tới.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

a) Tình hình công nợ

VietinBank thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Công nợ các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng	**31/12/2020 (*)**	**31/12/2021**	***% tăng/giảm 2021 so với 2020***	**31/12/2022**	***% tăng/giảm 2022 so với 2021***	**31/03/2023**
Các khoản phải thu	22.844	34.234	*49,9%*	65.994	*92,8%*	45.417
Các khoản lãi, phí phải thu	7.798	9.857	*26,4%*	12.399	*25,8%*	13.544
Tài sản có khác	3.270	3.403	*4,1%*	3.315	*-2,6%*	3.272
Các khoản dự phòng rủi ro khác	-73	-71	-	-62	-	-62
Tổng cộng	**33.838**	**47.423**	***40,1%***	**81.646**	***72,2%***	**62.171**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Công nợ các khoản phải thu (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng	**31/12/2020 (*)**	**31/12/2021**	***% tăng/giảm 2021 so với 2020***	**31/12/2022**	***% tăng/giảm 2022 so với 2021***	**31/03/2023**
Các khoản phải thu	21.227	32.812	*54,6%*	65.208	*98,7%*	44.540
Các khoản lãi, phí phải thu	7.531	9.566	*27,0%*	12.130	*26,8%*	13.128
Tài sản có khác	2.816	2.936	*4,3%*	2.837	*-3,4%*	2.786
Các khoản dự phòng rủi ro khác	-41	-41	*0,3%*	-30	-	-30
Tổng cộng	**31.533**	**45.274**	***43,6%***	**80.145**	*77%*	**60.424**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Công nợ các khoản phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng	**31/12/2020 (*)**	**31/12/2021**	***% tăng/giảm 2021 so với 2020***	**31/12/2022**	***% tăng/giảm 2022 so với 2021***	**31/03/2023**
Các khoản lãi, phí phải trả	16.085	16.867	*4,9%*	21.588	*28,0%*	25.910
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	38	0	*-99,6%*	0	-	0
Các khoản phải trả và công nợ khác	13.121	19.015	*44,9%*	20.488	*7,7%*	20.449
Dự phòng rủi ro khác	770	1.054	*36,9%*	1.039	*-1,5%*	1.059
Tổng cộng	**30.014**	**36.937**	***23,1%***	**43.115**	***16,7%***	**47.418**

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Công nợ các khoản phải trả (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng	**31/12/2020 (*)**	**31/12/2021**	***% tăng/giảm 2021 so với 2020***	**31/12/2022**	***% tăng/giảm 2022 so với 2021***	**31/03/2023**
Các khoản lãi, phí phải trả	15.910	16.550	*4,0%*	21.180	*28,0%*	25.570
Các khoản phải trả và công nợ khác	9.796	15.855	*61,8%*	18.172	*14,6%*	17.806
Tổng cộng	**25.707**	**32.406**	***26,1%***	**39.352**	***21,4%***	**43.376**

(Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng Quý I năm 2023 tự lập của VietinBank)

Ghi chú: (*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2020 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 được kiểm toán của VietinBank.

b) Trái phiếu chưa đáo hạn

Tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, tổng số dư trái phiếu do VietinBank đã phát hành nhưng chưa đáo hạn là 36.326,23 tỷ đồng theo mệnh giá. Toàn bộ trái phiếu chưa đáo hạn của VietinBank đều là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 theo quy định của NHNN (trái phiếu tăng vốn), cụ thể như sau:

STT	Tên trái phiếu	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Mệnh giá	Số lượng trái phiếu (TP)	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Đặc điểm, loại trái phiếu	Lãi suất TP
I	**Trái phiếu phát hành ra công chúng**				**160.214.810**	**20.907,23**		
1	Năm 2018	29/6/2018	10 năm	10.000.000 *(Mười triệu)* đồng/TP	243.510	2.435,10		LSTC+0,8%
2	Năm 2019	27/9/2019	10 năm		200.000	2.000,00		LSTC+1,2%
		29/10/2019			50.000	500		LSTC+1,2%
3	Năm 2020	30/7/2020	8 năm	100.000 *(Một trăm nghìn)* đồng/TP	35.000.000	3.500,00		LSTC+0,9%
			10 năm		35.000.000	3.500,00		LSTC+1%
		24/9/2020	8 năm		11.767.700	1.176,77		LSTC+0,9%
			10 năm		12.824.500	1.282,45		LSTC+1%
4	Năm 2021	18/11/2021	8 năm		30.207.100	3.020,71		LSTC+0,9%
			10 năm		34.922.000	3.492,20		LSTC+1%
II	**Trái phiếu phát hành riêng lẻ**				**15.419**	**15.419**		
1	Năm 2015	26/6/2015	10 năm 1 ngày	01 tỷ đồng/TP	450	450	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	7,4% cho 5 năm đầu và 7,9% cho các năm còn lại
2	Năm 2018	13/6/2018	10 năm		800	800		LSTC+0,8%
		21/6/2018	15 năm		180	180		LSTC+0,8%
		1/11/2018	15 năm		100	100		LSTC+1,1%
3	Năm 2019	30/7/2019	15 năm		50	50		LSCĐ 8,2%
		15/8/2019	10 năm		100	100		LSTC+1,2%
4	Năm 2020	22/5/2020	15 năm		50	50		LSTC+1,2%
		29/6/2020	8 năm		500	500		LSTC+1,1%
		8/7/2020	15 năm		500	500		LSCĐ 7,85%
		4/8/2020	15 năm		100	100		LSCĐ 7,85%
5	Năm 2021	10/5/2021	8 năm	01 tỷ đồng/TP	1.500	1.500	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC + 0,9%
			15 năm		85	85		LSCĐ 6,7%
		1/7/2021	8 năm		100	100		LSTC + 0,8%
		28/7/2021	15 năm		700	700		LSCĐ 6,75%
			15 năm		50	50		LSCĐ 6,7%
		29/7/2021	15 năm		100	100		LSCĐ 6,7%
			10 năm		1.000	1.000		LSTC + 1%
		16/8/2021	8 năm		720	720		LSTC + 0,9%
		25/8/2021	7 năm		34	34		LSTC + 0,6%
		8/9/2021	8 năm		700	700		LSTC + 0,9%
		10/9/2021	8 năm		700	700		LSTC + 0,9%
		13/9/2021	8 năm		600	600		LSTC + 0,9%
		17/9/2021	15 năm		50	50		LSCĐ 6,7%

		24/9/2021	8 năm		50	50		LSTC + 0,9%
		14/10/2021	15 năm		50	50		LSCĐ 6,7%
		25/10/2021	7 năm		400	400		LSTC + 0,6%
		29/11/2021	15 năm		140	140		LSCĐ 6,5%
6	Năm 2022	3/6/2022	15 năm	01 tỷ đồng/TP	100	100	Trái phiếu tăng vốn cấp 2	LSTC+1,2%
		24/6/2022	15 năm		200	200		LSCĐ 6,8%
		29/6/2022	8 năm		1.200	1.200		LSTC +0,9%
		7/7/2022	8 năm		195	195		LSTC +0,9%
		19/7/2022	8 năm		50	50		LSTC +0,9%
		21/7/2022	15 năm		185	185		LSCĐ 6,8%
		26/7/2022	8 năm		70	70		LSTC +0,9%
		28/7/2022	15 năm		40	40		LSCĐ 6,8%
		2/8/2022	8 năm		50	50		LSTC +0,9%
		19/8/2022	15 năm		100	100		LSCĐ 6,9%
		23/8/2022	8 năm		230	230		LSTC +0,9%
		30/8/2022	15 năm		100	100		LSTC +1,2%
		8/9/2022	10 năm		90	90		LSCĐ 6,8%
		15/9/2022	8 năm		3.000	3.000		LSTC +1,1%
	Tổng cộng (= I + II)				**160.230.229**	**36.326,23**		

(Nguồn: VietinBank)

*Ghi chú: "**LSTC**" là lãi suất tham chiếu, là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) của 4 ngân hàng tại Việt Nam: VietinBank, Vietcombank, BIDV và AgriBank, "**LSCĐ**" là lãi suất cố định, áp dụng trong suốt thời hạn trái phiếu.*

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn nói trên, VietinBank đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản thuế và nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành đã được VietinBank thực hiện kê khai và thanh toán cho các cơ quan thuế đầy đủ và đúng hạn, bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước (Hợp nhất)

Chỉ tiêu *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	Số đã nộp trong kỳ					
	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm 2021 so với 2020	Năm 2022	% tăng/giảm 2022 so với 2021	3 tháng đầu năm 2023
a) Các khoản phải thu						

Thuế TNDN	0	0	-	2	-	0
Thuế GTGT	0	0	-	0	-	0
Các loại thuế khác	0	0	-	0	-	1
Tổng	**0**	**0**	-	**2**	-	**1**
b) Các khoản phải trả						
Thuế GTGT	563	655	*16,2%*	1.022	*56,1%*	180
Thuế TNDN	2.632	4.001	*52,0%*	1.909	*-52,3%*	2.953
Các loại thuế khác	712	957	*34,5%*	1.084	*13,3%*	646
Tổng	**3.907**	**5.612**	***43,7%***	**4.015**	***-28,5%***	**3.779**

(Nguồn: VietinBank)

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước (Công ty mẹ)

Đơn vị: Tỷ đồng	**Số đã nộp trong kỳ**					
	Năm 2020	**Năm 2021**	**% tăng/giảm 2021 so với 2020**	**Năm 2022**	**% tăng/giảm 2022 so với 2021**	**3 tháng đầu năm 2023**
Thuế GTGT	475	544	*14,5%*	903	*66,0%*	153
Thuế TNDN	2.539	3.848	*51,6%*	1.731	*-55,0%*	2.932
Các loại thuế khác	663	856	*29,2%*	974	*13,7%*	608
Tổng	**3.677**	**5.248**	***42,7%***	**3.608**	***-31,2%***	**3.693**

(Nguồn: VietinBank)

d) Trích lập các quỹ

VietinBank tuân thủ và thực hiện việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được VietinBank sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ LNST của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% LNST, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% LNST;
- Quỹ thưởng Ban Điều hành, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của ĐHĐCĐ.

Tình hình trích lập các quỹ trong 02 năm gần nhất của VietinBank:

STT	**Chỉ tiêu** *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	**Năm 2022 (*)**	**Năm 2021 (**)**	**Năm 2020 (***)**
1	LNST riêng lẻ	16.379	13.622	13.279
2	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	819	681	664
3	Trích quỹ dự phòng tài chính	1.638	1.362	1.328
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.315	1.955	1.748
5	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	11.521	9.624	9.539
6	Chia cổ tức bằng tiền mặt/cổ phiếu	VietinBank dự kiến chia cổ tức	VietinBank dự kiến sử dụng toàn	3.845

STT	Chỉ tiêu *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	Năm 2022 (*)	Năm 2021 (**)	Năm 2020 (***)
7	Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ và chia cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	bằng cổ phiếu theo phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, số tiền 11.521 tỷ đồng	bộ lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ năm 2021 để chia cổ tức	5.694

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú:

(*) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2022 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của VietinBank thông qua tại Nghị quyết số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT VietinBank: (i) Quyết định và thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 chính thức trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; (ii) Quyết định mức tạm trích lập các quỹ trong năm 2023 từ nguồn lợi nhuận riêng lẻ sau thuế năm 2022 với mức trích lập tối đa theo quy định hiện hành.

(**) Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của VietinBank thông qua tại Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 và đang trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT VietinBank (i) quyết định mức tạm trích lập các quỹ trong năm 2022 từ nguồn lợi nhuận riêng lẻ sau thuế năm 2021 với mức trích lập tối đa theo quy định hiện hành; (ii) quyết định Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 chính thức trên cơ sở ý kiến phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, ĐHĐCĐ đã thông qua tờ trình phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2021 và lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2016 (phương án đang trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

(***): Số liệu về tình hình trích lập các quỹ năm 2020 được Hội đồng quản trị VietinBank điều chỉnh theo Nghị quyết số 138/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 28/04/2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc điều chỉnh phương án trích quỹ và chia cổ tức tiền mặt năm 2020. Các số liệu này được điều chỉnh căn cứ theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của VietinBank.

e) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Năm 2023, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức, rủi ro do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cũng như căng thẳng thương mại, chính trị giữa các nền kinh tế lớn trên thế giới có thể có gây tác động tiêu cực đến HĐKD của ngành ngân hàng nói chung và VietinBank nói riêng.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát đã được duy trì ở mức ổn định trong những năm gần đây, tuy nhiên, năm 2023, các chuyên gia cho rằng áp lực lãi suất giảm bớt tuy nhiên ngành ngân hàng vẫn sẽ đối mặt với những khó khăn liên quan đến lạm phát. Nếu lạm phát tăng cao trở lại sẽ dẫn đến các chi phí hoạt động của VietinBank gia tăng. Nếu VietinBank không thể chuyển các chi phí/lãi suất đầu vào gia tăng (như lãi suất huy động tiền gửi...) vào lãi suất cho vay khách hàng thì các chi phí đó có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả HĐKD của VietinBank. Bên cạnh đó, việc mặt bằng lãi suất cho vay tăng mạnh trong giai đoạn đầu năm 2023 khiến nhiều khách hàng, doanh nghiệp rơi vào tình trạng giảm thiểu vay vốn do lãi suất cao hoặc không thanh toán gốc, lãi đúng thời hạn. Theo đó, VietinBank đã và đang tích cực đồng hành cùng với khách hàng, kịp thời có các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ phù hợp, thiết thực như ưu đãi lãi suất, cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ... giúp khách hàng, doanh nghiệp ổn định hoạt động, sớm vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, để thực hiện điều này, VietinBank sẽ phải triển khai các biện pháp, chính sách giảm lãi suất cho khách hàng; gia hạn và kéo dài thời gian thu hồi, xử lý nợ; chủ động trích lập dự phòng bổ sung các khoản vay. Điều này đồng nghĩa với việc thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng và thu hẹp đáng kể.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2020 (*)	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023	31/12/2020 (*)	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
Chỉ tiêu về vốn								
+ Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	37.234	48.058	48.058	48.058	37.234	48.058	48.058	48.058
+ Vốn tự có (Tỷ đồng)	113.319	130.296	145.453	150.223	108.938	125.898	142.100	146.598
+ Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (**)	10,79%	9,14%	8,99%	9,05%	10,51%	8,98%	8,91%	8,95%
Chất lượng tài sản								
+ Tỷ lệ nợ quá hạn / Tổng dư nợ	1,21%	2,32%	3,59%	3,95%	1,23%	2,33%	3,60%	3,95%
+ Tỷ lệ nợ xấu / Tổng dư nợ	0,94%	1,26%	1,24%	1,28%	0,93%	1,27%	1,24%	1,28%
+ (Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các TCTD khác) / Tổng tài sản	76,60%	74,53%	71,57%	74,07%	77,19%	75,59%	71,47%	73,98%
+ Tài sản có sinh lời / Tổng tài sản có nội bảng	96,64%	96,86%	95,60%	96,78%	96,63%	96,83%	95,53%	96,73%
Khả năng thanh khoản (***)								
+ Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	n/a	n/a	n/a	n/a	12,28%	13,32%	15,07%	13,24%
+ Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn	n/a	n/a	n/a	n/a	29,30%	24,34%	25,67%	24,61%
+ Tỷ lệ dư nợ cho vay / Tổng tiền gửi (LDR)	n/a	n/a	n/a	n/a	86,10%	81,90%	81,85%	82,56%
Kết quả HĐKD (****)								
+ Tỷ lệ LNTT / VCSH bình quân	21,03%	19,64%	20,91%	21,94%	21,06%	19,57%	21,06%	21,33%
+ Tỷ lệ LNTT / Tổng tài sản bình quân	1,33%	1,22%	1,26%	1,34%	1,29%	1,19%	1,24%	1,27%
+ Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2,86%	3,01%	2,98%	2,94%	2,81%	2,98%	2,96%	2,91%
+ ROA	1,02%	0,92%	0,94%	1,07%	1,00%	0,90%	0,98%	1,01%
+ ROAA	1,06%	0,98%	1,02%	1,08%	1,04%	0,96%	1,00%	1,01%

Chỉ tiêu	Hợp nhất				Công ty mẹ			
	31/12/2020 (*)	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023	31/12/2020 (*)	31/12/2021	31/12/2022	31/03/2023
+ ROE	16,15%	15,16%	15,67%	17,35%	16,17%	15,11%	15,77%	16,74%
+ ROAE	16,95%	15,85%	16,81%	17,72%	16,98%	15,81%	16,95%	17,10%
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS) (đồng/cổ phiếu)	3.200	3.347	3.518	1.000	3.566	3.194	3.433	936
+ Thu nhập dịch vụ / Tổng thu nhập	18,43%	18,01%	18,23%	19,63%	13,78%	13,54%	13,41%	15,43%
+ Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ / LNTT	25,48%	28,20%	28,84%	33,45%	22,92%	25,91%	24,51%	30,52%

(Nguồn: VietinBank)

Ghi chú:

(*) Số liệu tại thời điểm 31/12/2020 được lấy theo số liệu trình bày lại tại BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2021 được kiểm toán

(**) Kể từ ngày 01/01/2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn Basel II của Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (tối thiểu là 8%). Trước năm 2021, VietinBank áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 19/2017/TT-NHNN ngày 28/12/2017 và Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 (tối thiểu là 9%).

(***) Các tỷ lệ về khả năng thanh khoản của VietinBank được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và chỉ được tính số liệu Công ty mẹ.

(****) Các chỉ tiêu LNTT / VCSH bình quân, LNTT / Tổng tài sản bình quân, ROA, ROAA, ROE, ROAE được xác định theo quy định hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 107 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

n/a: Không áp dụng

➢ ***Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính:*** *Không có.*

3. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với BCTC của Tổ Chức Phát Hành

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Tổ Chức Kiểm Toán, thực hiện kiểm toán các BCTC riêng và hợp nhất năm 2020, 2021 của VietinBank. Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán sau khi thực hiện kiểm toán đối với các BCTC này là ý kiến chấp thuận toàn phần.

Theo ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán, các BCTC riêng và hợp nhất năm 2020 và 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất của VietinBank (và các công ty con) vào ngày kết thúc năm tài chính 2020, 2021, cũng như kết quả HĐKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC riêng và hợp nhất.

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Không áp dụng.

VietinBank và Trái Phiếu VietinBank đăng ký chào bán ra công chúng đợt này không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm theo quy định pháp luật hiện hành *(tại Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán)*, vì lý do như sau:

- Tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá mà VietinBank đã huy động trong 12 tháng gần nhất (từ 30/11/2021 đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này) là 5.610 tỷ đồng. Mặc dù giá trị này lớn hơn quy định là 500 tỷ đồng, tuy nhiên, giá trị này so với VCSH của VietinBank (theo BCTC bán niên hợp nhất đã được soát xét năm 2022 là 102.782 tỷ đồng) chỉ chiếm 5,46% VCSH, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 50%;

- Tổng dư nợ trái phiếu theo mệnh giá tính đến thời điểm đăng ký chào bán (tính đến thời điểm ký Bản Cáo Bạch này) là 36.326,23 tỷ đồng, chiếm 35,34% VCSH của VietinBank theo BCTC bán niên hợp nhất đã được soát xét năm 2022, thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 100%.

Như vậy, theo các quy định nêu trên, VietinBank hay trái phiếu đăng ký chào bán ra công chúng năm 2022 của VietinBank không thuộc trường hợp phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm.

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

5.1. Các chỉ tiêu của Kế hoạch kinh doanh năm 2023 dự kiến của VietinBank

Các chỉ tiêu của Kế hoạch kinh doanh năm 2023 dự kiến của VietinBank

Chỉ tiêu (Công ty mẹ)	Năm 2022	Năm 2023	
		Kế hoạch (*)	% tăng/giảm so với năm 2022
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	126.835	132.361	4,4%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	16.499	18.000	9,1%
Tỷ lệ LNST trên Tổng doanh thu (%)	13,0%	13,6%	-
Tỷ lệ LNST trên VCSH bình quân (%)	16,9%	16,0%	-
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, VietinBank chưa có phương án chính thức về việc chia cổ tức năm 2021 và năm 2022. Tỷ lệ chi trả cổ tức và cơ cấu chi trả cổ tức *(tiền mặt, cổ phiếu)* thực hiện theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.		

(Nguồn: VietinBank)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023 (*)
1	Tổng tài sản	Tăng trưởng 5-10%
2	Dư nợ tín dụng	Thực hiện theo hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt và định hướng chính sách điều hành tín dụng của NHNN trong từng thời kỳ
3	Nguồn vốn huy động	Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo các chỉ số an toàn thanh khoản
4	Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng	<1,8%
5	Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ	Theo phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(VietinBank tiếp tục cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh, thực hiện tốt vai trò ngân hàng chủ lực, trụ cột và chủ đạo của nền kinh tế)*

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 21/04/2023 của VietinBank)

(*) Các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của VietinBank sẽ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường và theo phê duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

5.2. Các căn cứ để đạt Kế hoạch kinh doanh năm 2023 nêu trên:

Để bảo đảm đạt được các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2023 đề ra, Ban Điều hành của VietinBank xác định một số giải pháp chủ đạo dự kiến được áp dụng như sau:

- Thứ nhất, triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ của ngành ngân hàng tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tiếp tục thực hiện các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp đồng thời triển khai phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu theo định hướng chỉ đạo của NHNN.
- Thứ hai, tiếp tục tăng trưởng quy mô bền vững, tăng tỷ trọng các sản phẩm có hiệu quả cao và rủi ro trong hạn mức quy định, đa dạng hóa khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính ngân hàng cho người dân và doanh nghiệp.
- Thứ ba, quản trị hiệu quả cân đối vốn, tập trung nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng nguồn vốn đảm

bảo an toàn thanh khoản; đặc biệt chú trọng tăng trưởng nguồn CASA và các nguồn vốn có chi phí thấp.

- Thứ tư, tăng hiệu quả thu ngoài lãi (trọng tâm là thu dịch vụ, thu kinh doanh ngoại tệ). Cải thiện mạnh mẽ, toàn diện chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Thứ năm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, số hóa trong mọi mặt hoạt động, bám sát kế hoạch chuyển đổi số ngành ngân hàng theo định hướng của Chính phủ và NHNN.
- Thứ sáu, đẩy mạnh công tác thu hồi và xử lý nợ xấu.
- Thứ bảy, nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, bảo đảm sự tuân thủ, an toàn trong hoạt động, phát triển kinh doanh gắn liền với kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng.
- Thứ tám, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực tài chính, quản trị chi phí hiệu quả, kiểm soát tỷ lệ CIR.
- Thứ chín, kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

5.3. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2023

Kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng. Trên cơ sở các kết quả tích cực đã đạt được, HĐKD có lãi trong nhiều năm qua, cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch doanh thu/thu nhập và lợi nhuận năm 2023 của VietinBank là có tính khả thi, nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh tế vĩ mô, chu kỳ tăng trưởng và HĐKD của ngành ngân hàng.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ các HĐKD của mình (*bao gồm dòng tiền thu nợ lãi từ việc giải ngân, cho vay đối với các lĩnh vực, ngành nghề được sử dụng bằng nguồn vốn thu được của đợt phát hành trái phiếu này*) và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các khoản phải nộp cho các cơ quan thuế, nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, các khoản thanh toán đến hạn và chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, bảo đảm đủ để thanh toán lãi và gốc của trái phiếu đăng ký chào bán.

Trên cơ sở những thông tin đã thu thập được và sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về thực trạng HĐKD của VietinBank – một Ngân hàng có vị thế và uy tín hàng đầu tại Việt Nam, Tổ Chức Tư Vấn cho rằng các chiến lược kinh doanh, kế hoạch doanh thu/thu nhập, lợi nhuận và khả năng thanh toán gốc và lãi trái phiếu của VietinBank có thể thực hiện được và có tính khả thi, ngoại trừ trường hợp xuất hiện những biến động bất lợi, bất thường và bất khả kháng làm ảnh hưởng tới kết quả và hiệu quả HĐKD của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính doanh nghiệp, căn cứ vào các thông tin chúng tôi đã thu thập và cách tính toán trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán, cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân hàng. Do vậy, các đánh giá và nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu của VietinBank.

6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

VietinBank chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tới, các đợt chào bán trái phiếu cụ thể của mỗi năm tiếp theo sẽ được HĐQT VietinBank xem xét, thông qua căn cứ vào tình hình cân đối vốn của VietinBank và tình hình thị trường.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Dưới đây là các thông tin chi tiết về trái phiếu chào bán ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành và các điều khoản và điều kiện của trái phiếu chào bán. Một số nội dung chính của các điều khoản và điều kiện của trái phiếu này sẽ được đưa vào Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu bằng cách ghi tham chiếu tại mặt sau của Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu.

Trái phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện theo các nội dung quy định dưới đây (*sau đây được gọi chung là* "**Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu**"). Với việc mua, nhận chuyển quyền sở hữu hoặc bằng cách khác đối với trái phiếu và trở thành chủ sở hữu trái phiếu, người sở hữu trái phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

1. CƠ SỞ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (*sau đây gọi là* "**Luật Doanh Nghiệp**");
- Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 (*sau đây gọi tắt là* "**Luật Các Tổ Chức Tín Dụng**") và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (*sau đây gọi tắt là* "**Luật Chứng Khoán**");
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank;
- Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trong đó thông qua việc niêm yết các trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2022 của VietinBank trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc các đợt chào bán.
- Nghị quyết số 293/NQ-HĐQT-NHCT- VPHĐQT1 ngày 31/08/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam v/v thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank;
- Nghị quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/11/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam v/v thông qua sửa đổi Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank;
- Nghị quyết số 057/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 24/02/2023 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về việc phê duyệt sửa đổi phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank (lần 2);
- Quyết định số 688/QĐ-HĐQT-NHCT1.2 ngày 07/09/2021 của HĐQT VietinBank v/v giao nhiệm vụ phụ trách Ban Điều hành VietinBank đối với Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Phó Tổng Giám đốc Vietinbank để thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổ chức hoạt động của VietinBank và hệ thống các quy chế, quy định nội bộ của VietinBank, kể từ ngày 07/09/2021 cho đến khi có quyết định khác

thay thế.

- Nghị quyết số 082/NQ-HĐQT-NHCT-VPHDDQT1 ngày 16/03/2023 của Hội đồng quản trị VietinBank v/v thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank .

2. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

2.1. Định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa được sử dụng, trình bày trong văn bản này và trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này sẽ có ý nghĩa như sau:

- "**Trái Phiếu**" có nghĩa là **Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm và Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm: CTG2230T2/01, CTG2230T2/02, CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02** có tên gọi đầy đủ và được quy định và điều chỉnh bởi Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu nêu trong Bản Cáo Bạch này.
- "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**VietinBank**" có nghĩa là Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam.
- "**Tổ Chức Tư Vấn/Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu**", "**Đại Lý Thanh Toán**", "**Đại Lý Đăng Ký**", "**Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết**" có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
- "**Thành Viên Lưu Ký**" là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và được VSD chấp thuận trở thành thành viên lưu ký.
- "**Người Sở Hữu Trái Phiếu**" hoặc "**Trái Chủ**" là tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (phù hợp với Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan) mua, nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, đã được đăng ký và có tên trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Lý Đăng Ký quản lý (nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD) hoặc do VSD quản lý (nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD).
- "**Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**" là các hình thức mua bán, cho tặng, thừa kế, trao đổi hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật làm thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.
- "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" được quy định tại **Điều Kiện 13** dưới đây.
- "**Hợp Đồng Đại Diện**" được quy định tại **Điều Kiện 13** dưới đây.
- "**Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu**" là Hợp đồng số 02/2023/TVTP /VIETINBANK SECURITIES-VIETINBANK ngày 21/02/2023 được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán và Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết.
- "**Ngày Làm Việc**" là bất kỳ ngày nào trừ các ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày nghỉ lễ, tết tại Việt Nam và bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
- "**Ngày Phát Hành Trái Phiếu**" là một Ngày Làm Việc theo công bố chính thức của Tổ Chức Phát Hành, là ngày mà toàn bộ số tiền đặt mua Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển vào Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu theo quy định của Tổ Chức Phát Hành tại **Điều Kiện 23** dưới đây. Ngày Phát Hành Trái Phiếu là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- "**Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu**" là:
  - (i) Ngày tròn 08 (tám) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu CTG2230T2/01 và CTG2230T2/02;
  - (ii) Ngày tròn 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02.
- "**Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu**" là:

(i) Ngày tròn 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu CTG2230T2/01 và CTG2230T2/02;

(ii) Ngày tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Trái Phiếu CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02.

- "**Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu**" là mỗi ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu.
- **"Ngày Chốt Danh Sách"** là:

(i) Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc ngày đến hạn khác hoặc ngày thực hiện quyền, nghĩa vụ khác đối với Trái Phiếu và liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;

(ii) Ngày được ấn định theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký hoặc theo quy định của VSD hoặc HNX để thực hiện việc đăng ký, đăng ký niêm yết hoặc thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác đối với và liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- **"Ngân Hàng Tham Chiếu"** là bốn (04) ngân hàng tại Việt Nam bao gồm:

(i) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank),

(ii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV),

(iii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank),

(iv) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank).

- **"Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu"** là trang thông tin điện tử chính thức (website chính thức) của Ngân Hàng Tham Chiếu đăng tải về mức lãi suất được sử dụng để xác định Lãi Suất Tham Chiếu, cụ thể:
  - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam: www.vietinbank.vn
  - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: www.bidv.com.vn
  - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: www.vietcombank.com.vn
  - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam: www.agribank.com.vn.

Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất địa chỉ website chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu nêu trên không tồn tại do đã thay đổi, Đại Lý Thanh Toán thông báo cho Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thông báo cho Đại Lý Thanh Toán địa chỉ website chính thức mới bằng văn bản ngay trong Ngày Xác Định Lãi Suất để Đại Lý Thanh Toán xác định lãi suất áp dụng theo địa chỉ website chính thức mới.

- **"Ngày Xác Định Lãi Suất"** là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- **"Kỳ Tính Lãi"** hoặc **"Kỳ Thanh Toán Lãi"** là một (01) năm một lần, kể từ và bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi đó, cho đến, nhưng không bao gồm Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của Kỳ Tính Lãi liền sau hoặc cho đến và không bao gồm Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác đối với Kỳ Tính Lãi cuối cùng của Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- **"Ngày Bắt Đầu Tính Lãi"** là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc ngày tròn năm kể từ Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
- "**Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu**" là hội nghị giữa những Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc giữa những Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành. Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức theo hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập như hội nghị qua điện thoại, video hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- "**Trái phiếu đang lưu hành**" là Trái Phiếu đã được phát hành nhưng chưa được hoàn trả tiền gốc; hoặc chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

- **"Đồng Việt Nam"** hoặc **"VND"** hoặc **"VNĐ"** là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.
- **"UBCKNN"** là Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
- **"VSD"** là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.
- **"HNX"** là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (một công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam).

Ngoài ra, những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của Luật Chứng Khoán và các văn bản quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán; Luật Doanh Nghiệp; Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng và các văn bản pháp luật khác liên quan (nếu có).

2.2. Nguyên tắc diễn giải

Cụm từ **"Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu"** sẽ có nghĩa là đề cập đến toàn bộ Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu mà không phải đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu. Các tiêu đề của bất kỳ Điều Kiện nào chỉ nhằm mục đích thuận tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến nội dung của Điều Kiện đó.

3. TÊN GỌI VÀ MÃ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN

Các Trái Phiếu do VietinBank chào bán ra công chúng có tên gọi và mã như sau:

STT	Tên trái phiếu	Mã trái phiếu	
		Đợt 1	Đợt 2
1	Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm	CTG2230T2/01	CTG2230T2/02
2	Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm	CTG2232T2/01	CTG2232T2/02

Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm và Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm: CTG2230T2/01, CTG2230T2/02, CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02 sau đây được gọi chung là **"Trái Phiếu"**, nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số các Trái Phiếu này.

4. LOẠI TRÁI PHIẾU VÀ ĐẶC ĐIỂM PHÁP LÝ CỦA TRÁI PHIẾU

4.1. Loại trái phiếu

Các Trái Phiếu là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định pháp luật hiện hành.

4.2. Đặc điểm pháp lý của trái phiếu

(a) Các Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ và được thanh toán bằng Đồng Việt Nam.

(b) Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp).

(c) Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

(d) Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

(e) Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

5. MỆNH GIÁ

Các Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (một) Trái Phiếu.

6. TỔNG SỐ LƯỢNG, TỔNG GIÁ TRỊ TRÁI PHIẾU CHÀO BÁN THEO MỆNH GIÁ

STT	Mã trái phiếu	Tổng số lượng trái phiếu chào bán (Trái phiếu)	Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá (Tỷ đồng)
I.	Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 1		
1	CTG2230T2/01	20.000.000	2.000
2	CTG2232T2/01	30.000.000	3.000
II.	Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 2		
1	CTG2230T2/02	15.000.000	1.500
2	CTG2232T2/02	25.000.000	2.500
	Tổng cộng (I+II)	**90.000.000**	**9.000**

Trường hợp đợt 1 chưa phát hành hết khối lượng chào bán như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua chào bán trong đợt 2 tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu.

7. KỲ HẠN (THỜI HẠN) TRÁI PHIẾU

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn
1	CTG2230T2/01 và CTG2230T2/02	08 (tám) năm
2	CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02	10 (mười) năm

8. LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU

8.1. Lãi Suất Trái Phiếu

Lãi suất của các Trái Phiếu ("**Lãi Suất Trái Phiếu**") là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ), áp dụng cho toàn bộ thời hạn của Trái Phiếu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo công thức như sau:

- **Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm: CTG2230T2/01 và CTG2230T2/02 = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,2%/năm.**
- **Lãi Suất Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm: CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02 = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,3%/năm.**

Trong đó:

"Lãi Suất Tham Chiếu" là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu. Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu, nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân

"Ngày Xác Định Lãi Suất" là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

8.2. Xác định Lãi Suất Tham Chiếu:

(a) Trường hợp một hoặc một số (nhưng không phải tất cả) trang thông tin điện tử chính thức của bất kỳ Ngân Hàng Tham Chiếu nào không hoạt động hoặc Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố hoặc không có lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Lãi Suất Tham Chiếu sẽ là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên Trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu còn lại tại Ngày Xác Định Lãi Suất đó. Khi đó, Đại Lý Thanh Toán sẽ in bằng chứng để chứng minh việc Trang thông tin điện tử chính thức của (các) Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên.

(b) Trường hợp Trang thông tin điện tử chính thức của tất cả Ngân hàng Tham Chiếu đều không hoạt động hoặc không công bố lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau,

kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất, thì Đại Lý Thanh Toán sẽ in bằng chứng để chứng minh việc Trang thông tin điện tử chính thức của các Ngân Hàng Tham Chiếu không hoạt động hoặc không công bố lãi suất nêu trên, đồng thời Đại Lý Thanh Toán có trách nhiệm thay thế bằng cách lấy xác nhận lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất bằng văn bản từ các Ngân Hàng Tham Chiếu tương ứng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Thành phố Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở Giao dịch);

(c) Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương chỉ được áp dụng khi Ngân Hàng Tham Chiếu không công bố mức lãi suất cho kỳ hạn 12 tháng đáp ứng được điều kiện nêu trên. Mức lãi suất của kỳ hạn tương đương là mức lãi suất của kỳ hạn tính bằng tháng gần với kỳ hạn 12 tháng nhất. Trường hợp tại Ngày Xác Định Lãi Suất, có nhiều mức lãi suất tương đương thì áp dụng mức lãi suất tương đương của kỳ hạn ngắn hơn;

(d) Trường hợp mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) tại Ngày Xác Định Lãi Suất được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu được phân chia theo khu vực ... thì Đại Lý Thanh Toán sẽ áp dụng lãi suất khu vực theo thứ tự ưu tiên: lãi suất tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao Dịch. Trường hợp không có lãi suất áp dụng tại ba khu vực nêu trên, Đại Lý Thanh Toán thông báo đến Tổ Chức Phát Hành để Tổ Chức Phát Hành lựa chọn cách thức, phương án lựa chọn lãi suất để Đại Lý Thanh Toán áp dụng. Để làm rõ, Đại Lý Thanh Toán sẽ được sử dụng cách thức, phương án lựa chọn lãi suất này để áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi sau trong trường hợp phát sinh các tình huống tương tự mà không cần xin ý kiến Tổ Chức Phát Hành.

(e) Đại Lý Thanh Toán thực hiện xác định lãi suất tại Ngày Xác Định Lãi Suất và gửi thông báo đến Tổ Chức Phát Hành, đồng thời Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Thanh Toán sẽ thông báo kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu trên trang thông tin điện tử chính thức (website chính thức) của mình theo phương thức quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu vào Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và ít nhất 02 (hai) Ngày Làm Việc trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo;

(f) Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý rằng kết quả xác định Lãi Suất Trái Phiếu của Đại Lý Thanh Toán sẽ được áp dụng đối với toàn bộ Trái Phiếu trừ khi có sai sót về số học một cách rõ ràng;

(g) Trong trường hợp pháp luật quy định áp dụng trần lãi suất có hiệu lực bắt buộc đối với Trái Phiếu tại Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi bất kỳ thì Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi đó là mức lãi suất được xác định theo công thức quy định tại **Điều Kiện 8.1** (nếu mức lãi suất áp dụng theo công thức này chưa vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định), hoặc là mức lãi suất trần tối đa được phép theo quy định của pháp luật (nếu mức lãi suất được xác định theo công thức quy định tại **Điều Kiện 8.1** này vượt quá mức trần lãi suất do pháp luật quy định).

9. KỲ HẠN TRẢ LÃI, TRẢ GỐC TRÁI PHIẾU

9.1. Kỳ hạn trả lãi

(a) Kỳ hạn trả lãi:

(i) Tiền lãi Trái Phiếu được trả định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu.

(ii) Nếu Tổ Chức Phát Hành thực hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu thì Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu cuối cùng sẽ là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và vào ngày này:

- Tiền lãi năm thứ ba (03) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu CTG2230T2/01 và CTG2230T2/02; hoặc
- Tiền lãi năm thứ năm (05) sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02.

(iii) Nếu Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu và/hoặc ngày đến hạn khác không phải là Ngày Làm Việc thì ngày thanh toán sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là một Ngày Làm Việc.

(b) Tiền lãi:

(i) Mỗi Trái Phiếu sẽ được tính lãi kể từ và bao gồm Ngày Phát Hành Trái Phiếu, và không được hưởng lãi kể từ và bao gồm Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc ngày đến hạn khác phù hợp với quy định của pháp luật và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán do lỗi của Tổ Chức Phát Hành.

(ii) Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán mà không phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng tại Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán khoản tiền gốc của Trái Phiếu đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ ngày phát sinh việc chậm trả gốc cho đến và không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.

(iii) Nếu khoản tiền lãi của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán (ngoại trừ trường hợp quy định tại **Điều Kiện 9.1 (c)** dưới đây) không phù hợp với các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, khoản tiền lãi Trái Phiếu chậm trả sẽ tiếp tục được hưởng lãi, theo mức Lãi Suất Trái Phiếu của Kỳ Tính Lãi phát sinh khoản lãi không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó, tính trên cơ sở một năm có 365 ngày, kể từ ngày phát sinh việc trả lãi không đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán đó cho đến và không bao gồm ngày số tiền lãi đó được thanh toán đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(iv) Lãi phát sinh từ việc tiền gốc và/hoặc tiền lãi của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán theo quy định tại đoạn (ii) và (iii) trên đây sẽ do bên gây ra lỗi chịu trách nhiệm chi trả trực tiếp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm phối hợp ngay lập tức với Tổ Chức Phát Hành để rà soát và đưa ra biện pháp xử lý khắc phục tình trạng đó.

(v) Trong trường hợp đến Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và/hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu và/hoặc ngày đến hạn khác mà Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu mà không phải do lỗi của Tổ Chức Phát Hành, thì số tiền thanh toán lãi, gốc Trái Phiếu đó sẽ được Tổ Chức Phát Hành giữ hộ và không được hưởng lãi. Trong trường hợp này, chậm nhất vào Ngày Làm Việc kế tiếp, Tổ Chức Phát Hành phối hợp với Người Sở Hữu Trái Phiếu để thống nhất các biện pháp xử lý.

(vi) Nguyên tắc xác định tiền lãi Trái Phiếu:

- Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng tròn Kỳ Thanh Toán Lãi thì tiền lãi Trái Phiếu được tính như sau:

$$\textit{Tiền lãi được hưởng cho một thời hạn tròn Kỳ Thanh Toán Lãi} = \textit{Mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ} \times \textit{Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó}$$

- Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn không tròn Kỳ Thanh Toán Lãi (dưới 01 (một) năm), tiền lãi Trái Phiếu sẽ được tính như sau:

$$\textit{Tiền lãi được hưởng cho một thời hạn không} = \textit{Mệnh giá Trái Phiếu nắm giữ} \times \textit{Lãi Suất Trái Phiếu áp dụng trong} \times \frac{\textit{Số ngày thực tế nắm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Thanh Toán Lãi đó}}{}$$

trên Kỳ Thành Toán Lãi (dưới 01 (một) năm)	*Kỳ Thanh Toán Lãi đó*	*365*

(c) Ngừng thanh toán tiền lãi:

(i) Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng thanh toán tiền lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc thanh toán lãi làm cho kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ ("**Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán**"). Việc tạm ngừng thanh toán lãi như vậy sẽ không bị coi là vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu cho bất kỳ mục đích nào. Kỳ Tính Lãi mà Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng thanh toán tiền lãi là "**Kỳ Tạm Ngừng**" thanh toán tiền lãi đó.

(ii) Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán sẽ không được nhập vào gốc Trái Phiếu và sẽ được hưởng lãi suất kể từ và bao gồm ngày chậm thanh toán cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (là ngày Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán và lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán).

(iii) Lãi suất áp dụng cho Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh Toán là Lãi Suất Trái Phiếu của Kỳ Tạm Ngừng thanh toán đó (mức lãi suất này không thay đổi trong suốt giai đoạn tạm ngừng thanh toán tiền lãi), số tiền lãi phát sinh tính trên Số Tiền Lãi Tạm Ngừng Thanh toán được tính trên cơ sở số ngày thực tế chậm trả trong kỳ và trên cơ sở một năm có 365 ngày.

9.2. Kỳ hạn trả gốc

(a) Tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.

(b) Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu.

(c) Trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo thỏa thuận hoặc theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu khác, tiền gốc Trái Phiếu sẽ được hoàn trả vào ngày thực hiện mua lại trước hạn tương ứng.

10. GIÁ CHÀO BÁN

Giá chào bán là 100.000 (Một trăm nghìn) đồng/01 (một) Trái Phiếu.

11. THỨ TỰ ƯU TIÊN THANH TOÁN TRÁI PHIẾU TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC PHÁT HÀNH MẤT KHẢ NĂNG TRẢ NỢ HOẶC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hoặc mất khả năng trả nợ hoặc chấm dứt hoạt động hoặc phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

12.1. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Quyền Sở Hữu với Trái Phiếu: Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên trong Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu hoặc trong Sổ đăng ký Trái Phiếu sẽ được coi là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện. *Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD*, Đại lý Đăng Ký thực hiện lập, lưu giữ và cập nhật Sổ đăng ký Trái Phiếu ghi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu. *Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD*, việc lập, cập nhật và lưu

giữ Sổ đăng ký Trái Phiếu và nội dung Sổ đăng ký Trái Phiếu sẽ theo quy định có liên quan của pháp luật và quy chế của VSD.

(b) Được thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm cả tiền lãi và gốc, và các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSD; các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, của Hợp Đồng Đại Diện (*trong phạm vi các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, của Hợp Đồng Đại Diện không xung đột với các quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSD*).

(c) Được đại diện bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong việc thi hành một số quyền của mình theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện;

(d) Được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu ("**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**") đối với việc đăng ký sở hữu Trái Phiếu của mình và trích lục Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

(e) Được thông báo về Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu tại Ngày Thanh Toán Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc để thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSD và niêm yết Trái Phiếu tại HNX thông qua hình thức thông báo đăng trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc trang thông tin điện tử chính thức của VSD (*sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD*).

(f) Được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật. *Để tránh nhầm lẫn*, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật hiện hành nếu tổ chức tín dụng đó chấp thuận. Người Sở Hữu Trái Phiếu được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm (cầm cố) tại Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật và quy định hiện hành của Tổ Chức Phát Hành:

(i) *Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD*, mọi giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu phải được đăng ký trong Sổ đăng ký Trái Phiếu (bao gồm tên, số lượng Trái Phiếu, các thông tin của Trái Phiếu sở hữu, tài khoản nhận lãi và gốc Trái Phiếu và các thông tin khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu) do Đại Lý Đăng Ký lập, duy trì và quản lý.

(ii) *Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD*, các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện tại Thành Viên Lưu Ký của VSD và tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định của VSD.

(iii) *Để làm rõ*, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được thực hiện các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu, thay đổi thông tin Trái Phiếu kể từ thời điểm Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSD theo thông báo của Tổ Chức Phát Hành cho đến ngày VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành.

(g) Được tham dự, biểu quyết tại Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến, biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện;

(h) Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và/hoặc Hợp Đồng Đại Diện và/hoặc Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng);

(i) Quyền khi xảy ra các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại **Điều Kiện 19** dưới đây;

(j) Các quyền khác theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện.

Việc thay đổi, sửa đổi các quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu nói trên được hiểu là sẽ làm thay đổi, sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu. Trên cơ sở bảo đảm tuân thủ và phù

hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào tại Các Điều Kiện và Điều Khoản Trái Phiếu nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan mà không cần chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là bất kỳ lỗi hoặc sai sót như vậy (1) sẽ chỉ được tiến hành sau khi đã trao đổi với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và (2) đều phải được thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán (đối với trường hợp các sửa đổi ảnh hưởng đến nội dung công việc của Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán). Trường hợp việc thay đổi, sửa đổi Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu về quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu có nội dung liên quan đến **Các Vấn Đề Trọng Yếu** theo quy định tại đoạn (iii) của **Điều Kiện 26.3** thì việc thay đổi, sửa đổi này phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo quy định tại **Điều Kiện 26**.

12.2. Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Nộp thuế và/hoặc phí, lệ phí (nếu có) phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế, phí, lệ phí khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

(b) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành/Tổ Chức Tư vấn Niêm Yết hoặc theo các quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu liên quan tới việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu.

(c) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán của Trái Phiếu do mình sở hữu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu.

12.3. Các quyền và nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, quy định của Hợp Đồng Đại Diện, quy định của Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán và các văn kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

13. ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

(a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành chỉ định là Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT theo Hợp đồng dịch vụ số 2102/2023/DDNSHTP/VNDIRECT-VIETINBANKngày 21/02/2023 được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT (*sau đây gọi tắt là* "**Hợp Đồng Đại Diện**").

(b) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ đại diện cho Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực thi và bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

(c) Trách nhiệm cơ bản (tối thiểu) của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện bao gồm:

(i) giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu;

(ii) làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu với Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán và/hoặc các tổ chức có liên quan khác;

(iii) báo cáo UBCKNN trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện; và các trách nhiệm khác (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

(d) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thay đổi khi số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. Trường hợp thay đổi các điều khoản và điều kiện khác tại Hợp Đồng Đại Diện, việc thay đổi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua.

(c) Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng việc đăng ký mua và trở thành chủ sở hữu Trái Phiếu được coi là đã chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành và đồng ý ủy quyền cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu làm đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu để ký kết Hợp Đồng Đại Diện và thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện và theo các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

14. CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM

Không có, vì Trái Phiếu chào bán là loại trái phiếu không có tài sản bảo đảm.

15. ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ

15.1. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD

Đại Lý Đăng Ký thực hiện:

(a) Lập, lưu giữ và cập nhật Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu ghi thông tin của Người Sở Hữu Trái Phiếu; cấp hoặc cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu;

(b) Thực hiện xác nhận các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

(c) Thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện các thủ tục đăng ký Trái Phiếu tại VSD hoặc đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại HNX; hoặc thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác đối với và liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

(d) Các công việc khác được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu..

Để làm rõ, trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện các thủ tục Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Đại Lý Đăng Ký theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

15.2. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD

Sau khi Trái Phiếu được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD, Tổ Chức Phát Hành sẽ chấm dứt việc chỉ định Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu. Việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc tại Điểm 15.1 nêu trên sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và VSD.

Các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, quy định của VSD và quy định của Thành Viên Lưu Ký. Người Sở Hữu Trái Phiếu có nhu cầu Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cần thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán, lưu ký Trái Phiếu tại một trong các Thành Viên Lưu Ký của VSD để được VSD xác nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.

16. ĐẠI LÝ THANH TOÁN VÀ VIỆC THANH TOÁN LÃI TRÁI PHIẾU

Việc thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu sẽ được thực hiện bởi Tổ Chức Phát Hành (Thông qua Đại Lý Thanh Toán là Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và/hoặc VSD), bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của VSD và quy định của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Thanh Toán.

16.1. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD

Việc thanh toán gốc/lãi Trái Phiếu và các công việc liên quan khác sẽ do Đại Lý Thanh Toán thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện. Đại Lý Thanh Toán sẽ:

(a) Tính toán, xác định tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc Ngày Đáo Hạn hoặc ngày thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn khác theo thỏa thuận phù hợp với Các Điều Kiện của Trái Phiếu và gửi Danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ chức Phát Hành theo nội dung và thời hạn quy định tại Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành có trách

nhiệm chuyển số tiền thanh toán gốc/lãi Trái Phiếu về Tài Khoản Thanh Toán của Đại Lý Thanh Toán để Đại Lý Thanh Toán thực hiện việc chuyển tiền thanh toán tiền lãi và gốc Trái Phiếu từ Tài Khoản Thanh Toán vào tài khoản của Người Sở Hữu Trái Phiếu tương ứng phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu và Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu và quy định của pháp luật.

(b) Tính toán, xác định tiền thuế thu nhập cá nhân phải trả đối với thu nhập từ lãi Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu và thông báo cho Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành sẽ khấu trừ, giữ lại, kê khai và nộp thuế liên quan đến thuế thu nhập cá nhân của Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) theo quy định của pháp luật.

(c) Các công việc khác được quy định cụ thể tại Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu.

16.2. Sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD

Việc thanh toán gốc/lãi Trái Phiếu và các công việc liên quan khác sẽ do Đại Lý Thanh Toán và VSD thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện, cụ thể như sau:

- *Đối với trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và chưa thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại các Thành Viên Lưu Ký của VSD:*
  - Tổ Chức Phát Hành chuyển số tiền lãi và gốc phải thanh toán sau khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân vào tài khoản của Đại Lý Thanh Toán, đồng thời gửi danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện lưu ký Trái Phiếu cho Đại Lý Thanh Toán.
  - Đại Lý Thanh Toán sẽ thực hiện chuyển tiền thanh toán lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu và/hoặc các khoản tiền khác phát sinh khi đến hạn liên quan tới Trái Phiếu vào tài khoản nhận tiền gốc/lãi Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

  Chi tiết nội dung công việc theo quy định tại Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán, Tư Vấn Niêm Yết Trái Phiếu.
- *Đối với trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và đã thực hiện lưu ký Trái Phiếu tại các Thành Viên Lưu Ký của VSD:* Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện chuyển tiền lãi và/hoặc gốc Trái Phiếu và/hoặc các khoản tiền khác phát sinh khi đến hạn liên quan tới Trái Phiếu sang tài khoản của VSD để VSD thực hiện phân bổ các khoản tiền này về từng Thành Viên Lưu Ký nơi Người Sở Hữu Trái Phiếu mở tài khoản lưu ký chứng khoán và thực hiện lưu ký Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu đã lưu ký Trái Phiếu sẽ nhận các khoản tiền này ở tài khoản lưu ký chứng khoán mở tại Thành Viên Lưu Ký.

17. VIỆC CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, THAY ĐỔI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- Cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu:
  - *Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD:* Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu do bị rách, hỏng, mất, thất lạc... hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu rút chứng khoán thì thực hiện thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Đại Lý Đăng Ký.
  - *Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD:* Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Thành Viên Lưu Ký của VSD và có yêu cầu cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu do bị rách, hỏng, mất, thất lạc... thì thực hiện thủ tục cấp lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành.
- Thay đổi thông tin Người Sở Hữu Trái Phiếu (bao gồm thông tin về số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh thư nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu/GCNĐKKD/GCNĐKDN, họ tên, địa chỉ liên hệ...):
  - *Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD:* Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục thay đổi thông tin sở hữu Trái Phiếu tại Đại Lý Đăng Ký.

- *Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD:*
  - + Nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và đã lưu ký Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký của VSD, Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục thay đổi thông tin sở hữu Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký,
  - + Nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu chưa thực hiện mở tài khoản lưu ký chứng khoán và chưa lưu ký Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký của VSD, Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục thay đổi thông tin sở hữu Trái Phiếu tại Tổ Chức Phát Hành.

18. VIỆC MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN

Trên cơ sở bảo đảm tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn đảm bảo an toàn theo quy định của NHNN) và sau khi Trái Phiếu đã chính thức được niêm yết, việc mua lại Trái Phiếu trước hạn của Tổ Chức Phát Hành được quy định như sau:

18.1. Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu

(a) Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có). Trong trường hợp này, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu đó cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán của Trái Phiếu do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới các Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành.

(b) Vì mục đích mua lại Trái Phiếu trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo việc mua lại và tổ chức thực hiện mua lại Trái Phiếu trước hạn theo đúng quy định của HNX, VSD và theo quy định của pháp luật hiện hành. Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Phát Hành và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản được đăng ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu như đã được ghi nhận trong Sổ đăng ký Trái Phiếu hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thỏa thuận với Người Sở Hữu Trái Phiếu đó *(với trường hợp chưa lưu ký chứng khoán tại Thành Viên Lưu Ký của VSD)* hoặc vào tài khoản lưu ký chứng khoán mở tại Thành Viên Lưu Ký *(với trường hợp đã lưu ký Trái Phiếu tại Thành Viên Lưu Ký của VSD)*.

18.2. Mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận

Không ảnh hưởng đến **Điều Kiện 18.1** trên đây, Tổ Chức Phát Hành có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất kỳ lúc nào bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho Tổ Chức Phát Hành hay không. Việc chào mua lại Trái Phiếu theo thỏa thuận được thực hiện công khai đối với tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Bất cứ Trái Phiếu nào do Tổ Chức Phát Hành mua lại sẽ không được tính vào tỷ lệ biểu quyết tại cuộc họp những Người Sở Hữu Trái Phiếu để quyết định những vấn đề liên quan đến các biện pháp xử lý đối với Tổ Chức Phát Hành.

18.3. Mua lại Trái Phiếu khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm phù hợp với quy định tại **Điều Kiện 19** dưới đây.

19. SỰ KIỆN VI PHẠM

19.1. Sự Kiện Vi Phạm

Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là một sự kiện vi phạm (**"Sự Kiện Vi Phạm"**):

(a) *Không Thanh Toán*: nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ bất kỳ khoản tiền gốc và/hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái Phiếu nào đến hạn (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành được phép thực hiện quyền Ngừng Thanh Toán Tiền Lãi theo quy định tại **Điều Kiện 10.1(c)**) mà việc không thanh toán đó không được khắc phục trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn tương ứng, thì Người Sở Hữu Trái Phiếu, thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, có quyền khởi kiện đến tòa án có thẩm quyền của Việt

Nam để yêu cầu Tổ Chức Phát Hành tuân thủ nghĩa vụ thanh toán. Để làm rõ, việc khởi kiện Tổ Chức Phát Hành không được thực hiện trực tiếp bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu nào mà sẽ được thực hiện thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(b) *Mất Khả Năng Thanh Toán:* nếu Tổ Chức Phát Hành bị mất khả năng thanh toán hoặc lâm vào tình trạng khác làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật về phá sản và tình trạng này không chấm dứt hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc, thì Người Sở Hữu Trái Phiếu, thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, có quyền yêu cầu tòa án có thẩm quyền của Việt Nam mở thủ tục phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành (nếu pháp luật về phá sản có liên quan cho phép);

(c) *Phá Sản, Giải Thể:* nếu có một lệnh của tòa án được đưa ra hoặc một nghị quyết của cấp có thẩm quyền được thông qua về việc phá sản hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành (bất kể là có một Sự Kiện Vi Phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hay không), và lệnh hoặc nghị quyết đó không được thu hồi/hủy bỏ trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày được đưa ra, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi một thông báo bằng văn bản, được coi là có hiệu lực vào ngày nhận thông báo, cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

19.2. Biện pháp khắc phục Sự Kiện Vi Phạm

Khi xảy ra bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào và Tổ Chức Phát Hành không khắc phục được Sự Kiện Vi Phạm đó trước khi chấm dứt thời hạn khắc phục theo quy định tại **Điều Kiện 19.1** trên đây hoặc thời hạn khắc phục khác (nếu có), ngoài các quyền, thẩm quyền và biện pháp khắc phục mà pháp luật cho phép, thì ngay sau khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (1) xác minh thông tin có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra và (2) nhận được thông báo từ Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại **Điều Kiện 19.1 (c)** trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu khác và các bên liên quan khác (nếu có) để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn. Trong trường hợp này, tất cả tiền gốc, tiền lãi lũy kế và các khoản tiền khác (nếu có) theo Trái Phiếu được coi là sẽ đến hạn ngay lập tức. Tổ Chức Phát Hành phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán và các khoản tiền khác (nếu có) theo Trái Phiếu tính đến ngày mua lại. Để làm rõ, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp) theo quy định tại **Điều Kiện 11**.

20. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI

(a) Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối và chào bán Trái Phiếu trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua các Chi nhánh và Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành trên toàn quốc.

(b) Việc phân phối Trái Phiếu chỉ được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành (i) nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp và (ii) thực hiện việc công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử *hoặc* báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định của pháp luật và trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành.

(c) Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Trái Phiếu một cách công khai, công bằng và bảo đảm thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật. Thời gian phân phối và chào bán Trái Phiếu dự kiến tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, phù hợp với quy định của pháp luật.

(d) Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành phải phân phối hết số Trái Phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

(e) Trường hợp tổng số lượng Trái Phiếu đăng ký mua bằng hoặc nhỏ hơn số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối cho mỗi nhà đầu tư số lượng Trái Phiếu bằng 100% số lượng Trái Phiếu mà nhà đầu tư đó đăng ký mua.

21. ĐĂNG KÝ MUA TRÁI PHIẾU

(a) ***Đối tượng được đăng ký mua:*** Là các tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài, phù hợp với Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

(b) ***Số lượng Trái Phiếu đăng ký mua tối thiểu của nhà đầu tư***: là 100 (một trăm) Trái Phiếu, tương đương 10.000.000 (mười triệu) đồng theo mệnh giá Trái Phiếu. *Để tránh hiểu lầm*, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu tối thiểu là 100 (một trăm) Trái Phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái Phiếu.

(c) ***Thời hạn đăng ký mua:*** tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, theo quy định của pháp luật. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức và nêu chi tiết tại Bản thông báo phát hành Trái Phiếu ra công chúng.

(d) ***Phương thức đăng ký mua và thanh toán tiền mua Trái Phiếu***:

- Trong thời hạn đăng ký đặt mua được quy định bởi Tổ Chức Phát Hành, nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua Trái Phiếu trong phạm vi số lượng Trái Phiếu chào bán và phải đáp ứng yêu cầu về số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu do Tổ Chức Phát Hành quy định.
- Thời gian muộn nhất để nhà đầu tư thực hiện đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu là vào ngày kết thúc đợt chào bán do Tổ Chức Phát Hành công bố tại Bản thông báo phát hành.
- *Để tránh hiểu lầm*, việc đăng ký mua Trái Phiếu chỉ được coi là hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu theo hướng dẫn của Tổ Chức Phát Hành tại các Thông báo chào bán có liên quan. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định thì việc đăng ký được coi như không còn giá trị.

(e) ***Thời gian và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu***: Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu hoặc nộp thừa tiền mua Trái Phiếu hoặc tổng khối lượng đăng ký đặt mua Trái Phiếu vượt quá khối lượng Trái Phiếu chào bán, thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu như sau:

- Thời gian: Trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu được giải tỏa (Tài khoản phong tỏa chỉ được giải tỏa sau khi kết thúc đợt chào bán và UBCKNN ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán).
- Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu ghi tại Giấy đề nghị đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận tiền mặt tại địa điểm mà người đặt mua Trái Phiếu đăng ký và nộp tiền mua (chỉ đối với trường hợp không có tài khoản ngân hàng).

22. THỜI GIAN CHÀO BÁN VÀ LỊCH TRÌNH DỰ KIẾN PHÂN PHỐI TRÁI PHIẾU

Trái Phiếu sẽ được chào bán và phân phối cho các nhà đầu tư sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp. Thời gian chào bán và lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu như sau:

22.1.Thời gian chào bán dự kiến

Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán Trái Phiếu sau khi có được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp. Thời gian chào bán cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố tại Bản thông báo phát hành theo quy định pháp luật.

STT	Mã trái phiếu	Thời gian dự kiến chào bán trái phiếu	Ghi chú
Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 1			
1	CTG2230T2/01	Dự kiến phát hành trong Quý 1/2023 - Quý 2/2023	Trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng kí chào bán Trái Phiếu ra công
2	CTG2232T2/01		

			chúng có hiệu lực
Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 2			
1	CTG2230T2/02	Dự kiến phát hành trong Quý 2/2023 - Quý 3/2023	Thời gian chào bán của Đợt 2 không được kéo dài quá 90 (chín mươi) ngày. Khoảng cách giữa đợt 1 và đợt 2 không quá 12 (mười hai) tháng.
2	CTG2232T2/02		

22.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu

Sau khi giấy chứng nhận chào bán Trái phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện phân phối Trái Phiếu trong thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày và tối đa không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực. Lịch trình phân phối chính thức theo Bản thông báo phát hành của từng đợt.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu ra công chúng như sau:

22.2.1. Lịch trình dự kiến phân phối Trái phiếu đợt 1:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng	T	
2	Công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 1 ra công chúng	T1	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 1	Từ T1 đến T1+45	Đây là thời gian phân phối dự kiến. Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 1 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng và theo tình hình thực tế nhưng đảm bảo thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày.
3.1	Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 1 và bắt đầu nhận tiền mua Trái Phiếu Đợt 1.	T1	
3.2	Thời gian cuối cùng nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu Đợt 1	T1+45	
4	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu Đợt 1	Từ T1+45 đến T1+55	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

5	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán	Từ T1+55 đến T1+58	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chào bán
6	Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục cấp và chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư đồng thời hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu	Từ T1+58 đến T1+88	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

22.2.2. Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2

Sau khi kết thúc Đợt 1 và trên cơ sở kế hoạch phát hành Đợt 2, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản thông báo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kế hoạch phát hành và cập nhật các thông tin thay đổi của Tổ Chức Phát Hành ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư so với Bản Cáo Bạch này (nếu có). Trường hợp có thay đổi thông tin quan trọng ảnh hưởng đến quyết định mua Trái Phiếu của Nhà đầu tư, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi văn bản xin điều chỉnh thông tin với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin điều chỉnh trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Phát Hành cho các Nhà đầu tư được biết. Khoảng cách giữa Đợt 2 và Đợt 1 không quá 12 (mười hai) tháng và việc chào bán Trái Phiếu Đợt 2 chỉ được thực hiện sau khi (i) Tổ Chức Phát Hành nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tiếp tục chào bán Đợt 2 và (ii) công bố Thông Báo Phát Hành Đợt 2 ra công chúng.

Lịch trình dự kiến phân phối Trái Phiếu Đợt 2 như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến	Ghi chú
1	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu đợt 2	T'	
2	Công bố thông tin về đợt chào bán Trái Phiếu Đợt 2 ra công chúng	T2	Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu Đợt 2	Từ T2 đến T2+45	Đây là thời gian phân phối dự kiến. Lịch trình phân phối Trái Phiếu Đợt 2 cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức sau khi được Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp văn bản chấp thuận chào bán Trái Phiếu Đợt 2 nhưng đảm bảo thời gian tối thiểu 20 (hai mươi) ngày.
3.1	Thời gian bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu Đợt 2 và bắt đầu nhận tiền mua Trái Phiếu Đợt 2.	T2	
3.2	Thời gian cuối cùng	T2+45	

	nhận đơn đăng ký mua và nộp tiền mua Trái Phiếu Đợt 2		
4	Báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin về kết quả chào bán Trái Phiếu Đợt 2	Từ T2+45 đến T2+55	Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
5	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán	Từ T2+55 đến T2+58	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả chào bán
6	Tổ Chức Phát Hành làm thu tục cấp và chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư; đồng thời hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu	Từ T2+58 đến T2+88	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

22.3. Thời gian phân phối Trái Phiếu và thời hạn nộp tiền mua Trái Phiếu của nhà đầu tư

Thời gian phân phối Trái Phiếu và thời hạn đăng ký, nộp tiền mua Trái Phiếu của nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày và tối đa không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Thời hạn cụ thể để nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chi tiết tại Bản thông báo phát hành, trong đó ngày cuối cùng để nhà đầu tư nộp tiền mua Trái Phiếu là ngày kết thúc đợt chào bán.

22.4. Thời gian chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho nhà đầu tư

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, Tổ Chức Phát Hành sẽ chuyển giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu cho người mua Trái Phiếu tại các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Tổ Chức Phát Hành, nơi mà nhà đầu tư đã đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu.

23. TÀI KHOẢN PHONG TỎA NHẬN TIỀN MUA TRÁI PHIẾU

- Tên chủ tài khoản: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Số tài khoản: 12211000003125
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

24. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngày 31/03/2021, NHNN đã ban hành Thông tư 01/2021/TT-NHNN (có hiệu lực kể từ ngày 17/05/2021) quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thay thế Thông tư 33/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 và

Thông tư 34/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013, trong đó: Thông tư 01/2021/TT-NHNN của NHNN đã bãi bỏ quy định "Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng của TCTD phải được NHNN chấp thuận". Theo quy định của Thông tư 01/2021/TT-NHNN việc phát hành trái phiếu trong nước của TCTD phải tuân thủ các quy định tại Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, các quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Thông tư 01 này.

Như vậy, áp dụng Thông tư 01/2021/TT-NHNN, kể từ ngày 17/05/2021, TCTD nói chung và VietinBank nói riêng không phải xin NHNN chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra công chúng.

25. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Phần trình bày về các loại thuế có liên quan này dựa trên các quy định pháp luật hiện hành tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau thời điểm phát hành Bản Cáo bạch này. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các nhà đầu tư. Một số nhà đầu tư phải tuân theo các quy định riêng. Vì vậy, các nhà đầu tư và người mua Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia thuế về các loại thuế có liên quan đến việc sở hữu và Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu áp dụng riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

25.1. Thuế Thu Nhập Cá Nhân

(a) Đối với thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu do các tổ chức trong nước phát hành:

Căn cứ Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân được sửa đổi bổ sung tại Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thu nhập từ lãi trái phiếu là thu nhập từ đầu tư vốn, nhà đầu tư cá nhân nắm giữ sẽ chịu mức thuế suất 5% (năm phần trăm) trên số tiền lãi nhận được, áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(b) Đối với thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu:

Căn cứ Khoản 9 và 10, Điều 2, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán chịu mức thuế suất 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

(c) Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu:

Căn cứ Điều 16 và Điều 23 văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BTC ngày 14/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ và các Nghị định khác, thu nhập từ nhận thừa kế, cho tặng trái phiếu chịu mức thuế suất 10% thu nhập tính thuế áp dụng đối với cả cá nhân cư trú tại Việt Nam và cá nhân không cư trú tại Việt Nam.

25.2. Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

(a) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp Việt Nam (gồm các doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh được thành lập và hoạt động tại Việt Nam), thì theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập từ lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu được coi là thu nhập chịu thuế khác của doanh nghiệp và được cộng gộp với thu nhập chịu thuế từ hoạt động SXKD của doanh nghiệp để xác định thuế thu nhập doanh nghiệp chung cho

doanh nghiệp theo mức thuế suất cụ thể được áp dụng cho doanh nghiệp đó.

(b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nước ngoài (gồm các doanh nghiệp và tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, còn được gọi là nhà thầu nước ngoài hay nhà thầu phụ nước ngoài) thì theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính:

(i) Doanh nghiệp nước ngoài có thu nhập từ lãi trái phiếu sẽ phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 5% trên lãi nhận được.

(ii) Thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu của doanh nghiệp nước ngoài sẽ phải chịu mức thuế suất 0,1% trên tổng giá trị trái phiếu chuyển nhượng.

25.3. Thuế Giá Trị Gia Tăng

Hiện tại, lãi trái phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp thuế giá trị gia tăng được áp dụng đối với việc chuyển nhượng trái phiếu theo luật Việt Nam sau Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

25.4. Khấu trừ Thuế

Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD: Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí, lệ phí nào ("**Thuế**") theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Việc khấu trừ Thuế liên quan đến giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD: Việc khấu trừ Thuế sẽ theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và quy định của VSD.

26. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

26.1.Hoàn trả

Trừ khi được mua lại trước hạn và/hoặc bị hủy bỏ theo các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này, các Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có) vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.

26.2. Hủy bỏ

Tất cả Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu và mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận sẽ được hủy bỏ ngay và sẽ không được phát hành lại hoặc bán lại.

Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự động hết hiệu lực kể từ thời điểm Tổ Chức Phát Hành hoàn thành nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền gốc, lãi đến hạn theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

26.3. Nghị quyết Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

Việc đưa ra quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ vấn đề nào liên quan đến Trái Phiếu sẽ theo quyết định của Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu như quy định dưới đây:

(i) Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được triệu tập bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Việc triệu tập được thực hiện với thông báo bằng văn bản gửi tới tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước ít nhất 05 (năm) Ngày Làm Việc (trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thì phải gửi thông báo cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu).

- *Trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký chứng khoán tại VSD và niêm yết tại HNX*, sau khi xác định thẩm quyền triệu tập họp hợp lệ thì Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu) nắm giữ ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu triệu tập hội nghị hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phối hợp với Đại Lý Đăng Ký tiến hành xác định thời điểm khóa sổ và Ngày Chốt Danh Sách để

chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị.

Các bên cùng làm việc hoặc trên cơ sở thông báo của người có thẩm quyền triệu tập họp để xác định thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị để gửi thông báo đến Người Sở Hữu, Tổ Chức Phát Hành (Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị). Người có thẩm quyền triệu tập họp sẽ gửi Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dưới dạng một trong các hình thức sau đây: (1) văn bản giấy về địa chỉ của Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành; (2) thư điện tử, fax, thông báo trực tuyến (online) qua hệ thống giao dịch của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có); (3) thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) hoặc (4) bất kỳ hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.

Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức theo hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập như hội nghị qua điện thoại, video hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- *Trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký chứng khoán tại VSD và niêm yết tại HNX*, việc triệu tập họp và chốt danh sách tham dự Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện theo quy định của VSD, HNX và quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

(ii) Ngoại trừ các trường hợp quy định tại **Điểm (iii) của Điều Kiện 26.3** dưới đây, số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 51% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó.

(iii) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung (1) thay đổi Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu, hoặc (2) thay đổi bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu ngoại trừ **Điều Kiện 9.1(a) và 9.1(c)** ở trên, hoặc (3) giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc, hoặc (4) thay đổi Lãi Suất, hoặc (5) thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái Phiếu, hoặc (6) thay đổi yêu cầu về số đại biểu cần thiết để tổ chức Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (7) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu về từng vấn đề (những vấn đề nêu từ mục (1) đến mục (7) gọi chung là "**Các Vấn Đề Trọng Yếu**"), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 51% theo tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm triệu tập lại cuộc họp đó.

(iv) Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu được một hoặc nhiều Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp thông qua và biểu quyết tại Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp Hội nghị hay không), với điều kiện là bất kỳ sự thay đổi nào về Các Vấn Đề Trọng Yếu phải được sự chấp thuận của (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu/đại diện sở hữu 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành của tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(v) Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quyết định của những người có thẩm quyền triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu tại **Điểm (i) của Điều Kiện 26.3** và khi được thông qua sẽ có giá trị như Nghị quyết thông qua tại cuộc họp và có giá trị ràng buộc tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện (1) việc lấy ý kiến phải được gửi đến tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm chốt danh sách lấy ý kiến (trường hợp Trái Phiếu chưa đăng ký tại VSD) hoặc danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu do VSD gửi (trường hợp đã đăng ký Trái Phiếu tại VSD) và (2) phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho ít nhất 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua (đối với Các Vấn Đề Trọng Yếu, phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện cho 75% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thông qua).

(vi) Để tránh hiểu nhầm, bất kỳ Nghị quyết nào được Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu thông qua

theo quy định tại **Điều Kiện 26.3** này sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Tổ Chức Phát Hành nếu không được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận (trừ các nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua sau khi đã phát sinh Sự Kiện Vi Phạm sẽ có giá trị ràng buộc vô điều kiện với Tổ Chức Phát Hành).

(vii) Không phụ thuộc vào các quy định tại các **Điểm (i), (ii), (iii), (iv), (v) và (vi) Điều Kiện 26.3** nêu trên, trường hợp chỉ có một Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sở hữu 100% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành thì không cần triệu tập Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất sẽ thỏa thuận thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu bằng văn bản thỏa thuận giữa hai bên hoặc bằng bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời trực tiếp của bên được xin ý kiến về nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó. Trong trường hợp này, văn bản thỏa thuận thống nhất giữa Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất và/hoặc bộ văn bản gồm văn bản của bên xin ý kiến và văn bản trả lời đồng ý/chấp thuận của bên được xin ý kiến sẽ có giá trị pháp lý như một Nghị quyết Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu đã được Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận thông qua (Đối với các nội dung để xử lý các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu duy nhất có quyền thông qua các nội dung cần sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung liên quan đến Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu mà không cần sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành).

26.4. Thông báo

Mọi thông báo gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là được gửi hợp lệ bằng cách công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành hoặc VSD hoặc HNX hoặc Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Thanh Toán hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc giao trực tiếp tận tay, hoặc gửi chuyển phát qua tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, hoặc gửi qua fax/qua đường thư điện tử (đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức – nếu có nhu cầu) đến địa chỉ và/hoặc số fax quy định tại Sổ đăng ký Người Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc dữ liệu tương tự được quản lý bởi VSD (tùy trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo.

26.5. Địa chỉ đăng ký:

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu này được ghi dưới đây:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: 024. 3941 8868 Fax: 024. 3941 1032
- Website:www.vietinbank.vn
- Người nhận: Trưởng Phòng Thị trường vốn.

27. THÔNG TIN VỀ CÁC CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng có đầy đủ sự chấp thuận và cấp phép cần thiết của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tổ Chức Phát Hành cam kết với nhà đầu tư sẽ thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của mình, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết dưới đây:

27.1. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư

VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư, cụ thể như sau:

(a) ***Cam kết về điều kiện phát hành***

VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, bao gồm các điều kiện dưới đây:

- Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 30 tỷ đồng, tính theo

giá trị ghi trên sổ kế toán;

- HĐKD của năm liền trước năm đăng ký chào bán có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng được Cấp có thẩm quyền thông qua;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều khác;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của đợt chào bán;
- Có cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

(b) ***Cam kết về nghĩa vụ thanh toán***

VietinBank cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư và bảo đảm việc thanh toán được thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này, trong đó:

- Tiền lãi Trái Phiếu: được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- Tiền gốc Trái Phiếu: được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc vào ngày mua lại trước hạn theo thỏa thuận, hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

(c) ***Cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư***

VietinBank cam kết bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với và liên quan tới Trái Phiếu (*bao gồm các quyền như: chuyển nhượng, bán, cho tặng, để lại thừa kế Trái Phiếu; sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác*) theo đúng Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch này; phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

27.2. Cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu

- VietinBank có văn bản cam kết của HĐQT về việc triển khai niêm yết Trái Phiếu trên trên HNX sau khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng;
- Cam kết việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành nhằm đảm bảo đủ điều kiện niêm yết và giao dịch tại HNX;
- Kế hoạch niêm yết Trái Phiếu ra công chúng dự kiến sẽ được VietinBank thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được pháp luật quy định, cụ thể:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu	T
2	Hoàn thiện và nộp hồ sơ đăng ký, niêm yết Trái phiếu tại VSD và HNX *(theo quy định pháp luật là trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu)*	T + 30
3	HNX ban hành quyết định chấp thuận việc niêm yết *(theo quy định pháp luật, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, HNX có quyết định chấp thuận việc niêm yết)*	(T + 30) + 30

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
4	Thực hiện các thủ tục niêm yết và đưa Trái Phiếu vào giao dịch, sau khi HNX có quyết định chấp thuận việc niêm yết và giao dịch Trái Phiếu (*theo quy định pháp luật, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày được chấp thuận việc niêm yết, Tổ chức đăng ký niêm yết phải đưa Trái Phiếu vào giao dịch*)	[(T + 30) + 30] + 90

27.3. Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Ngoài các cam kết ở trên, VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về các điều kiện khác như sau:

- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo đúng mục đích đã nêu tại Bản Cáo Bạch này;
- Đã chỉ định, lựa chọn Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi Trái Phiếu được phát hành theo đúng quy định của pháp luật;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật;
- Tuân thủ nghĩa vụ về công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật;
- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ và điều kiện khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được thể hiện trong Bản Cáo Bạch này; theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện và theo các quy định của pháp luật khác có liên quan.

28. LUẬT ĐIỀU CHỈNH

Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết tranh chấp.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2022 của Tổ Chức Phát Hành là để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu).

2. Phương án khả thi

Tổ Chức Phát Hành chào bán Trái Phiếu không phải nhằm mục đích huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư do Tổ Chức Phát Hành làm chủ đầu tư.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2022, sau khi đã khấu trừ các khoản phí, chi phí có liên quan, dự kiến sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu) đối với các ngành nghề, lĩnh vực dự kiến được liệt kê dưới đây, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của Tổ Chức Phát Hành:

Stt	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn (tỷ đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
I	**Đợt 1**	**5.000**	
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.200	Từ Quý 1/2023 - Quý 3/2023
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	1.700	
3	Ngành khác	1.100	
II	**Đợt 2**	**4.000**	
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.700	Từ Quý 2/2023 - Quý 4/2023
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	1.300	
3	Ngành khác	1.000	
	Tổng cộng	**9.000**	

(Số tiền thực tế giải ngân với từng lĩnh vực, ngành nghề phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu chào bán thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế. Trường hợp số tiền thực tế giải ngân đợt 1 chưa hết như dự kiến thì phần giải ngân chưa hết sẽ được chuyển qua giải ngân đợt 2 tương ứng theo từng mục đích từng ngành)

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để giải ngân/cho vay đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên. Mức độ sử dụng vốn sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, lĩnh vực nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như dự kiến, Tổ Chức Phát Hành sẽ xem xét giải ngân/cho vay theo thứ tự mục đích ưu tiên như sau:

(i) Ưu tiên bố trí vốn giải ngân/cho vay vào các ngành nghề, lĩnh vực tiềm năng được Chính phủ và NHNN khuyến khích phát triển, có quy mô và tỷ trọng vốn giải ngân lớn trong tổng danh mục nói trên, nhằm bảo đảm đáp ứng, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của Tổ Chức Phát Hành;

(ii) Các ngành nghề, lĩnh vực có nhu cầu vốn cấp bách đáp ứng các điều kiện giải ngân vốn của Tổ Chức Phát Hành và bảo đảm mục tiêu tăng trưởng tín dụng của Tổ Chức Phát Hành;

(iii) Các ngành nghề, lĩnh vực khác đã đáp ứng đầy đủ hồ sơ, thủ tục cấp phép và sẵn sàng triển khai thực hiện.

Ngoài ra, nếu trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, Tổ Chức Phát Hành có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác... phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của Tổ Chức Phát Hành.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ HĐKD, bao gồm nhưng không giới hạn dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải ngân/cho vay dự kiến bằng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu này và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, bảo đảm đủ để thanh toán các khoản nợ lãi và gốc đúng hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu dự kiến chào bán.

Chi tiết Kế hoạch trả nợ cụ thể như sau:

Nội dung	Thời gian trả nợ	Nguồn trả nợ
Kế hoạch trả lãi	vào Ngày Thanh Toán Lãi	Là dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải

Nội dung	Thời gian trả nợ	Nguồn trả nợ
Trái Phiếu	Trái Phiếu hàng năm và Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu	ngân/ cho vay dự kiến bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.
Kế hoạch trả gốc Trái Phiếu	vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu *hoặc* Ngày mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận *hoặc* Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu.	Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn tiền (i) huy động vốn từ nền kinh tế; (ii) lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và (iii) dòng tiền thu nợ từ các khoản giải ngân.

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan đến đợt chào bán

(i) **Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành** hoặc **Đại Lý Phân Phối**: Không có.

(ii) **Tổ Chức Tư Vấn**:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: 306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3974 1771 Fax: 024. 3974 1760

Website: www.cts.vn

(iii) **Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3972 4568 Fax: 024. 3972 4600

Website: www.vndirect.com.vn

(iv) **Tổ Chức Kiểm Toán**:

- ***Từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày 31/12/2021:***

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024. 3831 5100 Fax: 024. 3831 5090 Website: www.ey.com/vn

- ***Từ ngày 01/01/2022 cho đến ngày 31/12/2022:***

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Vinaconex, Số 34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024. 7105 0000 Fax: 024. 6288 5678 Website: www.deloitte.com/vn

2. Ý kiến của Tổ Chức Tư Vấn về đợt chào bán

Trên cơ sở các thông tin thu thập được từ Tổ Chức Phát Hành, với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam có một số ý kiến, nhận định như sau:

Tổng khối lượng Trái Phiếu chào bán ra công chúng năm 2022 của VietinBank là 9.000 tỷ đồng theo mệnh giá, bằng 18,73% vốn điều lệ của VietinBank tại thời điểm 31/12/2022. Khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán này cũng gần tương đương với khối lượng trái phiếu mà Vietinbank đã chào bán thành công ra công chúng trong năm 2021 (là 6.512,91 tỷ đồng), phù hợp với quy mô hoạt động của VietinBank trên thị trường. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán năm 2022 sẽ được VietinBank sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, thực hiện cho vay nền kinh tế, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN. Mục đích, phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán đã được HĐQT VietinBank thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên cạnh các rủi ro đã được đề cập trong Bản Cáo Bạch này, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đánh giá việc gia tăng nguồn vốn dự kiến thu được từ đợt chào bán này là cần thiết và phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng của VietinBank, đồng thời là yếu tố quan trọng bảo đảm mục tiêu tăng vốn cấp 2 và tuân thủ các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên các thông tin chúng tôi thu thập và đánh giá trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính và chứng khoán. Những nhận xét đánh giá của chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của Trái Phiếu được chào bán và tính chắc chắn của những số liệu trong kế hoạch sử dụng vốn của VietinBank, cũng như sự thành công của đợt phát hành. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo.

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có. Vì trong đợt chào bán này, VietinBank đã ký Hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam - với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu - thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu của VietinBank. Do vậy, VietinBank không sử dụng hay thuê dịch vụ tư vấn của bất kỳ chuyên gia nào khác cho đợt chào bán này.

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Ngoài các thông tin về rủi ro, các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, các cam kết đưa ra nhưng chưa thực hiện, những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành đã được trình bày một cách công khai, minh bạch và đầy đủ trong Bản Cáo Bạch này, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành nhận thấy không có thông tin quan trọng nào khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư cần có những đánh giá khách quan và tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng và nhận định một cách đầy đủ các nhân tố rủi ro trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu.

[Phần cuối của trang này được cố tình bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2023

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN MINH BÌNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

NGUYỄN HOÀNG DŨNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN HẢI HƯNG

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẠM NGỌC HIỆP

XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VietinBank;
2. **Phụ lục II:** Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank;
3. **Phụ lục III:** Điều lệ Tổ chức và hoạt động của VietinBank.
4. **Phụ lục IV:**
   - Nghị quyết số 293/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/08/2022;
   - Nghị quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/11/2022;
   - Nghị quyết số 057/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 24/02/2023.
5. **Phụ lục V:**
   - BCTC riêng và hợp nhất năm 2021 và năm 2022 (đã kiểm toán) của VietinBank;
   - BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2023 tự lập của VietinBank.
6. **Phụ lục VI:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của VietinBank đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác theo quy định pháp luật.
7. **Phụ lục VII:** Hợp đồng dịch vụ Đại diện người sở hữu trái phiếu cho đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 giữa VietinBank và Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0100111948

Đăng ký lần đầu: ngày 03 tháng 07 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 08 tháng 09 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIỆT NAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE

Tên công ty viết tắt: VIETINBANK

2. Địa chỉ trụ sở chính

108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *043.9421030* Fax: *043.9421032*

Email: *Webmaster@vietinbank.vn* Website: *www.vietinbank.vn*

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 48.057.506.090.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm lẻ sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 4.805.750.609

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN MINH BÌNH Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: *07/12/1974* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *C3446628*

Ngày cấp: *08/06/2017* Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Phòng 26, A2 tập thể Ban Tài chính Quản trị Trung Ương, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *395 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Văn Tình

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13 /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2022*

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam và Thông tư số 17/2017/TT-NHNN ngày 20/11/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011;

Xét Đơn số 508/HĐQT-NHCT1.2 ngày 12/4/2022 đề nghị cấp đổi và bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động và hồ sơ kèm theo của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 142/GP-NHNN ngày 03/7/2009 cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM .

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE .

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt): VietinBank.

2. Địa chỉ trụ sở chính: 108 đường Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là 48.057.506.090.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng Việt Nam)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam là 99 năm kể từ ngày 03/7/2009.

Điều 4. Nội dung hoạt động:

Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2) Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước.

3) Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4) Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a) Cung ứng phương tiện thanh toán;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5) Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6) Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7) Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8) Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9) Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10) Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11) Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

12) Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13) Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15) Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16) Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

17) Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất.

18) Lưu ký chứng khoán.

19) Kinh doanh vàng miếng.

20) Ví điện tử.

21) Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22) Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 142/GP-NHNN ngày 03/7/2009 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 1831/QĐ-NHNN ngày 29/8/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 1912/QĐ-NHNN ngày 05/10/2018 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 2223/QĐ-NHNN ngày 12/11/2018 sửa đổi nội dung hoạt động tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 743/QĐ-NHNN ngày 10/4/2019 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 1912/QĐ-NHNN ngày 09/11/2020 về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Quyết định số 1340/QĐ-NHNN ngày 20/8/2021 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh thành phố Hà Nội, một bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam)./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7; (để ph/h);
- Ban Lãnh đạo NHNN (để b/c);
- UBND thành phố Hà Nội;
- Bộ Công an;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- Lưu: VP, TTGSNH.

KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 293/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1	Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Về việc Thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị số 192/BBKP-HĐQT-2022-4 ngày 31 tháng 08 năm 2022;

Xét đề nghị của Phó Tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại Tờ trình ngày 17/08/2022 v/v Phê duyệt Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank theo nội dung chi tiết nêu tại **Phụ lục** đính kèm.

Điều 2. HĐQT cam kết triển khai niêm yết các trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2022 của VietinBank sau khi kết thúc các đợt chào bán trên SGDCK Hà Nội (HNX), bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành *hoặc* Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh vốn & Thị trường:

- Tổ chức thực hiện Phương Án Phát Hành theo nội dung HĐQT phê duyệt;
- Tổ chức triển khai và quyết định các nội dung cụ thể đối với việc: lựa chọn, đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng và các tài liệu liên quan (bao gồm cả phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng, tài liệu) với các tổ chức cung cấp dịch vụ: *tư vấn phát*

hành/tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu, tư vấn niêm yết trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu, đại lý đăng ký, lưu ký và đại lý thanh toán trái phiếu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và quy định của VietinBank;

- Quyết định lựa chọn thời điểm chào bán, phát hành, đăng ký, niêm yết trái phiếu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật;
- Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương Án Phát Hành theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Quyết định và ký kết các hồ sơ, báo cáo, văn bản xác nhận và các tài liệu giao dịch khác để cung cấp/thông báo/bổ sung/giải trình cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan và/hoặc theo quy định pháp luật hiện hành, quy định trong các điều khoản, điều kiện cụ thể của trái phiếu trong quá trình VietinBank đăng ký chào bán/phát hành, lưu hành, đăng ký và niêm yết trái phiếu theo quy định pháp luật;
- Quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết khác để bảo đảm phát hành thành công trái phiếu, đồng thời hoàn tất việc đăng ký, niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật và các nội dung phát sinh trong thời hạn lưu hành trái phiếu.

Điều 4. Điều khoản thi hành

a) Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

b) Thành viên HĐQT, Thành viên Ban điều hành, Giám đốc khối nghiệp vụ, Trưởng phòng/ban và các cá nhân có liên quan tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- TV Ban Điều hành;
- Chánh VP HĐQT;
- Lưu VP, BTK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Minh Bình

Phụ lục

Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank

Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*sau đây gọi là* "**VietinBank**" hoặc "**Tổ Chức Phát Hành**") được sử dụng làm cơ sở cho việc đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank, *sau đây được gọi tắt là* "**Phương Án Phát Hành**".

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 (**Luật Doanh nghiệp**) và các văn bản pháp luật quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/06/2010 (**Luật các tổ chức tín dụng**) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 (**Luật Chứng khoán**);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (**Nghị định 155**);
- Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 của NHNN quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 của NHNN quy định việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán trái phiếu doanh nghiệp;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của VietinBank;
- Nghị quyết số 520/NQ-HĐQT-NHCT2.1 ngày 31/12/2021 của HĐQT VietinBank v/v phê duyệt kế hoạch phát hành giấy tờ có giá năm 2022;
- Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trong đó thông qua việc niêm yết các trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2022 của VietinBank trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sau khi kết thúc các đợt chào bán.

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu về Tổ Chức Phát Hành

- **Tên đầy đủ tiếng Việt** : **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**
- **Tên đầy đủ tiếng Anh** : **VIETNAM JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR INDUSTRY AND TRADE**
- **Tên viết tắt** : **VietinBank hoặc VIETINBANK**
- **Logo** : VietinBank
- **Địa chỉ trụ sở chính** : Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- **Điện thoại** : 1900 558868 hoặc (84-24) 3941 8868
- **Fax** : (84-24) 3942 1032
- **Website** : www.vietinbank.vn
- **Vốn điều lệ hiện tại** : **48.057.506.090.000 đồng** (*Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*)
- **Giấy phép thành lập và hoạt động** : Số 13/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 17/06/2022
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – công ty cổ phần** : Số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021.
- **Người đại diện theo pháp luật** : Ông **Trần Minh Bình** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

2. Ngành nghề kinh doanh chính

VietinBank là một ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng, với ngành nghề kinh doanh chính thuộc mã ngành 6419 là "*Hoạt động trung gian tiền tệ khác*". VietinBank được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của NHNN. Nội dung các hoạt động kinh doanh của VietinBank được quy định và đề cập trong Giấy phép thành lập và hoạt động của VietinBank số 13/GP-NHNN ngày 17/06/2022 do NHNN cấp phép.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Chỉ tiêu *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2019	**2020**	**2021**	**2019**	**2020**	**2021**
Tổng tài sản	1.240.711	1.341.510	1.531.587	1.228.542	1.327.991	1.515.618
Vốn chủ sở hữu	77.355	85.439	93.650	74.307	82.136	90.138
Thu nhập lãi thuần	33.199	35.580	41.788	32.648	34.851	41.020

Chỉ tiêu *(Đơn vị: Tỷ đồng)*	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	2019	**2020**	**2021**	**2019**	**2020**	**2021**
Tổng thu nhập hoạt động	40.519	45.357	53.167	39.123	43.637	51.571
Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR tín dụng	24.785	29.288	35.971	24.389	28.524	35.198
Lợi nhuận trước thuế	11.781	17.120	17.589	11.461	16.477	16.860
Lợi nhuận sau thuế	9.477	13.785	14.215	9.283	13.279	13.622
Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu	9.461	13.720	14.089	-	-	-
ROA (*)	0,76%	1,02%	0,92%	0,76%	1,00%	0,90%
ROE (*)	12,32%	16,17%	15,16%	12,49%	16,17%	15,11%
Tỷ lệ trả cổ tức của Công ty mẹ, trong đó (**):						
+ Cổ tức bằng tiền mặt	*5%*	*8%*	-	*5%*	*8%*	-
+ Cổ tức bằng cổ phiếu	*(**)*	*11,8488%*	-	*(**)*	*11,8488%*	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ đã kiểm toán năm 2019, 2020 và 2021 của VietinBank)

Ghi chú:

(*) Các chỉ tiêu ROA, ROE được xác định theo quy định hướng dẫn tại Khoản 3, Điều 107 của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. ROA hợp nhất = Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / Tổng tài sản cuối kỳ; ROE hợp nhất = Lợi nhuận thuần của chủ sở hữu / Vốn chủ sở hữu cuối kỳ không bao gồm Lợi ích cổ đông không kiểm soát;

(**) Năm 2021, VietinBank đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 29,0695% cho 03 năm 2017, 2018 và 2019. Tỷ lệ trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu dự kiến là 11,8488% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022 số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2022. Tỷ lệ chính thức sẽ tùy thuộc vào phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tại thời điểm lập Phương Án Phát Hành, VietinBank chưa được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền về phương án chính thức chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu.

4. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu do VietinBank phát hành trong 03 năm liên tục từ năm 2019 đến hết năm 2021 và cho đến thời điểm hiện tại đều đã được VietinBank thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc và lãi trái phiếu, bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và các điều khoản, điều kiện của các trái phiếu.

5. Ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính năm 2019, 2020 và 2021 của VietinBank

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Tổ Chức Kiểm Toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán do VietinBank lựa chọn để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính 2019, 2020 và 2021 của VietinBank (bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng).

Ý kiến của Tổ Chức Kiểm Toán đối với các báo cáo tài chính năm 2019, 2020 và 2021

của VietinBank (bao gồm báo cáo tài chính riêng và hợp nhất) là ý kiến chấp thuận toàn phần, cụ thể: các báo cáo tài chính riêng/hợp nhất năm 2019, 2020 và 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng/hợp nhất của VietinBank và các công ty con vào ngày kết thúc mỗi năm tài chính tại 31/12/2019, 31/12/2020 và 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng/hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng/hợp nhất.

III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Mục đích phát hành/chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank là để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu).

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank như sau:

Tên gọi và mã trái phiếu	- **Trái Phiếu CTG2230T2**: là Trái phiếu VietinBank phát hành ra công chúng năm 2022 đáo hạn năm 2030, và - **Trái Phiếu CTG2232T2**: là Trái phiếu VietinBank phát hành ra công chúng năm 2022 đáo hạn năm 2032. **Trái Phiếu CTG2230T2** và **Trái Phiếu CTG2232T2** sau đây được gọi chung là "**Trái Phiếu**", nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số các Trái Phiếu này.
Loại trái phiếu và đặc điểm pháp lý của trái phiếu	*Loại Trái Phiếu*: là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định pháp luật hiện hành. *Đặc điểm pháp lý của Trái Phiếu*: - Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ. - Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp). - Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào

	có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào. - Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ. - Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
Đồng tiền phát hành và thanh toán	Việt Nam Đồng (VND hoặc VNĐ)
Mệnh giá trái phiếu	100.000 (Một trăm nghìn) Đồng/một (01) Trái Phiếu.
Kỳ hạn trái phiếu	- Trái Phiếu CTG2230T2 có kỳ hạn là **08 (tám) năm**, kể từ ngày phát hành; - Trái Phiếu CTG2232T2 có kỳ hạn là **10 (mười) năm**, kể từ ngày phát hành.
Số đợt phát hành	01 (một) đợt
Tổng số lượng trái phiếu chào bán	**Tối đa là 80.000.000 (Tám mươi triệu) Trái Phiếu**, bao gồm: + 30.000.000 (Ba mươi triệu) Trái Phiếu CTG2230T2; và + 50.000.000 (Năm mươi triệu) Trái Phiếu CTG2232T2.
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá	**Tối đa là 8.000 (Tám nghìn) Tỷ Đồng** theo mệnh giá, bao gồm: + 3.000 (Ba nghìn) Tỷ Đồng Trái Phiếu CTG2230T2; và + 5.000 (Năm nghìn) Tỷ Đồng Trái Phiếu CTG2232T2.
Giá chào bán	bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu
Lãi suất trái phiếu	Lãi suất của Trái Phiếu CTG2230T2 và Trái Phiếu CTG2232T2 là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ), áp dụng cho toàn bộ thời hạn của mỗi Trái Phiếu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo công thức như sau: **Lãi Suất mỗi Trái Phiếu = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ Lãi suất.** Trong đó: - "***Lãi Suất Tham Chiếu***" là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là

	bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (bao gồm VietinBank, Vietcombank, BIDV và Agribank). - "***Biên độ Lãi suất***": *Tổng Giám đốc/ Phó Tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành hoặc Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tài chính* quyết định lãi suất và biên độ lãi suất của Trái Phiếu phát hành căn cứ vào điều kiện thị trường và khả năng cân đối vốn của VietinBank tại thời điểm đăng ký chào bán Trái Phiếu bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của VietinBank. "***Ngày Xác Định Lãi Suất***" là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.
Kỳ hạn trả lãi và gốc trái phiếu	- *Tiền lãi Trái Phiếu*: được trả định kỳ một (01) năm một lần vào ngày thanh toán lãi Trái Phiếu, là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành Trái Phiếu trong thời hạn Trái Phiếu. - *Tiền gốc Trái Phiếu*: được hoàn trả một (01) lần bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào ngày đáo hạn Trái Phiếu, hoặc vào ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu của Tổ chức phát hành, hoặc vào ngày mua lại trước hạn theo thỏa thuận, hoặc vào ngày đến hạn khác theo các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu.
Điều khoản mua lại trái phiếu trước hạn	Trên cơ sở bảo đảm tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn đảm bảo an toàn theo quy định của NHNN) và sau khi Trái Phiếu đã chính thức được niêm yết, việc mua lại Trái Phiếu trước hạn của VietinBank được quy định như sau: - *Mua lại Trái Phiếu trước hạn vào ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu*: Trong trường hợp này, VietinBank sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu trước hạn, với giá mua lại bằng mệnh giá Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu cộng với lãi cộng dồn chưa thanh toán (nếu có). Người sở hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán

	lại toàn bộ Trái Phiếu cho VietinBank và nhận lại 100% khoản tiền gốc và tiền lãi phát sinh chưa thanh toán của Trái Phiếu do mình sở hữu; hoặc - *Mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận*: Trong trường hợp này, VietinBank có thể đề nghị mua lại Trái Phiếu vào bất kỳ lúc nào, bằng bất cứ phương thức nào và với bất cứ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Mỗi người sở hữu Trái Phiếu có quyền quyết định có bán Trái Phiếu của mình cho VietinBank hay không. - *Mua lại Trái Phiếu khi xảy ra sự kiện vi phạm*: VietinBank phải mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành khi xảy ra sự kiện vi phạm theo các điều khoản và điều kiện Trái Phiếu.
Ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu	- Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại của Trái Phiếu CTG2230T2: là ngày tròn 03 (ba) năm, kể từ ngày phát hành; - Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại của Trái Phiếu CTG2232T2: là ngày tròn 05 (năm) năm, kể từ ngày phát hành.
Đối tượng mua trái phiếu	là các tổ chức (*bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*), cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài, phù hợp với Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.
Số lượng trái phiếu đăng ký mua tối thiểu của nhà đầu tư	là 100 (một trăm) Trái Phiếu, tương đương 10.000.000 (mười triệu) đồng theo mệnh giá Trái Phiếu. *Để tránh hiểu lầm*, nhà đầu tư chỉ được đăng ký mua số lượng Trái Phiếu tối thiểu là 100 (một trăm) Trái Phiếu hoặc bội số của 100 (một trăm) Trái Phiếu.
Thời gian dự kiến chào bán trái phiếu	Thời gian chào bán Trái Phiếu dự **kiến từ Quý 3/2022 đến Quý 4/2022**, sau khi VietinBank có được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước (**"UBCKNN"**) cấp phép. Thời gian chào bán cụ thể sẽ được VietinBank công bố theo quy định của pháp luật. Thời gian chào bán và phân phối Trái Phiếu dự kiến tối thiểu là 20 ngày và tối da là 90 ngày, theo quy định của pháp luật.
Phương thức phát hành trái phiếu	VietinBank phân phối và chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo phương thức trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua hệ thống Chi nhánh và Phòng giao dịch của VietinBank.

Địa điểm phát hành, nhận đăng ký mua trái phiếu	Trụ sở chính và/hoặc Chi nhánh, Phòng giao dịch của VietinBank
Đại lý phân phối/Đại lý phát hành	Không có.
Đăng ký, niêm yết và giao dịch trái phiếu	Nhằm mục đích đăng ký, niêm yết và giao dịch Trái Phiếu theo quy định của pháp luật, toàn bộ các Trái Phiếu sau khi đã phát hành thành công ra công chúng sẽ được VietinBank thực hiện: - Đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam/ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("**VSD**"); - Đăng ký niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("**HNX**").
Giá niêm yết trái phiếu dự kiến *hoặc* Giá tham chiếu vào ngày giao dịch đầu tiên	bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu.
Hạn chế giao dịch trái phiếu	Không hạn chế.
Quyền của Người Sở hữu Trái phiếu	- Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu; - Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến trái phiếu, bao gồm cả tiền gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan và theo quy định của các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; - Được đại diện bởi Đại diện người sở hữu Trái Phiếu trong việc thi hành một số quyền của mình theo các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; - Được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái Phiếu; - Được tự do chuyển quyền sở hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu, mua bán có kỳ hạn hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác phù hợp với quy định của pháp luật; - Được tham dự, biểu quyết tại Hội nghị Người sở hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến, biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của các điều khoản, điều kiện Trái Phiếu; - Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu được quy định cụ thể tại các điều khoản, điều kiện của Trái

	Phiếu; - Các quyền khác (ngoài các quyền cơ bản nêu trên) và nội dung chi tiết về quyền của Người sở hữu Trái Phiếu sẽ được quy định chi tiết tại các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu có trong Bản Cáo Bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng của VietinBank, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
Tổ chức tư vấn phát hành/ Tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu/ Tổ chức tư vấn niêm yết/ Đại diện Người sở hữu trái phiếu	HĐQT VietinBank giao *Tổng Giám đốc/ Phó Tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành hoặc Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh vốn và Thị trường* quyết định, chỉ đạo việc tổ chức triển khai lựa chọn, đàm phán và ký kết hợp đồng với Tổ chức tư vấn phát hành/ Tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu/ Tổ chức tư vấn niêm yết/ Đại diện Người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VietinBank.
Đại lý đăng ký, lưu ký trái phiếu (*trước khi trái phiếu được đăng ký tập trung tại VSD*) và Đại lý thanh toán trái phiếu (*trong suốt thời hạn lưu hành của Trái Phiếu*)	HĐQT VietinBank giao *Tổng Giám đốc/ Phó Tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành hoặc Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh vốn và Thị trường* quyết định, chỉ đạo việc tổ chức triển khai lựa chọn, đàm phán và ký kết hợp đồng với Tổ chức cung cấp các dịch vụ: - Đại lý đăng ký, lưu ký Trái Phiếu trước khi Trái Phiếu được đăng ký tập trung tại VSD; - Đại lý thanh toán Trái Phiếu trong suốt thời hạn lưu hành của Trái Phiếu. Việc lựa chọn, ký kết hợp đồng với Tổ chức cung cấp các dịch vụ này đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và của VietinBank.
Các điều khoản và điều kiện cụ thể khác của trái phiếu	Được quy định cụ thể trong Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu nêu trong Bản Cáo Bạch chào bán/niêm yết Trái Phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank.
Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương Án Phát Hành	HĐQT VietinBank giao và ủy quyền cho *Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành hoặc Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh vốn và Thị trường*: quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương Án Phát Hành này (i) theo yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có), hoặc (ii) căn cứ theo tình hình thực tế của VietinBank và tình hình thị trường, VietinBank xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương

	Án Phát Hành và các tài liệu hồ sơ liên quan để đảm bảo nhu cầu và mục tiêu cân đối vốn.
Luật điều chỉnh	Luật Việt Nam.

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng

Số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2022, sau khi đã khấu trừ các khoản phí, chi phí có liên quan, dự kiến sẽ được VietinBank sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời nhằm mục đích thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu) đối với các ngành nghề, lĩnh vực dự kiến được liệt kê dưới đây, trên cơ sở bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và quy định nội bộ của VietinBank:

Danh mục ngành nghề, lĩnh vực	**Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán**	**Số tiền dự kiến phân bổ cho vay**	**Thời gian dự kiến giải ngân**
Tổng cộng	**8.000**	**8.000**	
Công nghiệp chế biến, chế tạo	8.000	3.500	từ Quý 3/2022 đến Quý 4/2023
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt		2.700	
Ngành khác		1.800	

(Số tiền thực tế giải ngân đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh phụ thuộc vào khối lượng Trái Phiếu chào bán thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế).

VietinBank dự kiến sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để giải ngân/cho vay đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên. Mức độ sử dụng vốn sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, lĩnh vực nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định của NHNN.

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như dự kiến, VietinBank sẽ xem xét giải ngân/cho vay theo thứ tự mục đích ưu tiên như sau:

(i) Ưu tiên bố trí vốn giải ngân/cho vay vào các ngành nghề, lĩnh vực tiềm năng được Chính phủ và NHNN khuyến khích phát triển, có quy mô và tỷ trọng vốn giải ngân lớn trong tổng danh mục nói trên, nhằm bảo đảm đáp ứng, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của VietinBank;

(ii) Các ngành nghề, lĩnh vực có nhu cầu vốn cấp bách đáp ứng các điều kiện giải ngân vốn của VietinBank và bảo đảm mục tiêu tăng trưởng tín dụng của VietinBank;

(iii) Các ngành nghề, lĩnh vực khác đã đáp ứng đầy đủ hồ sơ, thủ tục cấp phép và sẵn sàng

triển khai thực hiện.

Ngoài ra, nếu trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, VietinBank có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác… phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của VietinBank.

2. Kế hoạch trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng

VietinBank dự kiến sử dụng dòng tiền thuần thu được từ HĐKD, bao gồm nhưng không giới hạn dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải ngân/cho vay dự kiến bằng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu này và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, bảo đảm đủ để thanh toán các khoản nợ lãi và gốc đúng hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu dự kiến chào bán.

Chi tiết Kế hoạch trả nợ cụ thể như sau:

Nội dung	Thời gian trả nợ	Nguồn trả nợ
Kế hoạch trả lãi Trái Phiếu	vào Ngày thanh toán lãi Trái Phiếu hàng năm và Ngày đáo hạn Trái Phiếu	Là dòng tiền lãi thu được từ các khoản giải ngân/ cho vay dự kiến bằng nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư, với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh hàng năm của VietinBank bị lỗ.
Kế hoạch trả gốc Trái Phiếu	vào Ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu *hoặc* Ngày mua lại Trái Phiếu trước hạn theo thỏa thuận *hoặc* Ngày đáo hạn Trái Phiếu.	VietinBank sẽ sử dụng nguồn tiền (i) huy động vốn từ nền kinh tế; (ii) lợi nhuận kinh doanh của VietinBank và (iii) dòng tiền thu nợ từ các khoản giải ngân.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Số: 416 /NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Về việc Thông qua sửa đổi Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng quản trị số 253../BBKP-HĐQT-2022-4 ngày ..25.. tháng ..11.. năm 2022;

Xét đề nghị của Phó Tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại Tờ trình ngày 31/10/2022 v/v Phê duyệt sửa đổi Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua sửa đổi Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank, theo nội dung chi tiết nêu tại **Phụ lục** đính kèm.

Điều 2. Các nội dung khác: giữ nguyên như tại Nghị quyết số 293/NQ- HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/08/2022 về việc Thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của Vietinbank.

Điều 3. Điều khoản thi hành

a) Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

b) Thành viên HĐQT, Thành viên Ban điều hành, Giám đốc khối nghiệp vụ, Trưởng phòng/ban và các cá nhân có liên quan tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- TV Ban Điều hành;
- Chánh VP HĐQT;
- Lưu VP, BTK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100111948 - C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Trần Minh Bình

Phụ lục

Sửa đổi phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank

Sửa đổi một số nội dung của phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt chàn bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của Vietinbank đã được ban hành kèm theo Nghị Quyết số 293/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/08/2022:

1. Tên gọi và mã Trái Phiếu:

STT	Tên trái phiếu	Mã trái phiếu	
		Đợt 1	Đợt 2
1	Trái phiếu kỳ hạn 8 năm	CTG2230T2/01	CTG2230T2/02
2	Trái phiếu có kỳ hạn 10 năm	CTG2232T2/01	CTG2232T2/02

2. Kỳ hạn trái phiếu:

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn
1	CTG2230T2/01 và CTG2230T2/02	8 năm
2	CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02	10 năm

3. Số đợt phát hành:

Số đợt phát hành	02 (hai) đợt

4. Tổng số lượng, tổng giá trị trái phiếu chào bán chi tiết cho 2 đợt như sau:

STT	Mã trái phiếu	Tổng số lượng trái phiếu chào bán (Trái phiếu)	Tổng giá trị trái phiếu chào bán (Tỷ đồng)
Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 1			
1	CTG2230T2/01	20.000.000	2.000
2	CTG2232T2/01	30.000.000	3.000
Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 2			
1	CTG2230T2/02	15.000.000	1.500
2	CTG2232T2/02	25.000.000	2.500
	Tổng cộng	90.000.000	9.000

Trường hợp đợt 1 chưa phát hành hết khối lượng chào bán như dự kiến thì phần bán chưa hết sẽ được chuyển qua đợt 2 tương ứng theo từng kỳ hạn Trái Phiếu.

5. Lãi suất trái phiếu:

Lãi suất của Trái Phiếu CTG2230T2/01, CTG2230T2/02, CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02 là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ), áp dụng cho toàn bộ thời hạn của mỗi Trái Phiếu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo

công thức như sau:

Lãi Suất mỗi Trái Phiếu = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ Lãi suất.

Trong đó:

- ***"Lãi Suất Tham Chiếu"*** là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại **Ngày Xác Định Lãi Suất** trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (bao gồm VietinBank, Vietcombank, BIDV và Agribank).
- ***"Biên độ Lãi suất"***: HĐQT VietinBank giao *Tổng Giám đốc/ Phó Tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành hoặc Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Tài chính* quyết định lãi suất và biên độ lãi suất của Trái Phiếu phát hành căn cứ vào điều kiện thị trường và khả năng cân đối vốn của VietinBank tại thời điểm đăng ký chào bán Trái Phiếu bảo đảm tuân thủ và phù hợp với quy định của NHNN.

"Ngày Xác Định Lãi Suất" là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

6. Ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu:

STT	Mã trái phiếu	Ngày thực hiện quyền mua lại trái phiếu
1	CTG2230T2/01 và CTG2230T2/02	Là ngày tròn 3 (ba) năm kể từ Ngày Phát hành
2	CTG2232T2/01 và CTG2232T2/02	Là ngày tròn 5 (năm) năm kể từ Ngày Phát hành

7. Thời gian dự kiến chào bán trái phiếu:

STT	Mã trái phiếu	Thời gian dự kiến chào bán trái phiếu	Ghi chú
Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 1			
1	CTG2230T2/01	Dự kiến phát hành trong Quý 4/ 2022 -Quý 1/2023	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng kí chào bán TP ra công chúng có hiệu lực
2	CTG2232T2/01		
Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 2			
1	CTG2230T2/02	Dự kiến phát hành trong Quý 2/2023 - Quý 3/2023	Thời gian chào bán của Đợt 2 không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa đợt 1 và đợt 2 không quá 12 tháng.
2	CTG2232T2/02		

8. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng:

Số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, sau khi đã khấu trừ các khoản phí, chi phí có liên quan, dự kiến sẽ được VietinBank sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN, đồng thời thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu) với các ngành nghề, lĩnh vực dự kiến được liệt kê dưới đây:

Stt	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn (tỷ đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
I	**Đợt 1**	**5.000**	
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.200	Từ Quý 4/2022- Quý 3/2023
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	1.700	
3	Ngành khác	1.100	
II	**Đợt 2**	**4.000**	
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.700	Từ Quý 1/2023-Quý 4/2023
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	1.300	
3	Ngành khác	1.000	
	Tổng cộng	**9.000**	

(Số tiền thực tế giải ngân với từng lĩnh vực, ngành nghề phụ thuộc vào số lượng Trái phiếu chào bán thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế)

VietinBank dự kiến sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để giải ngân/cho vay đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên. Mức độ sử dụng vốn sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, lĩnh vực nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định NHNN.

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như dự kiến, Tổ Chức Phát Hành sẽ xem xét giải ngân/cho vay theo thứ tự mục đích ưu tiên như sau:

(i) Ưu tiên bố trí vốn giải ngân/cho vay vào các ngành nghề, lĩnh vực tiềm năng được Chính phủ và NHNN khuyến khích phát triển, có quy mô và tỷ trọng vốn giải ngân lớn trong tổng danh mục nói trên, nhằm bảo đảm đáp ứng, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của VietinBank;

(ii) Các ngành nghề, lĩnh vực có nhu cầu vốn cấp bách đáp ứng các điều kiện giải ngân vốn của VietinBank và bảo đảm mục tiêu tăng trưởng tín dụng của VietinBank;

(iii) Các ngành nghề, lĩnh vực khác đã đáp ứng đầy đủ hồ sơ, thủ tục cấp phép và sẵn sàng triển khai thực hiện.

Ngoài ra, nếu trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, VietinBank có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác… phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của VietinBank.

9. **Các nội dung khác:** Giữ nguyên theo phê duyệt tại Nghị Quyết số 293/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/08/2022 về việc thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của Vietinbank.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 057/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

(Về việc Phê duyệt sửa đổi phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank (lần 2))

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu số 033 /BBKP-HĐQT-2023-4 ngày 24 tháng 2 năm 2023;

Xét đề nghị của Phó Tổng giám đốc phụ trách BĐH tại Tờ trình ngày 31/01/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank (lần 2) *(chi tiết theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Các nội dung khác: giữ nguyên như tại Nghị quyết số 293/NQ- HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/08/2022 về việc thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank và Nghị Quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/11/2022 về việc thông qua sửa đổi Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc/ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành *hoặc* Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh vốn & Thị trường tổ chức thực hiện Phương Án Phát Hành theo nội dung HĐQT phê duyệt.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Thành viên Hội đồng quản trị; Thành viên Ban điều hành; Giám đốc Khối nghiệp vụ; Trưởng Phòng, Ban, Trung tâm, Đơn vị tại Trụ sở chính; Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Chi nhánh; Đơn vị và cá nhân có liên quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- TV Ban điều hành;
- Q.Chánh Văn phòng HĐQT;
- Lưu VP, BTK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trần Minh Bình

PHỤ LỤC:

SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH, PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ CÁC ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG NĂM 2022 CỦA VIETINBANK (LẦN 2)

Sửa đổi một số nội dung của phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank đã được ban hành kèm theo Nghị Quyết số 293/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/08/2022 và Nghị Quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/11/2022.

1. Lãi suất Trái Phiếu

Lãi suất của Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm và Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm:

Lãi suất Trái Phiếu là lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh theo định kỳ), áp dụng cho toàn bộ thời hạn của mỗi Trái Phiếu, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo công thức như sau:

- **Lãi Suất Trái Phiếu Kỳ Hạn 8 năm = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,2%/năm.**
- **Lãi Suất Trái Phiếu Có Kỳ Hạn 10 năm = Lãi Suất Tham Chiếu + 1,3%/năm.**

Trong đó:

- "***Lãi Suất Tham Chiếu***" là lãi suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm), dùng để xác định lãi suất Trái Phiếu vào mỗi Kỳ Tính Lãi hoặc mỗi Kỳ Thanh Toán Lãi. Lãi Suất Tham Chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân Hàng Tham Chiếu (gồm 4 Ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam). Để làm rõ, Lãi Suất Tham Chiếu nếu không phải là số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.
- "***Ngày Xác Định Lãi Suất***" là Ngày Phát Hành Trái Phiếu đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo.

2. Thời gian dự kiến chào bán trái phiếu:

STT	Mã trái phiếu	Thời gian dự kiến chào bán trái phiếu	Ghi chú
Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 1			
1	CTG2230T2/01	Dự kiến phát hành trong Quý 1/2023 - Quý 2/2023	Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng kí chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực
2	CTG2232T2/01		

Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 2			
1	CTG2230T2/02	Dự kiến phát hành trong Quý 2/2023 - Quý 3/2023	Thời gian chào bán của Đợt 2 không được kéo dài quá 90 ngày. Khoảng cách giữa đợt 1 và đợt 2 không quá 12 tháng.
2	CTG2232T2/02		

3. Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái phiếu ra công chúng

Số tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, sau khi đã khấu trừ các khoản phí, chi phí có liên quan, dự kiến sẽ được VietinBank sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động, tăng vốn cấp 2 và đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), đồng thời thực hiện cho vay nền kinh tế (bao gồm các khoản cho vay được giải ngân trước và sau thời điểm phát hành Trái Phiếu) với các ngành nghề, lĩnh vực dự kiến được liệt kê dưới đây:

STT	Tên ngành	Kế hoạch sử dụng vốn (tỷ đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
I	**Đợt 1**	**5.000**	
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.200	Từ Quý 1/2023 - Quý 3/2023
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	1.700	
3	Ngành khác	1.100	
II	**Đợt 2**	**4.000**	
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	1.700	Từ Quý 2/2023 – Quý 4/2023
2	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt	1.300	
3	Ngành khác	1.000	
	Tổng cộng	**9.000**	

(Số tiền thực tế giải ngân với từng lĩnh vực, ngành nghề phụ thuộc vào khối lượng Trái phiếu chào bán thành công và tiến độ cho vay nền kinh tế. Trường hợp số tiền thực tế giải ngân đợt 1 chưa hết như dự kiến thì phần giải ngân chưa hết sẽ được chuyển qua đợt 2 tương ứng theo từng mục đích/từng ngành).

VietinBank dự kiến sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu để giải ngân/cho vay đối với các ngành nghề, lĩnh vực nêu trên. Mức độ sử dụng vốn sẽ căn cứ theo tiến độ giải ngân cụ thể của từng ngành nghề, lĩnh vực nhằm đảm bảo hiệu quả và an toàn hoạt động theo quy định NHNN.

Trường hợp số tiền thu được không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như dự kiến, Tổ

Chức Phát Hành sẽ xem xét giải ngân/cho vay theo thứ tự mục đích ưu tiên như sau:

(i) Ưu tiên bố trí vốn giải ngân/cho vay vào các ngành nghề, lĩnh vực tiềm năng được Chính phủ và NHNN khuyến khích phát triển, có quy mô và tỷ trọng vốn giải ngân lớn trong tổng danh mục nói trên, nhằm bảo đảm đáp ứng, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng của VietinBank;

(ii) Các ngành nghề, lĩnh vực có nhu cầu vốn cấp bách đáp ứng các điều kiện giải ngân vốn của VietinBank và bảo đảm mục tiêu tăng trưởng tín dụng của VietinBank;

(iii) Các ngành nghề, lĩnh vực khác đã đáp ứng đầy đủ hồ sơ, thủ tục cấp phép và sẵn sàng triển khai thực hiện.

Ngoài ra, nếu trường hợp số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích như kế hoạch, VietinBank có thể sử dụng và bố trí nguồn vốn thông qua các kênh huy động vốn khác như: huy động tiền gửi dân cư, tổ chức; phát hành các giấy tờ có giá khác… phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm bảo đảm và đáp ứng tối đa nhu cầu giải ngân/cho vay đối với từng ngành nghề, lĩnh vực cụ thể, trên cơ sở bảo đảm mục tiêu cân đối, sử dụng vốn hiệu quả, an toàn của VietinBank.

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo phê duyệt tại Nghị Quyết số 293/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/08/2022 về việc thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank và Nghị Quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/11/2022 về việc thông qua sửa đổi Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 308 /HĐQT-NHCT-KDVTT2	*Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023*

CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

I. BÊN CAM KẾT

1. Tổ Chức Phát Hành: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam**

- Tên tiếng Anh: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade
- Tên viết tắt: VietinBank

2. Vốn điều lệ: 48.057.506.090.000 đồng (*Bốn mươi tám nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm linh sáu triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*).

3. Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

4. Điện thoại: 024 3941 8868 Fax: 024 3942 1032 Website: www.vietinbank.vn

5. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số Số 13/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 17/06/2022.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100111948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021.

II. NỘI DUNG CAM KẾT

1. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("**Tổ Chức Phát Hành**") dự kiến phát hành ra công chúng các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm, xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Tổ Chức Phát Hành theo quy định pháp luật, với tổng mệnh giá phát hành là 9.000 (*Chín nghìn*) tỷ Đồng Việt Nam ("**Trái Phiếu**") và theo các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2022 của Tổ Chức Phát Hành ("**Bản Cáo Bạch**") và Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu, đại lý đăng ký, đại lý thanh toán, tư vấn niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng năm 2022 của VietinBank số 02/2023/TVTP/VIETINBANNK SECURITIES-VIETINBANK ký ngày 21/02/2023 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam và VietinBank ("Hợp Đồng Tư Vấn"); Hợp đồng Đại diện người sở hữu Trái Phiếu số 2102/2023/ĐDNSHTP/VNDIRECT-VIETINBANK ký ngày 21/02/2023 giữa VietinBank và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT ("Hợp Đồng Đại Diện")

2. Bằng văn bản này, Tổ Chức Phát Hành cam kết với Người Sở Hữu Trái Phiếu và Nhà Đầu Tư sẽ tuân thủ và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết dưới đây:

(a) ***Cam kết về điều kiện phát hành***

VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán, bao gồm các điều kiện dưới đây:

➢ Có mức vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký chào bán lớn hơn 30 (ba mươi) tỷ đồng,

tính theo giá trị ghi trên sổ kế toán;

- Hoạt động kinh doanh của năm liền trước năm đăng ký chào bán có lãi, đồng thời không có lỗ lũy kế tính đến năm đăng ký chào bán; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 (một) năm;
- Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng được cấp có thẩm quyền thông qua;
- Có cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu và các điều kiện khác;
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
- Tổ Chức Phát Hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
- Có tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái Phiếu của các đợt chào bán;
- Có cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán sau khi kết thúc đợt chào bán.

(b) ***Cam kết về nghĩa vụ thanh toán***

VietinBank cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi Trái Phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới Trái Phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư/Người Sở Hữu Trái Phiếu và bảo đảm việc thanh toán được thực hiện đầy đủ, chính xác và đúng hạn theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch, trong đó:

- Tiền lãi Trái Phiếu: được trả định kỳ một (01) năm một lần vào Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.
- Tiền gốc Trái Phiếu: được hoàn trả bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu hoặc vào ngày mua lại trước hạn theo thỏa thuận, hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

(c) ***Cam kết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư***

VietinBank cam kết bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với và liên quan tới Trái Phiếu (*bao gồm các quyền như: chuyển nhượng, bán, cho tặng, để lại thừa kế Trái Phiếu; sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm, cầm cố, chiết khấu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác*) theo đúng Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Bản Cáo Bạch, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

(d) ***Cam kết thực hiện niêm yết Trái Phiếu sau khi kết thúc các đợt chào bán***

VietinBank cam kết sẽ:

- Thực hiện triển khai niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi kết thúc các đợt chào bán trái phiếu ra công chúng;
- Hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc các đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chừng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành nhằm đảm bảo đủ điều kiện niêm yết và giao dịch tại HNX.
- Có công ty chứng khoán tư vấn hồ sơ niêm yết trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

(e) **Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán**

Ngoài các cam kết ở trên, VietinBank cam kết thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư/ Người Sở Hữu Trái Phiếu về các điều kiện khác như sau:

- Sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng theo đúng mục đích đã nêu tại Bản Cáo Bạch;
- Đã chỉ định, lựa chọn Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi Trái Phiếu được phát hành theo đúng quy định của pháp luật;
- Tuân thủ nghĩa vụ về công bố thông tin của Tổ Chức Phát Hành theo quy định của pháp luật;
- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ và điều kiện khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được thể hiện trong Bản Cáo Bạch; theo quy định của Hợp Đồng Tư Vấn, Hợp Đồng Đại Diện và theo các quy định của pháp luật khác có liên quan.

III. HIỆU LỰC

Cam kết này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi Trái Phiếu đáo hạn hoặc ngày đến hạn khác khi toàn bộ gốc, lãi Trái Phiếu được hoàn trả lại đầy đủ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu./.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trần Minh Bình

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Số: 2102/2023/ĐDNSHTP/VNDIRECT-VIETINBANK

giữa

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
Với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT
Với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH RA CÔNG CHÚNG NĂM 2022 CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Ngày 21 tháng 02 năm 2023

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU NÀY (sau đây gọi là "**Hợp Đồng**") được lập vào ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa:

(1) **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM** (sau đây gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**VietinBank**)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0100111948, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/09/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
Địa chỉ đăng ký	:	Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	:	024.3942 0402
Người đại diện	:	**Ông Lê Duy Hải**
Chức vụ	:	Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối KDV&TT
Văn bản ủy quyền	:	1510/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 06/12/2022 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

(2) **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT** (sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" hoặc "**VNDS**") (VNDS ký kết Hợp Đồng này với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây), hành động nhân danh và vì quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây)).

Giấy phép thành lập và hoạt động	:	22/GPHĐKD-UBCK ngày 16/11/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu và các lần thay đổi tùy từng thời điểm
Địa chỉ đăng ký	:	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	:	024.3972 4568 Fax: 024.3972 4600
Người đại diện	:	**Bà Vũ Thị Thanh Vân**
Chức vụ	:	Giám đốc Vận hành Thị trường vốn và Kế toán Nội bộ
Văn bản ủy quyền	:	644/2022/VNDIRECT ngày 24/08/2022 của Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT

CƠ SỞ KÝ KẾT:

(A) Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán trái phiếu ra công chúng cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam (gọi chung là "**Nhà Đầu Tư**") bằng đồng Việt Nam có tổng mệnh giá tối đa là 9.000.000.000.000 VND (Bằng chữ: Chín nghìn tỷ

đồng) trong 02 (hai) đợt, mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng) theo Nghị quyết 293/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 31/08/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam v/v thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank và Nghị quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/11/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam v/v thông qua sửa đổi Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank và các văn bản sửa đổi, bổ sung; mã trái phiếu Đợt 1 là CTG2230T2/01 (kỳ hạn 08 năm); CTG2232T2/01 (kỳ hạn 10 năm) và Đợt 2 là CTG2230T2/02 (kỳ hạn 08 năm); CTG2232T2/02 (kỳ hạn 10 năm) (sau đây gọi chung là **"Trái Phiếu"**);

(B) Trái Phiếu sẽ có các điều khoản và điều kiện như quy định tại Phần VI. Thông tin về đợt chào bán của Bản cáo bạch do Tổ Chức Phát Hành ban hành và theo bản các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu được đính kèm theo Hợp Đồng này *(sau đây sẽ gọi chung là "**Các Điều Kiện Trái Phiếu**");*

(C) Tổ Chức Phát Hành chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT làm Đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu, và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT chấp nhận chỉ định trên đây và thực hiện các công việc/trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo những điều khoản của Hợp Đồng này;

CÁC BÊN THỎA THUẬN NHƯ SAU:

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

1.1. Định Nghĩa

Trừ khi được định nghĩa khác tại Hợp Đồng này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ có nghĩa tương tự như được định nghĩa trong Các Điều Kiện Trái Phiếu. Ngoài ra, trong Hợp Đồng này (kể cả phần Cơ Sở Ký Kết trên đây), các từ ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

(a) **"Bản Cáo Bạch"** có nghĩa là Bản cáo bạch chào bán Trái Phiếu ra công chúng năm 2022 do Tổ Chức Phát Hành lập và ban hành, trong đó cung cấp các thông tin về Tổ Chức Phát Hành; các thông tin về đợt chào bán và Trái Phiếu chào bán.

(b) **"Các Điều Kiện Trái Phiếu"** có nghĩa là Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu được quy định tại Bản Cáo Bạch của Tổ Chức Phát Hành;

(c) **"Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu"** có nghĩa như được quy định trong Điều 2.1 và cũng là "Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu" được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu;

(d) **"Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm"** có nghĩa như được quy định trong Điều 9.1(a);

(e) "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**" có nghĩa như được quy định trong Điều 9.1(a);

(f) "**Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu;

(g) "**Hợp Đồng**" có nghĩa là Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu này, cùng với các Phụ Lục, các sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh vào từng thời điểm;

(h) "**Ngày Phát Hành**" có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu;

(i) "**Nghị Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa là nghị quyết về bất kỳ vấn đề gì liên quan đến Trái Phiếu mà được thông qua bởi những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo cách thức và trình tự được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Phụ Lục II của Hợp Đồng này;

(j) "**Người Sở Hữu Trái Phiếu**" có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu;

(k) "**Tổ Chức Phát Hành**" có nghĩa như được quy định trong phần giới thiệu các bên trên đây;

(l) **"Thời Điểm Khóa Sổ"** có nghĩa là 17h00 của Ngày Chốt Danh Sách;

(m) "**VSD**" có nghĩa là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc bất kỳ tổ chức nào khác kế thừa chức năng đăng ký, và/hoặc lưu ký chứng khoán tại Việt Nam) (tùy từng trường hợp áp dụng);

(n) "**Văn Kiện Trái Phiếu**" có nghĩa là bất kỳ nào văn kiện nào sau đây:

(i) Nghị quyết số 293/NQ-HĐQT-NHCT- VPHĐQT1 ngày 31/08/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam v/v thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank và Nghị quyết số 416/NQ-HĐQT-NHCT-VPHĐQT1 ngày 25/11/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam v/v thông qua sửa đổi Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ các đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2022 của VietinBank và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

(ii) Giấy chứng nhận đăng ký chào bán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;

(iii) Bản Cáo Bạch;

(iv) Hợp Đồng này, Hợp Đồng Tư Vấn Hồ Sơ;

(v) Bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào khác được ký kết hoặc ban hành sau Ngày Phát Hành có quy định và/hoặc liên quan về quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với các Trái Phiếu và được các bên liên quan công nhận (và được những Người

Sở Hữu Trái Phiếu/Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận) là một Văn Kiện Trái Phiếu vì mục đích của Hợp Đồng này; và

(vi) Bất kỳ văn kiện hay thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ văn kiện, hợp đồng hay thỏa thuận nào nêu trong các Mục từ (i) đến (v) trên đây.

(o) "**VND**" hay "**Đồng**" có nghĩa là tiền tệ hợp pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

Trừ khi văn cảnh yêu cầu cách diễn giải khác, trong Hợp Đồng này:

(a) Tiêu đề của từng Phụ Lục, Điều, Khoản, Điểm và Mục chỉ tiện cho việc đọc và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung của Hợp Đồng;

(b) Dẫn chiếu đến các Phụ Lục, Điều, Khoản, Điểm và Mục là dẫn chiếu đến các phụ lục, điều, khoản, điểm và mục của Hợp Đồng này;

(c) Dẫn chiếu đến một bên (hoặc các bên) có nghĩa là dẫn chiếu đến bên (hoặc các bên của Hợp Đồng này);

(d) Dẫn chiếu đến một tổ chức/cá nhân sẽ gồm cả tổ chức/cá nhân kế nhiệm hoặc nhận chuyển nhượng, chuyển giao cho phép của tổ chức/cá nhân đó;

(e) Các từ "của Hợp Đồng này", "trong Hợp Đồng này", và "theo Hợp Đồng này" và các từ ngữ có nghĩa tương tự khi sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Hợp Đồng này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Hợp Đồng;

(f) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận nào (i) sẽ bao gồm tất cả phụ lục và các văn bản đính kèm khác của văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được ban hành hoặc ký kết để thay thế văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào; và

(g) Dẫn chiếu đến "quyết định", "yêu cầu", "ý kiến", "chỉ thị" hay "chấp thuận" của những Người Sở Hữu Trái Phiếu là đến quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ dưới hình thức quyết định/nghị quyết tại một hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này;

2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

2.1. Bằng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định VNDS làm tổ chức đại diện của những Người Sở Hữu Trái Phiếu nhằm (i) giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ các cam kết, thỏa thuận và nghĩa vụ của mình đối với Trái Phiếu theo quy định trong hồ sơ chào bán Trái

Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu; (ii) làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan khác; và (iii) thực hiện các trách nhiệm, công việc khác theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật liên quan (sau đây gọi là **"Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu"**) và VNDS đồng ý việc chỉ định này.

2.2. Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo các cách khác nhau (sau thời điểm hoàn tất phát hành Trái Phiếu), công nhận và đồng ý (i) việc chỉ định VNDS làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu quy định tại Điều 2.1 trên và (ii) các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng này.

2.3. Khi Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định theo Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực cho đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái phiếu quyết định thay đổi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

2.4. Trường hợp:

(a) Theo pháp luật Việt Nam (đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai) hoặc theo phán quyết, quyết định của bất kỳ tòa án hay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không được phép hoặc không thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào đó của mình được trao theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc

(b) Xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và/hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác nhưng việc thay thế chưa hoàn tất.

thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và quyền, lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực thi theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác có thể được thực hiện trực tiếp bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức/cá nhân khác được những Người Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ của những Người Sở Hữu Trái Phiếu). Trường hợp một phần nhiệm vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện bởi những tổ chức/cá nhân được Người Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền thì những tổ chức/cá nhân được ủy quyền đó phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ đó theo quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật.

2.5. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị thay thế theo quy định tại Điều 9.

3. TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

3.1. Trách nhiệm

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có các trách nhiệm sau:

(a) Giám sát việc tuân thủ và/hoặc xử lý đối với các cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành quy định trong hồ sơ chào bán Trái Phiếu và các Văn Kiện

Trái Phiếu; thông báo ngay cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ, trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào;

(b) Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan khác;

(c) Triệu tập và tổ chức Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này khi có yêu cầu hợp lệ của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Phát Hành trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu; thay mặt và nhân danh những Người Sở Hữu Trái Phiếu ký các biên bản họp/biên bản kiểm phiếu, các quyết định/nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu;

(d) Nhận và nhanh chóng thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc các thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc VSD yêu cầu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(e) Nhận và nhanh chóng thông báo hoặc chuyển tiếp cho các bên liên quan mỗi thông báo, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc VSD thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu. Hình thức thông báo quy định tại mục (o) Khoản này;

(f) Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc VSD thực hiện các Quyết định/Nghị quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các Quyết định/Nghị quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;

(g) Trên cơ sở bản thông báo lãi suất của kỳ tính lãi/gốc Trái Phiếu do Tổ Chức Phát Hành/Tổ chức được Tổ Chức Phát Hành ủy quyền lập được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành hoặc gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và thông báo lãi suất của các ngân hàng liên quan do Tổ Chức Phát Hành gửi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu lập và gửi thông báo lãi suất của kỳ tính lãi/gốc Trái phiếu cho Tổ Chức Phát Hành, những Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ từ Tổ Chức Phát Hành;

(h) Thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán định kỳ hàng quý, hàng năm và báo cáo trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(i) Các nhiệm vụ khác theo quy định của (các) Văn Kiện Trái Phiếu.

(j) Để thực hiện các trách nhiệm theo Hợp Đồng này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sử dụng các hình thức liên lạc và gửi thông báo/cung cấp thông tin, tài liệu đến Người Sở

Hữu Trái Phiếu/Tổ Chức Phát Hành/Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu/VSD, bằng một hoặc đồng thời các phương thức sau:

- Hòm thư điện tử (email) mà mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu đã đăng ký tại Sổ Đăng Ký, hòm thư điện tử (email) của Tổ Chức Phát Hành cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Đăng thông báo trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Gửi bằng thư bảo đảm hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ và số fax của Người Sở Hữu Trái Phiếu (ghi trong Sổ Đăng Ký được quản lý bởi Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc dữ liệu tương tự được quản lý bởi VSD (tùy trường hợp áp dụng) tại thời điểm gửi thông báo hoặc thư liên lạc, trừ trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu có đề nghị khác bằng văn bản và được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận);
- Hình thức khác được thỏa thuận giữa Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành.

3.2. Nghĩa Vụ

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có các nghĩa vụ sau:

(a) Thay mặt và được ủy quyền bởi Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện đầy đủ và đúng hạn các quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;

(b) Không được thực hiện bất kỳ hành vi nào cho mình hoặc cho bất kỳ người thứ ba nào nếu hành vi này trực tiếp hoặc gián tiếp xung đột với quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(c) Đặt quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu lên trên lợi ích của mình khi có nguy cơ, hoặc khi xảy ra, xung đột quyền lợi;

(d) Thực hiện mọi hành vi và công việc với mục đích tối thượng là bảo vệ quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(e) Ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và/hoặc vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(f) Tạo điều kiện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà (i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu cung cấp các tài liệu đó;

(g) Không mâu thuẫn với quy định này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm hoặc không thực hiện các cam kết và nghĩa vụ tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

3.3. Quyền Hạn

(a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện mọi quyền, quyền hạn và thẩm quyền và hưởng các lợi ích trao cho mình trong các Văn Kiện Trái Phiếu và pháp luật có liên quan, kể cả những quyền/quyền hạn sau:

(i) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được đưa ra quyết định về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu trên cơ sở ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu;

(ii) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được dựa vào bất kỳ văn kiện, thông báo hay tài liệu nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đánh giá là xác thực, chính xác và đã được ký kết, phê duyệt hợp lệ bởi Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu và không phải kiểm tra hay xác minh việc ký kết hay phê duyệt bất kỳ tài liệu nào như vậy; và

(iii) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng chi phí do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thu xếp, có thể thuê các tổ chức tư vấn (luật, tài chính, kiểm toán hoặc khác) có uy tín và kinh nghiệm liên quan đến việc thực hiện các công việc hay nhiệm vụ của mình quy định trong các Văn Kiện Trái Phiếu và được dựa vào các tư vấn đó để quyết định việc thực hiện hay không thực hiện công việc và nhiệm vụ của mình. Để tránh nhầm lẫn, trong mọi trường hợp, việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện hay không thực hiện công việc và nhiệm vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù là theo quan điểm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hay ý kiến của các đơn vị tư vấn) thì Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn phải tuân thủ các quy định tại Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, bao gồm nhưng không giới hạn các cách thức, phương thức để tiếp tục thực hiện hoặc chấm dứt việc thực hiện bất kỳ công việc, nhiệm vụ nào theo Hợp Đồng này;

(b) Có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành quy định tại Hợp Đồng này và Các Văn Kiện Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc cung cấp đầy đủ, đúng hạn các thông tin, tài liệu cần thiết nhằm phục vụ cho việc thực hiện các công việc thuộc quyền và trách nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này;

(c) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền đầu tư vào Trái Phiếu, nhận Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc ký kết bất kỳ giao dịch nào khác với bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi được pháp luật cho phép; và

(d) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không bị hạn chế thực hiện vai trò đại diện (hay tương tự) cho người sở hữu bất kỳ chứng khoán nào không phải Trái Phiếu trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này, tuy nhiên việc đại diện đó phải đảm bảo không phát sinh hoặc có khả năng dẫn đến phát sinh các xung đột lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu phát sinh theo Hợp Đồng này.

(e) Trong quá trình thực hiện các quyền quy định tại Điều 3.2 này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền xác lập và ký các văn bản có liên quan trên cơ sở vì lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo chấp thuận hoặc ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu, trừ khi quyền hạn đã được quy định cụ thể tại Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

4. TRÁI PHIẾU

4.1 Mệnh Giá Và Giá Trị Phát Hành

Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000 VND/Trái Phiếu *(Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).*

Tổng mệnh giá Trái Phiếu dự kiến phát hành: 9.000.000.000.000 VND *(Bằng chữ: Chín nghìn tỷ đồng)*, chi tiết như sau:

STT	Mã trái phiếu	Tổng giá trị trái phiếu phát hành dự kiến theo mệnh giá (Tỷ đồng)
I.	Trái phiếu chào bán ra công chúng Đợt 1	
1	CTG2230T2/01	2.000
2	CTG2232T2/01	3.000
II.	Trái phiếu chào bán ra công chúng Đợt 2	
1	CTG2230T2/02	1.500
2	CTG2232T2/02	2.500
Tổng cộng (I+II)		**9.000**

Tổng giá trị Trái Phiếu được phát hành cụ thể sẽ được quy định trong Sổ Đăng Ký và tối đa bằng Tổng mệnh giá Trái Phiếu dự kiến phát hành.

4.2 Các Điều Kiện Trái Phiếu

(a) Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (nếu có).

(b) Các Điều Kiện Trái Phiếu, cùng với các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (nếu có), chứa đựng toàn bộ các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và xác lập quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với và liên quan đến Trái Phiếu.

4.3 Tính Chất Trái Phiếu

(a) Các Trái Phiếu là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định pháp luật hiện hành.

(b) Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam dưới hình thức bút toán ghi sổ.

(c) Tại bất cứ thời điểm nào sau khi được phát hành, Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý hay phá sản, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ khác (không phải là chủ nợ thứ cấp).

(d) Trái Phiếu phát hành cùng một đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

(e) Tổ Chức Phát Hành được quyền ngừng trả lãi Trái Phiếu khi đến hạn và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính có khoản lãi đến hạn đó của Tổ Chức Phát Hành bị lỗ.

(f) Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để bù trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

4.4 Quyết Định Của Người Sở Hữu Trái Phiếu

Trình tự và thủ tục tổ chức hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu và lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Phụ Lục II của Hợp Đồng này.

Trình tự và thủ tục ra quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện theo quy định tại Bản Cáo Bạch.

5. CAM ĐOAN VÀ ĐẢM BẢO

Tổ Chức Phát Hành cam đoan và bảo đảm với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và những Người Sở Hữu Trái Phiếu rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn.

5.1 Tư Cách Pháp Nhân

Tổ Chức Phát Hành (i) là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và (ii) có đầy đủ quyền hạn và thẩm quyền để sở hữu tài sản của mình và thực hiện các hoạt động kinh doanh hiện tại đang được Tổ Chức Phát Hành tiến hành. Cho đến ngày ký Hợp Đồng này, chưa có sự kiện nào quy định tại các Điều 207 và 214 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 đã hoặc đang xảy ra với Tổ Chức Phát Hành.

5.2 Giấy Phép

Tổ Chức Phát Hành đã được cấp mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận phải có theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam để Tổ Chức Phát Hành tiến hành hoạt động kinh doanh của mình. Tổ Chức Phát Hành đã tuân thủ các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó về mọi khía cạnh trọng yếu. Các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó đều còn đầy đủ

hiệu lực và Tổ Chức Phát Hành chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ giấy phép, đăng ký, phê chuẩn hay chấp thuận nào như vậy.

5.3 Thẩm Quyền

Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và đạt được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để:

(a) Chào bán và phát hành Trái Phiếu; và

(b) Ký kết và chuyển giao các Văn Kiện Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành là một bên và thực hiện các nghĩa vụ, cam kết và thỏa thuận của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu đó.

5.4 Tính Hợp Pháp, Hiệu Lực và Khả Năng Thi Hành

Khi được phát hành và ký kết hợp lệ, Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành là một bên xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có giá trị ràng buộc và có thể thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu đó, trừ trường hợp việc thi hành các nghĩa vụ đó có thể bị hạn chế bởi các quy định của pháp luật về phá sản, tái cơ cấu hoặc về các vấn đề tương tự mà liên quan tới hoặc ảnh hưởng đến việc thi hành các quyền của chủ nợ nói chung.

5.5 Không Mâu Thuẫn

Việc Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và ký kết hoặc thực hiện Hợp Đồng này sẽ không (i) vi phạm bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành, (ii) vi phạm pháp luật Việt Nam có liên quan, hoặc (iii) trái với hoặc dẫn đến bất kỳ vi phạm nào đối với bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên.

5.6 Chấp Thuận

Tổ Chức Phát Hành đã xin được mọi chấp thuận cần thiết của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (kể cả công bố thông tin) để phát hành Trái Phiếu, ký kết và thực hiện các Văn Kiện Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành là một bên.

5.7 Tuân Thủ Luật Khi Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành đáp ứng mọi điều kiện và yêu cầu của pháp luật Việt Nam có liên quan để phát hành và chào bán Trái Phiếu.

5.8 Bản Cáo Bạch

(a) Bản Cáo Bạch chứa đựng các thông tin liên quan đến Tổ Chức Phát Hành, các công ty con, công ty liên kết và Trái Phiếu mà có tính chất trọng yếu đối với việc chào bán và phát hành Trái Phiếu này (kể cả các thông tin, theo đặc điểm của Tổ Chức Phát Hành, các công ty con, công ty liên kết và Trái Phiếu, là cần thiết để cho phép các nhà đầu tư đưa ra những đánh giá trên cơ sở có đầy đủ thông tin cần thiết về tài sản và nợ, tình hình tài

chính, lãi, và lỗ và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành và về các quyền kèm theo Trái Phiếu);

(b) Các tuyên bố về các sự kiện thực tế nêu trong Bản Cáo Bạch vào ngày ban hành Bản Cáo Bạch và vào Ngày Phát Hành là trung thực, chính xác, và không gây nhầm lẫn về mọi khía cạnh trọng yếu; và

(c) Tổ Chức Phát Hành không bỏ sót bất kỳ sự kiện nào khác liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hay công ty con/công ty liên kết mà nếu sự kiện đó bị bỏ sót khỏi Bản Cáo Bạch có thể làm cho bất kỳ tuyên bố nào trong Bản Cáo Bạch bị hiểu sai về bất kỳ khía cạnh trọng yếu nào.

5.9 Tố Tụng

Ngoài các thông tin đã công bố tại Bản Cáo Bạch, tại thời điểm ký Hợp Đồng này, chưa có bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục trọng tài hoặc hành chính, điều tra hoặc xét xử nào đang diễn ra, chưa được giải quyết hoặc (theo hiểu biết tốt nhất và sự tin tưởng tối đa của Tổ Chức Phát Hành) có khả năng sẽ xảy ra đối với Tổ Chức Phát Hành tại bất kỳ tòa án, cơ quan xét xử, cơ quan giải quyết tranh chấp hoặc cơ quan có thẩm quyền nào khác mà có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh hoặc điều kiện tài chính của Tổ Chức Phát Hành.

5.10 Báo Cáo Tài Chính

Các báo cáo tài chính của Tổ Chức Phát Hành đính kèm Bản Cáo Bạch là các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. Các báo cáo tài chính đó được lập phù hợp với pháp luật Việt Nam có liên quan, chính sách kế toán của Tổ Chức Phát Hành và các chuẩn mực của kế toán Việt Nam (trừ khi được tuyên bố khác đi) và trình bày trung thực về tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành vào các ngày của các báo cáo tài chính tương ứng và về kết quả hoạt động và những thay đổi về tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành cho các giai đoạn mà các báo cáo tài chính đó được lập theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

5.11 Sự Kiện Vi Phạm

Chưa xảy ra bất kỳ sự kiện nào liên quan đến Tổ Chức Phát Hành mà, nếu Trái Phiếu được phát hành, có thể tạo thành một Sự Kiện Vi Phạm (được định nghĩa trong Điều Kiện 11 (g) - Các Thông Tin Về Đợt Chào Bán Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch).

6. CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết với Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và những Người Sở Hữu Trái Phiếu như sau:

6.1 Công Bố Thông Tin

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo ngay cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu, tại bất kỳ thời điểm nào, Tổ Chức Phát Hành nhận được bất kỳ thông tin nào về bất kỳ tình huống hoặc sự kiện nào mà xảy ra tình huống hoặc sự kiện đó dẫn đến việc Bản Cáo Bạch chứa đựng thông tin không trung thực về một sự kiện quan trọng hoặc bỏ sót bất kỳ sự kiện quan trọng nào mà lẽ ra phải được trình bày trong Bản Cáo Bạch, xét trong bối cảnh các thông tin đó khi được đưa ra vào

thời điểm lập Bản Cáo Bạch thì không có sai sót hoặc, nếu vì bất kỳ lý do nào khác mà Tổ Chức Phát Hành cần phải sửa đổi hoặc bổ sung Bản Cáo Bạch.

6.2 Thông Báo Các Thay Đổi

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo ngay cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào đã hoặc có thể đã, hoặc sẽ hoặc có thể sẽ, là không trung thực hoặc không chính xác liên quan đến bất kỳ cam đoan và bảo đảm nào của Tổ Chức Phát Hành trong Hợp Đồng này ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được vấn đề đó và phải tiến hành ngay các bước có thể được yêu cầu một cách hợp lý để khắc phục sự việc đó.

6.3 Trả Nợ Và Tuân Thủ Nghĩa Vụ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của Trái Phiếu và các khoản thanh toán khác theo Trái Phiếu khi đến hạn theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này; và

(a) Tổ Chức Phát Hành cũng cam kết tuân thủ bất kỳ trách nhiệm hay nghĩa vụ nào khác của mình theo hoặc liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác (kể cả nghĩa vụ trả phí và chi phí cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu).

6.4 Giấy Phép Và Chấp Thuận

Tổ Chức Phát Hành sẽ xin, gia hạn, duy trì hiệu lực và tuân thủ mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận cần thiết và trọng yếu đối với hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành cũng như cho việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu.

6.5 Sử Dụng Tiền Thu Được

Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với mục đích đã được công bố tại phương án phát hành Trái Phiếu và Bản Cáo Bạch.

6.6 Cung Cấp Thông Tin

Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Sở Hữu Trái Phiếu để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chuyển cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu):

(a) Các báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất hàng năm và bán niên của Tổ Chức Phát Hành được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành ký ban hành báo cáo tài chính đó (trừ các báo cáo tài chính đã được Tổ Chức Phát Hành công bố công khai);

(b) Thông tin về bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào (quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu) ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó.

6.7 Đăng ký, lưu ký tập trung và đăng ký giao dịch Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện đăng ký, lưu ký Trái Phiếu tập trung tại VSD và niêm yết Trái Phiếu tại một Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam. Thời điểm đăng ký, lưu ký tập trung và đăng ký giao dịch Trái Phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Chứng Khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6.8 Các Cam Kết Khác

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan;

(b) Tổ Chức Phát Hành sẽ hợp tác và hỗ trợ Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tối đa để cho phép Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các nhiệm vụ, công việc của mình theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu.

7. PHÍ VÀ CHI PHÍ

7.1 Đối với các công việc và nhiệm vụ mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ phải trả cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu một khoản phí là 700.000.000 VND (Bằng chữ: Bảy trăm triệu đồng), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Trong trường hợp Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu bị thay thế do lỗi của mình thì Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu dương nhiệm có trách nhiệm hoàn trả số phí mà Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán tương ứng tỷ lệ thời gian không làm đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trên tổng kỳ hạn của Trái Phiếu. Cụ thể:

(a) Tổng số tiền phí mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải hoàn trả trong trường hợp Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu bị thay thế do lỗi của mình được xác định bằng (=) Tổng số tiền Tổ Chức Phát Hành đã thanh toán cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này – (trừ) 700.000.000 (đồng) x (nhân)(Số ngày tính từ Ngày Phát Hành Đợt 1 cho đến nhưng không bao gồm ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu bị thay thế/(chia) số ngày tính từ Ngày Phát Hành Đợt 1 cho đến nhưng không bao gồm ngày đáo hạn của Trái Phiếu có kỳ hạn dài nhất được phát hành thành công trong đợt phát hành cuối cùng quy định tại Điều 4.1 Hợp Đồng này.

(b) Thời hạn thanh toán: Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thanh toán cho Tổ Chức Phát Hành trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu thanh toán từ Tổ Chức Phát Hành.

(c) Hồ sơ yêu cầu thanh toán bao gồm: (1) Yêu cầu thanh toán (2) Hóa đơn tài chính hợp lệ từ Tổ Chức Phát Hành (3) Thông báo/Biên bản/Thỏa thuận/Nghị quyết chấm dứt/thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

(d) Thông tin tài khoản nhận các khoản thanh toán của Tổ Chức Phát Hành:

- Số tài khoản 224181900
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- Chủ tài khoản: Phòng Quản lý Kế toán Tài chính

7.2 Trường hợp phát sinh bất kỳ công việc hay dịch vụ nào khác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp ngoài các công việc và nhiệm vụ của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Điều 3.1 của Hợp Đồng này do sự thay đổi của pháp luật (nếu có), mức phí dịch

vụ quy định tại Điều 7.1 nêu trên sẽ được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành thỏa thuận và thống nhất bằng văn bản để điều chỉnh lại phù hợp.

7.3 Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí/chi phí theo quy định tại Điều 7.1 này cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chi tiết như sau:

(a) Đợt 1: Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số tiền đợt 1 ("**Số Tiền Thanh Toán Đợt 1**") trong vòng 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ yêu cầu thanh toán của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Số Tiền Thanh Toán Đợt 1 được xác định như sau:

Số Tiền Thanh Toán Đợt 1 = 5/9 x (nhân) 700.000.000 đồng

(b) Đợt 2: Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số tiền đợt 2 ("**Số Tiền Thanh Toán Đợt 2**") trong vòng 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ nhận được Hồ sơ yêu cầu thanh toán của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Số Tiền Thanh Toán Đợt 2 được xác định như sau:

Số Tiền Thanh Toán Đợt 2 = 700.000.000 đồng – Số Tiền Thanh Toán Đợt 1

(c) Hồ sơ yêu cầu thanh toán bao gồm: (1) Yêu cầu thanh toán; và (2) Hóa đơn tài chính hợp lệ từ Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu. Hồ sơ yêu cầu thanh toán được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi đến Tổ Chức Phát Hành: (i) sau Ngày Phát Hành Trái Phiếu Đợt 1, đối với đợt thanh toán 1; và (ii) sau Ngày Phát Hành Trái Phiếu Đợt 2 hoặc ngày mà Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp hết hiệu lực, tùy thời điểm nào đến trước, đối với đợt thanh toán 2.

(d) Thông tin tài khoản nhận các khoản thanh toán của Đại Diện Người Sở Hữu Thanh Toán:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
- Số tài khoản: 146 001 536 495
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa

8. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

8.1 Trách Nhiệm Của Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành sẽ bồi thường và bồi hoàn cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn hợp lý (và có bằng chứng về các tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn đó) mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi lừa dối hoặc vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này.

8.2 Trách Nhiệm Của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Tổ Chức Phát Hành hay bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào trừ trường hợp Đại Diện Người Sở Hữu

Trái Phiếu có hành vi lừa dối hoặc thiếu cẩn trọng một cách rõ ràng hoặc vi phạm Hợp Đồng này, khi đó Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bồi thường và bồi hoàn mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp phát sinh từ hành vi lừa dối hoặc thiếu cẩn trọng một cách rõ ràng hoặc vi phạm Hợp Đồng này. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành và mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu công nhận và đồng ý rằng:

(a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ thuộc bất kỳ loại nào ngoài các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu, Hợp Đồng này và các văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà VNDS ký kết với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;

(b) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với, hoặc theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật, quyết định, phán quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay quy chế của VSD hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Trái Phiếu được đăng ký giao dịch. Trong trường hợp này, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải thông báo chậm nhất trước 03 (ba) Ngày Làm Việc và cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành bằng chứng về việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có cơ sở để ngừng/không thực hiện công việc đó;

(c) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ phải thông báo về việc xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm khi biết rõ ràng về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm đó;

(d) Khi có chỉ thị của những Người Sở Hữu Trái Phiếu (dù được đưa ra trên cơ sở một quyết định/nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu hay theo cách khác), Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ hành động theo chỉ thị đó nếu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được cam kết/bảo đảm (đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc bồi hoàn bất kỳ tổn thất, trách nhiệm hay nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc chi trả khi hành động theo chỉ thị đó; và

(e) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng chỉ thị của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

9.1 Quy Định Chung

(a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm (sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**") có thể bị thay thế bởi một tổ chức khác (sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**") theo các quy định tại Điều 9 này và Các Điều Kiện Trái Phiếu;

(b) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thay đổi khi được số người sở hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu đang lưu hành trở lên chấp thuận.

(c) Việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ có hiệu lực từ ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và Tổ Chức Phát Hành ký kết Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu mới và được phê chuẩn bởi Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu, trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận khác.

(d) Việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) nếu phù hợp với Điều 9 này sẽ (i) phải được chấp thuận bởi Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) sẽ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành, những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu (nếu có) và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu;

(e) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết để làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và pháp luật Việt Nam có liên quan và không phải là người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành, bất kỳ người quản lý hoặc cổ đông sở hữu trên 5% (năm phần trăm) vốn có quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành;

(f) Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại, những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu hoặc VSD (tùy trường hợp áp dụng) và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc từ ngày hoàn thành việc chỉ định đó;

(g) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bàn giao các hồ sơ, tài liệu, hoặc vật dụng mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có được khi thực hiện Dịch Vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế ngay khi có thể thực hiện được trên thực tế (nhưng sau khi đã nhận đủ tất cả các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này).

9.2 Thay Thế Bắt Buộc

(a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể bị thay thế theo quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu:

(i) Có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không đủ điều kiện được thực hiện vai trò đại diện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc

(ii) Theo quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu đang lưu hành trở lên, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chính của mình hoặc vi phạm nghiêm trọng

nhiệm vụ của mình như quy định trong Hợp Đồng này và/hoặc Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(b) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày có quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu đang lưu hành trở lên về việc thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, Người Sở Hữu Trái Phiếu bằng Nghị Quyết Của Người Sở Hữu Trái Phiếu phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế. Nếu việc thay thế thuộc trường hợp quy định tại đoạn (ii) trên đây của Điều 9.2(a) thì Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng Nghị Quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu, phải chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước thời điểm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bắt buộc phải thôi thực hiện vai trò đại diện của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo kết luận hoặc quyết định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9.3 Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động

(a) Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu ngay sau khi có bất kỳ quyết định nào đã có hiệu lực về việc chấm dứt hoạt động của mình.

(b) Ngay sau khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bị chấm dứt hoạt động vì bất kỳ lý do nào, Tổ Chức Phát Hành phải chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc chỉ định trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày hoàn thành việc chỉ định.

(c) Tổ Chức Phát Hành công nhận và cam kết rằng kể cả khi chưa có tổ chức nào được chỉ định làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã chấm dứt hoạt động thì Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm là một bên sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Tổ Chức Phát Hành như là sự kiện thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Điều 9.2 này chưa xảy ra.

10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

10.1 Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:

(a) Không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành; hoặc

(b) Khi các Trái Phiếu được mua lại toàn bộ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ; hoặc

(c) Các trường hợp khác theo quy định tại Hợp Đồng này và theo quy định của pháp luật.

10.2 Việc chấm dứt Hợp Đồng này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà mỗi bên có trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại các Điều 11.2, 11.3, 11.4, 11.6 và 11.7 vẫn có giá trị ràng buộc các bên sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

11.1 Chuyển Giao

Trừ trường hợp thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, không bên nào được chuyển giao, chuyển nhượng bất kỳ quyền hay nghĩa vụ nào của mình quy định trong Hợp Đồng này nếu không có chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia, ngoại trừ việc chuyển giao vì lý do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

11.2 Chậm Thực Hiện Quyền

Việc một bên không thực hiện hay chậm trễ thực hiện bất kỳ quyền hoặc chế tài nào theo Hợp Đồng này sẽ không được hiểu là từ bỏ quyền hoặc biện pháp khắc phục đó, hay việc thực hiện riêng hoặc một phần quyền hoặc biện pháp khắc phục nào đó không ngăn cản việc thực hiện tiếp các quyền, các biện pháp khắc phục khác hay các phần khác của quyền hoặc biện pháp khắc phục đó. Các quyền và biện pháp khắc phục quy định trong Hợp Đồng này có thể được thực hiện cùng một lúc và không ngoại trừ bất kỳ quyền và biện pháp khắc phục nào theo quy định của pháp luật có liên quan.

11.3 Tính Chất Riêng Rẽ

Mỗi quy định trong Hợp Đồng này và mỗi phần của nó là riêng rẽ và phân biệt so với các quy định khác. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này là không có giá trị, không hợp pháp hoặc không có giá trị thi hành theo luật thì giá trị, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các quy định còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào.

11.4 Thông Báo

Bất kỳ thông báo nào theo bất kỳ hình thức nào được đưa ra theo Hợp Đồng này sẽ được coi là gửi hợp lệ bằng cách giao trực tiếp tận tay, gửi qua fax hoặc thư điện tử (nhưng bản gốc thông báo phải được gửi trong thời hạn hai (02) Ngày Làm Việc sau ngày gửi fax hoặc thư điện tử) hoặc gửi chuyển phát qua tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ và số fax, thư điện tử của của bên kia theo quy định sau:

Nếu gửi tới Tổ Chức Phát Hành:

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Người nhận: Trưởng Phòng Thị trường vốn – Khối Kinh doanh vốn và Thị trường

Điện thoại: 024 3942 0402 Fax: 024 3941 6431

Email: hdv-ttv@vietinbank.vn; nganhangluuky@vietinbank.vn

Nếu gửi tới Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Người nhận: Ông Vương Hoàng Sơn Chức vụ: Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư

Điện thoại: 024.39724568

Fax: 024.39724600

Email: Khoi.Nganhangdautu@vndirect.com.vn

Bất kỳ thông báo nào như vậy sẽ được coi là gửi hợp lệ (i) nếu được chuyển giao trực tiếp tận tay, khi giao, với điều kiện là thông báo được gửi trong khoảng thời gian từ 8h00' đến 17h00' vào Ngày Làm Việc, (ii) nếu được gửi qua fax, khi bên gửi nhận được báo cáo chuyển fax xác nhận fax đã được chuyển thành công được ghi nhận trên máy fax của bên gửi, hoặc (iii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát của đơn vị cung cấp dịch vụ chuyển phát, vào Ngày nhận ghi trên bưu phẩm do đơn vị cung cấp dịch vụ gửi cho bên nhận.

11.5 Sửa Đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của các bên. Các bên có thể sửa đổi Hợp Đồng này mà không cần chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu (i) việc sửa đổi không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào hoặc việc sửa đổi hoàn toàn mang tính hình thức để sửa chữa các sai sót hiển nhiên hoặc mang tính kỹ thuật, (ii) việc sửa đổi đó đã được dự kiến trong Hợp Đồng này mà không yêu cầu cần phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận hoặc (iii) việc sửa đổi áp dụng đối với mức phí quy định tại Điều 7.1.

Bất kỳ sửa đổi nào khác đối với Hợp Đồng này ngoài các trường hợp nêu trên phải được sự chấp thuận của một hoặc nhiều Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ hoặc đại diện trên 50% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành trở lên, ngoại trừ trường hợp, trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này mà Tổ Chức Phát Hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu có thỏa thuận sửa đổi Các Điều Kiện Trái Phiếu bằng văn bản ("Thỏa Thuận Sửa Đổi") thì Thỏa Thuận Sửa Đổi đó và các Điều Khoản và Điều Kiện được sửa đổi của Trái Phiếu sẽ mặc nhiên có hiệu lực và Thỏa Thuận Sửa Đổi sẽ được coi là một Văn bản sửa đổi, bổ sung không tách rời của Hợp Đồng này mà hai bên không cần ký kết lại Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, Các Điều Kiện Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp Đồng này nếu trái với nội dung được điều chỉnh trong Thỏa Thuận Sửa Đổi thì sẽ áp dụng theo quy định tại Thỏa Thuận Sửa Đổi.

Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm gửi thông báo về nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc ký kết các văn bản sửa đổi, bổ sung.

11.6 Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

11.7 Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Hợp Đồng này, sẽ được các Bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp các Bên không thể giải quyết được thông qua thương lượng trong vòng 30 ngày kể từ khi xảy ra tranh chấp, tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

11.8 Số Bản

Hợp Đồng này được lập thành 10 bản gốc, có giá trị pháp lý ngang nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 08 bản gốc và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu giữ 02 bản gốc.

ĐỂ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các bên (thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình) đã ký kết Hợp Đồng này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Hợp Đồng ngày.

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

Chữ ký:

Họ tên: Lê Duy Hải

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối KDV&TT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Chữ ký: _____

Họ và tên: Vũ Thị Thanh Vân

Chức vụ: Giám đốc Vận hành Thị trường vốn và Kế toán Nội bộ

PHỤ LỤC I

THÔNG TIN TRÁI PHIẾU

1. Tổng mệnh giá Trái Phiếu dự kiến phát hành: Tối đa 9.000.000.000.000 VND (bằng chữ: Chín nghìn tỷ đồng);
2. Đồng tiền phát hành và thanh toán: Đồng Việt Nam (VND);
3. Hình thức phát hành: Trái phiếu ghi sổ;
4. Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu;
5. Loại trái phiếu: Các Trái Phiếu là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của VietinBank theo quy định pháp luật hiện hành.
6. Kỳ hạn, Lãi suất, khối lượng trái phiếu phát hành:

Thông tin	**Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 1**		**Trái phiếu chào bán ra công chúng đợt 2**	
Mã Trái phiếu	CTG2230T2/01	CTG2232T2/01	CTG2230T2/02	CTG2232T2/02
Kỳ hạn	08 (tám) năm	10 (mười) năm	08 (tám) năm	10 (mười) năm
Lãi suất danh nghĩa	Lãi Suất Tham Chiếu +1,2 %/năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 1,3% /năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 1,2 %/năm	Lãi Suất Tham Chiếu + 1,3%/năm
Khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành	20.000.000 trái phiếu	30.000.000 trái phiếu	15.000.000 trái phiếu	25.000.000 trái phiếu
Tổng khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá	2.000 tỷ đồng	3.000 tỷ đồng	1.500 tỷ đồng	2.500 tỷ đồng

7. Phương thức phát hành: Phát hành ra công chúng

Thông tin chi tiết về Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu tại Bản Cáo Bạch.

PHỤ LỤC II

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC

TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

I. Triệu Tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu Trong Trường Hợp Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký, Lưu Ký Tập Trung Tại VSD

1. Trình tự triệu tập Hội nghị

1.1 Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu (sau đây gọi là "**Hội Nghị**") sẽ do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện thủ tục triệu tập trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

1.2 Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị (theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu) phải gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (trường hợp người triệu tập không phải là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("**Yêu Cầu Triệu Tập**"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.

1.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ và Ngày Chốt Danh Sách để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu về Yêu Cầu Triệu Tập và Thời Điểm Khóa Sổ đó, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, đề nghị Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (những) Người Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan, trừ khi pháp luật và quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán của VSD có quy định khác.

1.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập và Tổ Chức Phát Hành (trường hợp người triệu tập không phải là Tổ Chức Phát Hành) để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp của Hội Nghị, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.

1.5 Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu sẽ gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.

1.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (trên cơ sở các khoản chi phí là hợp lý và đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 1.5 trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (*với điều kiện là* ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan, trừ khi pháp luật có quy định khác) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị ("**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**") cho tất cả các Đại Biểu (như được định nghĩa tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II này). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị có thể được gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu dưới dạng văn bản giấy về địa chỉ của Người Sở Hữu Trái Phiếu, thư điện tử, fax, thông báo trực tuyến (online) qua hệ thống giao dịch của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ một hình thức thông báo nào khác được pháp luật cho phép.

Để làm rõ, nếu Hội Nghị có nội dung xác định việc xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu và/hoặc Đại Lý Thanh Toán và/hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu thì bên vi phạm sẽ chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị, cho dù trước đó người yêu cầu triệu tập đã bảo đảm chi trả chi phí nêu trên.

2. Chương Trình Và Nội Dung

2.1 Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

2.2 Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Mục 3 của Phụ Lục II này sở hữu ít nhất 20% tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị. Kiến nghị phải ghi rõ vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

2.3 Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung nêu tại Đoạn 2.2 trên đây vào chương trình họp của Hội Nghị. Tuy nhiên, kiến nghị bổ sung sẽ chỉ được thảo luận trong chương trình họp của Hội Nghị nếu được Hội Nghị chấp thuận.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

3.1 Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.

3.2 Chỉ có những Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Đoạn 3.1 trên đây và đại diện hợp pháp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu (nếu có tại thời điểm tổ chức họp), Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ("**Đại Biểu**") được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị, tuy nhiên, chỉ có Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thể Thức Tiến Hành Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

4.1 Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu, *với điều kiện là* nếu tham dự thông qua người đại diện, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền (bản chính hoặc bản sao y (nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức) hoặc bản sao được công chứng/chứng thực (nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân)) đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất ba (3) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.

4.2 Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Người Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).

4.3 Thời điểm xác định điều kiện cần thiết để tiến hành Hội Nghị theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.

4.4 Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.

4.5 Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá ba (3) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.

4.6 Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay

trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Người Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.

4.7 Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Người Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Đoạn 4.1 của Phụ Lục II này nhưng không muộn hơn thời gian quy định tại Đoạn 4.3 và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

4.8 Cho dù có các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định tại Đoạn 2.2 của Phụ Lục II này (kể cả việc bầu ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

5. Biên Bản Hội Nghị

5.1 Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào Biên bản, lập bằng Tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài (nếu cần) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh);

(b) Thông tin về Trái Phiếu;

(c) Thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;

(d) Chương trình và nội dung Hội Nghị;

(e) Chủ tọa và thư ký;

(f) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

(g) Số Người Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, phụ lục danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;

(h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị; và

(i) Các quyết định đã được thông qua.

5.2 Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi hoặc nhân danh tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị. Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung nêu tại Đoạn 5.1 của Phụ Lục II này mà bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại diện của bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị theo quy định tại Đoạn 4.2 (ii) của Phụ Lục II này sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Đoạn 4.8 của Phụ Lục II này) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3 Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

II. Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Trong Trường Hợp Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký Tại VSD

1. Việc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

2. Khi có nhu cầu lấy ý kiến bằng văn bản của những Người Sở Hữu Trái Phiếu, người có thẩm quyền yêu cầu lấy ý kiến bằng văn bản phải gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu bằng văn bản về việc lấy ý kiến ("**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được người yêu cầu ký và đóng dấu hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến và ngày dự kiến kết thúc thời hạn nhận ý kiến và (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp).

3. Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích lấy ý kiến bằng văn bản, và (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu về Yêu Cầu Lấy Ý Kiến và Thời Điểm Khóa Sổ đó. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến có liên quan.

4. Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với Tổ Chức Phát Hành để thống nhất nội dung phiếu lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của Tổ Chức Phát Hành.

5. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu sẽ gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.

6. Sau khi đã có bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành về việc chi trả chi phí tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 03 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.5 trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định thời hạn mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ những Người Sở Hữu Trái Phiếu (với điều kiện là ngày kết thúc thời hạn đó trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo lấy ý kiến ("**Thông Báo Lấy Ý Kiến**") cho tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo theo quy định tại Đoạn 6.7 dưới đây. Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời hạn mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ những Người Sở Hữu Trái Phiếu. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có phiếu lấy ý kiến và dự thảo nội dung quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến.

7. Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cũng sẽ có quyền được lấy ý kiến theo Thông Báo Lấy Ý Kiến đó.

8. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi Thông Báo Lấy Ý Kiến cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu, tuy nhiên, chỉ có những Người Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải được Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ vào một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành hoặc có ý kiến khác (theo chọn lựa của Người Sở Hữu Trái Phiếu) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến.

10. Phiếu lấy ý kiến gửi về Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến bị xem là không hợp lệ và không được tính khi kiểm phiếu nếu:

    (i) được gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến được quy định trong Thông Báo Lấy Ý Kiến; hoặc

    (ii) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến trong phiếu lấy ý kiến đó, Người Sở Hữu Trái Phiếu chọn nhiều hơn một trong ba nội dung sau: tán thành, không tán thành hoặc có ý kiến khác.

11. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổ Chức Phát Hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

    (i) mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(ii) số Người Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;

(iii) tổng số phiếu hợp lệ tán thành, không tán thành và có ý kiến khác đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;

(iv) tổng số phiếu không gửi về cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến; và

(v) các quyết định đã được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu phải được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

12. Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu trong lần lấy ý kiến có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

III. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản Trong Trường Hợp Trái Phiếu Đã Được Đăng Ký, Lưu Ký Tập Trung Tại VSD

1. Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tập trung tại VSD thì Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của pháp luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của pháp luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng)).

2. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với VSD để nhận danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng). Để làm rõ, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hỗ trợ Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong việc yêu cầu VSD thực hiện cung cấp danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu nói trên (nếu cần).

IV. Các Quy Định Chung

1. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản/nghị quyết Hội Nghị (đã được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu(nếu có) và các bên liên quan khác theo quy định của pháp luật trong thời hạn 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị

hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng) theo phương thức phù hợp quy định tại Điều 3.1 (o). Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của những Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và lấy ý kiến bằng văn bản của Người Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của những Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu trên cơ sở có thu phí.

2. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện số đại biểu tham dự) trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày tổ chức Hội Nghị lần thứ nhất bằng một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập). Nếu không tổ chức được Hội Nghị trong lần triệu tập thứ hai cũng do thiếu đại biểu dự họp thì quy trình triệu tập Hội Nghị phải được lặp lại từ đầu.

3. Điều kiện để nghị quyết của Hội Nghị được thông qua sẽ tuân theo các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

Mọi chi phí, phí tổn thực tế phát sinh liên quan đến việc triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do bên triệu tập chi trả trừ trường hợp Hội Nghị có nội dung xác định về việc xảy ra một sự kiện vi phạm của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Đại Lý Đăng Ký Trái Phiếu và/hoặc Đại Lý Thanh Toán và/hoặc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu. Khi đó, bên vi phạm sẽ thực hiện chi trả mọi chi phí, phí tổn thực tế phát sinh liên quan đến việc triệu tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu.